



**1\*-Chân Dung Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung**

(Tái bản có sửa chữa)

Soạn giả: HT. Trần Văn Rạng.

**2\*- Phương Châm Hành Đạo.**

( Soạn giả: Thượng Đầu Sư Lê Văn Trung)

**Ban Thế Đạo Hải Ngoại**

Xuất bản lần thứ nhất

Năm 2012 tại Hoa Kỳ

## **1\*-Chân Dung Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung.**

(Soạn giả: HT. Trần Văn Rạng)

## **2\*- Phương Châm Hành Đạo.**

(Soạn giả: Thượng Đầu Sư Lê Văn Trung)

1\*- Chân Dung Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, soạn giả HT. Trần Văn Rạng, Kiểm duyệt Kinh Sách Đạo số 25-KD/TT ngày 23-11-1974.

2\*- Phương Châm Hành Đạo, soạn giả Thượng Đầu Sư Lê Văn Trung, Hội Thánh giữ bản quyền. Giấy phép xuất bản Số 2909 BTT/BC3/XB ngày 12-10-1964, Tái bản năm Canh Tuất - 1970.

Hai quyển sách nêu trên được Ban Thế Đạo Hải Ngoại in trong cùng một quyển sách, xuất bản lần thứ nhất tại Hoa Kỳ năm 2012.

## **Sách được BIỂU KHÔNG - KHÔNG BÁN**

Chủ Trương in: Ban Thế Đạo Hải Ngoại.

Trình bày: Nguyễn Ngọc Dũ.

Sửa bản in: Nguyễn Đăng Khích, Nguyễn Ngọc Dũ.

Hình Bìa: Bình Từ.

Phát hành: Nguyễn Đăng Điền, Nguyễn Ngọc Dao.

Mọi việc liên hệ đến sách, xin quý đồng đạo, thân hữu, cơ sở Đạo vui lòng liên lạc:

**Ban Thế Đạo Hải Ngoại**

**(HT. Nguyễn Đăng Khích)**

**Điện thoại: 408-926-9186.**

**Email: tn\_ndk@yahoo.com**

# **MỤC LỤC**

## **Chân Dung Qu. Giáo Tông Lê Văn Trung**

### **Chương I: Một người khảng khái**

01-Thời Thanh Thiếu Niên năng động. ....	11
02-Nghị Viện Hội Đồng Quản Hạt. ....	11
03-Lập Nữ Học Đường. ....	13
04-Hội Minh Tân. ....	14

### **Chương II: Ngộ Đạo & Đắc Phong**

<b>Thượng Đầu Sư</b> . . . . .	15
01-Ông Trung ngộ Đạo . . . . .	15
02-Thọ Thiên Ân Đầu Sư Thượng Trung Nhựt	19
03-Khai Tịch Đạo với Chánh quyền Pháp . . .	22

### **Chương III: Bố Cáo cùng**

<b>chư Đạo Hữu</b> . . . . .	41
01-Tình đồng đạo . . . . .	41
02-Đức Chí Thành. . . . .	44
03-Mở mang dân trí. . . . .	47
04- Tờ Bố Cáo gửi chư đạo hữu . . . . .	60

### **Chương IV: Anh Cả toàn Đạo**

01-Cãi án Cao Đài . . . . .	53
02-Thống nhất Nghi tiết & Kinh lễ . . . . .	54
03-Ngài Thượng Đầu Sư được ban phẩm Quyền Giáo Tông. . . . .	58
04-Thành lập Cử viện. . . . .	60
05-Bộ Nội Luật Tòa Thánh . . . . .	61
06-Đạo Cao Đài ra ngoại quốc. . . . .	62
07-Quyền Chí Tôn nơi Hộ Pháp &	

Giáo Tông.....	66
08-Ba Hội lập quyền Vạn Linh.....	67
09-An dưỡng & Tĩnh luyện.....	68

**Chương V: Những trở ngại trên đường Đạo** ..... 71

01-Cuộc khảo duyệt lần thứ nhất.....	71
02-Cuộc khảo duyệt lần thứ hai.....	73
03-Những khó khăn đối với Pháp.....	74
04-Kết quả việc phổ độ dưới thời Quyền. Giáo Tông.....	79

**Chương VI- Đức Qu. Giáo Tông đấng Tiên** ..... 82

01- Từ một tiền đề.....	82
02- Châu Tri báo tang của Hội Thánh.....	83
03- Tường thuật Lễ Tang của các báo.....	83
04- Kết luận về một đời người.....	84

**Phần Phụ Chú**

01-Phụ chú 1:Nội dung Tờ Khai Đạo.....	87
02-Phụ chú 2:Thư gửi Nghiệp đoàn báo chí ..	89
03-Phụ chú 3:Thư gửi các vị Hoàng đế.....	90
04-Phụ chú 4:Thư của Đức Thánh Cha nước Đức.....	93
05-Phụ chú 5:Thư gửi Tổng Thống Cộng Hòa Pháp.....	95
06-Phụ chú 6:Tòa Tam giáo lần thứ nhì.....	98
07-Phụ chú 7: Châu Tri số 1.....	103
08-Phụ chú 8: Chương trình hành Đạo.....	109
09-Phụ chú 9: Bài diễn văn của Đức Quyền Giáo Tông.....	117

**Phương Châm Hành Đạo**

**I- Cầu Đạo**

01- Làm lành lánh dữ.....	132
02-Trau giới đức hạnh.....	133
03-Khiêm nhượng.....	134
04-Nhẫn nại.....	134
05-Thuận hòa.....	135
06-Kiên tâm.....	136
07-Thanh liêm.....	137

**II- Người trong Đạo phải đối đãi nhau thế nào.....**138

01- Tín đồ.....	139
02- Chức sắc.....	139

**III- Đối với người ngoại quốc**

01- Đối với quan viên chức sắc.....	139
02- Đối với người khác Đạo.....	140
03- Đối với người nghịch Đạo.....	141

**IV-Phổ thông Thiên Đạo.**

01- Thuyết Đạo.....	141
02- Khai Đàn.....	142

**V- Phải năng Hâu Đàn.....** 142

**VI- Điều Lệ Hâu Đàn.....**143

**VII- Phải xem Kinh Sách- Luật lệ.....** 145

**VIII- Phải xem Kinh sách thế nào.....** 146



**Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung**

# **CHÂN DUNG QUYỀN GIÁO TÔNG LÊ VĂN TRUNG**

**Soạn giả: HT. TRẦN VĂN RẠNG  
(KD Kinh Sách Đạo số 25-KD/TT ngày 23-11-1974.)**

## **Lời Giới Thiệu**

của Tiến Sĩ Sử Học Châu Long  
Giáo sư trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn  
Giáo sư Viện Đại Học Cao Đài Tây Ninh.

Ông Trần Văn Rạng, sinh viên Cao Học ưu tú, vừa được Ban Sử Học thuộc Trường Đại học Văn Khoa Sài Gòn cho trình Cao Học Sử, có nhờ tôi đọc quyển CHÂN DUNG QUYỀN GIÁO TÔNG LÊ VĂN TRUNG.

Về phương pháp sử học, ông đã cố gắng nghiên cứu khảo sát tài liệu gốc tận nơi, ghi chú cẩn thận đáng tin cậy.

Về Đạo sự, tôi phải nhờ người bạn thân, Bác sĩ Lê Văn Hoạch, Bảo Sanh Quân Hiệp Thiên Đài đọc hộ. Bác sĩ là chức sắc cao cấp đã nhiều năm hành đạo với Đức Quyền Giáo Tông, cho biết tác giả đã nêu được những nét cơ bản về đời hành đạo của Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung. Gương hành đạo của Đức Ngài đáng được toàn đạo noi dấu.

Nhân danh Giáo sư Sử Học của Viện Đại học Cao Đài, tôi hân hạnh giới thiệu quyển CHÂN DUNG QUYỀN GIÁO TÔNG LÊ VĂN TRUNG với độc giả bốn phương.

Sài Gòn II- LXXV

**Giáo Sư Tiến Sĩ CHÂU LONG**

## Lời Tựa

Đức Chí Tôn đã mặc khải cho Đức Minh Chiêu (Chiêu Minh Linh giác) hai chữ CAO ĐÀI, rồi dùng huyền diệu hiện Thiên Nhân và Nhựt, Nguyệt, Tinh các biểu tượng của nền Tân Tôn giáo, thì Đức Chí Tôn cũng dùng quyền năng vô đối ban cho nhóm Cao Phạm (Công Tắc) lục tự Cao Đài : ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ.

Đạo đã có hình tướng, việc hoằng dương chơn pháp là nhiệm vụ của Nhựt, Nguyệt, Tinh tức Thượng Trung Nhựt, Ngọc Lịch Nguyệt và Thái Minh Tinh. Thượng Trung Nhựt, là ánh sáng chính ngọ, giữa trưa tỏa rộng khắp nhân loại, hạt ngọc của Thượng Đế. Thế nên, vai trò của Ngài Thượng Trung Nhựt thật to lớn. Cơ Đạo buổi đầu nếu Đức Chí Tôn không giao trọng trách cho Ngài thì không thể nào việc phổ độ tín đồ lên trên hơn triệu chỉ trong thời gian ngắn (1926-1934).

Đức Minh Chiêu lui về vô vi (1926), Ngài Ngọc Lịch Nguyệt đi lập 72 Tịnh Thất bên Tiên Thiên (1927). Đó là cơ trời, đó là việc an bày của Tạo Hoá để lại cơ phổ độ cho Ngài Thượng Trung Nhựt và nhóm Cao Phạm.

Ngay từ ngày 5-12-Ất Sửu (28-1-1926), Đức Chí Tôn đã ban cho Ngài Thượng Trung Nhựt bài thi :

Một trời một đất một nhà riêng,  
Dạy dỗ nhân sanh đặng dạ hiền,  
Cầm mối Thiên cơ lo cứu chúng

Đạo người vẹn vẽ mới thành Tiên.

Như thế, Đức Chí Tôn đã ban cho Ngài ngôi nhà Đạo riêng nắm cả Thiên cơ mà dạy dỗ nhân sanh theo đời Thánh Đức rồi mới đạt phẩm vị Tiên.

Theo Thiên chỉ đó, Đức Lý Thái Bạch phong cho Ngài là Quyền Giáo Tông, thay phần xác cho Đức Lý tại thế. Do đó, suốt đời hành đạo, Ngài chỉ mặc tiểu phục Giáo Tông mà thôi. Dù chư Đầu Sư yêu cầu Ngài xin Ở Trên ban phẩm Giáo Tông thực thụ, Ngài luôn khiêm tốn từ chối.

Tư cách của Đức Quyền Giáo Tông, đời hành đạo tận tụy của Đức Quyền Giáo Tông, thật đáng được đồng đạo noi gương.

Tam Tê Anh, ngày 26-5-1974

**TRẦN VĂN RẠNG**

Vân Đẳng đề liên trường Lê Văn Trung:

Nghĩa thực LÊ VĂN TRUNG giáo dân khai tâm mãn tuệ

Thượng Trung Nhật GIÁO TÔNG hưng đạo độ thế hằng sanh.

- 1961 -

## CHƯƠNG I

### MỘT NGƯỜI KHÁNG KHÁI (1875 -- 1925)

- 1- Thời thanh thiếu niên năng động
- 2- Nghị Viên Hội Đồng Quản Hạt
- 3- Lập Nữ Học Đường
- 4- Hội Minh Tân - Phong Trào Đông Du
- 5- Công cuộc phá Khám Lớn Sài Gòn.

#### 1.- Thời thanh thiếu niên năng động

Ông Lê Văn Trung sanh ngày 12 tháng 9 năm Ất Hợi ( theo ông Diệp Văn Kỳ thì ông Trung tuổi Tý), nhằm ngày chủ nhật 10 tháng 10 năm 1875 trong một gia đình tiểu nông, ở làng Phước Lâm, tổng Phước Điền Trung, tỉnh Chợ Lớn. Thân phụ của ông là Lê Văn Thanh, mất khi ông mới được vài tháng. Thân mẫu là Văn Thị Xuân, một người đàn bà nhân hậu.

Thuở thiếu thời, ông nổi tiếng là một học sinh thông minh đỉnh ngộ, học rất giỏi tiếng Pháp. Sau khi tốt nghiệp trường Trung học Chasseloup Laubat, ông làm thư ký ở Dinh Thống Đốc Nam Kỳ kể từ ngày 14-7-1983. Kế đến, ông coi việc công tác và đấu thầu (la section des Travaux et Marchés) mà vẫn thiếu trước hụt sau.

Từ tháng 5-1905, ông xin nghỉ bốn tháng không ăn lương, cùng với bào huynh Lê Văn Diêu thầu cung cấp đá và gạo cho ngành đường sắt ở Nam Kỳ Lục Tỉnh. Công việc làm ăn phát đạt, nên ông quyết định xin nghỉ làm công chức, dù ông đã là thư ký thực thụ hạng ba (3-1906) để ra kinh doanh độc lập. Nhiều người cho ông là kẻ thả mỗi bắt bóng, ông im lặng và hành động theo ý muốn của mình, mặc tiếng thị phi. Tính cương quyết đã hiện rõ nơi ông.

#### 2.- Nghị Viên Hội Đồng Quản Hạt

Nhờ năng động và uy tín, ông đã thành công trên thương trường.

Ông muốn bước xa hơn vào đường giúp dân. Ông nói: “ Cái ma lực buộc người có cao vọng về chánh trị nó mạnh lạ thường. Tranh cử lúc đó còn phải tốn tiền hơn bây giờ gấp trăm, gấp ngàn lần. Vậy mà tiền không, thế lực nỏ có, thì tranh cử cái gì, mà tôi cũng xin thôi việc quan đặng ra tranh cử ?”.

Vào khoảng giữa năm 1906, ông ra tranh cử Hội Đồng Quản Hạt Quận Nhì ( gồm Gia Định - Chợ Lớn - Tây Ninh - Thủ Dầu Một - Bà Rịa - Cấp Saint Jacques), đắc cử về vang.

Hội Đồng Quản Hạt thành lập từ năm 1880, dưới thời Thống đốc Le Myre de Vilers có nhiệm vụ thảo luận ngân sách địa phương. Lúc đầu, hội viên gồm có mười người Pháp, sáu người Việt. Sau tăng lên mười bốn Pháp, mười Việt. Hội viên người Việt do đại diện các hương chức Nam Kỳ bầu lên. <sup>1</sup>

Sau khi đắc cử, Hội Đồng Quản Hạt nhóm phiên họp đầu tiên, Quyền Thống Đốc Nam Kỳ Ernest Outrey đưa ra Hội Đồng dự thảo về thuế “lục hạng điền”, yêu cầu thảo luận và thừa nhận. Ông Trung và Diệp Văn Cương ( Hội Đồng Bến Tre ) cùng bốn người Việt, tất cả là sáu người phản kháng dự thảo luật này. Các ông đã thất bại vì số nghị viên người Việt lúc đó chỉ bằng phân nửa số nghị viên Pháp. Dù vậy, các ông dùng lợi khí của mình là sáu người đồng loạt từ chức. Dưới chế độ cai trị hà khắc của chính quyền Pháp mà các ông dám phản kháng tới cùng như thế là một hành động yêu dân yêu nước đáng để đời.

Kỳ bầu cử sau, tất cả sáu ông lại ra ứng cử thì đắc cử năm người. Trừ ông Hội Đồng Hoài bị Bùi Quang Chiêu xu phụ với E.Outrey xúi người thân là Bùi Thế Khâm phá nên thất cử.

“Trong bước đầu tiên ấy, ông Lê Văn Trung là người hưởng đạo rất khảng khái Thế lực chánh trị của ông từ đó về sau, mỗi ngày một càng lớn thêm. Đối với cử tri là các hương chức, thì ông là người đã bảo thủ quyền lợi của nông dân, điền chủ; đối với chánh phủ (Pháp) thì ông là một trong những người mà nhà đương cuộc khó khinh thường” (Theo thư của Trạng sư Diệp

*1-Nguyễn Thế Anh :Việt Nam dưới thời Pháp đô hộ, Sài gòn 1970, trang 134, 145.*

Văn Kỳ ngày 28-11-1934).

Sau Hội Đồng Quản Trị Hạt (Conseil Colonial), năm 1911 ông vào Thượng Nghị Viện Đông Dương (Membre du Conseil Supérieur de l' Indochine). Tháng giêng năm 1912 được thưởng đệ ngũ đẳng Bắc Đẩu Bội Tinh (Chevalier de la Légion d' Honneur) rồi sau vào Hội Đồng Tư Vấn ( Conseil Privé) do Toàn quyền Cognacq chỉ định.

### **3.- Lập Nữ Học Đường**

Năm 1911, ông Lê Văn Trung cùng một số nhà trí thức Sài gòn - Chợ Lớn đưa ra kế hoạch thành lập Nữ Học Đường.

“ Giữa thời buổi mà bậc cha mẹ trong nước đều nhận rằng : cho con gái có học thức là một mối hại lớn cho gia đình, cho xã hội. Giữa buổi như thế mà đứng ra đề xướng nữ học, xin lập Trường Nữ học để dạy bên gái bằng bên trai, có phải là việc làm quá bạo chảng ?

“ Lúc bấy giờ, chánh phủ (Pháp) cũng cho việc ấy chưa hợp thời, lại trái phong tục cũ kỹ của người Việt. Tuy không ngăn cấm mà cũng chẳng chịu xuất công nho, để những người xướng xuất mở cuộc lạc quyền cất lên mấy toà nhà đồ sộ mà người ta còn thấy ở đường Le Grand de la Liraye tức Trường Áo Tím (Collège de jeunes filles), sau đổi tên Trường Nữ Gia Long ở đường Phan Thanh Giản. Toà nhà ấy đã đào tạo ra biết bao nhiêu nhân tài trong nữ giới” (Diệp Văn Kỳ, bản đã dẫn).

### **4.- Hội Minh Tân - Phong Trào Đông Du**

#### **4.1- Hội Minh Tân.**

Nhờ hoạt động doanh thương phát triển, năm 1908, ông Lê Văn Trung còn yểm trợ tài chánh cho phong trào yêu nước có tên Hội Minh Tân do hai ông Lương Khắc Ninh và Gilbert Trần Chánh Chiêu lãnh đạo.

Theo tinh thần Minh Tân, bà Nguyễn Thị Cửa lập một trường nữ, được ông Gilbert Chiêu đề hiệu là:

Nữ nhi học đường, khuê anh hiệu,



Khuê môn háo học, anh tuấn nhật tân.

Trường dạy đồ học, kim chỉ, cườm.

Ông Lê Văn Trung được tờ Lục Tỉnh Tân Văn số 27 giới thiệu “ là người Minh Tân”<sup>2</sup>, về sau này ông là vị Quyền Giáo Tông của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, một tôn giáo mới tổng hợp Đông Tây thu hút đồng bào Minh Tân, khiến thực dân lo ngại.<sup>3</sup>

Tóm lại, từ lúc chào đời, ông Lê Văn Trung sớm mồ côi cha. Sống côi cút nghèo nàn không nơi nương tựa, ông vào làm thợ ký bị chèn ép, cũng là người mà thợ ký người Pháp được hậu đãi, lương cao hơn thợ ký người Việt. Nỗi bất công đó khiến ông bỏ sở làm ra làm nghề tự do. Thấy dân chúng bị thuế khoá nặng nề ông ra ứng cử để sửa đổi nhưng sức người có hạn, thế lực ngoại bang còn lớn. Ông không chịu làm Hội Đồng “oui” nên từ chức Hội Đồng và sau này trả luôn Bắc Đẩu Bội Tinh mà đứng về phía nhân dân, lo nâng cao dân trí mở Nữ Học Đường<sup>4</sup>, đề cao Minh Tân để đổi mới đất nước. Kịp khi đạo Cao Đài với chủ trương chấn hưng (rénové) tôn giáo, ông liền theo đạo và phát triển khắp Lục Tỉnh Nam Kỳ.

#### 4.2-Phong trào Đông Du

Từ đầu thế kỷ 20 phong trào Minh Tân và Đông Du hoạt động mạnh ở Nam Kỳ. Minh Tân là Minh Đức Tân Dân (sau này là tước chức việc trong Đạo Cao Đài). Phong trào này thu hút giới thượng lưu trí thức. Họ là nho sĩ, công tư chức, nhìn xa trông rộng, tiếp nhận những tư tưởng tiến bộ của phương Tây. Họ muốn canh tân công nông thương nghiệp, lập nhà hàng, khách sạn, hùn vốn đầu tư, thực chất là kinh tài lấy tiền giúp cho phong trào Đông Du.

2- Lục Tỉnh Tân Văn, số 27 ngày 21-5-1908.

3- Sơn Nam, Thiên Địa Hội và Cuộc Minh Tân, Sài Gòn 1971, trang 148.

4- Nữ Học Sài Gòn: Trường này lúc mới thành lập vào năm 1913 mang tên “ Collège des jeunes filles indigène”, kế tiếp lại đổi là “Collège des jeunes filles annamites de Saigon”. Cuối năm 1949 Bảo Đại mới cho lệnh đổi tên trường thành “ Nữ học Gia Long Sài Gòn”.

Phong trào Đông Du ( 1906-1908) do Kỳ Ngoại Hầu Cường Để làm Minh Chủ và hai nhà cách mạng Phan Bội châu và Nguyễn Thành khởi xướng để nâng cao dân trí bằng cách gửi các thanh niên du học ngoại quốc nhất là Nhật Bản.

Các phong trào trên được sự hỗ trợ đắc lực của phong trào báo chí ở Nam Kỳ. Đây là ưu thế của Nam Kỳ so với Bắc Kỳ và Trung Kỳ được dễ dàng mở báo và viết báo, nhất là báo viết bằng tiếng Pháp thì không cần xin phép.

Các tờ báo thiên về phong trào Minh Tân là Nông Cổ Mìn Đàm, Lục Tỉnh Tân Văn, Đuốc Nhà Nam. Trong lịch sử báo chí Việt Nam, Huỳnh Văn Tông viết: “ Nông Cổ Mìn Đàm ra đời tại Sài Gòn ngày 1-8-1901. Tờ này do người Pháp sáng lập là Ông Canavaggio. Tờ này sau đó được liên tiếp điều khiển bởi các Ông Lương Khắc Ninh, Gilbert Chiếu, Lê Văn Trung. Có thể tìm thấy trong tờ báo mọi vấn đề liên quan đến canh nông hay kỹ nghệ.”<sup>5</sup>

Nông Cổ Mìn Đàm khích lệ giới nông gia thương cổ dạy về cách trồng cây gòn, chiết nhánh cây, hướng dẫn thành lập nhà hàng, thương nghiệp. Trong số ra ngày 22-9-1904 Ông Lương Khắc Minh nêu ý kiến thành lập một hãng buôn, vài trung tâm thương mại ở Chợ Lớn. Ông Trần Chánh Chiếu thì viết: “ Sự đổi mới dân thì Thánh Nhơn (Khổng Tử) đã dạy: Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại tân dân.”

Tờ Lục Tỉnh Tân Văn do Ông Pierre Jeantet làm chủ nhiệm, giao cho Trần Chánh Chiếu điều khiển Ban Biên Tập. Nhờ đó mà Ông Chiếu ngấm ngấm biến thành cơ quan tuyên truyền chống Pháp. Các bài “ Thượng bất chính, hạ tất loạn: cha ghê con ghê: Nhân dân tức sự kiêm thời . . . . .” G. Coulet trong “ Các Hội kín trên đất An Nam” cho là nhằm công kích người Pháp, khuyến khích sự lật đổ nhà nước thuộc địa Pháp<sup>6</sup>”. Trong Lục Tỉnh Tân Văn số 27 ra ngày 21-5-1908 giới thiệu Lê Văn 5- Huỳnh Văn Tông: Lịch sử báo chí Việt Nam, Sài Gòn, Tri Đẳng 2971, trang 57.

6- G. Coulet: Les sociétés secrètes en terre d’Annam (Các Hội kín trong đất Việt Nam, Saigon – Ardin 1926.

Trung là người của phong trào Minh Tân với bút danh Tây Hiên (có nghĩa Hiên Viên là hoàng đế, Tây tức giáo hoàng). Báo còn cổ động cho Nam Trung Khách Sạn ở Sài Gòn, Minh Tân Khách Sạn, Nam Kỳ Minh Tân công nghệ ở Mỹ Tho. Ba khách sạn này là cơ sở kinh tài của Hội kín, nơi tập họp các đồng chí Đông Du và phân phát tài liệu cách mạng. Sau đây trích ba bài báo tìm hiểu của Tây Hiên về chính trị, văn hóa, kinh tế để thấy rõ ý muốn canh tân đất nước.

### 1-Đồng bào tương hệ <sup>7</sup>

Đã ba ngàn mấy trăm năm tư ở nước ta nhất là cõi Nam Kỳ, không thấy nhắc đến nghĩa đồng bào. Năm Mậu Tuất, Trung Hoa chính sự, lòng người uất ức mới bày ra Nhật báo và các loại tân thư, mà nhắc nhau cái nghĩa đồng bào. Nhờ đồng văn, từ đây chúng ta trông vào. Tuy vậy đồng bào chưa hiểu ra cho mấy, tại sự phổ thông chưa phải thời cuộc nên phần nhiều hễ còn lơ mờ, không lòng lo lắng cho đời, chớ chỉ những tay tuần kiệt, những kẻ thức thời đi diễn thuyết khắp nơi họa may động lòng mà chung lo thời thế. Còn mấy ông am tường thời cuộc văn minh thì xin làm sách chữ quốc ngữ, hoặc dịch sách Tây Âu đăng phổ thông cho chóng thì mới mau tiến bộ, chớ như cãi lầy về việc thờ phượng quỷ thần làm chi cho sanh mất lòng, nhỏ thì mất tình tương thân, lớn sanh cừ thù thì mọi việc chắc là lồi thối lắm, đồng bào ôi !

Cổ nhân hằng nói: : Đắc nhứt nhĩ tắc thành đại mưu. Mở lòng hơn hậu, lấy độ lượng mà đối với đời, kéo mang tiếng một đoàn hủ lậu. Đời chúng ta mang lời ăn tiếng nói, lại lân can với Trung Hoa nên theo phong tục họ đã lâu đời, thấm vô tủy rồi nên khó mà cải hóa lắm vì vậy nên mọi sự đều hủ bại, còn sự thờ phượng sau sẽ nghị luận.

Đại ý là phải rõ nghĩa đồng bào và làm sao cho mọi người ý tưởng như nhau, tin nhau, thương nhau thì chuyện gì cũng dễ. Ông nào nói cũng hay mà người nghe chưa được nhiều, nên có

7- Tây Hiên: *Lục Tỉnh Tân Văn số 5 trang 3-4*

gắng đi diễn thuyết mọi nơi mới chóng thành.

### 2- Bát âm khả quái <sup>8</sup>

Tiếng nhạc nghe không phần chí là tiếng nhạc của nước ta. Các đồng bào ơi ! Các đồng bào nghe cho kỹ tiếng nhạc của Tây Phương, bài nào bản nấy hễ nghe đến nó bắt nhảy trời nhảy phách, chí khí hăng hái, dầu cảnh buồn mấy đi nữa mà nghe đến tiếng nhạc Tây cũng thấy khuây liền.

Chớ như tiếng nhạc của mình, ôi chao ôi ! Nghe đến nhạc ca tấu rồi dầu người cử đĩnh bạt sơn cũng tê mê bất tỉnh, huống chi đời đang lúc phù ba phiên nhiễu. Trong nước tuy không giàu có, mà cái lời (lãi) nào cũng về tay dị chủng dị dân thâm đoạt mà không ai lo đến, cũng vì tiếng âm nhạc, cất tiếng kêu lên thì già trẻ trai gái đều rũ riệt tay chân, ăn uống còn bỏ thay, phương chi là nghĩ điều gì cho đặng.

Vậy từ nay nếu đồng bào biết là vô ích thì lần bỏ bớt đừng nghe làm chi mỗi một tinh thần .

Tê mê đã mấy đời rồi

Bây giờ lo liệu kéo người cười chê.

Ai ai kẻ chỢ người quê

Đồng tâm tư tưởng chỚ nghi chỚ ngờ.

Đừng ai mắt lấp tai ngờ.

### 3-Đồng bào tương tế <sup>9</sup>

Từ ngày ta tính cuộc tranh hoành với các chú (Tàu) mà buôn bán cho to, giữ tự do, lập đoàn xã hội. Mình lo hòa hiệp đặng làm tiệm này khai cửa hàng kia, mọi việc đều đại lược. Các đồng bào tưởng mấy chú Chệc, mấy thằng chả nao núng sao?

Theo ý tôi, chúng nó chưa bao giờ nao núng. Chúng ta đồng lòng làm ăn, không kể điều quý tiện thì chúng nó mới kiêng. Ví như bán đậu phụng rang, trồng cải, hành, kiệu đặng bán với nhau thì chúng nó mới kiêng.

Từ Chợ Lớn ra Sài gòn, cái huê lợi đất hoang, đất mã loạn của

8-Tây Hiên: *Lục Tỉnh Tân Văn, số 15, tr. 2-3.*

9-Tây Hiên: *Lục Tỉnh Tân Văn số 21, tr. 2.*

chúng ta cho Chêc nhờ biết mấy ngàn không? Nội đất Chợ Lớn Sài Gòn để Chêc trồng là cải món, cải máu, cải mũ của tiền nhân, nằm dưới mồ thổ lên cho chúng nó nhờ.

Nghĩ mà buồn, một nghề hèn như thế mà Chêc cũng tự quyền thong thả. Nhờ sang có tiền nhiều làm chúa tàu, chủ tiệm, còn chú mặt kiếp trồng cải, bán đậu phộng rang cũng không chiều lụy ai. Còn ngó lại mình sang gì cũng bị buộc ràng danh lợi, bó buộc ngày giờ, chẳng thấy tự quyền tự chủ lấy mình.

Còn hạng dốt nát nghèo nàn, vác bao bố, chèo ghe cũng vào tay dị quốc. Bà con mình ngoài Bắc không phải như vậy đâu. Họ không lo thì thôi, bằng lo thì đồng tâm hiệp lực, trí lo việc trí, ngu giữ phận ngu, dù muốn thế nào cũng tổ kỷ vi như hành (hợp nhau mà làm) dầu tranh hoành với dị chủng, không kể cái gì là sang, cái gì là hèn, miễn dành được quyền tự do mà thôi.

Đọc qua các bài trên ta thấy được cuộc diện xã hội Nam Kỳ lúc bấy giờ: tình nghĩa đồng bào lỏng lẻo, âm nhạc còn đơn độc trầm buồn, quần chúng muốn làm công tư chức hơn kinh doanh buôn bán. Tờ Lục Tỉnh Tân Văn chỉ phổ biến ở các thành thị, không bám rễ vào nông thôn nên cuối năm 1908 thì đình bản. Do đó phong trào Minh Tân cũng rẽ sang ngã khác. Và cũng năm đó, phong trào Đông Du ở Sài Gòn bị mật thám Pháp phát hiện, nhiều người bị bắt và tan rã, ngấm ngấm chuyển sang cho các giáo lãnh Đạo Cao Đài.

Ông Lê Văn Trung sinh ngày 12 tháng 9 năm Ất Hợi, nhằm ngày Chủ Nhật 10 tháng 10 năm 1875 trong một gia đình tiểu nông, ở làng Phước Lâm, tỉnh Chợ Lớn. Thân phụ của Ông là Lê Văn Thạnh mất khi Ông mới được vài tháng.

Thuở thiếu thời ông nổi tiếng là một học sinh thông minh đỉnh ngộ, học rất giỏi tiếng Pháp. Sau khi tốt nghiệp trường Chasseloup Laubat ông vào làm thư ký ở dinh Thống Đốc Nam Kỳ (1893). Từ tháng 5-1905 ông xin nghỉ việc 4 tháng không ăn lương cùng với bào huynh Lê Văn diêu thâu cung cấp đá và gạo cho ngành đường sắt ở Nam Kỳ Lục Tỉnh. Công việc làm ăn phát đạt nên Ông xin nghỉ làm công chức dù Ông đã là Thư

ký thực thụ hạng ba (3-1906) để ra kinh doanh độc lập. Nhiều người cho Ông là thả mỗi bất bóng, Ông im lặng và hành động theo ý muốn của mình, mặc tiếng thị phi. Tính cương quyết và tự do đã hiện rõ nơi Ông.

Ông muốn tiến xa vào đường giúp dân giúp nước. Ông nói: “Cái ma lực buộc người có cao vọng về chính trị nó mạnh là thường. Tranh cử lúc đó còn phải tốn tiền hơn bay giờ gấp trăm gấp ngàn lần. Vậy mà tiền không, thế lực nó có, thì tranh cử cái gì, thế mà tôi cũng xin thôi việc quan đặng ra tranh cử.”

Vào giữa năm 1906 Ông ra tranh cử Hội Đồng Quản Hạt Quận 2 gồm Gia Định, Chợ Lớn Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Cấp Saint Jacques đắc cử về vang.

Trong phiên họp đầu tiên của Hội Đồng Quản Hạt, Quyền Thống Đốc Nam Kỳ Ernest Outrey đưa ra Hội Đồng dự thảo về thuế “lục hạng điền”, yêu cầu thảo luận và thừa nhận. Ông Trung và Diệp Văn Cương (Hội Đồng Bến Tre) cùng bốn người Việt, tất cả là 6 người phản kháng dự thảo này. Các Ông đã thất bại vì số nghị viên người Việt lúc đó chỉ bằng phân nửa số nghị viên người Pháp. Dù vậy, các Ông dùng lợi khí của mình bằng cách 6 người đồng loạt từ chức. Dưới chế độ cai trị hà khắc của chính quyền thực dân Pháp mà các Ông dám mạnh dạn phản kháng tới cùng là một hành động yêu dân, yêu nước đáng để đời.

Kỳ bầu cử lần sau, tất cả 6 Ông lại ra ứng cử thì đắc cử chỉ 5 người. Trong bước đầu tiên ấy, Ông Lê Văn Trung là người hưởng đạo rất khảng khái. Thế lực chính trị của Ông từ đó về sau mỗi ngày càng thêm lớn mạnh. Đối với cử tri là các hương chức, thì Ông là người đã bảo thủ quyền lợi của nông dân, điền chủ. Đối với chính phủ thuộc địa Pháp thì Ông là một trong những người mà nhà đương cuộc khó khinh thường (theo thư của Trang sư Diệp văn Kỳ ngày 28-11-1934).

Sau Hội Đồng Quản Hạt (Conseil colonial), năm 1911 Ông vào Thượng Nghị Viện Đông Dương (Membre du Conseil Supérieur de l'Indochine). Tháng giêng năm 1912 Ông được thưởng Đệ

Ngũ Bắc Đẩu Bội Tinh (Chevalier de la Légion d'Honneur) rồi vào Hội Đồng Tư Vấn (Conseil privé) do Toàn Quyền Cognacq chỉ định<sup>10</sup>.

Năm 1911 Ông Lê Văn Trung cùng một số nhà trí thức Sài Gòn đưa ra kế hoạch thành lập Nữ Học Đường. Ông Diệp Văn Kỳ cho rằng:

Giữa thời buổi mà bậc cha mẹ trong nước đều nhận rằng: Cho con gái có học thức là một mối hại lớn cho gia đình, cho xã hội. Giữa thời buổi như thế mà đứng ra đề xướng nữ học, xin lập trường nữ học để dạy bên gái bằng bên trai có phải là việc làm quá bực chảng?

“Lúc bấy giờ chánh phủ Pháp cũng cho là việc ấy chưa hợp thời, lại trái phong tục cũ kỹ của người Việt. Tuy không ngăn cấm mà cũng chẳng chịu xuất công nho để từ người xướng xuất tự mở cuộc lạc quyên cất lên mấy tòa nhà đồ sộ mà chúng ta còn thấy ở đường Le Grand de la Lirraye (nay là đường Điện Biên Phủ) tức trường Áo Tím (Collège de jeunes Filles) sau đổi tên trường Nữ Gia Long nay là Trung học Phổ Thông Nguyễn Thị Minh Khai. Tòa nhà ấy đã đào tạo ra biết bao nhiêu nhân tài trong nữ giới (Diệp Văn Kỳ, Thư đã dẫn).

Tháng 4-1913 Trần Chánh Chiếu và Ông tiếp Kỳ Ngoại Hầu Cường Để về Nam kỳ vận động tài chánh và biểu dụ đồng bào lục tỉnh<sup>11</sup>. Năm 1919 Gilbert chết, Ông hoạt động một mình. Năm 1926, Đạo Cao Đài mở, Ông thọ chức Đầu Sư rồi Qu. Giáo Tông. Đó là lý do khiến Mật Thám Pháp theo dõi Ông gắt gao hơn.

Thống Đốc Le Fol ra lệnh bằng mật điện bằng mật điện số 146 C ngày 14-11-1926 lưu ý các chủ tỉnh về hoạt động đạo giáo của nhóm Ông Lê Văn Trung và ra lệnh cho các chủ tỉnh phải bí mật theo dõi việc truyền Đạo và báo cáo cho Ông bằng mật

10- Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh: *Tiểu sử Đức Qu. Giáo Tông Lê Văn Trung, Tây Ninh 1973.*

11- *Bao La Cư Sĩ, Việt Nam trên đường giải phóng, Sài Gòn – Văn Hóa Nguyệt San, số 53 trang 919.*

điện<sup>12</sup>.

Chủ tỉnh một vài nơi triệt hạ Thánh Tượng, Ông phản đối quyết liệt và đòi tự do tín ngưỡng mà chính phủ thuộc địa đã dành cho xứ bảo hộ. Chủ tỉnh Tây Ninh lấy cớ nhỏ nhoi để câu lưu Ông trong 24 giờ. Ông gửi thư thẳng qua nước Pháp cho Thủ Tướng Cộng Hòa Pháp mà trả Bắc Đẩu Bội Tinh ngày 4-3-1934 với những lời lẽ mạnh bạo:

“Vừa qua ngày 22-2-1934 có 34 đạo hữu của tôi thiếu thuế mà chính phủ lại bắt tôi bỏ tù. Ông già 60 tuổi có Bắc Đẩu Bội Tinh vô cớ bị ngồi tù hơn hai ngày tại khám Tây Ninh với médaille điều và giấy chứng nhận của Viện Bưu Tinh ( Ông biết trước sẽ bị bắt nên đeo sẵn huy chương). Vậy cái médaille cao quý kia có giá trị gì? Lỗi ấy do chính phủ Pháp không biết chọn người xứng đáng. Kể từ đây tôi không nhận cái danh dự ấy nữa, dẫu có cao trọng thế nào.”

Xem thế, từ lúc chào đời, Ông Lê Văn Trung sớm mồ côi cha. Lớn lên vào làm thư ký bị Pháp chèn ép, kỳ thị. Với tinh thần bất khuất, Ông bỏ sở ra làm nghề tự do. Thấy dân chúng bị thuế khóa nặng nề, Ông ra ứng cử đòi giảm nhẹ, nhưng sức người có hạn, thế lực ngoại bang còn lớn, Ông không chịu làm Hội Đồng “oui, chúng mua chuộc bằng cách ban thưởng Bắc Đẩu Bội Tinh, ông trả luôn huy chương chỉ lo nâng cao dân trí, đề cao minh tân để đổi mới đất nước và tôn giáo. Ông gọi Đạo Cao Đài với danh từ Phật giáo canh tân (Budhisme rénové) trong niềm khát khao ấy.

Trong cuộc đời hoạt động xã hội, Ông may duyên kỳ ngộ gặp cậu học trò Phạm Công Tắc mới 18 tuổi muốn đi sang Nhật học. Số là vào năm 1907 Ông tham gia viết báo Nông Cổ Mín Đàm và Lục Tỉnh Tân Văn rồi gia nhập phong trào Minh Tân hoạt động công khai, tiềm ẩn bên trong là phong trào Đông Du hoạt động bí mật dưới sự tài trợ của các khách sạn, nhất là Nam Trung khách sạn.

Khách sạn là nơi tập hợp các đồng chí Đông Du, in ấn và phân

12- *La Laurette et Vilmont: Le Caodaisme, Saigon 1933, trang 15.*

phát tài liệu của phong trào, là cơ sở kinh tài của hội kín. Khách sạn Nam Trung ở số 4 đường Amiral Krantz ( nay là đường Hàm Nghi. Tòa soạn Lục Tỉnh Tân Văn ở sát bên số 6 cùng đường. Khách sạn bắt đầu hoạt động từ ngày 15-11-1907, Các đồng chí được tin Cường Để đã tới Nhật và được vào Đại Học Võ Bị Shimbu Gakko rất phấn khởi nên bầu Ông làm Minh Chủ với chế độ quân chủ lập hiến.

Tổng số sinh viên Việt Nam ở Nhật lúc đó độ 100 người chia làm 2 nhóm:

-75 người gốc Nam Kỳ đặt dưới quyền điều khiển của Ông Đặng Bình Thành, bí danh của Kỳ Ngoại Hầu Cường Để ”.

-30 người gốc Bắc Kỳ và 10 người gốc Trung Kỳ thuộc quyền Ông Phan Bội Châu.

- Cứ mỗi tháng, một sinh viên tập chỉ huy bằng cách tự điều hành tập thể, sinh hoạt ngoại khóa.

Ông Lê Văn Trung và các đồng chí đã đưa ba nhóm xuất dương. Nhóm đầu tiên do Nguyễn Háo Vĩnh (1893-1941) chiến sĩ phong trào Đông Du lãnh đạo du học sinh Minh Tân công nghệ Sài Gòn sang Nhật năm 1905.

Khi phong trào Đông Du bị phát hiện, Nhật trục xuất du học sinh Nguyễn Háo vĩnh được cha đưa về học ở Hồng Kông và bị bắt tại đây. Ông bị Pháp kết án 3 năm tù treo rồi được tha về Sài Gòn (1923). Năm 1926 Ông lập nhà in Xưa Nay ở đường Bonard. Quyển sách in đầu tiên là quyển Kinh Nhứt Tụng của Đạo Cao Đài vào năm 1926 do Ông Nguyễn Ngọc Thơ ấn tống. Năm 1930 Ông cất một Nhà Đàn ở Thủ Thiêm được ơn Trên ban tên là Trước Tiết Tàng Thơ, cứ mỗi chiều thứ bảy Ông đưa gia đình và các bạn về đây phò cơ thỉnh Tiên.

Nhờ đó vào năm 1936 Ông đã hầu cơ tiếp bộ Đại Thừa Chơn Giáo. Năm 1941 Ông liễu đạo tại đây.

Nhóm thứ tư Ông ghi tên Phạm công Tắc cùng đi với bảy sinh viên khác vào cuối năm 1908. Số sinh viên xin xuất ngoại rất đông, ồn ào đường phố khiến thực dân Pháp lưu ý. Chúng phải một tên mật thám có kinh nghiệm theo dõi Phan Văn Cửa gốc

Cần Thơ và Trần công Huân gốc Cái Bè (Mỹ Tho) vừa được phép xuất ngoại.

Ngày 1-8-1908 cả ba người cùng đáp tàu L’Australie tại cảng Sài Gòn. Đến Hồng Kông họ lưu lại tại nhà Vũ Văn Kiên. Ngày 22 cả ba đi Kobe rồi đến Tokyo. Trên biển ca tên mật thám lừa được Trần Công Huân để Ông nầy kể hết mọi chuyện Đông Du.

Khi đến Tokyo, sợ bại lộ, tên mật thám chỉ để Phan Văn Cửa và Trần Công Huân vào yết kiến Kỳ Ngoại Hầu Cường Để. Họ dâng lên Minh chủ một số tiền lớn. Cường Để ban tặng cho các đồng chí Nam Kỳ một bức ảnh mặc long bào có đóng ấn ngọc. Không biết tên mật thám khéo léo thế nào mà Trần Công Huân trao tất cả hình ảnh và thư từ cho hắn giữ. Hắn hẹn sẽ trao lại tất cả tài liệu ở Mỹ Tho vào ngày 27. Thế là Trần Công Huân bị mật thám bắt. Liên đó chính quyền Pháp cho mở ngay chiến dịch thanh trừng, bắt hàng trăm người tra tấn để lấy khẩu cung<sup>13</sup>.

Khách sạn Nam Trung báo động. Ông Lương Khắc Ninh và Lê Văn Trung lẹ tay tiêu hủy tất cả hồ sơ và tài liệu của hội kín và cả danh sách sinh viên dự kiến xuất dương. Mọi người liên hệ giải tán, Ông Phạm công Tắc bỏ học về làng An Hòa (Tây Ninh) tránh sự rình rập của mật thám Pháp<sup>14</sup>.

Phong trào Đông Du ở Sài Gòn tan rã từ đó (1908), nhưng các nhà lãnh đạo Cao Đài vẫn giữ liên lạc với Kỳ Ngoại Hầu Cường Để đến ngày Ông qua đời. Trước kia chưa thể đi Nhật cho đến năm 1954 Ông Phạm Công Tắc sang Tokyo rước tro Cường Để về Tòa Thánh Tây Ninh.

X X X

13- Thái văn Kiểm: Đất Việt Trời Nam, Saigon Nguồn Sống 1960, trang 508-509.

14- Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh, Tiểu sử Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Tây Ninh 1954.

Việc chống thuế “ Lục hạng điền ” của Ông Lê Văn Trung vang dội khắp nơi, thức tỉnh dân chúng chỉ rõ người Pháp không phải bất khả xâm phạm. Chính quyền thực dân không thể làm gì dân chúng nếu ta biết đoàn kết chống cường quyền. Điển hình nhất là Nguyễn Phát Trước, tục gọi Bếp Trước, bỏ làm bồi cho nhà hàng P háp , ra ngoài tụ tập các bạn du côn làm trùm du đảng đi quay phá các thông hiệu Pháp và dân Tây ( người Việt có quốc tịch Pháp). Nguyễn Phát Trước vì ngưỡng mộ Ông Lê Văn Trung nên xin tự nguyện làm bảo vệ cho Ông. Hấn đề nghị với Ông Lê Văn Trung để nhóm hấn ám sát De la Chevrotière, Thượng nghị viện ác ôn. Ông Lê Văn Trung nhấn mạnh mục đích của ta là đuổi hết Tây ra khỏi đất Nam Kỳ chứ không phải chỉ giết một thằng Tây. Người có mưu sự lớn thì không làm việc nhỏ. Năm 1913 dân Nam Kỳ xôn xao về vụ chính quyền bảo hộ bắt Phan Phát Sanh biệt danh là Phan Xích Long giam ở khám loon Sài Gòn name trên đường Nguyễn Trung Trực nay là Lê Thánh Tôn. Nguyễn Phát Trước đề nghị tôn ông Lê Văn Trung lên làm minh chủ đi phá khám lớn cứu Phan Xích Long. Ông Trung nói nhỏ với Trước, Đặng Bình Thành mà ông gặp tại nhà ông Trần Chánh Chiêu chính là minh chủ Cường Để Ông dặn dò ông Trước chớ cho đàn em khoa trương: Phan Phát Sanh là vua, Phan Phát Trước là tướng, hãy nhận biệt danh Tư Mất mà anh em trong nhóm tôn vinh. Mỗi người chỉ có 2 con mắt mà Trước có tới 4 mắt, ám chỉ người sáng dạ, lẹ tay nhanh chân chạy thoát mọi cuộc bố ráp của lính Tây. Hãy tổ chức anh em lại, bỏ những đứa du côn cướp giạt, lập một hội kín không tên, mở rộng địa bàn hoạt động ra các Tỉnh quanh Sài Gòn – Chợ Lớn nhằm thu hút giới nông dân, coi họ là thành phần nông cốt. Điều lệ hội phải nêu được những đặc điểm: Phải giữ bí mật cho hội, phải có hiếu với cha mẹ, phải kính trọng anh em trong hội, phải theo đuổi lý tưởng chống Tây đến cùng, không được gây gổ với người ngoài hội, khi bị bắt thà chết chớ không khai và điềm chỉ anh em.

Nguyễn Phát Trước làm theo lời Ông Lê Văn Trung xây dựng hội kín trong vòng 3 năm. Đến tối ngày 14-2-1916 các tổ chức hội kín ở các tỉnh quanh Sài Gòn là Gia Định, Chợ Lớn, Thủ Dầu Một, Biên Hòa . . . bí mật kéo về ẩn mình trong thành phố. Vào canh tư ngày 15, ba trăm (300) người đi thuyền đến chợ Cầu Ông Lãnh rồi kéo đến cột cờ Thủ Ngữ. Họ vận đồng phục giống nhau, quần trắng áo đen, khăn trắng quấn cổ. Mỗi người đều đem theo mác, giáo, gươm . . . cờ đề ba chữ lớn Phan Xích Long. Đoàn người chia thành ba nhóm, tiến theo ba ngã vào tập trung trước khám lớn Sài Gòn. Trên đường tiến vào trung tâm thành phố, họ xung đột với cảnh sát, vài người chết. Họ đứng trước Khám Lớn hô to “ đại ca ” “ giết Tây ” làm náo động cả thành phố. Bọn lính gác trong các đồn canh xả súng bắn liên hồi. Đoàn người cứ tiến lên hò hét vang động cả thành phố. Hai tên lính vội vàng ra đóng cửa khám, một tên bị chém ngang đầu. Đoàn người mỗi lúc bị thương và chết càng nhiều, số còn lại tiến về hướng Chợ Lớn, chết chỉ còn độ tám mươi người. Như thế việc phá Khám Lớn Sài Gòn thất bại. Số người bố trí bí mật quanh thành phố rút lui.

Sau vụ mưu phá Khám Lớn thất bại, tòa lên án 60 người tử hình, 100 án chung thân và có hạn.

Nhà văn Sơn Nam ở gần nhà Tư Mất trên Phú Thọ (Chợ Lớn) có nhận định về việc phá Khám Lớn như sau:

“ Ông Tư Mất dám làm quốc sự, chống Tây, biết chuyện khó thành công nhưng ông vẫn làm. Đích thân Tư Mất chỉ huy để cứu vị minh chúa, bị bắt và bị giam. ”

Ông lại viết:

“ Tư Mất là người mà các nhà viết sử thời Phan Xích Long đều nhớ, ông mập lùn, có bộ râu thời trang, mép vuốt sấp như trái ấu. Trong nhà có ảnh mặc lễ phục chức sắc của Đạo Cao Đài <sup>15</sup> Ông Trước thọ phẩm Chưởng Nghiêm

15- Sơn Nam: Tuổi già, TP HCM, nhà xuất bản Văn Nghệ 2000, trang 60-61.

**Pháp Quân ngang chức Giáo sư bên Cửu Trùng Đài. Tóm lại, non nửa thế kỷ Nam kỳ bị đặt dưới sự thống trị của thực dân Pháp với những mảnh khước xảo trá giảo hoạt nhằm ly gián đồng bào trong một nước. Nhưng với tinh thần yêu nước còn tiềm tàng trong lòng quần chúng, hễ có cơ hội thuận tiện là bộc phát mãnh liệt. Trong hai mươi năm đầu thế kỷ 20, Đạo Cao Đài chưa khai mở nhưng các nhà lãnh đạo chủ chốt của Đạo Cao Đài tương lai như Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, Hộ Pháp Phạm công Tắc, Chưởng Nghiêm Phát Quân Nguyễn Phát Trước đều tham gia các phong trào Minh Tân, Đông Du và Hội kín, biểu hiện khả năng cách mạng của giới trí thức và nông dân Nam Kỳ. Sự nghiệp chưa thành, nhưng những hy sinh và quyết tâm chống Pháp đã thể hiện truyền thống yêu nước, bất khuất của dân tộc góp vào kho tàng kinh nghiệm gửi lại lớp người đi sau tiếp tục gánh vác công cuộc cứu nước.**

### **5- Công cuộc phá Khám Lớn Sài Gòn**

Vào khoảng năm 1902, việc sản xuất lúa gạo ở Sài Gòn Chợ Lớn ngày một gia tăng thu hút nhiều người Trung Quốc sang mua bán, trong đó có nhiều người Mãn Thanh theo Thiên Địa Hội. Họ truyền bá Thiên Địa Hội rộng rãi ở vùng sông nước Cửu Long. Năm 1911, một hội kín sớm thành lập ở vùng Thất Sơn (Châu Đốc) tôn Phan Phát Sanh làm vua, lấy hiệu Phan Xích Long.

Phan Phát Sanh tự Lạc, con Ông Phan Núi làm cảnh sát ở Chợ Lớn. Năm 1913, 17 tuổi làm bồi cho Tây, tự xưng là Đông Cung, con vua Hàm Nghi. Trong các buổi lễ bí mật, Phan Phát Sanh mặc y phục lộng lẫy, đính những huy hiệu bằng vàng, tự coi là thiên tử được trời sai xuống làm vua nước Nam, cho in truyền đơn rải khắp Sài Gòn, Chợ Lớn, kêu gọi dân chúng nổi lên chống Pháp.

Phan Phát Sanh bị mật thám bắt tại Phan Thiết, rồi giải về Sài Gòn với 111 người. Tòa án xử từ ngày 2 đến 12 tháng 11 năm 1913, kêu án 57 người, tha bổng 54 người, 6 người bị chung thân khổ sai. Phan Phát Sanh, Nguyễn Tri và Nguyễn Hiệp, còn 3 người nữa xử vắng mặt, đều bị giam nơi Khám Lớn Sài

Gòn<sup>16</sup> làm chấn động cả nước.

Trong thời gian đó, nơi Hội Đồng Quản Hạt Quận 2 Sài Gòn, nghị viên Lê Văn Trung và 5 người Việt phản kháng thuế “Lục hạng điền” của Thống Đốc Nam Kỳ Ernest Outrey. Dưới chế độ hà khắc của thực dân Pháp mà các Ông mạnh dạn chống đối cũng là một hành động yêu nước, yêu dân. Trạng sư Diệp Văn Kỳ nhận định: “Trong bước đầu tiên ấy Ông Lê Văn Trung là người hướng đạo rất khảng khái. Thế lực của Ông mỗi ngày càng thêm lớn mạnh. Đối với cử tri là các hương chức thì Ông là người đã bảo thủ quyền lợi của nông dân, điền chủ. Đối với chính phủ thuộc địa Pháp thì Ông là một trong những người mà nhà đương cuộc khó khinh thường.<sup>17</sup>”

Năm 1911 Ông Lê Văn Trung và một số nhà trí thức Sài Gòn đưa ra kế hoạch thành lập nữ học đường tức trường Áo Tím (College de jeunes filles) sau đổi tên trường Gia Long, nay là Trung Học Phổ Thông Nguyễn Thị Minh Khai.

Hành động tập thể chống thuế Lục Hạng Điền của Ông Lê Văn Trung vang dội khắp nơi, thức tỉnh quần chúng cho thấy người Pháp không phải bất khả xâm phạm. Chính quyền thực dân không thể làm gì dân chúng nếu ta biết đoàn kết chống lại cường quyền. Điển hình nhất là Nguyễn Văn Trước tục gọi là Bếp Trước.

Từ lâu Bếp Trước bị kêu ngao:

Ra vào làm bộ hung hăng,  
Xét ra mới biết là thằng dọn cơm<sup>18</sup>.

Nhân cơ hội này, ông bỏ làm bồi cho nhà hàng Pháp, ra ngoài tụ tập các bạn du côn làm trùm du đảng đi quay phá các thương hiệu Pháp kiều và dân Tây, nếu không chịu bảo kê. Vì ngưỡng mộ Ông Lê Văn Trung nên tự nguyện làm bảo vệ cho Ông Y đề

16- *Vương Hồng Sển: Sài Gòn năm xưa, NXB TP HCM 1997, tr.270. Ông Sển nói năm 1913 Phan Phát Sanh 20 tuổi.*

17- *Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh, Tiều sử Qu. Giáo Tông Lê Văn Trung, Tây Ninh 1973, tr. 149-151.*

18- *Thơ Nam Kỳ (in lần thứ 6), Sài Gòn, nhà in Tân định 1903.*

ngộ với Ông Lê Văn Trung để bọn y ám sát De la Chevrotière, Thượng nghị viên ác ôn. Ông Lê Văn Trung nhấn mạnh mục đích của ta là đuổi Tây ra khỏi đất Nam Kỳ chứ không phải chỉ giết một thằng Tây. Người có mưu sự lớn thì không làm việc nhỏ.

Năm 1913 nhân dân Nam Kỳ xôn xao về vụ chính quyền bảo hộ bắt Phan Phát Sanh giam ở Khám Lớn Sài Gòn (name trên góc đường Nguyễn Trung Trực và Lê Thánh Tôn. Nguyễn Văn Trước đề nghị tôn Ông Lê Văn Trung làm Minh chủ đi phá Khám Lớn cứu Ông Phan Xích Long. Ông Trung nói nhỏ Ông Trước: Đặng Bình Thành mà Ông gặp tại nhà Trần Chánh Chiếu chính là Minh chủ Kỳ Ngoại Hầu Cường Để về Nam Kỳ thăm đồng bào<sup>19</sup>. Ông Trung dặn dò Ông Trước chớ để đàn em khoa trương: Phan Phát Sanh là vua, Phan Phát Trước là tướng, hãy nhận biệt danh Tư Mất mà anh em trong nhóm tôn vinh. Mỗi người chỉ có hai con mắt mà Trước có tới bốn, ám chỉ người sáng dạ, lẹ tay chân chạy thoát mọi cuộc bố ráp của lính Tây. Hãy tổ chức anh em lại, bỏ những đứa du côn cướp giựt, lập một hội kín không tên, mở rộng địa bàn ra các tỉnh quanh vùng Sài Gòn, Chợ Lớn và xa hơn nhằm thu hút giới nông dân, coi họ là thành phần nòng cốt.

Điều lệ Hội phải nêu được những đặc điểm: phải giữ bí mật cho Hội, phải có hiếu với cha mẹ, phải kính trọng an hem trong hội, phải theo đuổi lý tưởng chống Tây tới cùng, không được gay gắt với người ngoài hội, khi bị bắt thì chết chứ không khai, tuyệt đối phục tùng thượng lệnh.

Nguyễn Văn Trước làm theo lời Ông Lê Văn Trung, xây dựng hội kín gần 3 năm. Để cuộc khởi nghĩa phá Khám Lớn thành công, Nguyễn Văn Trước nhờ Ông Lê Văn Trung thảo kế hoạch khởi nghĩa từng phần, giương Tây (quay rối miền Tây) kích Đông (tấn công Sài Gòn).

Đêm 14 rạng ngày 15 tụ họp tất cả chiến sĩ tại bến Belgique

---

19- Bao la cư sĩ, Việt Nam trên đường giải phóng, Sài Gòn, Văn hoá Nguyệt San số 53, tr.919

(Vân Đồn) từ đó chia thành 3 toán kéo vào Trung tâm Sài Gòn tấn công Khám Lớn, phóng thích tất cả các tù nhân, phát khí giới cho họ để tăng cường hàng ngũ đang đánh kho đạn với sự yểm trợ của Ông Mỹ Hán, với một số lính chờ sẵn sau vườn Bách Thảo. Tại kho đạn sẽ đốt lửa để báo hiệu cho các toán binh ở các tỉnh chờ sẵn ngoài ngoài ô tiến vào kho đạn đánh phá và chiếm thủ đô<sup>20</sup>.

### Tiền khởi nghĩa

-Đầu năm 1916, ở Biên Hòa và Trà Vinh dân chúng ngăn trở việc tuyển lính để bổ sung cho lính Pháp trong thế chiến thứ nhất, xô xát xảy ra giữa Ủy Ban tuyển mộ và những người quá khích.

-Chiều ngày 25-1, phạm nhân lao xá Biên Hòa giúp 17 người vượt ngục cướp súng bắn viên Công Sứ. Tại chợ Tân Uyên có 50 người lợi dụng đêm tối kéo vào quay phá trị an.

-Đêm mồng 2 tháng 2, ở Bến Tre 200 người võ tranh đao mác gay tầm vong kéo nhau đánh phá 20 nhà thân Pháp tại Mỹ Tho.

-Ngày 7 tháng 2 nhân dịp Tết nghĩa binh bạo động. Công sứ Gia Định cho bắt một số người bài Pháp.

-Ngày 12-2, một trăm (100) người Cửa Lấp kéo về tỉnh lỵ Bà Rịa bị quân tuần tiểu Pháp ngăn chặn.

-Ngày 24 viên Công sứ Tân An đánh điện về Sài Gòn yêu cầu viện binh vì tỉnh lỵ sắp bị tấn công.

Viên Đại lý Cần Giuộc báo cho Công sứ Chợ Lớn biết tình hình bất an ở đó và có thể một cuộc nổi loạn sắp nổ ra.

Những cuộc nổi loạn dấy lên khiến cho chính quyền thực dân hết sự kinh ngạc ý chí mãnh liệt của nhân dân ta muốn giành tự do độc lập. Chúng sợ một cuộc tấn công lớn vào Sài Gòn nên tăng cường canh gác ở nhiều cơ quan trọng yếu trong thành phố.

---

20- Thái Văn Kiểm: Đất Việt Trời Nam, Sài Gòn, Nguồn Sống 1960, tr. 532.



## Cuộc khởi nghĩa phá Khám Lớn Sài Gòn

Vào đêm 14-2-1916, các tổ chức Hội Kín ở các tỉnh Thủ Dầu Một, Gia Định, Biên Hòa, Chợ Lớn . . . kéo về Sài Gòn, bí mật bố trí quanh thành phố ở những địa điểm đã quy định.

Cuộc tấn công anh dũng đã diễn ra vào 3 giờ sáng ngày 15 trong lúc cả thành phố còn yên giấc. Bad trăm quân nghĩa đồng từ các thuyền đậu dưới sông đổ bộ lên cầu Ông Lãnh đến cầu Khánh Hội. Họ ăn mặc giống nhau: áo cụt đen, quần trắng, khăn tay trắng quấn cổ. Mỗi người đều đem theo dao mác, rựa, gậy tầm bông hợp thành đoàn. Người đi đầu cầm cờ đề ba chữ Phan Xích Long.

Đoàn người chia làm ba toán tiến vào Trung Tâm Sài Gòn bằng ba đường Mac Mahon, Nemesie, Marchaise.

Toán theo đường Mac Mahon có 80 người đi tới số nhà 36 thì gặp xe hơi chở 2 Pháp kiều là Bailly và Cachereau. Chiếc xe liền bị tấn công, một bánh xe bị nổ, phải dừng lại. Nghĩa binh tiến lên đâm chém loạn đã. Tên Bailly bị thương nặng, còn Cachereau lấy súng nhắm bắn nhưng súng chưa nạp đạn. Thấy thế nghĩa binh dang ra, tên tài xế đạp ga chạy đến cảnh sát cuộc báo tin.

Quân nghĩa đồng đuổi theo xe la to: "Diệt Tây, giết Tây", rồi tiếp tục kéo đến ngã tư đại lộ Quảng Đông và Mac Mahon. Họ gặp hai cảnh sát tuần tiễu tên là Amielh và Nguyễn Văn Nghiêm. Hai tên này nổ súng giết chết 2 nghĩa quân, làm vài người khác bị thong. Nhưng họ vẫn tiếp tục tiến đến đại lộ Bonard (Lê Lợi) rồi hợp với 2 toán kia đi theo đường Philippini xuống Khám Lớn.

Nghe tiếng la ó vang vọng, tên chỉ huy đội lính gác Khám Lớn cho moat lính gác chạy ra dò thám. Tên lính này bị quật ngã và bị đâm nhiều vết thong. Tên chỉ huy nghe tin dữ, vội đóng cửa sắt Khám Lớn và phát đạn cho lính. Tên chỉ huy sơ hở bị nghĩa quân thọc dao qua song sắt đâm bị thương ở cằm,

Bọn lính Tây phản công làm 2 nghĩa quân chết, nhiều người bị thương, mỗi lúc mỗi lên cao. Số còn lại phải rút lui về các

thuyền còn neo ở bến sông. Độ 80 người khác chạy dọc theo đường kinh về hướng Chợ Lớn bị trung đội Hiến binh rượt theo bắn một loạt đạn làm 4 nghĩa quân chết tại Xóm Dầu, số còn lại băng qua đồng ruộng hay nhảy xuống kinh trốn thoát. Nhiều người chậm chân bị bắt. Cuộc khởi nghĩa tan rã. Mũi đột kích phá Khám Lớn thất bại. Những người bố trí mật quanh thành phố Sài Gòn phải rút lui.

Cũng trong ngày đó, các tỉnh cũng đều có những cuộc nổi dậy, đánh phá nhiều nơi theo kế hoạch đã định trước. Ở Tây Ninh, các phạm nhân lao xá tỉnh lỵ phá ngục giúp 49 tù nhân thoát thân cướp 29 súng trường và 1 súng sáo.

Ở Long Xuyên hơn 50 người biểu tình la hô khẩu hiệu "Diệt Tây".

Ở Châu Đốc nhiều vụ biểu tình ở Tri Tôn và Tịnh Biên chống bắt lính.

Cuộc khởi nghĩa phá Khám Lớn Sài Gòn của Hội Kín, thực chất là phong trào nông dân chống Pháp, biểu hiện khả năng cách mạng của nông dân Nam Kỳ. Họ biết lợi dụng sự suy yếu của Pháp trong thế chiến thứ nhất (1914-1918), nổi dậy đập tan xiềng xích đô hộ mà dành độc lập cho nước nhà.

Cuộc khởi nghĩa phá Khám Lớn Sài Gòn to lớn và rộng khắp như vậy G. Coulet cho rằng phải có một thủ lĩnh đưa ra kế hoạch<sup>21</sup>. Nhà văn Sơn Nam đáp lời: "Đích thân Tư Mất chỉ huy, khá can đảm để cứu vị mình chúa. Ông Tư dám làm chuyện "quốc sự" chống Tây, biết chuyện khó thành nhưng Ông vẫn làm"<sup>22</sup>.

La Laurette et Vilmont trong tập phúc trình về Đạo Cao Đài xác nhận Nguyễn Văn Trước là thủ lĩnh Thiên Địa Hội<sup>23</sup>.

Vậy Nguyễn Văn Trước là ai? Tư Mất là ai?

Tư Mất tên thật là Nguyễn Văn Trước (1885-1930) người làng Phú Thọ, Chợ Lớn, trước lập tiệm hớt tóc ở số nhà 200 đường

21- G. Coulet: *Les sociétés secrètes en terre d'Annam, Sài Gòn, Ardin 1926.*

22- Sơn Nam: *Tuổi già, TP HCM, Nhà XB Văn Nghệ, 2000 tr. 60-61.*

23-La Laurette et Vilmont, *Le Caodaisme, Saigon 1933.*

Thủy Bình (đường Đồng Khánh) lấy bản hiệu là Nam Hữu Mai. Làm ăn không khá Ông đi làm bồi cho Tây, rồi làm trùm du đặng.

Trong bọn du côn ai chịu làm đàn em của đại ca Tư Mất thì đại ca không bao giờ bỏ “hoạn nạn tương cứu, sanh tử bất ly”. Ai không tiền đại ca cho tiền, không áo cho áo. Khi bị tù thì có người nuôi ăn, bệnh thì cấp thuốc. Khi nào đại ca can đến thì phải tuân hành, sống chết không kể thiệt thân. Tư Mất đi đến tỉnh nào thì đàn em ủng hộ, bái nghinh. Tư Mất bước vào quán nước nào thì người khác hội kín nên lui chân.

Lính tráng kiêng dè nề mặt, cò bót miệng ngậm sáp cũng làm lơ. Lính sai tróc nã tìm Tư Mất, không có ai dám sanh cầm Tư Mất, không khéo có ngày mang thọ, ăn dao của hàng em út anh Tư<sup>24</sup>.

Thời buổi Pháp đô hộ, những người có tiền biết tiếng Pháp, muốn có quyền thế thì mua Pháp tịch. Tư Mất thì chọn lối sống giang hồ mã thượng, chịu làm bảo vệ để làm kế sách chống Tây với Ông Lê Văn Trung. Vì thế Ông Trung phải lấy tiếng tăm của mình mà bảo vệ mạng sống cho Nguyễn Văn Trước.

Sau cuộc khởi nghĩa thất bại, Ông Lê Văn Trung báo với Nguyễn Văn Trước là có vài lính kín thấy ông trong cuộc tiến công vào Khám Lớn. Ông Trung khuyên ông nên lánh mặt về quê vợ một thời gian. Mật thám lùng sục khắp nơi để tìm ông mà không thấy tăm hơi.

Chúng bèn đưa các can phạm trong vụ phá Khám Lớn ra Tòa án quân sự xét xử trong 4 phiên tòa ngày 20, 21 tháng 2 và 13, 14 tháng 3 năm 1916. Tất cả có 51 án tử hình, 18 án khổ sai hữu hạn:

-38 người bị xử tử tại Đồng Tập Trận và bị bắn ngay ngày hôm sau 22-2-1916<sup>25</sup>.

24- Vương Hồng Sển, sách đã dẫn, tr. 272.

25-Về 30 người xử bắn ngày 22-2-1916, DTB bản in De L'union 1916.

- 13 người nữa bị xử bắn ngày 16-3-1916<sup>26</sup>.

Tất cả chôn ở đất Thánh Chà đường Võ Thị Sáu, nay đã bị phá ra bình địa.

Vương Hồng Sển ( sách đã dẫn, trang 271) gọi 57 vị anh hùng (ông kể luôn 2 người hy sinh trong trận tử chiến và 4 người bị hạ sát ở Xóm Dầu) danh thơm còn mãi trong trí nhớ người yêu nước. Vào lễ giỗ 100 ngày của nghĩa quân đã hy sinh, Nguyễn Văn Trước trở về thăm mộ mã đồng đội thì bị vây. Nguyễn Văn Trước bị lính kín bắt. Ông không vùng vẫy, trong lòng ông đang đau buồn và nảy sinh một ý gì đó trước sự hy sinh to lớn của 57 vị anh hùng.

Thống Đốc Nam Kỳ ra lệnh lập thủ tục đưa Nguyễn Văn Trước ra tòa trong 48 giờ. Dù vậy Ông Lê Văn Trung vẫn hay tin, mượn trạng sư triệu tập nhân chứng Edouard. Dân chúng truyền miệng việc Tư Mất ra tòa án quân sự. Họ kéo đến rất đông. Lính Lê Dương tay lăm lăm khẩu súng. Cảnh sát cản ngăn không cho dân chúng đến gần, sợ đàn em Tư Mất giải cứu đại ca và gây náo loạn làm gián đoạn phiên tòa.

Tư Mất bước lên vành móng ngựa dáng vẻ hiên ngang. Ông mạp lùn với bộ râu theo thời trang lúc ấy, mép vuốt sáp như trái ấu. Quan tòa chất vấn Ông hai điều:

1- Ủng hộ Cường Để.

2- Chỉ huy phá Khám Lớn giải cứu Phan Xích Long.

Ông đều phủ nhận.

Nhân chứng Edouard xác nhận hôm chiều 14-2-1916 có thấy Nguyễn Phát Trước tại nhà ông Lê Văn Trung không tham dự cuộc khởi nghĩa ( số là Nguyễn Văn Trước sau khi bố trí nghĩa quân về báo tin và xin thêm chỉ thị, nhưng thấy ông Trung có khách nên bỏ đi).

Không có lý do rõ ràng để kết tội tử hình Nguyễn Văn Trước, tòa khép Tư Mất vào tội “ gia nhập Hội Kín, ám trợ Cường Để” ( Vương hồng Sển, sách đã dẫn, trang 272) một năm tù treo ( vì các quan tòa sợ đàn em Tư Mất trả thù nên đã nới tay).

26- Về 13 người xử bắn ngày 16-3-1916, DTB bản in De L'union 1916.

Sau phiên tòa, dù thân thể được tự do nhưng tinh thần Nguyễn Văn Trước bị suy sụp. Đàn em bỏ đi sống nơi khác. Chính quyền Pháp ra tay đàn áp nông dân các tỉnh. Bất cứ đàn ông đàn bà ai mặc áo cụt đen, quần trắng là lính bắt không cần tra hỏi. Hội Kín dần dần tan rã.

Kịp khi Đạo Cao Đài khai mở (1926) Ông Lê Văn Trung thọ phong Đầu sư rồi lên Quyền Giáo Tông. Nguyễn Văn Trước thọ chức Lễ Sanh rồi lên Chưởng Nghiêm Pháp Quân (tương đương phẩm Giáo sư bên Cửu Trùng Đài). Ông Lê Văn Trung khuyên Tư Mất xây dựng ở Phú Thọ một Thánh Thất, dưới làm nhà ở trên thờ Thiên Nhân gọi là Trước Lý Minh Đài <sup>27</sup>.

Tôi đã vài lần đến tận chùa này để xem, kiểu kiến trúc độc đáo. Nền đúc khá cao, bốn phía mở 4 cửa lớn, ngụ ý đón nhận cả đông tây nam bắc. Trong nhà gọi là chùa còn có ảnh ông trong lễ phục chức sắc của Đạo ( Sơn Nam, sách đã dẫn, trang 60-61).

Nhà văn Sơn Nam có nhận định về Nguyễn Văn Trước với lời lẽ đơn giản nhưng vô cùng thâm thúy, khiến ta phải suy nghĩ và xét lại:

Tư Mất là người mà các nhà viết sử thời Phan Xích Long đều nhớ. Tên ông ngày nay ít ai nhắc nhở nhưng thành phố HCM có tên đường Phan Xích Long chắc ông cũng ngậm cười nơi chín suối.

Tóm lại về hoạt động cứu dân giúp nước của Ông Lê Văn Trung có thể đề cao 5 điểm sau đây:

1-Năm 1906 Ông cùng Ông Gilbert Chiếu , Nguyễn an Khương lập phong trào Minh Tâm Công Nghệ tại Sài gòn để có ngân khoản giúp học sinh miền Nam Đông Du.

2-Năm 1906 Ông cùng Ông Diệp Văn Cương ( Hội Đồng Bến Tre) và 4 hội viên khác phản kháng dự thảo Luật “ Lục hạng điền” của Thống Đốc Nam Kỳ.

---

27- Trước Lý Minh Đài giảng cơ Đại Thừa Chơn Giáo mà phái Chiếu Minh dùng để tịnh luyện.

3-Năm 1913 Ông cùng một số trí thức Sài Gòn Chợ Lớn đưa ra kế hoạch thành lập Nữ Học Đường Áo Tím tức Trường Nữ Gia Long, trường nữ Nguyễn Thị Minh Khai ngày nay.

4-Năm 1916 Ông chỉ đạo Nguyễn Văn Trước lập Hội Kín để phá khám lớn Sài Gòn, giải phóng các tù chính trị.

5-Năm 1925 Ông tham gia phong trào Phật giáo Canh Tân (Le Bouddhisme renové) làm nòng cốt cho việc khai đạo Cao Đài sau này.

Ông Lê Văn Trung quả là người năng nổ chống cường quyền, chống áp lực bất công và luôn luôn đề cao canh tân đổi mới.

## CHƯƠNG II

### NGỘ ĐẠO VÀ ĐẮC PHONG THƯỢNG ĐÀU SƯ (1875 -- 1925)

- 1-Ông Trung ngộ Đạo
- 2-Thọ Thiên Ân Đầu Sư Thượng Trung Nhựt
- 3- Khai tịch Đạo với chính quyền Pháp
- 4-Nghi tiết đàn lễ và Kinh Tứ Thời
- 5-Ngài Lê Văn Trung có công đầu trong Đại Lễ Ngày Khai Đạo.

#### 1 - Ông Trung ngộ đạo

Để thực hiện phương châm: “Tam giáo qui nguyên, Ngũ chi hợp nhất”, Đạo Cao Đài đã tiến từng giai đoạn trong sự hình thành và bành trướng nền tôn giáo.

Từ 1920-1926 là thời Thiên Khai Hoàng Đạo. Trong giai đoạn này có tính cách cầu cơ thỉnh Tiên học hỏi về vô hình và đạo giáo, nên các đồng tử được phong là Đạo sĩ hoặc Tiên đồng. Thời kỳ này, Đạo thu hút nhiều kẻ ưu thời mẫn thế. Đó là những người lãnh đạo Cao Đài sau này. Ông Lê Văn Trung cũng nằm trong trường hợp những người thích nghe tiên tri, lời Thánh dạy mà ngộ Đạo.

Vào tháng tư nhuận năm Ất Sửu (6-1925), Đàn Chợ Gạo ở Phú Lâm thường đêm có thiết đàn thỉnh tiên. Đàn này thờ Quan Thánh thuộc chi Minh Lý thuộc Ngũ chi Đại Đạo do các ông Nguyễn Hữu Lữ, Nguyễn Hữu Đắc quen thân với ông Trung thiết lập. Thế nên, ông Đắc mời ông Lê Văn Trung vào đàn, ông Đắc thấp nhang van vái, bỗng nhiên một hào quang từ bàn thờ Đức Quan Thánh bay lên. Đồng tử Diệp cũng mê man. Ông Đắc đem giấy bút cho đồng tử chấp bút viết những chữ mà không ai hiểu. Có người đọc được giản tự mới biết đó là Đức Lý Thái Bạch giảng đàn, khuyên ông Trung nên đi tu.

Việc chi cũng có sự an bày của Ông Trên. Kể từ năm 1920, công việc lãnh đầu của ông Trung ngày càng lụn bại, đến năm 1924 coi như phá sản. Ngày 6-10-1925 ông từ chức khỏi Nghị Viện Đông Dương. Dần dần, ông sa vào chỗ nghiện ngập, hai mắt của ông như bị lò, đi đứng khó khăn. Nghịch cảnh đó nhắc nhở đánh thức ông lìa khỏi hồng trần mê muội để quay về bến giác.

Thế nên, từ dạo đó, ở Chợ Gạo thiết lễ đàn là có mặt ông tham dự. Gác bỏ dần chuyện kinh doanh, hút sách, ông dốc lòng đi tu. Khi Đức Chí Tôn thân ông làm đệ tử thì đàn Chợ Gạo bế luôn. Điều ấy thật huyền nhiệm.

Đêm 27-11 Ất Sửu (11-1-1926) Ông Lê Văn Trung đến nhà ông Cao Quỳnh cư thiết lập đàn cầu Tiên. Đức Chí Tôn ban cho Ngài bài thi:

Già trí đừng lo trí chẳng già  
Lương tâm mình biết hỏi chi xa.  
Thêm đầu Trời ngó lòng như đạo  
Hư thật rồi đây cũng biết mà.

Đến mồng 5 tháng 12 năm Ất Sửu (18-1-1926), Đức Chí Tôn giáng cơ dạy hai ông Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc đem cơ đến nhà ông Lê Văn Trung ( ở Quai Testard) độ ông ấy.

Đức Phạm Hộ Pháp kể lại rằng :

“ Buổi nọ, ông Lê Văn Trung làm Thượng Nghị Viên lớn lắm. Ông là người hết sức đời. Tôi và Đức Cao Thượng Phẩm không hạp chút nào. Tôi kỵ hơn hết, ý định không làm điều đó đặng.

“ Khi chúng tôi ôm cái cơ đến nhà Ngài đặng Đức Chí Tôn độ. Mục đích của chúng tôi là Đức Chí Tôn bảo đâu làm đó vậy thôi. Khi vô tới nhà thú thật với Ngài rằng chúng tôi được linh Đức Chí Tôn đến nhà Anh phò loan cho Đức Chí Tôn dạy đạo. Ông biết Đấng đó hơn chúng tôi (là nhờ Đàn Chợ Gạo đã viết ở trên) nên lo sắp đặt bàn ghế sửa soạn buổi phò loan rồi ông nhập môn.

“ Trong nhà có một người con nuôi tên là Thanh còn nhỏ tuổi. Hai cha con kiếm được cái cơ, vái cầu cơ. Khi phò loan thẳng nhỏ ngủ, ông thì thức. Cơ chạy hoài. Ông hỏi thì Đức Chí Tôn

trả lời, chỉ có hai người biết với nhau thôi. Từ đó ông mới tin Đức Chí Tôn”<sup>28</sup>

Trong đàn cơ này, Đức Chí Tôn phán truyền: “ Trung nhứt tâm nghe con ! Sống cũng nơi Thầy, thác cũng nơi Thầy, thành cũng nơi Thầy mà đoạ cũng nơi Thầy. Con lấy sự sáng mắt của con mà suy lấy<sup>29</sup> ”.

Từ đó cho đến lúc qua đời, ông Lê Văn Trung được sáng mắt trở lại. Đứa con nuôi tên Thanh khỏi dẫn dắt nữa. Sau đó, ông Ca Bảo Đạo cũng được Đức Chí Tôn cho sáng mắt.

Đến ngày 21-1-1926, Đức Chí Tôn dạy ông Trung, Cư, Tắc như vậy:

Mặt Nhứt hồi mô thấy xẻ hai  
Có thương mới biết Đấng Cao Đài  
Cũng con cũng cái đồng môn đệ  
Bụng muốn phân chia hỏi bởi ai ?

Đức Chí Tôn dạy Vô vi với Phổ độ như dương với âm vốn là một mà phân chi do đâu ? Thế nên, đêm 23-1-1926, Đức Chí Tôn phán truyền:

Chín Trời mười Phật cũng là Ta  
Truyền đạo chia ra nhánh nhóc ba.  
Hiệp một chủ quyền tay nắm giữ  
Thánh Tiên Phật đạo vốn như nhà.

Đêm 27-1-1926, ông Trung phân vân về việc tu luyện tâm pháp, nên hỏi Cô Thất Nương rằng :

- Có duyên luyện đạo cùng chăng ? Xin em mách giùm .

Thất Nương đáp :

- Đã gặp đạo tức có duyên phần. Rán tu luyện, siêng thì thành, biếng thì đoạ. Liệu lấy mà răn mình. Phải sớm tính. Một ngày qua, một ngày chết. Đừng do dự.

Do đó, Đức Lý Thái Bạch khuyến khích ông Trung luyện tâm

<sup>28</sup>- Phạm Hộ Pháp: Bài thuyết đạo đêm 13-10-năm Giáp Ngọ (1954).

<sup>29</sup>- Nguyễn Trung Hậu, Đại Đạo Căn Nguyên, tr. 18.

pháp:

Có công phải biết gắng nên công (PHU)  
Tu tánh đã xong tới luyện lòng (TÂM)  
Kinh sách đầy đầu chưa thoát tục,  
Đơn tâm khó (THIÊN) định lấy chi mong ?

Hôm đó đủ mặt các cao đồ Chiêu, Trung, Kỳ, Cư, Tắc, Sang, Đức, Hậu, nên Đức Chí Tôn cũng giảng đàn dạy :

Đã để vào toà một sắc hoa  
Từ đây đàn nội tử như nhà.  
Trung thành một dạ thờ Cao sắc  
Sống có Ta, thác cũng có Ta.

\*\*\*

Đài sen vui nhánh trở thêm hoa  
Một đạo như con ở một nhà  
Hiếu nghĩa tương lai sau tự hội  
Chữ trung Từ Phụ vốn là Ta.

Ngày 28-1-1926, Đấng Chí Tôn lại dạy riêng cho ông Trung:

Một ngày thỏ mỏ một ngày qua  
Tiên Phật nơi mình chẳng ở xa  
Luyện đặng tinh thông muôn tuổi thọ  
Cửa thiên xuất nhập cũng như nhà.

\*\*\*

Cương toả dương thời đã giải vây  
Đừng mơ oan nghiệt một đời này,  
Hữu duyên độ thấu nguồn chơn đạo  
Tu niệm khuyên bền chớ lá lay.

“ Trung, con thờ Thầy trên hết là phải. Con đem tượng Quan Vân Trường qua bên trái Thầy, Quan Âm bên mặt, còn Lý Thái Bạch thì dưới Thầy. Đại Từ Phụ hiểu và thương con là bực nào?”

Một trời một đất một nhà riêng,  
Dạy dỗ nhân sanh đặng dạ hiền  
Cầm mối Thiên cơ lo cứu chúng

Đạo Người vẹn vẻ mới thành tiên”

Ta thấy Đức Chí Tôn chú ý dạy ông Lê Văn Trung nhiều nhất vì trọng trách hồng dương Đại Đạo sau này do nơi tâm chí của ông. Đức Cao Đài dạy ông Lê Văn Trung ba điều chính :

- 1.-Đạo vốn chỉ có MỘT : “ Cũng con cũng cái đồng môn đệ”.
- 2.-Dạy Tâm pháp thiên định :” Tiên Phật NƠI MÌNH chẳng ở xa”. Đây là quan niệm hết sức tiến bộ. Tiên Phật trong tâm ta, không nên tìm ở ngoài.
- 3.-Sống chết có Thầy: “ Sống có Ta, mà thác cũng có Ta”. Đừng lo sợ điều gì, mà cứ thành tâm lo phổ độ chúng sanh, coi nhân loại là con chung của Thượng Đế.

Thế nên, ngày 21-8-Bính Dần (27-9-1926), Đức Cao Đài dạy : Đạo Cao Đài sẽ là quốc đạo. Bởi lẽ, Tam giáo là quốc đạo (đời Lý, Trần), mà Đạo Cao Đài qui Tam giáo, vậy Đạo Cao Đài là quốc đạo rất phù hợp luận lý học (logique). Như vậy, Đạo Cao Đài đã thừa kế vốn sống chung của các tôn giáo cổ xưa, từ đó phát huy truyền thống đại đoàn kết dân tộc tiến lên tầm cao mới: “ Nam phong thử nhứt biến như phong”. Con người mở rộng lòng bác ái, tình thương yêu với mọi người. Bởi lẽ, giáo lý Đạo Cao Đài là Đại Đồng nên không thiên Duy Tâm mà cũng không thiên Duy Vật vì Tâm và Vật thực tiễn không thể tách rời nhau mà chỉ là hai phương diện cùng một bản thể, tương trợ lẫn nhau: tâm vật hình hành, theo con đường Trung Dung Khổng Thánh đã chỉ rành!

Làm người, ai cũng phải ngụp lặn trong biển trần để tìm sống (nhập thế) và đến lúc nào đó, con người cảm thấy cần giải thoát vì con người sinh ra không phải để lao vào chiếm lĩnh thế giới mà để tìm cách tháo gỡ, thoát ly khỏi bản thân (xuất thế) đầy dục vọng và ham muốn của chính mình.

## 2. - Thọ Thiên Ân Đầu Sư Thượng Trung Nhứt

Vào 30 Tết (thứ sáu 12-02-1926), theo lệnh Đức Chí Tôn các môn đệ đầu tiên đi thăm và chúc Tết gia đình các đạo hữu. Đêm đó, ông Ngô Minh Chiêu pháp đàn. Phò loan là hai ông

Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc. Mỗi ông đều được Đức Chí Tôn cho một bài tứ tuyệt mà bài của ông Lê Văn Trung là một lời tiên tri về cơ phổ độ sẽ phát triển :

Đã thấy ven mây lối mặt dương,  
Cùng nhau xúm xít dẫn lên đường.  
Đạo cao phó có tay cao độ  
Gần gũi sau ra vạn dặm trường.

Sau đó, các ông vội trở về nhà ông Lê Văn Trung để lập đàn giao thừa. Đức Chí Tôn phân nhiệm các môn đệ như sau :

“Trung, Kỳ, Hoài, ba con phải lo thay mặt Chiêu mà đi độ người, nghe và tuân theo...”

“Đắc, con phải hiệp vào đặng giúp đỡ Trung. Nghe và tuân theo .

“Đức, Hậu tập cơ. Sau theo mấy anh con độ người. Nghe và tuân theo”

Vào ngày mùng 9 tháng giêng năm Bính Dần ( Chủ nhật 21-2-1926), các ông thiết lễ vía Đức Chí Tôn lần đầu tiên tại nhà ông Vương Quan Kỳ. Đức Cao Đài giảng dạy:

Bửu toà thơ thới trở thêm hoa  
Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà  
Chung hiệp rán vun nền đạo đức  
Bền lòng son sắt đến cùng Ta.

Ông Chiêu xin Đức Chí Tôn điểm danh các vị cao đồ. Cơ liên gõ:

**Chiêu, Kỳ, Trung** độ dẫn **Hoài** sanh  
**Bản** đạo khai **Sang, Quý, Giảng** thành  
**Hậu, Đức, Tắc, Cư** thiên địa cảnh  
Huờn, Minh, Mân đảo thủ đài danh.

Mười hai tên nhưng 13 đệ tử, hai ông Võ Văn Sang và Cao Hoài Sang<sup>30</sup> điểm chung một tên. Còn Quờn, Minh, Mân là ba người khách của ông Vương Quan Kỳ.

Đàn Phố Hàng Dừa ( chợ Thái Bình) lập tại nhà ông Cao Quỳnh

*30-Tiểu sử Quan phủ Ngô Văn Chiêu (in lần thứ năm), Sài gòn 1962.*

Cơ không đủ cung ứng cho cơ đạo ngày càng phát triển nên mở thêm các đàn khác ở nhiều nơi như Đàn Cầu Kho, Đàn Lộc Giang tại chùa Phước Long (Chợ Lớn), Đàn Tân Định tại nhà ông Nguyễn Ngọc Thơ, Đàn Thủ Đức, Đàn Tân Kiên (Cần Giuộc). Theo chính quyền Pháp, ở Nam Kỳ đã xuất hiện hai mươi một địa điểm là nơi lập đàn của Đạo Cao Đài<sup>31</sup>

Việc lập đàn cơ phổ độ lúc đầu đem lại nhiều kết quả tốt. Nhiều người có địa vị và giàu sang theo Đạo như Đốc phủ Lê Bá Trang, Tri phủ Nguyễn Ngọc Tường, Lê Văn Hoá, ông bà huyện Nguyễn Ngọc Thơ, Lâm Thị Thanh. Các bậc chân tu như Lê Văn Lịch, Trần Đạo Quang, Nguyễn Văn Tường, Nguyễn Văn Kinh, Hoà Thượng Như Nhãn, Yết Ma Luật, Nhung v.v...

Người nhập môn ngày càng đông, các ông Trung, Kỳ, Bản lập đàn giảng đạo, ông Cao Quỳnh Điều lo việc lễ nhạc, bà Mỹ Ngọc lập đồng nhi, bà Nguyễn Thị Hiếu may áo mào kịp kỳ Thiên phong.

Để chuẩn bị Thiên phong tại nhà ông Lê Văn Trung, Đức Cao Đài dạy ông Trung sắp đặt bốn cái ghế để tạm thay một ngai rồng (Giáo Tông) và ba ngai lân (3 Đầu Sư).

Bàn thờ Ngũ Lôi đặt phía trước Thiên Bàn, có bài vị: “Cửu Thiên Cảm Ứng Lôi Thịnh Phổ Hoá Thiên Tôn” và lá bùa Kim Quang Tiên. Đối diện với Thiên Bàn lập bàn Vi Hộ Pháp (Vi Đà Hộ Pháp, một trong Tứ Thiên Vương, viết bằng chữ V bấm môi<sup>32</sup>). Hai bàn thờ này cho đạo hữu (Đạo hữu là bạn đạo. Chức sắc và tín đồ mới là cấp bậc người theo đạo) lập thệ khi được phong chức sắc hay khi mới nhập môn.

Đêm 13-3- Bính Dần (24-4-1926), Đức Chí Tôn dạy vì sao phải lập các phẩm chức sắc như vậy:

“Thầy nhất định chính mình Thầy đến mà độ rồi các con, chẳng chịu giao Chánh giáo cho tay phàm. Nhưng mà buộc phải lập

Chánh thể có lớn nhỏ dạng dễ bề cho các con dìu dắt lẫn nhau. Anh trước em sau mà đến nơi Bồng Đảo”

Tuy vậy, Đức Chí Tôn nhấn mạnh: “Chẳng một ai dưới thế này còn đặng phép nói rằng thế quyền của Thầy mà trị phân hồn cho nhân loại”.

Ngày 14-3 (25-4), Đức Chí Tôn dạy cách hành lễ Thiên phong, về sau coi đó mà noi theo.

Trước bàn Ngũ Lôi, hai tay chắp trên trán, cúi xuống lá bùa Kim Quang Tiên và thề:

“Tôi là Lê Văn Trung tự Thiên ân là Thượng Trung Nhựt và Lê Văn Lịch tự Thiên ân là Ngọc Lịch Nguyệt, thề Hoàng Thiên Hậu Thổ trước bửu pháp Ngũ Lôi rằng làm tròn Thiên Đạo và dìu dắt mấy em chúng tôi đều là môn đệ của Đức Cao Đài Ngọc Đế. Nhứt nhứt do lệnh Thầy phân định, chẳng dám chuyên quyền mà lập thành tả đạo. Như ngày sau hữu tội thì thề Ngũ Lôi tru diệt”.

Rồi đến bàn thờ Vi Hộ Pháp thề rằng: “Như ngày sau phạm Thiên Điều thề có Hộ Pháp đọa tam đồ bất năng thoát tục”.

Đến thời Tý, ngày 15-3-Bính Dần (26-4-1926), Đức Chí Tôn ân phong:

- Đầu Sư Thượng Trung Nhựt (Lê Văn Trung)
- Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt (Lê Văn Lịch)
- Thượng Sanh Cao Hoài Sang
- Thượng Phẩm, Tá Cơ Tiên Hạc Đạo Sĩ Cao Quỳnh Cư
- Hộ Pháp, Hộ giá Tiên Đồng Tá Cơ Đạo Sĩ Phạm Công Tắc
- Tiên Hạc phò cơ Đạo Sĩ: Trương Hữu Đức và Nguyễn Trung Hậu.
- Tiên Sắc Lang Quân Nhậm Thuyết Đạo Giáo Sư Vương Quan Kỳ.
- Tiên Đạo Công Thần Thuyết Đạo Sư Đoàn Văn Bản.

Từ xây bàn đến đây chưa tròn một năm mà cơ chế Hội Thánh đã mạnh nha hình thành hai đài: Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài. Đó là niềm vui lớn cho giáo dân, nhưng là nỗi lo cho chính quyền bảo hộ. Vì thế, Ngài Lê Văn Trung phải sắp xếp mọi thủ

31- *Gouvernement Général de l'Indochine, Contribution à l' Histoire des Mouvements Politiques de l'Indochine Française, VII- Le Caodaisme - Hà nội 1934, tr. 81*).

32- Xem “*Chân Dung Hộ Pháp Phạm Công Tắc*” cùng soạn giả.

tục để khai tịch đạo để tránh mọi khó khăn sau này.

### 3. - Khai tịch Đạo với chính quyền Pháp

Tập trung nhiều người mà không có giấy phép hội họp là nỗi lo lớn của Ngài Lê Văn Trung. Các đàn cơ đầu thế nào tránh khỏi sự theo dõi của mật thám Pháp. Ông phủ Chiêu, Nguyễn Văn Hoài, Võ Văn Sang biết luật pháp chính quyền đô hộ hơn ai hết. Dù được điểm đạo là môn đệ của Đức Cao Đài, các ông vẫn lánh xa các cuộc tụ tập đông đảo. Trong tập Le Caodaisme, Thanh tra Lalaurette đã nhắc đến các văn kiện lập qui thời đó về tín ngưỡng dân gian. Điều 144 Hình luật, Quyển 6, Đoạn 6 bắt nạt nhân phải chịu xử giáo. Nghị định ngày 22-4-1873 cho phép truy nã những tín đồ. Đô đốc La Font cho mật thám trà trộn theo dõi các nơi đáng nghi ngờ<sup>33</sup>. Thế nên, Pháp cho thông dịch viên Nguyễn Văn Tường, cảnh sát Trần Văn Tạ, Quân Báo .... trà trộn để theo dõi Đạo nhưng rốt cuộc các người này lại theo Đạo và thọ Thiên ân.

Dự kiến trước những khó khăn sắp xảy đến, Ngài Lê Văn Trung lo lắng nên ngày 16-8-Bính Dần (22-9-1926), Đức Chí Tôn dạy “ Các con xin chánh phủ Lang sa đặng khai (tịch) đạo, thì cực chẳng đã Thầy ép lòng mà chịu vậy cho từng nơi thiên cơ”<sup>34</sup>

Khi tái cầu, Đức Chí Tôn dạy hai vị Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt phải nhóm họp các môn đệ mà lo khai đạo<sup>35</sup>

Gần tuần sau, ngày 28-9-1926, Đức Chí Tôn giảng dạy :

“ Thầy các con,

“ Trung, con biết Thầy thương yêu nhân loại là dường nào chưa? Những điều ngăn trở đều do nơi tiền khiên của chúng sanh. Đã vào trọn một thân mình nơi ô trọc thì Thầy đây cũng khó mà rửa với một gáo nước cho đặng trong sạch. Nhân loại đã thâm nhiễm vào tình luyến ái tà mị trên mười ngàn năm, thì thế nào gọi Thánh Đức trong một lúc chẳng tới một năm cho

33-Lalaurette et Vilmont, *Le Caodaisme, Sài gòn 1933, tr. 91.*

34-Hương Hiếu, *Đạo Sử, Tây Ninh 1969, trang 240-241.*

35- *Hương Hiếu sách đã dẫn, trang 240-241.*

tròn lành đặng.

“ Rất đổi Thầy là một bậc Chí Tôn đây mà còn bị chúng nó mưu lén cho qua Thánh ý Thầy thay ; một đàn trì một đàn kéo, phẩm thay cho các con chịu ở giữa.

“ Thầy dạy các con một điều là biết tranh đấu cùng Thầy, hễ nó tấn thì mình chống, cân sức cho bằng hay trội hơn mới đắc thắng. Các con chịu nổi thì đạo thành, các con ngã thì đạo suy, liệu lấy.

“ Cầm cả quyền hành vô lượng nơi tay, Thầy ngó một cái cũng đủ tiêu diệt nó đặng, nhưng mà phép công bình thiêng liêng chẳng phải nên vậy. Ấy cũng là cơ mầu nhiệm cho các con có thể lập công quả.

“Trung, Lịch, hai con phải hội Chư Thánh mà xin khai đạo. Phải làm đơn dâng cho Thầy xét sửa trước nghe !”<sup>36</sup>

Ngày hôm sau, ngày 23-8-Bính Dần (29-9-1926), các môn đệ họp tại nhà ông Nguyễn Văn Tường ở đường Galliéni (nay là Trần Hưng Đạo) để lập danh sách 240 đạo hữu đứng tên để xin khai tịch đạo. Trời mưa tầm tã, đông gió kéo dài trong ba tiếng đồng hồ, làm ngập đường lộ nên giao thông bị bế tắc. Đó là ơn Trên ám trợ để cuộc họp không bị mật thám Pháp phá vỡ.

Hai vị Đầu Sư triệu tập cuộc họp dự thảo đơn khai tịch đạo. Các đạo hữu đồng ý về nội dung. Sau đó, Ngài Lê Văn Trung tu chỉnh lại. Mãi đến ngày 1 tháng 9 năm Bính Dần (7-10-1926), thêm 27 vị nữa, đồng ký tên trong tờ khai đạo gửi lên Thống Đốc Nam Kỳ Le Fol.

Sau buổi họp lúc đó đã nửa đêm, các Ngài lập Đàn, được Đức Chí Tôn dạy như sau:

“Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương: Hỉ chư môn đệ,

Trung. Lịch, Trang, Thơ . . . . các con lấy tên các môn đệ Thầy có mặt tại đây, nam nữ mà đem vào tờ Khai Đạo.

Thầy dạy Ông Cao Quỳnh Diêu đọc từng tên, hễ cơ gõ xuống là người ấy chính thức đứng tên trong tờ Khai Đạo. Tiếp đó

36- *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I, trang 29 -30.*



Đức Chí Tôn duyệt toàn nội dung tờ khai Tịch đạo do Ngài Lê Văn Trung dịch ra Pháp Văn từ bản Việt Ngữ của đồng đạo.

Xem thế, công đầu khai minh Đại Đạo với chính quyền với toàn dân là của Ngài Thượng Trung Nhật. Nếu Đức Chí Tôn không giao cho Ngài mà giao cho những người sợ Pháp thì chắc chắn cơ đạo sẽ trì trệ, giáo dân sẽ gánh chịu nhiều tai nạn khó lường. Bởi vì “ ngoài ông Trung ra, lúc bấy giờ chắc không ai dám đứng đầu để đệ đơn lên chánh phủ Pháp hết”<sup>37</sup>

### **TỜ KHAI TỊCH ĐẠO**<sup>38</sup>

Sài Gòn ngày 7 tháng 10 năm 1926.

Thưa ông Thống Đốc,

Những người ký tên dưới đây hân hạnh trình báo cho ông biết những điều sau :

Ở Đông Dương, từ xưa đến nay đã có Tam giáo (Phật, Lão, Khổng). Tổ tiên chúng tôi đã tu theo giáo lý Tam giáo và sống hạnh phúc nhờ nghiêm nhậi noi theo những lời dạy làm lành của giáo chủ Tam giáo.

Ngày xưa, con người sống vô tư đến mức có thể ngủ không cần đóng cửa và chẳng tham lượm của rơi ngoài đường,(Gia vô bế hộ, lộ bất thậi di là câu nói đã được ghi trong sử sách của chúng tôi).

Than ôi ! Thời đại tốt đẹp đó không còn nữa bởi những lý do dưới đây:

1. Tín đồ của các tôn giáo tìm cách chia rẽ nhau, trong khi vạn giáo đều có chung một mục đích là làm lành lánh dữ, thờ kính Đấng Tạo Hóa.

2. Họ lại canh cãi chánh truyền làm sai lạc các giáo lý thiêng

*37- Đồng Tâm, Lịch sử Đạo Cao Đài, Tập II, Sài Gòn 1972, trang 144.*

*38- Xem nguyên văn tiếng Pháp trong “PHỤ CHÚ I” Sài Gòn, ngày 7 tháng 10 năm 1926.*

*Bản Việt Ngữ do đồng đạo viết, Ông Lê Văn Trung dịch ra Pháp Văn*

liêng quý báu.

3. Sự ganh đua theo bả vinh hoa, phú quý, lòng tham vọng của loài người, tất cả là những nguyên nhân chính của những bất đồng tư tưởng hiện nay. Người Việt Nam bây giờ đã từ bỏ hết mỹ tục và truyền thống ngày xưa.

Thấy tình cảnh đau lòng đó, một nhóm người Việt Nam bao gồm những người có nhiệt tình với truyền thống và mộ tu hành đã nghiên cứu canh tân tất cả các tôn giáo này lại làm một thành đạo Cao Đài hay là Đại Đạo.

Tiêu ngữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có nghĩa là Kỳ Ba Đại Ân Xá, tên này do Đức Chí Tôn ban cho và Ngài đã giáng trần phò hộ cho những người ký tên dưới đây thành lập nền Tân tôn giáo này. Đức Chí Tôn ngự đến với danh xưng Ngọc Hoàng Thượng Đế tức CAO ĐÀI hay “ Đấng Tối Cao, THƯỢNG ĐẾ TOÀN NĂNG”.

Qua cặp đồng tử phò loan, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế truyền cho những người ký tên dưới đây các Thánh giáo cốt để truyền bá tôn chỉ Tam giáo thời xưa.

Nền giáo lý mới sẽ dạy cho nhân sanh những điều sau:

1. Luân lý cao thượng của Đức Khổng Phu Tử.
2. Đạo đức của Phật giáo và Lão giáo là làm lành lánh dữ, thương yêu nhân loại, sống hoà thuận, xa lánh mọi sự chia rẽ và chiến tranh.

Chúng tôi hân hạnh gửi kèm theo cho ông xét :

1. Một vài đoạn trích lục trong tập “ Thánh Ngôn” của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, những lời dạy quý báu hơn tất cả mọi điều hiện hữu trên thế gian này.
2. Một vài đoạn trong quyển Kinh cầu nguyện mà Đức Thượng Đế đã dạy chúng tôi.

Những người ký tên dưới đây theo đuổi mục đích đưa loài người trở lại thời xa xưa hoà bình và hoà hợp. Nhờ đó, con người sẽ hưởng tới một thời đại mới hạnh phúc khôn cùng.

Nhân danh đa số những người Việt Nam đã tán đồng hoàn toàn

những nghiên cứu này, có kèm danh sách đính kèm, những người có tên dưới đây hân hạnh tuyên bố cho ông hay rằng chúng tôi sẽ phổ truyền cho toàn thể loài người giáo lý thiêng liêng này.

Tin tưởng trước rằng nền Tân tôn giáo này sẽ mang tới cho mọi chúng ta hoà bình và hoà hiệp, những người ký tên dưới đây yêu cầu ông hãy chánh thức tiếp nhận tuyên ngôn (lập Đạo) của chúng tôi.

Thưa ông Thống Đốc, xin ông ghi nhận những cảm tình trân trọng và chân thành của chúng tôi.

### **DANH SÁCH 28 MÔN ĐỆ KÝ TÊN TỜ KHAI TỊCH ĐẠO**

1. Bà Lâm Ngọc Thanh, nghiệp chủ Vũng Liêm
2. Ông Lê Văn Trung, cựu Thượng Nghị Viên, Ngủ Đẳng Bắc Đẩu Bội tinh, Chợ Lớn.
3. Ông Lê Văn Lịch, Thầy tu làng Long An, Chợ Lớn
4. Ông Trần Đạo Quang, Thầy tu làng Hạnh Thông Tây, Gia Định
5. Ông Nguyễn Ngọc Tương, Tri phủ, chủ quận Cần Giuộc
6. Ông Nguyễn Ngọc Thơ, nghiệp chủ, Sài Gòn
7. Ông Lê Bá Trang, đốc phủ sứ, Chợ Lớn
8. Ông Vương Quan Kỳ, tri phủ Sở thuế thân, Sài Gòn
9. Ông Nguyễn Văn Kinh, thầy tu Bình Lý thôn, Gia Định
10. Ngô Tường Vân, thông phán Sở Tạo Tác, Sài Gòn
11. Ông Nguyễn Văn Đạt, nghiệp chủ, Sài Gòn
12. Ông Ngô Văn Kim, điền chủ, Cần Giuộc
13. Ông Đoàn Văn Bản, đốc học Cầu Kho, Sài Gòn
14. Ông Lê Văn Giảng, thơ ký kế toán, Sài Gòn
15. Ông Huỳnh Văn Giải, thông phán Sở Tân Đáo, Sài Gòn
16. Ông Nguyễn Văn Tường, thông ngôn Sở Tuần Cảnh, Sài Gòn
17. Ông Cao Quỳnh Cư, thơ ký Sở Thương Chánh, Sài Gòn
18. Ông Phạm Công Tắc, thơ ký Sở Thương Chánh, Sài Gòn
19. Ông Cao Hoài Sang, thơ ký Sở Thương Chánh, Sài Gòn
20. Ông Nguyễn Trung Hậu, đốc học tư thực Đa Kao
21. Ông Trương Hữu Đức, thơ ký Sở Hoả Xa, Sài Gòn

22. Ông Huỳnh Trung Tuất, nghiệp chủ, Sài Gòn
23. Ông Nguyễn Văn Chức, cai tổng, Chợ Lớn
24. Ông Lại Văn Hành, hương cả, Chợ Lớn
25. Ông Nguyễn Văn Trò, giáo viên, Sài Gòn.
26. Ông Nguyễn Văn Hương, giáo viên, Đa Kao
27. Ông Võ Văn Kinh, giáo tập, Cần Giuộc
28. Ông Phạm Văn Tỹ, giáo tập, Cần Giuộc

Trong danh sách có 28 vị đứng tên trong Tờ Khai Tịch Đạo, hơn nữa là công chức Pháp nên họ hiểu luật lệ hơn ai hết. Thế mà, ngoài bản tuyên ngôn chỉ kèm theo một bản sao lục Thánh ngôn và một bản dịch Kinh. Điều ấy chứng tỏ rằng Thượng Đế mở đạo giáo dân thì không cần đặt vấn đề xin phép. Trong tờ khai cũng không có từ ngữ nào chứng tỏ các vị xin phép mà chỉ là Tờ Tuyên Ngôn khai đạo Cao Đài.

Thật vậy, Thống Đốc Le Fol không hề ký giấy phép nào cho Đạo Cao Đài hoạt động. “ Ngày 7-10-1926 Thống Đốc Nam Kỳ đã nhận được tuyên ngôn chính thức về việc thành lập Đạo Cao Đài. Ông đã khôn khéo tiếp nhận văn kiện, tuy nhiên không cam kết công nhận chính thức mối đạo”. Ông G. Meillon gọi đó là Bản Tuyên Ngôn chánh thức về sự thành lập Đạo Cao Đài ( La déclaration officielle de la fondation du Caodaisme) <sup>39</sup>

Trong Le Caodaisme au Cambodge, Pierre Bernardini đã gọi tên đích xác văn bản đó là : “ Déclaration officielle adresse par les fondateurs au Caodaisme à M. Le Fol, Gouverneur de la Cochinchine” <sup>40</sup>

Thống Đốc Le Fol tuy không đàn áp công khai Đạo Cao Đài, nhưng ra lệnh bằng mật điện số 146C ngày 14-11-1926, lưu ý các chủ tỉnh về hoạt động đạo giáo của nhóm ông Lê Văn Trung và ra lệnh cho các chủ tỉnh phải bí mật theo dõi việc truyền đạo và báo cáo cho ông bằng “mật điện” <sup>41</sup>

39- Guatave Meillon, *Le Caodaisme, in trong Les Messages Spirites* 1962.

40-Pierre Bernardini, *Le Caodaisme au Cambodge, Université de Paris VII, 1974, trang 282.*

41-Lalaurette, *sách đã dẫn, trang 15.*

Khi Thống Đốc Blanchard de la Brosse kế nhiệm Le Fol bằng Thông tư số 52C ngày 7-3-1927 ra lệnh cho các chủ tỉnh phải chấp hành mật điện 146 của Le Fol <sup>42</sup>

Toàn quyền Decoux cho rằng năm 1939 Bộ Trưởng thuộc địa Pháp Georges Mandel mới công nhận sự hiện hữu của Đạo Cao Đài tại Việt Nam <sup>43</sup> với danh nghĩa tôn kính sự tự do tín ngưỡng. Đó là sự hiểu lầm hoàn toàn vì trong Journal Officielle de L' Indochine francaise vào năm 1939 không thấy có nghị định này trong Thư viện ở Việt Nam (chính tôi tìm) cũng như ở Pháp (do G. Meillon tìm giùm). Chỉ có một điện tín của G. Mandel, Tổng Trưởng thuộc địa gửi cho luật sư Trịnh Đình Thảo, người đã bênh vực cho Đạo Cao Đài như sau :

“ Tôi đã ra lệnh để cho Đạo Cao Đài được tự do khánh thành Thánh Thất Trắng Bàng (vào năm 1939). Nếu có xảy ra việc gì, xin ông (Trịnh Đình Thảo) lập tức báo cho tôi hay” <sup>44</sup>

Trên đây là những bằng chứng cụ thể giấy trắng mực đen rõ ràng, không một ai có thể phủ nhận mà cưỡng chế mù quáng cho rằng Pháp đã ký giấy phép cho Đạo Cao Đài hoạt động hay Đạo Cao Đài do Pháp lập ra, đều võ đoán và phi lý.

Thế thì, ngày 23-8 là ngày khai sinh Đạo với toàn thể chúng sanh, với quốc dân đồng bào. Nó có một ý nghĩa hết sức to lớn thì công của người cứu mạng để ra nó cũng vĩ đại chừng ấy.

Chính vì vậy, dù đã lập Toà Thánh ở Tây Ninh. Ngài Thượng Trung Nhựt hằng năm vẫn về nhà ông Nguyễn Văn Tường hay Thánh Thất Cầu Kho để làm lễ kỷ niệm. Trong ngày 23-8 năm Mậu Thìn (1928), Ngài nói: “ Tôi rất hân hạnh vì ngày nay được thay mặt Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đặng thổ lộ ít lời, nhắc tích ngày kỷ niệm hôm nay...”

Khi cầu cơ, Đấng Chí Tôn giảng kêu tôi dạy phải cho môn đệ của Thầy tới tối 23 tháng 8 tự tại nhà đạo hữu Tường đây.

Tôi không biết rõ Thánh ý, điều tôi vâng mạng cho chư đạo

42-Lalauette, sách đã dẫn, trang 19.

43-A.Decoux: À la barre de l' Indochine, Paris, trang 235.

44-Nguyễn Kỳ Nam: Hồi ký, Tập II, năm Giáp Thìn, trang 102.

hữu hay lời Thánh truyền tối 23-8-Bính Dần tự tại đây rồi cầu Đấng Chí Tôn giảng dạy tôi phải biên tên hết các nam nữ lương phái đặng đứng thờ khai Đạo với chính phủ. Khi ấy có mặt tại đàn hết thấy là 240 vị đạo hữu. Tôi có nạp tên mấy vị ấy tại chính phủ, khi tôi dâng thờ khai Đạo là ngày 6-10-1926. tôi bạch với Đấng Chí Tôn rằng tôi không có thì giờ đủ mà đệ thờ khai Đạo cho ông Thái Lão Trần Đạo Quang ký tên. Đấng Chí Tôn giảng dạy tôi cứ việc đem tên Trần Đạo Quang vô thờ Khai Đạo. Đấng Chí Tôn có phán rằng : “ Con cứ đem tên nó vô thờ Khai Đạo, Đạo Quang nó không chối cãi đâu mà con phòng ngại”.

Từ ngày ấy, anh Trần Đạo Quang hết lòng sốt sắng vì Đạo nên Đấng Chí Tôn phong cho chức Chưởng Pháp trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Ấy là sự tích ngày kỷ niệm hôm nay. Nhìn mặt nhau đây, chúng ta thấy chúng ta phản lão hoàn đồng. Chúng ta trẻ lại hai tuổi vì chúng ta trở lại công việc hai năm về trước.

Đó là ngày vui, ngày quý báu của chúng ta. Biết vui biết quý báu chừng nào thì phải nhớ về cái ân huệ của Đấng Chí Tôn ban thưởng cho chúng ta chừng ấy. Muốn đền ơn quý trọng ấy, phải làm sao? Phải hết lòng vì Đạo, vì tín ngưỡng Đấng Chí Tôn và chư Phật, chư Tiên, vì đức háo sanh, vì cuộc tuần hoàn mà gieo mối Đạo Trời Tam Kỳ Phổ Độ ngõ hầu độ rồi sanh linh khỏi trả vay nơi trầm luân khổ ải này...

Đấng Chí Tôn vì quá thương nhân loại nên cho chúng ta được hưởng cái công khai đạo, cái công vện ngút mây xanh, làm chỗ sáng sửa bạch minh cho bước đường sau này, cũng theo dấu ấy mà tầm đến nơi yên tĩnh, làm cho khắp cả nhân sanh đều được hưởng...

Theo Thánh ý, Đấng Chí Tôn muốn cho chúng ta kết chặt nhân sanh nơi cõi Nam này đặng cùng nhau chung hiệp, tìm con đường hoà bình, lần ra khỏi khốn khổ lao lung ở cõi trần này..

Ngày nào Đạo chưa hoà, chưa đồng nhứt tâm thì đền thiêng liêng chưa đủ tỏ mà soi mấy chục triệu dân sanh nơi đây...

Ngày nay chúng ta thành tâm làm lễ kỷ niệm này, tôi tưởng cũng nên thành tâm mà chọn một người bàn hội cho đủ đạo đức. Bàn hội ấy đi dạy dỗ khuyên lớn đạo hữu từ lớn tới nhỏ phải trau dồi hạnh đức. Bàn hội ( tức Bàn Trị Sự) ấy lo cho đạo hữu Thánh Thất Cầu Kho đây. Mỗi tuần phải ra công xem xét bất bình trong Họ (Đạo), phải lo phương cứu chữa cho được yên tĩnh. Mỗi tuần phải có tờ phúc cho ông Đầu Họ.

Tôi sẽ truyền cho mỗi Họ đều sắp đặt như vậy. Ấy là phương châm chế ngự cho trong Đạo hoà bình<sup>45</sup>.

#### 4. Nghi tiết đàn lễ và Kinh Tứ Thời

Bất cứ một tôn giáo nào cũng phải có nghi lễ để tế tự các Thần linh. Từ lúc mở đạo, Đức Chí Tôn đã dạy hai vị Đầu Sư phải sao lục trong Kinh Tam Thánh Đại Động, phối hợp với Kinh bên Minh Lý mà lập ra Kinh Tứ Thời. Nhạc lễ theo nhạc cổ truyền Việt Nam vì Cao Đài là quốc đạo nên phải chọn quốc hồn. Còn dâng lễ phẩm thì lễ sĩ đi chữ tâm, ám chỉ nền Tâm Pháp ra đời.

Đàn đêm 28-5- Bính Dần (27-6-1926) Đức Chí Tôn dạy rõ :  
“Nhơn, con phải khởi sự kể từ ngày nay cho tới bữa Ngọc đàn Vĩnh Nguyên Tự, lập nhạc đủ lại hết. Nhập lễ thì đừng đánh trống Bát nhã mà đánh Ngọc Hoàng sấm, nghĩa là mỗi hồi 12 tiếng đổ xuống đủ 12 hồi, ba lần như vậy.

Bạch Ngọc Chung cũng động cách ấy. Khi nhập lễ xướng “Khởi nhạc” thì phải đánh trống và đờn bảy bài cho đủ. Chừng hiến lễ phải đờn Nam Xuân ba bài. Vị Lễ Sanh phải hiến lễ bảy bài, đi chữ TÂM. Tới khi Thầy thì đờn Đảo Ngũ cung rồi con lại bắt đầu đờn lại, cho chư môn đệ tụng kinh.

Lịch, nghi tiết con lập có Thầy giảng đủ lễ hết. Vậy con truyền nghề cho chư môn đệ đặng chúng nó theo mà hành lễ.

Nghĩa, con phải học xướng cho thuộc lâu. Biểu Đức cũng vậy. Máy đưa con là Nghĩa, Hậu, Đức, Tràng, Cư, Tắc, Sang đều mặc đồ trắng hầu theo thứ lớp như vậy :

*45-Ban Đạo Sử : Tài liệu lưu trữ.*

Nghĩa, Đức đứng xướng ngoài, tại bàn thờ Hộ Pháp, rồi Hậu, Tràng đứng cặp kế đó. Ba con sau rốt hết : Tắc giữa, Cư mặt, Sang trái.

Còn ba bàn thờ trong thì biểu Lịch lập lại như vậy :

Giữa Thượng Đàn

Hữu Ngọc Đàn

Tả Thái Đàn

Còn Thánh vị của chư môn đệ đã quá vắng thì tùy theo phái nó sắp kế theo bàn thờ Thầy.

Kỳ, Kim: Kỳ bên mặt, Kim bên trái.

Còn Bản, Giỏi một cặp Lễ Sanh ( tức lễ sĩ), đầu đi giữa với một cặp nữa Tỷ, Tiếp. Tả thì Nhơn, Tường, hữu thì Giảng, Kinh.

Lập ngoài cho đủ ba bàn vong, đều để chư Lễ Sanh hầu. Chừng nào nội xướng thì để cho Lễ Sanh điện, lễ cúng vật thì để sẵn ngoài ba bàn , chừng Lễ Sanh xướng thì đem vô cho mấy vị chức sắc hiến lễ.

Trung, con phải cậy hai vị lão thành Minh Đường hầu trong đặng tiếp lễ Thượng Đàn (nhờ Thái Lão Sư Nguyễn Văn Tường), Ngọc Đàn (nhờ Lão sư Trần Văn Thụ). Ngọc Đàn thì có Kinh và Chương, còn Thái đàn ngày ấy Thầy lựa, Cười ... Minh (tức Thiện Minh), Thầy sẽ dạy nó đến. Cười ...

Ba bàn ngoài thì mỗi bàn phải có hai vị chức sắc hiến lễ. Tương và Tươi tại giữa Thượng Đàn, Mùi và Vân bên Ngọc Đàn, còn Thái Đàn ngày ấy Thầy sẽ dạy.

Bản, đứng dậy. Thầy vẽ đi chữ Tâm là sao, rồi mới dạy tiếp đặng...

Trung, con phải giữ y nghi tiết mà hành lễ”<sup>46</sup>

Cứ xem vị trí của mỗi người được xếp đặt ở trên, dù chưa Thiên phong, ta cũng đã thấy phẩm tước của họ rồi.

Nhị vị Đầu Sư theo lời dạy của Đức Chí Tôn mà lập ra NGHI TIẾT ĐẠI ĐÀN và KINH TỨ THỜI NHỨT TỤNG. Kinh soạn cho kịp ngày Khai Đạo chính thức, nhưng mãi đến năm 1928

*46- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I, trang 15,16, 17.*

quyển Tứ Thời Nhựt Kinh mới được in tại Chợ Lớn. Ngoài bìa Kinh đề tên nhị vị Đầu Sư.

Lời Tiểu dẫn trang hai như sau :

“ Đại Đạo là hột giống rất mạnh khó mà chỉ rõ. Dầu cho ngàn kinh muôn sách cũng khó bày ra nguyên lý. Bởi vậy, Kinh Thanh Tịnh có câu rằng : “ Cường Danh Viết Đạo”. Nay rất may có nguơn hội tuần hoàn, Đấng Từ Bi giáng linh cơ mở hội Tam Kỳ Phổ Độ, rất nên tỏ rạng trong ngoài cõi nhơn hoàng, đìu dắt chúng sanh về nơi Cực Lạc.

Việc cần ích là Kinh Tứ Thời Nhựt Tụng trong mỗi chữ đều lời châu ngọc mà cung kính Đấng Từ Bi, nên phải để chánh tự chẳng nên sai lầm nghĩa lý”. Sách có 56 trang chưa kể tờ bìa. Như Tiểu dẫn viết sách in chữ Hán, chữ Nôm và chữ quốc ngữ.

Trang 46 (dạy): . . . Nghi tiết phụng thờ.

Trang 47 : . . . . . Cách lạy thường cúng tứ thời.

Trang 48 : . . . . . Giải nghĩa lạy chấp tay.

Trang 50 : . . . . . Kinh đưa linh cữu ( không phải bài Kinh hiện đang lưu hành).

Trang 51 : . . . . . Nghi lễ Đại đàn

Trang 56 : . . . . . Ngày ăn chay và ngày Thánh đản

Về Kinh thứ tự từ trang 1 đến trang 45 như sau:

Phần hương chú (tức Kinh niệm hương), Tịnh khẩu chú, Tịnh tâm chú, Tịnh thân chú, An thổ địa. Bốn bài này Tiếp lễ Nhạc quân Cao Mỹ Ngọc có nhận định : “ Những bài tịnh tâm, tịnh khẩu, tịnh thân, An thổ địa, chẳng cần đọc nơi đàn vì chẳng phải là Kinh chư Tiên, chỉ muốn dạy chúng ta biết cách thức đứng giữ mình, hầu khỏi thất lễ trước Bửu Điện. Nếu đọc thì sai, là vì ta nói rằng ta tịnh khẩu, tịnh tâm mà kỳ thật đọc um lên, rồi thế nào tịnh đặng.. Vì thế, năm 1936 khi in Kinh Thiên Đạo, Thế Đạo <sup>47</sup> bỏ hẳn ba bài này.

Thật ra, việc tịnh khẩu, thân, ý (tâm) gọi là tam nghiệp rất cần cho người tu. Tiên Phật dạy đâu lầm, tại ta dùng sai chỗ. Các bài Kinh này dùng làm chú tịnh luyện rất tốt (tức niệm thầm

---

<sup>47</sup> - Kinh Lễ, Paris Gasnier 1952, trang 139.

chớ không đọc thành tiếng).

Kế đến bài : Khai Kinh Kệ (trang 7), Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo (trang 9), Thích Giáo Chí Tâm (trang 19), Đạo Giáo Chí Tâm (trang 24), Nho Giáo Chí Tâm (trang 32). Các bài Kinh này, nửa trang dưới là lời giải nghĩa . Kinh này rút trong Tam Thanh Đại Động và Minh Lý.

Kế đến 4 bài dâng Bông, Rượu (hai bài), Trà theo Đức Minh Chiếu truyền. Năm 1930, Toà Thánh soạn ba bài dâng bông, rượu, trà như hiện nay đang dùng.

Kế tiếp là ngũ nguyện , Kệ trống, Kệ chuông. Hương tuần ca, Hoa tuần ca, Tửu tuần ca, Trà tuần ca.

Năm 1930, Ngài Lê Văn Trung cho tái bản Tứ Thời Nhựt Tụng Kinh ( xem hình 25) có sửa chữa một ít .

Chữ quốc ngữ trong bản Kinh năm 1928 viết chưa chuẩn như bản quyền viết là bản huyền; hoa tuần ca viết là hoa từng ca ... Nhưng có nhiều chữ đúng mà bản Kinh 1936 lại viết sai như bài “ Ngọc Hoàng Kinh” viết Oát triển vô biên, bản kinh năm 1936 lại viết: hoát truyền vô biên, viết như vậy trùng nghĩa với các câu trên. Đúng Oát là xoay ra, triển là trở vào.

Trong bài “ Thích Giáo Tâm Kinh” viết nhứt trụ xanh thiên, bản Kinh năm 1936 lại viết : nhứt trụ xang thiên. Chữ xanh là chống đỡ, còn chữ xang là chữ Nôm không có nghĩa là chống đỡ.

Tất một lời, từ Nghi tiết buổi đầu tới Nghi lễ hôm nay, từ Kinh Tứ Thời cho tới Kinh Thiên Đạo Thế Đạo ngày nay có nhiều thay đổi , nên gọi đó là sự canh cải hoặc bước tiến bộ, hay hay dở xin bỏ lửng...

### **5- Ngài Lê Văn Trung có công đầu trong Đại Lễ Khai Đạo.**

Sau khi lập tờ Khai Đạo với chánh phủ Pháp ngày 7-10-1926 thì việc phổ độ các Tỉnh bắt đầu từ tháng 9 năm Bính Dần để chuẩn bị ngày Khai Đạo. Phân định vùng trách nhiệm như sau:

#### **Nhóm 1:**

Do quý ông Lê Văn Trung, Nguyễn Ngọc Thơ, Trần Đạo

Quang lo việc phổ độ trong các Tỉnh: Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ (nay là Hậu Giang), Sóc Trăng, Bạc Liêu (nay là Ba Xuyên), Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên, Rạch Giá (nay là Kiên Giang).

Quý ông Cao Quiñh Cư, Phạm Công Tắc phò loan.

### **Nhóm 2:**

Do quý ông Lê Văn Lịch, Nguyễn Ngọc Tương, Yết Ma Luật (đã nhập môn) lo phổ độ trong mấy Tỉnh: Chợ Lớn, Gò Công, Tân An (nay là Long An), Mỹ Tho (nay là Định Tường) Bến Tre (nay là Kiến Hòa).

Quý ông Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức phò loan.

### **Nhóm 3:**

Do quý Ông Lê Bá Trang, Vương Quan Kỳ, Yết Ma Nhung lo phổ độ trong các Tỉnh: Tây Ninh, Thủ Dầu Một (nay là Bình Dương), Gia Định, Biên Hoà, Bà Rịa (nay là Phước Tuy), Sa Đéc. Riêng ông Nguyễn Văn Tương (Chưởng Pháp khác với ông Nguyễn Ngọc Tương) và ông Nguyễn Văn Kinh là rõ thông đạo lý hơn cả nên đi khắp các nơi mà giảng đạo.

Việc phổ độ này để chuẩn bị cho ngày Khai Đạo nên kết quả ngoài sức tưởng tượng. Chỉ trong một tháng mấy ngày mà đã có mấy vạn người nhập môn đạo. Đến tháng 10 thì tạm ngưng việc phổ độ để lo sắp đặt Lễ Khánh Thành Thánh Thất “Từ Lâm Tự” ở Gò Kén, Tây Ninh mà giáo dân quen gọi là Gò Hồng Đào vì trái kén giống trái Hồng Đào.

Chùa Từ Lâm vốn của Hoà Thượng Như Nhãn ở chùa Giác Hải, Chợ Gạo nên gọi là Hòa Thượng Giác Hải, quyền tiền trong bốn đạo của ông ấy mà lập thành. Vào tháng 7 năm Bính Dần (tháng 8-1926) ông tình nguyện dâng chùa. Lúc bấy giờ chùa chưa cất xong, nhưng Đông Lang, Tây Lang chưa có tráng xi măng chưa rồi, sơn phết chưa lo, chung quanh chùa còn nhiều cây bụi sầm uất.

Ông Nguyễn Ngọc Thơ và Bà Lâm Ngọc Thanh được lệnh chi tiền lo tất cả mọi việc cho hoàn tất để kịp kỳ khai đạo. Lại phải xây tượng Phật Thích Ca, cất Tịnh Thất, đắp đường tứ quốc lộ

22 vào chùa để xe hơi vào được, rồi nào đốn cây, trồng kiểng . . . v . . . v . . . . .

Còn Bà Nguyễn Thị Hiếu thì lo việc trừ phòng, đãi an uống cho khách thập phương.

Ông Lê Văn Trung đứng tên trên thiệp mời thay mặt cho toàn bốn đạo mời đông đủ các chức sắc Hiệp Thiên, Cửu Trùng Đài, các quan khách chính quyền Pháp và Việt Nam đến dự lễ. Các đạo hữu hiện diện đến hàng muôn người. Hội Thánh tiếp đãi rất đầy đủ, ân cần mà không nhận tiền bạc của ai cả, ngoài vật phẩm cúng tế.

Đây là ngày lễ trọng đại nhất, chư chức sắc mặc Thiên phục mới lần đầu tiên nên còn gọi là Lễ Tấn phong nữa. Ngày 14-10 là ngày chọn rộn tấp nập nhất. Ngài Thượng Đầu Sư hướng dẫn phái đoàn từ Sài gòn về dự lễ. Phái đoàn Hoa kiều do Thượng Tông Thanh, phái đoàn người Miên, phái đoàn người Tà Mun (Stiêng), chư đạo hữu Lục Tỉnh lớp đi xe hơi, lớp đi thuyền ghe chen chút về dự lễ. Nhà khách Đông Lang, Tây Lang chật ních người. Ban tổ chức phải cất thêm nhiều lều, trại từ trong ra tới lộ 22.

Ngài Lê Văn Trung cho treo đôi câu liễn nói lên quan điểm của nền Đạo mới do chính Ngài viết:

Vạn pháp viên dung hoà độ chúng sanh vô lượng vô biên vô số kiếp,

Tam tông phổ hiện tùy cơ thuyết giáo, đại hùng đại lực đại từ bi.

Đêm 14 rạng ngày rằm tháng mười (18-11-1926) là đêm Khai đạo Cao Đài và làm lễ khánh thành Thánh Thất đầu tiên. Lễ xong rồi thì cầu cơ, đoạn tới lễ nhập môn, kéo dài đến 3 giờ sáng.

Trước đó ngày 23-9 Bính Dần (16-11-1926) Đức Chí Tôn chỉ dẫn tử mĩ cách hành lễ mới theo nền tân tôn giáo như sau:

“ Phải làm một nghi án trước Điện, quay mặt vô 7 ngai, hình vuông, đóng 4 mặt , trên như nóc chùa, kết hàng cho đẹp. Nơi

ấy phải kín, bốn phía ra vô có màn.

Thầy giáng cơ tại án ấy, nghe a.

Lễ Thánh Thất, chia ra làm lễ, khách, , xuất, thâu.

Vậy thì Thầy nói về Lễ trước:

### **Việc Lễ:**

Thầy giao Chánh sự cho Trang, Phó sự cho Nhung, Phụ sự có Ý nghe à. Như Ý không chịu thì Lịch phải thế. Vậy thì chánh sự thì Trang làm đầu. Thầy lại thêm 3 vị nữa cho các con rộng dùng là: Mùi, Vân, Đạt.

Thầy lại hỏi thêm 12 đứa nữa, ai tình nguyện: Lê Văn Sanh, Dương Văn Hoài, Nguyễn Xuân Quang, Sơn, Hườn, Lê Thế Vĩnh, Trần Văn Bản, Nguyễn Văn Mùi.

### **Việc Khách**

Khách thì Tương là Chánh sự, Luật là Phó sự. Thầy muốn đem Hoài vô đặng không Lịch? Voi là Phụ sự. Lại, Sơn, Thành là giúp Thầy. Hỏi 12 đứa tình nguyện: Giới, Bản, Tuất, Tiệp, Trò, Giảng, Học, Kỳ, Tương, Hớn, kính, Đơn.

### **Về Thâu:**

Thơ, Như Nhãn, Đạo Quang.

### **Về Xuất:**

Lịch, Xài, Hóa (Phủ Hứa, Cần Giuộc).

Chưởng Pháp - Đầu sự: Thầy định 3 ngôi Chưởng bPháp, 3 ngôi Đầu sự đều có vị.

Phối sự: Phối sự thì là Trang, Tương. Thơ là chánh, còn 30 vị nữa thì tùy theo ngày phong trước đứng nối theo đó.

Giáo sư: Rồi tới 72 Giáo sư, cũng tùy theo ngày thọ sắc mà phân trước sau.

Giáo hữu: Kế nữa là 3000 Giáo hữu cũng tùy theo Thiên phong mà đứng theo phái Thượng, phái Thái, phái Ngọc vậy. .

....

tiếp nối theo sau ngay chính giữa nơi bàn Hộ Pháp thì Đức, Hậu, Tràng, Nghĩa.

Bên mặt thì: Mạnh, Phước, Mai, Nguyên

Bên trái thì: Đãi, Kim, Tươi, Chương.

Hộ Pháp: còn lại để dựa bên bàn Hộ Pháp, hai cái ghế ngồi làm 2 cây phượng để Thượng Phẩm, Thượng Sanh.

Thượng Phẩm: bên mặt Hộ Pháp là Thượng Phẩm.

Thượng Sanh: bên trái Hộ Pháp là Thượng Sanh.

Đưa cây Thượng Phẩm cho Mùi, cây Thượng Sanh cho Vĩnh cầm hầu hai bên.

Trên cờ ngũ phượng: Tại Đông Phương, Tây Phương, Nam Phương, Bắc Phương lựa 12 đứa đồng nhi cầm cờ, còn giữa thì giao cho Hậu, Nghĩa, Đức.

Lịch hiểu à ! Khi hành đại Lễ cho Thầy rồi thì Lễ Sanh xướng “Thiên phong hoá tể”. Cả thầy đều ra rửa mặt mày cho sạch. Chừng xướng “Chỉnh tức y quan” thì cả thầy phải thay Thiên phục.

Lễ sanh xướng “Lập vị” đứng theo hàng ngũ cũ như trước. Hành lễ y như tại chùa Vĩnh Nguyên Tự nghe Lịch. Còn Nữ phái thì đều mặc đồ trắng trước khi hành lễ.

Thiên phong Nữ phái: Cư, Tắc phải vào nghi án phò lập Tịch Đạo, phò loan cho Thầy phong nữ phái trước và lập tịch đạo luôn nữa nghe.

Trần Thân: Chừng mặc Thiên phục rồi thì Cư con chấp bút bằng nhang cho Thầy trấn thần mỗi người và nơi mình của chư Thiên phong rồi mới hành lễ.

Nhớ biểu Nam phái đứng chằng hết ở giữa thì qua bên tả của Thầy, song phải phân hàng ngũ đẳng cấp chúng nó cho tử tế chứ không đặng lộn xộn.

Hành lễ: Còn bao nhiêu môn đệ đứng tiếp theo sau. Thầy dặn hành lễ rồi, thì phải biểu Lễ sanh xướng: “Thiên phong phò loan” đặng Thầy lập “. . . Chánh pháp”, Cư Tắc phải để Thiên phục vậy phò cơ nghe. Thầy sẽ giao nhạc cho Mỹ Ngọc và Lễ, Nhơn”.

Đêm sau Đức Chí Tôn lại giáng tiếp:

“ Khi môn đệ mặc đồ thường vào, con cũng phải sắp đặt địa vị chúng nó.

Tụng kinh hành lễ thường vừa rồi, con biểu Cư, Tắc rửa mặt, rửa tay cho tinh khiết, biểu chúng nó vào nơi nghi án cho Thầy phong sắc chư môn đệ lục tĩnh. Xong kế lập Nữ phái. Con phải giúp em con là Đường thị, Lâm thị, Ca thị lập vị bên Nữ phái cho trang hoàng.

Chừng Thầy thăng, biểu hai đứa nhỏ ra đứng nơi bàn Hộ Pháp nơi cũ. Chừng Lễ Sanh xướng: “ Chính túc y quan” thì biểu 12 đứa phò loan sắp 3 hàng kế đó, biểu Đạt đi.

Kế đó là Tắc, Cư, Sang đi hai bên, nữa thì là ba vị Đầu sư (biểu Tạ theo Trung, còn Hoàng theo Thiện Minh), kế nữa ba vị Chánh Phối sư, kế nữa chức sắc đi 3 đứa, ba đứa ra thay đồ Thiên phục.

Khi đặng nửa giờ phải đổ chuông ba hiệp, chờ tới hiệp chót, biểu Lễ sanh xướng “ Lập vị” thì lại đi như nầy mà trở vào.

Nhớ bảo 2 đứa cầm phương Thượng Phẩm, Thượng Sanh đi gần bên Cư, Sang.

Vào lập vị hành Đại lễ như buổi vĩnh Nguyên Tự, nghe Lịch à, là đã hết 1 đêm đầu rồi.

Kế đêm sau là đêm Thiên phong của chư môn đệ và là đêm các con phải thành tâm trai giới cho Thầy lập Pháp Chánh Truyền.

Đêm thứ ba, các con cũng lập vị cúng thường ngày, xong 2 đứa nhỏ mặc Thiên phục vào nghi án cho Thầy giảng, xong việc lễ”.

Đêm hôm ấy vì quá đông người nên cuộc lễ bớt phần trang nghiêm. Khi cầu cơ, Đức Chí Tôn chỉ để ít lời quở trách rồi thăng. Thừa dịp, tà quái nhập vào một nam và một nữ bốn đạo mà gây rối. Lê Thế Vĩnh xưng là Tề Thiên Đại Thánh và Vương Thanh Chi là Quan Âm Bồ Tát.

Lúc đầu bốn đạo tưởng thật, nhưng sau cử chỉ lung lảng, người người đều biết là tà quái xuất hiện. Thấy việc lộng hành như vậy, Ông Monet quan ba ( đại úy) người Pháp, Hội viên Thần

linh học khuyên giải trong bốn đạo như sau:

.“ Công việc các ông làm rất phải. Các ông chẳng nên vì một cuộc biến thường tình như vậy mà ngã lòng thối chí. Tôi cho là thường tình vì bên Pháp trong mấy đàn thỉnh Tiên cũng thường xảy ra những điều rối rắm như vậy. Tôi có một lời khuyên các ông là từ đây trở đi, hễ có cầu cơ thì chớ họp nhau đông đảo, vì cần phải thanh tịnh. Mà hễ đông người thì một là mất thanh tịnh, hai là tư tưởng bất đồng không tương ứng nhau được thì không linh nghiệm”<sup>48</sup>.

Việc biến loạn đó khiến cho những kẻ nhẹ dạ ít tâm thành ngã lòng. còn hàng chức sắc thì cho đó là một thử thách để trau dồi thêm lòng tin tưởng. Và cũng là một tiếng vang để khách bàng quang chú ý theo dõi tà giáo hay chánh giáo. Vô hình trung, cơ phổ độ xoay đổi được thế cờ chuyển hư thành nên, chỉ 3 tháng sau khi mở Đạo tại Từ Lâm Tự mà số người nhập môn lên đến hàng ức, đủ thành phần, chánh kiến và quốc tịch Pháp, Cao miên (nay là Campuchia), Hoa kiều . . . .

Ba hôm sau Thầy giảng cơ dạy về việc nầy như vậy:

“ Các con ! Thầy nghĩ lại việc hôm nọ tại Thánh Thất biến ra một trường tà quái mà Thầy thấy đau lòng đó các con. Các con nghĩ lẽ nào?

Đó là bước Đạo, đó là Thiên cơ. Các con hiểu sao được. Nhưng Thầy buồn nỗi vì có nhiều đứa xàm biện về việc ấy. Thầy cũng muốn phạt chúng nó một cách nặng nề, nhưng Thầy nghĩ lại mà thương. môn đệ của Thầy nhiều đứa muốn bỏ Đạo y, ném dép cỏ, lột khăn tu mà mong hồi thế tục. bởi bước Đạo gặp ghênh khó tới mới ra đến đổi. Bởi còn vương bụi trần ham mùi phú quý, mê chữ vinh sang mà ngán. Các con hiểu, Thầy buồn, nhưng đó là ý Trời đã định chạy sao cho khỏi. Thầy biết bao lần vì các con mà chịu nhọc nhằn”.

Do việc biến loạn trong ngày Khai Đạo, các Phật tử xúi hòa Thượng Như Nhân đòi chùa lại.

Như Nhân tên thật là Nguyễn Văn Tường (1864-1939), quê *48-Nguyễn Trung Hậu, Đại Đạo Căn Nguyên, Sài Gòn 1930, trg 27.*



Đức Hòa, Long An, đi tu lúc 17 tuổi ở chùa Thiên Lâm Cổ Tự, ngôi chùa xưa nhất ở xã Thái Hiệp Thạnh, Tây Ninh hiện vẫn còn sinh hoạt.

Ông Nguyễn Văn Tường thọ giáo với Sư Yết Ma Lượng trụ trì chùa, thọ pháp danh Thích Từ Phong. Năm 1908, Từ Phong về tu ở chùa Giác Hải (Phú Lâm), rồi lên chức Hoà Thượng (1924) hòa Thượng thấy vùng gò Kén khung cảnh thần tiên nên cổ động tín hữu góp tiền xây chùa tại đây. Nhờ ơn chùa Thiên Lâm Cổ Tự nên đặt tên chùa này là Thiên Lâm. Lúc ấy trên phần đất gò Kén đã có một ngôi chùa nhỏ tên Từ Lâm Tự.

Trong số bốn đạo góp tiền xây chùa có Ông Bà Nguyễn Ngọc Thơ. Chùa chưa xây cất xong thì Ông Bà Nguyễn Ngọc Thơ theo Đạo Cao Đài. Vào ngày 16-7 Bính Dần (1926) một đàn cơ được thiết lập tại nhà Ông Thơ ở Tân Định, có Hòa Thượng Như Nhân tham dự và được Đức Chí Tôn thân phụng Ngài.

Nhờ đó Ông Bà Nguyễn Ngọc Thơ thỉnh cầu Hòa Thượng Như Nhân hiến chùa Thiên Lâm Tự (Gò Kén) cho Đạo Cao Đài để là Thánh Thất, tổ chức Lễ Khai Đạo.

Hòa Thượng Như Nhân đồng ý và trao giấy phép xây chùa cho Ngài Lê Văn Trung.. Chủ Tỉnh Tây Ninh ký tên cho phép ngày 15-7-1925. Danh hiệu chùa Thiên Lâm Tự đã xin phép nên giữ nguyên.

Sau khi bàn luận, Ngài Lê Văn Trung quyết lấy tên chùa nhỏ làm bảng hiệu là Thánh Thất Từ Lâm để xin trùng tu sửa chữa và nhất là làm con đường lớn ra quốc lộ 22 cho xe hơi vào được.

Vào năm 2001, báo Tây Ninh có đăng chuyện Tòa Án Tây Ninh thụ lý: người thừa tự chùa Từ Lâm kiện chùa Thiên Lâm lấn nền đất cũ. Điều đó xác nhận trên khuôn viên chùa Gò Kén ngày xưa có 2 chùa: Từ Lâm và Thiên Lâm.

Việc tà quái trong đêm Khai Đạo khiến cho Hòa Thượng Như Nhân đòi chùa lại Đức Chí Tôn dạy: “Đó là Thiên cơ”.

Đúng vậy, nếu không có chuyện “tà quái” làm vật xúc tác, làm sao thúc đẩy được các nhà tiên khai tìm đất mới xây Tòa Thánh rộng rãi Khang trang lời cuốn dân Đạo về sống quanh tổ đình

Xung quanh Gò Kén đều là ruộng nước và rạch Tây Ninh bao quanh khó phát triển. Mặt khác chùa Thiên Lâm cũng không đúng hướng theo Dịch lý Cao Đài.

Sau khi quan khách và người hiếu kỳ ra về, Ngài Lê Văn Trung muốn hỏi các Đấng về việc tà quái.. Hai Ngài Cư Tắc ngôi cơ. Thấy ngọc cơ lên điển, Paul monet làm phép cắt điển theo lối Thông linh học phương Tây, nhưng cơ vẫn lên như thường (tức thực điển), Đức Chí Tôn giảng dạy:

“Các con chớ nên phiền hà. Chuyện nơi Thánh Thất vừa xảy ra ấy cũng là một bước trắc trở trong đường đạo của Thầy. Thầy còn đau lòng thay, nhưng cũng là Thiên cơ vậy. Thầy hằng biết công của các con, nhưng Thầy phải cực lòng chiều ý của mỗi đứa mà xây đắp nền đạo. Vì vậy mà nhiều sự xảy ra đều do nơi tâm trí của nhiều đứa. Sự xảy ra nơi Thánh Thất, tuy làm mỗi đạo chậm trễ nhưng cũng do nơi lòng tà vạy của nhiều đứa mà ra. Vì tâm trung chánh làm cốt cho Tiên Thánh, còn tâm tà vạy là chỗ của quỷ ma xâm nhập”<sup>49</sup>.

Đức Chí Tôn cũng dạy đại uý Paul Monet như vậy :

“Monet ! Con lại đây. Chắc con tưởng rằng Thượng Đế không thể làm được những gì Thượng Đế muốn ư ? Monet, con đã được Ta chỉ định làm một việc tế nhị mà nhân đạo. Mỗi cảm tình của con đã làm vững dạ một giống người có văn minh đang suy tàn. Con đã giúp cho họ một bài học luân lý thiết thực. Con hãy đọc hết những Thánh giáo để biết tôn chỉ của Đạo Cao Đài là một tôn chỉ ĐẠI ĐỒNG. Nếu nhân loại thực hiện được điều đó thì hoà bình chắc đến cho tất cả mọi chủng tộc. Con có bổn phận là cho nước Pháp biết rằng nước Việt Nam xứng đáng với trọng trách xây dựng hoà bình”<sup>50</sup>.

Do việc tà quái, các phật tử xúi Hoà Thượng Như Nhân đòi chùa lại. Hội Thánh hẹn ba tháng sau sẽ trả chùa để cơ bút xây dựng cơ chế Tân Luật Pháp Chánh Truyền. Hội Thánh Cửu Trùng Đài, Hội Thánh Hiệp Thiên Đài cho xong.

*1-Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I, trang 33).*

*50-Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I, trang 34 .*

Nhờ tà quái mà Ôn Trên chỉ cho Ngài Lê Văn Trung thấy trước hai vấn đề lớn: Sự tham vọng phẩm tước và việc xây Toà Thánh to lớn đủ sức cho ngoại quốc nhìn vào. Xây cất Toà Thánh là việc trọng đại, cái khó đó có thể vượt qua và có thể hoàn thành. Còn sự tranh giành tham vọng phẩm tước của nhiều người như Đức Chí Tôn đã tiên khải thì khó lường hết được. Vì mấy ai “ lấy thước mà đo lòng người”? Đó là nỗi đau đeo đẳng suốt đời hành đạo của Ngài Lê Văn Trung. “Càng cao càng cả gió lay”, Ngài phải chấp nhận để trọn lời dạy của Đức Chí Tôn “ Đạo Người (nhân đạo) vẹn vẽ mới thành Tiên”.

Dù vậy, ngày 19-1-Đinh Mão (19-2-1927), Đức Lý Thái Bạch giảng cơ dặn dò khuyên nhủ :

“ Cười ! Thượng Trung Nhựt, ngày nay rán gắng nghe Lão dạy chẳng vì Thánh Thất. Như Nhân phản ngôn mà trề phổ thông Thánh giáo. Cười ! Đã hiểu đời còn mê muội, chẳng phân định chơn giả, thắm thay !

Chí Tôn đau đớn bấy nhiêu, Lão càng giận bấy nhiêu. Biết bao phen Lão cầm viết toan bôi xoá cho rồi phải oan nghiệt mà Chí Tôn xin Lão để cho Người gia công độ rỗi. Ngày nay Lão nhất định chùa này trả lại. Chư đạo hữu phải hiệp sức nhau dựng lập thành Toà Thánh, chi chi cũng ở tại Tây Ninh mà thôi, vì là Thánh Địa. Vả lại phong thổ thuận cho nhiều nước ngoại quốc đến đây học Đạo.

Thượng Trung Nhựt! Phải làm thế nào chừa đất dư ra ít nữa là 50 mẫu là trọn bản đồ Bạch Ngọc Kinh và cho đủ Thánh Địa. Hiền hữu đi chọn đất về cho Lão hay, cầu khẩn Chí Tôn nghe!<sup>51</sup>”

Ngày 21-1-Đinh Mão (21-2-1927), đàn tại Gò Kén, Đức Lý lại dạy rằng:

“Thượng Trung Nhựt, Thái Thơ Thanh, Cười ! Nhị vị Hiền hữu muốn cho Đạo phải mang tiếng rằng trốn lánh hay sao mà tính đời Toà Thánh xa dữ vậy?

Trung bạch : có hai làng cúng đất.

Mua thì dựng khó gì ? Một nơi chí Thánh trước mắt mà chư hiền

*51-Hương Hiếu, Đạo Sử, quyển II, trang 222.*

hữu chẳng biết xem, ấy còn hai phần phàm.

Thái Thơ Thanh ! Lão cậy hiền hữu một phen nữa. Mai này đi lên đường trên (Haute route, tức đường trước cửa Hoà Viện ngày nay) gọi là đường dây thép (có giăng dây điện thoại tới đôn cao su Cầu Khởi), nhắm địa thế dài theo cho tới ngã ba Ao Hồ coi hiền hữu thấy dựng chằng cho biết. Lão đã nói rằng : mỗi sự chi chi đều bày ra trước mắt như sanh hết. Chư hiền hữu đừng sợ ai hết, hễ sợ thì chối quyền thiêng liêng của Chí Tôn, và vì Đạo, nghe à !

Trung, Thơ bạch : Không có lòng nhác sợ”<sup>52</sup>

Hai hôm sau, Đức Lý giảng đàn dạy :

“ Lão khen Thái Thơ Thanh, tưởng chư hiền hữu không thấy nữa. Lão cất nghĩa vì sao cuộc đất ấy là Thánh Địa (tức đất xây cất Toà Thánh hiện nay) : sâu hơn 300 thước như con sông giữa trung tim đất giáp lại trúng giữa 6 nguồn làm như 6 con rồng tranh châu. Nguồn nước ấy trúng ngay đỉnh núi gọi là Lục Long Phò Ấn. Ngay miếng đất đó dựng ba đầu ; một đầu ra Giếng mạch Ao Hồ, hai đầu nữa bên cụm rừng bên kia”

Về Lục Long phò ấn , ta thấy như sau : Viễn cảnh Toà Thánh, về phía Đông địa lý (cung Chấn) gối lên giồng Sân Cu ( Đất lành chim đậu), mặt trước phía Tây (cung Đoài) trông ra rạch Tây Ninh. Phía tả (Nam) thanh long nước sông Cẩm Giang - Bến Kéo chảy cuộn quanh. Phía hữu (Bắc) bạch hổ núi Điện Bà ôm vòng lại như cánh cung. Đó là điểm kết long mạch sách gọi là hàm rồng. Phong thủy âm dương hội đủ.

Cận cảnh, hồ Động Đình (bàu Cà Na) nước chảy không ngừng nghỉ (pháp luân chuyển) vào rạch Ao Hồ. Hương Tây Nam (Càn). Trái phải rừng Thiên Nhiên xanh biếc hài hoà cảnh trí. Phía bắc ( cung Ly) suối Lâm Vô. Phía Đông Bắc (cung Tốn) Suối Đá. Phía Đông (Chấn) Suối cái chảy về Nam (Khảm) qua Đoạn Trần Kiều, Suối con lợn ra Giải Khổ Kiều ; bốn suối hợp sức tưới mát và bao quanh vùng Thánh Địa, kết tụ Lục Long phò ấn.

*52-Hương Hiếu, sách đã dẫn, trang 224.*

Biểu hiện Tay Long (dương), Tay Hổ (âm) không đối lập nhau mà còn hoà hợp lồng vào nhau nhiều lần, viền cảnh như cận cảnh. Bên trái (Thanh Long), bên phải (Bạch Hổ) thế sông núi châu đầu vào nhau như hình móng ngựa (đại Kiết), địa thế Lục Long phò Toà Thánh đó, không đâu tốt đẹp bằng (Xem “Ngôi thờ Đức Chí Tôn” cùng người viết).

Ngày 27-1-Đinh Mão (28-2-1927), Đức Lý dạy về việc cất Toà Thánh tạm như sau :

“ Thánh Thất tạm phải cất ngay miếng đất trống. Còn Hiệp Thiên Đài tạm phải cất trước Thánh Thất tạm. Đạo hữu phải khai phá đám rừng trước miếng đất ấy. Ngay trung tâm rừng cách miếng đất trống chừng ba thước rưỡi, đóng một cây cọc đo Hiệp Thiên Đài như vậy : Ngoài bầu Cà Na đo chừng 30 thước đóng một cây cọc. Ấy là khuôn viên Toà Thánh. Lão lại dẫn từ cây cọc bên phía miếng đất đo vô Bầu Cà Na 27 thước, nghe à ! Tư vuông 27 thước, mỗi góc của Bát quái Đài nghĩa là nhà hình tròn có 8 nóc, cao từ đất lên 9 thước, làm 9 góc, rộng bao nhiêu tùy ý. Trên điện Bát quái Đài bề cao 9 thước, hình nóc tròn nhô lên chỉ tám nóc cho phân minh. Kế nữa là Chánh điện bề dài 81 mét, bề ngang 27 mét. Kế nữa Hiệp Thiên Đài dài tư vuông 27 mét hai tầng, mỗi tầng 9 mét. Hai bên Hiệp Thiên Đài bên mặt có Lôi Âm Cổ Đài, bên tả có Bạch Ngọc Chung Đài”<sup>53</sup>

Sau đó, Đức Lý giảng cơ thu nhỏ hoạ đồ lại như sau :

“ Cười ! Hoạ đồ của Lão. Chí Tôn chê và trách, hao phí vô nền nặng lắm. Chí Tôn sửa lại mỗi cấp 3 tấc tây mà thôi, dưới đất 5 tấc, chín cấp 3 tấc là 2,70 mét, cộng là 3,20 mét. Còn lại 10 mét chỉ đầu nền Bát quái Đài, trên đầu song chỉ nóc 13 mét mới khỏi bị mưa nước đọng. Nóc của Đại Điện và Hiệp Thiên Đài cũng y mực như vậy, phải làm plafond hai đài chuông trống cao hơn nóc Hiệp Thiên Đài dài 6 thước”.<sup>54</sup>

Vì Ngài Thượng Trung Nhựt lo việc phổ độ Lục Tỉnh nên việc

53-Hương Hiếu, Đạo Sử, quyển II, Tây Ninh 1967, trang 256.

54-Hương Hiếu, sách đã dẫn, trang 230.

cất Toà Thánh tạm giao lại cho Ngài Thái Nương<sup>55</sup>.

Đức Chí Tôn dạy như sau :

“ Trung, Thái Bạch hầu Thầy để lời khen con. Thầy mừng lắm. Con nghe Thầy dặn :

Về Vĩnh Nguyên Tự, con nhứt định gọi Thụ (Thái Lão Sư Trần Văn Thụ, thợ phong Ngọc Chương Pháp) về Toà Thánh.

Hai em con Cư, Tắc từ đây ở bên con đặng đi phổ độ. Ba con ra Tương (Xuyên Mộc) trong tuần tới này đặng Thầy giảng cơ dạy nó, kéo nó lo lắng tội nghiệp. Về phần con lại phải đi Ô Môn tại chùa Vạn Đức, cầu Thái Bạch đặng nghe nó dạy về phổ độ chúng sanh.

Nương, từ đây con phải sắp đặt đặng giữ cho an thuận Toà Thánh. Thái Bạch nói với Thầy rằng: Nó giao Toà Thánh cho con, đặng Trung, Cư, Tắc đi phổ độ”.

Nhưng Ngài Thái Nương ở Toà Thánh không bao lâu trở về quê, nên việc xây cất Toà Thánh tạm, Đức Cao Thượng Phẩm phải đảm trách.

“ Buổi sơ khai Đạo còn nghèo, nên Đức Cao Thượng Phẩm dắt người Miên đi phá rừng cho trống đặng lấy cây đem về tạo tác Toà Thánh tạm. Đức Cao Thượng Phẩm cầm cây thước, hễ cây nào hạ xuống đáng làm cột cái thì đo làm cột cái, cây nào đáng làm cột hàng nhì, hàng ba v.v... ”

Đòn tay thì vô rừng đốn tre, mè rui cũng chẻ tre ra làm và bứt dây cổ rùa đem về làm lạt cột, lợp tranh.

Lúc bấy giờ ai hảo tâm cúng hiến vật chi đều treo lên cho họ vui lòng, như màn, chấn, và hai cái đồng hồ bằng giấy treo hai bên cây cột, chứ không phải Đạo làm như vậy”<sup>56</sup>

Ngài Lê Văn Trung kể lại chuyện khó khăn buổi đầu phải mượn chùa khai đạo rồi phải dời Thánh Tượng như sau :

“Trời hằng thương con đại biết bao, mới vận trù thiết lập thế độ nhà Thiền, mượn cảnh chùa Gò Kén cheo leo, lập Pháp Chánh

55-Thái Đầu sư thay Thái Minh Thanh ở lại Gò Kén.

56-Hương Hiếu, Sự tích xây bàn, Tây Ninh 1969, trang 22.

Truyền mà khai đạo vào ngày 14 tháng 10 năm Bính Dần. Sang năm Đinh Mão vào hạ tuần Thượng Ngươn đất bằng sóng dậy. Trời dương thanh bạch, khiến ngút toả mây giăng vì có đơn kiện vào nơi chính phủ. Bốn muôn dư đồ đệ của Đấng Chí Tôn lòng dạ tử tế, giọt lụy tuôn dầm.

Đêm 13 tháng 2 năm Đinh Mão (1927), quả Càn Khôn, cốt Phật Tổ, Tòa Bát Quái, Tượng Ngũ Chi phải dời đi hết. Đức Lý Giáo Tông truyền dạy mua đất Long Thành, cất chòi tranh. Trời vẫn vũ tổ cuộc bi ai, thương bầy con đỏ, đất rung rinh đường đưa cốt Phật qua chùa mới. Từ Gò Kén qua tới đây, đạo hữu nam nữ lao nhao, lối nhố, chen chất đường sá suốt đêm. Qua tảo thìn, chư Phật được yên nơi, đều ở ngoài rừng trống, dãi nắng dầm mưa. Kế đó người phá rừng phá gốc bứng chồi, kẻ dỡ gỗ, đánh tranh, tạm làm một lều tranh che cốt Phật.

“ Mái tranh thưa thớt, bóng trắng rằm dọi thấu lòng son, vách tre xịch xạc, ngọn gió thổi lồng tạt sương trắng”. Ấy là cảnh chùa, nguồn gốc Đại Đạo hồi năm Đinh Mão. Kể chi tiết việc đấng cay ngấn đường đón ngõ...

Ôi, thương bấy chí hào kiệt chẳng núng, ngày nay chùa mặt anh hùng nước mắt nhỏ sa. Nhưng Thượng Đế lắm phen độ chúng sanh qua khỏi tai nạn. Cảnh chùa rách Phật vàng hiện rõ. Tuy tạo cảnh chùa tranh mà trong đạo rất thanh hành, thủy thủy đều trọn câu phổ độ. Tôi nhớ lễ Trung Ngươn năm Đinh Mão, người đến dư muôn”.<sup>57</sup>

Sau khi đăng điện Quyền Giáo Tông, vào tháng 10 năm Quý Dậu (1933), Đức Thượng Trung Nhật mới khởi công tạo tác Tòa Thánh bằng vật liệu nặng. Ngài cho công quả đào hầm đổ nền móng theo kích thước : dài 145 mét, rộng 40 mét. được một thời gian rồi ngưng. Sau đó Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh mượn kỹ sư Phan Hiếu Kinh tiếp tục. Nhưng do Nguyễn Phan Long và Đầu Sư Ngọc Trang Thanh họp hội Vạn Linh kích bác, chê bai vu cáo điều này, lẽ nọ nên việc xây cất lại đình, chờ Đức Hộ Pháp về sau tiếp tục và cơ bản hoàn thành năm 1941, trang trí và tô

<sup>57</sup>-Tiểu Sử Đức Quyền Giáo Tông, Tây Ninh 1973, trang 47.

điểm, khánh thành vào năm 1955.

Tóm lại, trong hai năm 1926-1927, nền đạo dưới sự dìu dắt của Ông Trên, nhất là Đức Lý Giáo Tông nền Đạo đã có đầy đủ các cơ chế Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, Hội Thánh Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài, các chức sắc cao cấp lưỡng đài, từ Thời Quân và Đầu Sư trở lên không thiếu vị nào. Nền Đạo tuy gặp khó khăn phải cất chùa mới, nhưng mọi người đồng tâm hiệp lực, mọi trở ngại xây dựng và phổ độ đều trôi qua một cách tốt đẹp.

### CHƯƠNG III BỐ CÁO CÙNG CHƯ ĐẠO HỮU (1928 -- 1929)

- 1-Tình đồng đạo
- 2-Đức Chí Thành
- 3-Mở mang dân trí
- 4-Bố cáo cùng chư đạo hữu

#### 1. Tình đồng đạo

Ngài Thượng Trung Nhật, như trình bày ở chương I, tính tình khảng khái, thẳng thắn và cương quyết. Đức tính đó đôi khi làm cho một số người hiểu lầm ra thành quyền thế. Những đức tính đó chỉ biểu hiện trong công việc, trong đạo sự. Muốn việc thành công phải đôn đốc quyết đoán. Thật ra, nội tâm Ngài đối với huynh đệ, với đồng đạo rất chân thành, nhiều khi rơi nước mắt. Không người bạn nào khi qua đời mà Ngài không đến cầu nguyện dù xa xôi ở Rạch Giá như Lâm Quang Bính (Phối Sư Thái Bính Thanh). Khi viếng tang cố Bảo Đạo Ca Minh Chương, Ngài trịnh trọng một cách tha thiết:

“Từ ngày Đạo khai, lần này là lần thứ ba tôi dự việc tống chung của ba vị Đại Đức trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Năm Dần (1926), ông Thượng Tương Thanh (tức Nguyễn Văn Tương) Thượng Chưởng Pháp ly trần, ngày mồng 5 tháng 11 mãn phục. Năm nay (1927) tháng ba Đức Nho Tông Chưởng Pháp Trần

Đạo Nhơn ( tức Trần Văn Thụ) liễu Đạo.

Ấy là hai vị Đại Đức bên Cửu Trùng Đài. Ngày nay, Ông Ca Minh Chương thọ thiên ân Bảo Đạo Hiệp Thiên Đài qui vị. Tôi rơi lụy mà tổ lòng bi ai mộ phần. Con người thân phàm xác thịt ai tránh khỏi sự yêu thương. Người đồng đạo tất con một cha, tâm hoà ý hợp, chia vui sẻ nỗi, ngoảnh lại mấy năm rồi xem cảnh hôm nay. Người qui Tiên nương bóng Đức Cao Đài, kẻ còn lao nhao nơi bể khổ sống mê. Ôi ! Cuộc phân ly như thế, không ngăn được giọt lệ sầu bi.

Anh Bảo Đạo ơi ! Nhớ mấy lúc cùng nhau hội hiệp khi thi phú, lúc bàn cơ nơi Tòa Thánh. Nhớ đến tiếng cười, thương vì nghĩa, rồi đây phải ở đồng trống sương gieo....Mấy năm dư, anh đã mượn nâu sông lánh tục. Nay hồn lìa khỏi xác, vệt ngút mây xanh trông vào Cực Lạc an nhàn, non chiều hạc gáy, nghĩ đến đó lấp đặng mạch sầu.

Tôi xin nhắc công lao của Bảo Đạo. Nguyên anh người ấp Thanh Đa, làng Mỹ Lộc Tây, tổng Phước Điền Trung, huyện Phước Lộc ( Cần Giuộc). Hồi thiếu niên anh gặp nhiều nho gia hiền triết như Ông Đồ Chiểu. Ông Ca Minh Chương hữu duyên hữu phần, nên lúc Trời khai Tam Long Hoa hội, người nhập môn cầu đạo liền. Hạ tuần tháng hai năm đó, ba anh em tôi (Trung, Cư, Tắc) thọ thánh chỉ xuống Vĩnh Nguyên Tự, ông Ca Minh Chương cũng theo xuống đó. Một bữa Đại Từ Phụ khai khiếu cho Bảo Đạo. Anh em tôi ngỡ ngáo không hiểu chi hết. Tưởng là đạo hữu Chương niên cao kỹ trưởng, mắt mờ nên Đại Từ Phụ khai khiếu cho sáng láng, hầu khi Đại Từ Phụ giảng cơ viết Hán tự, đạo hữu coi đọc cho dễ.

Thật ra, Đấng Chí Tôn khai khiếu cho anh Chương để cho người phò loan đặng đi phổ độ cùng với đạo hữu Tươi ( Hiền Đạo Phạm Văn Tươi).

Ông Bảo Đạo lúc gần qui vị, linh quang anh thiết tinh tẩn. Mấy lời châu ngọc anh than cùng tôi thiết ruột dường như dao cắt. Nay anh về tiên cảnh, xin chung lo giúp Đạo đặng tâm hoà như

một. Xin anh chứng lòng thảo của mấy em”.<sup>58</sup>

Đối với Đức Cao Thượng Phẩm, Ngài một dạ tôn kính gọi Cao Thượng Phẩm bằng “ Đức”. Ngài nói :

“ Ngày mồng một tháng này (tức 1-3-Quý Ty) vì phận sự tôi phải đi Nha Môn rồi Vũng Liêm. Lúc thượng lộ lòng tôi buồn bực không kể xiết. Tôi thầm hỏi : “ Minh đi lo việc Đạo, cơ sao không đặng vui như mọi lần khác ?”.

Tới Thánh Thất Vũng Liêm có hiền hữu Thái Thơ Thanh, Thượng Giảng Thanh hành lễ xong, có người nói : “ Thượng Phẩm décédé” (chết).

Người dẫu gan sắt, dạ đồng nghe tin này cũng bắt động tình thương xót. Huống chi tôi cùng Đức Cao Thượng Phẩm mấy năm dư cùng nhau keo sơn gắn chặt, thọ Thánh chỉ của Đấng Chí Tôn đi phổ thông Đại Đạo.

Nay người ly trần cõi hạc về quê, kẻ nhơn thế còn lo độ chúng. Nay Đấng hiền lương đạo đức, chừng Trời kêu đến, phải mau hồi cự vị.

Ấy rõ là quyền Chí Tôn rất lớn vô cực, vô đại mà thương hại cho những người vô đạo đức, không suy xét lời Thánh Hiền : “ Vạn ban đô thi mạng, vạn điểm bất do nhân”.

Ấy chỉ rõ Thiên cơ. Thời kỳ này Thầy lập Đạo vô vi. Thượng Phẩm là Đạo (tức vô vi) phải trở lại thiêng liêng chi vị đặng đem chơn hồn vào cửu Thiên”.

Còn với kẻ dưới, Ngài cũng hết sức thương mến. Khi nghe báo tin Phối Sư Thái Bính Thanh mất ở Rạch Giá, không quản đường xa, Ngài đi liền và đọc diếu tang.

“ Tưởng câu nhứt đán mà ngậm ngùi, nghĩ chữ vô thường càng bát ngát. Những tưởng trăm năm tuổi hạc, truyền nhơn luân trải khắp non sông. Nào hay đâu một phút bóng câu đem hồn phách gửi theo mây gió; dù biết người tu hành coi qui liễu hằng như Đạo mở, nhưng tình Đạo hữu biệt ly lòng dường muối xót.

Nhớ linh xưa !

---

58-Ban Đạo Sử : Tài liệu lưu trữ .

Ý tứ từ hoà, tánh tình liên lạc. Nghĩa lân cận không kêu không hãnh. Gặp kẻ nghèo chẳng nở làm ngơ. Tình anh em cứ xử chẳng dễ chẳng khinh.

Lúc Khai Đạo, Thầy dạy anh làm quả Càn Khôn. Nhớ anh : nào ra công nào tốn của hiệp cùng đạo hữu mới hoàn thành. Thầy bảo lập Tân Luật. Anh sắp ghế, sắp bàn hội với Thiên phong kết dọn tổ đình. Thầy chỉ anh đo thước tắc dựng hình Phật Tổ. Ô qua, thối lại. Cuộc hằng đổi xây. Vật đổi sao dời, vân cầu bóng cây thường tan tác. Vậy thì đồng đạo chẳng chi làm trọng, nguyện cho linh hồn anh tảo đắc siêu thăng, cầu cho được sớm tiêu diêu nơi cõi thọ”.

Tóm một lời, lòng nhân ái đối với người với đồng đạo của Ngài Thượng Trung Nhật hết sức đậm đà sâu sắc. Ai chỉ thấy tính khảng khái, lòng cương trực của Ngài là chưa hiểu hết về Ngài vậy.

## 2. Đức Chí Thành

Ngài gặp quá nhiều khó khăn trên bước đường hành đạo. Kẻ lãnh phẩm tước thì đông mà người hành đạo không có, lại dựa vào chức vị mà trích điểm, kẻ vạch điều này điều nọ làm cho nhiều chức sắc không trụ vững đức tin, thối thân lui bước. Lẽ đó, Ngài đưa ra tiêu đề: “ Vì Đức Chí Thành” để giảng đạo :

“ Đức Chí Thành là tánh chất thành thật chơn chánh mà mọi người cần phải có để đối đãi nhau cho ngay thẳng thật thà trong đường đời hay đường Đạo. Đức Chí Thành là gốc năm thường là nguồn trăm nét. Có chí thành thì đạo hạnh con người mới rõ ràng sáng tỏ, không chí thành thì đạo hạnh bị tà che khuất tối tăm. Cho nên con người mà không ung đức khối chí thành làm gốc rễ thì trông chi đến việc trau dồi đức hạnh.

Đức Chí Thành như một khối vàng ròng nó mà chế tạo ra lắm đồ trang sức cao giá, chỉ khối vàng ấy mà pha trộn mất nguyên chất, bảo sao những đồ trang sức làm ra không xấu hèn thấp giá.

Người xưa tuy quê, song giữ đặng hai chữ Chí Thành. Đối với

nhau chẳng hề dối giả, gạt gẫm làm gì. Một tiếng ừ với nhau cầm đáng ngàn vàng. Một lời hứa với nhau lòng khư khư giữ chặt.

Người nay tuy gọi văn minh tấn bộ, song cái ánh sáng văn minh chói ra làm cho con người bị quáng đờn mà không rõ cái chơn tướng của đức chí thành. Bởi không chí thành nên đời mới có người này xảo trá, kẻ kia gian tham, sanh lòng nghi lẫn nhau. Đến nỗi, việc nhỏ mọn nhiều kẻ chung lo cũng hoá ra hư hỏng theo đường đời, còn đường đạo là chỗ cần phải treo tấm gương thanh bạch hầu để thiên hạ soi chung.

Người hành đạo cần phải có đức chí thành mới đặng quang minh chính đại rồi đặng lòng tín nhiệm của nhơn sanh. Khi tụng kinh cầu nguyện khẩn vái với Trời Phật, nếu chí thành mới có cảm, có ứng, có nghiệm. Cho nên có câu : “ Hữu thành tất hữu thân” là vậy.

Người làm đạo mà chí thành chẳng để ý việc làm công quả mà cầu danh, tự đắc tự kiêu, chuyên quyền gây ra lắm điều trái Đạo. Ai nói cũng không nghe. Ai khuyên cũng không nạp. Ai trách cũng không nghe.

Người làm đạo mà chí thành thì chỉ lo cho chúng sanh chớ không kể thân mình, đem cả hình hài trí thức làm vật hy sinh cho tôn chỉ Đạo. Nói tắt, làm đạo mà còn chú ý về lợi và danh thì chưa có chí thành vậy.

Người theo Đạo mà không chí thành, bắt quá theo cầu vui , “ bắt chước” hoặc là tu “cầu vui” theo ông nọ bà kia để dễ thân cận mà chác mua ý lại nơi người vậy thôi.

Người theo Đạo mà không chí thành, bắt quá là mượn danh Đạo để dụ đồng tiền, hoặc lợi dụng đức tin của hàng tín đồ thấp thỏi để mưu điều trái đạo.

Tóm lại, đức chí thành là gốc của nền Đạo. Cho nên trong bài Kinh Niệm Hương mở đầu có câu : “ Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp”.<sup>59</sup>

<sup>59</sup>-Hương Hiếu, sách đã dẫn, trang 262.

Trong bài giảng đạo tại nhà ông Cả Hồ Văn Nhơn ở Bến Tre (7-10-1928) đoạn kết giải về chữ tu như sau:

“Tu nghĩa là trau dồi tánh hạnh. Tu không phải từ mới tới chiều gõ mõ mới gọi rằng tu.

Tu có nhiều bậc : bậc Thượng thừa phải ép mình hành xác, phải nâu sồng khổ hạnh, lo làm âm chất, lo công quả cho Trời Phật, chừng công mãn tìm chỗ u nhàn mà luyện đạo. Nếu trong thế gian mọi người đều phế công việc mà tìm chỗ u nhàn như vậy thì thế sự này phải ảm lạnh. Ai làm lo như đạo ?

Người hành đạo mà bỏ đạo, không lo như đạo cho hoàn toàn thì hành đạo vô ích.

Ấy vậy, trước hết phải biết Đạo là biết có Trời, Phật, Tiên, Thánh, phải biết có luân hồi chuyển kiếp. Ở thế phải tùng theo luật thế. Đối với quan viên chức phải biết bốn phận người dân.

Con cái thì phải biết công sanh thành dưỡng dục là ơn trọng phải giữ hiếu để bồi đắp ơn sâu. Anh em như cốt nhục giữ chữ thuận hoà. Vợ chồng nghĩa nặng đối nhau như cân thăng bằng. Người nào giữ như đạo hoàn toàn thì lo gì không gần Thiên Đạo”.<sup>60</sup>

Có người căn cứ vào bài thuyết đạo tại Bến Tre này với Bài giảng đạo tại nhà ông Nguyễn Văn Tường ngày 6-10-1928 ( có trích đoạn ở trước) mà cho rằng :

“ Hai bài thuyết đạo do ông Lê Văn Trung khởi thảo....Ta sẽ thấy trong đây tất cả những yếu lý về đạo đức mà các ông đã quan niệm buổi đầu khai đạo, một quan niệm không mấy mới mẻ thoát thai từ những hình sắc cũ của các tôn giáo trước nhưng không phải vì thế mà mất tính chất suy nghiệm của phần tôn giáo mới từ những bài Thánh ngôn đã hấp thụ được nơi cơ bút truyền ra”.<sup>61</sup>

Nhận định trên là lời đòi hỏi quá đáng. Đã đành rằng, theo khái niệm khoa học, các chất hoá học tổng hợp sẽ sinh ra một chất

*60-Ban Đạo Sử, Tài liệu lưu trữ.*

*61-Đông Tân, sách đã dẫn, trang 227.*

mới. Cái mới, Đức Chí Tôn đã cho ta thấy rồi : Hội Thánh, Tân Luật Pháp Chánh Truyền, sắc phục, Thánh Thất. Còn về giáo lý chiết trung và triết thuyết ư ? Đòi hỏi quá sớm. Vả lại, tính từ ngày khai đạo đến đây (1928), Đạo mới có hai tuổi. Một đứa bé đi chập chững mà muốn chạy thì sẽ vấp ngã. Thêm vào đó, các vị cao đồ, nhiều người không xuất thân từ tu viện hoặc chỉ xuất thân từ một chi phái riêng lẻ. Thế nên chưa ai có cái nhìn tổng hợp như Thánh Ngôn dạy. Nhìn lại tiến trình của Phật Giáo : giới tạng, kinh tạng ra đời trước, còn luận tạng chỉ hình thành bốn trăm năm sau khi Đức Thích Ca viên tịch thì so với quá trình giáo lý Đạo Cao Đài còn đủ thời gian để hệ thống hoá.

Đáng nói chẳng là năm 1949, nhà văn Pháp Gabriel Gobron cho xuất bản quyển “Histoire et philosophie du Caodaisme” ngoài bìa in là Bouddhisme rénové (Phật giáo chấn hưng). Tại vì, ông chưa nắm vững Đạo Cao Đài có sắc thái riêng, có chủ trương riêng, có cứu cánh riêng. Tắt một lời “Cao Đài là Cao Đài” hay “ Cao Đài như một bức khảm xà cừ : nhìn thẳng thấy màu trắng, nhìn nghiêng bên phải thấy màu xanh phơn phớt, nhìn nghiêng bên trái thấy màu đỏ tía và nhìn xuống phía dưới thấy màu vàng nhạt. Các màu vàng (Phật), xanh (Lão), đỏ (Khổng) chỉ là những cách thể hiện các giai đoạn ban sơ của Đạo. Thật sự Đạo Cao Đài là màu trắng, phải hiểu Đạo Cao Đài với tinh hoa bốn nguyên triết lý của chính nền Đạo mới này”.

Nói một cách khác, nhiệm vụ các cao đồ buổi đầu là gì? Hoằng dương đạo pháp phổ độ chúng sanh và giáo dân qui thiện. Hai nhiệm vụ ấy ta thấy Ngài Thượng Trung Nhật đã đạt thành. Những bài giảng Đạo của Ngài nắm bắt được chữ thiện, lập trật tự chữ hoà . Còn hệ thống hoá giáo thuyết, đó là nhiệm vụ của người đi sau .

### **3. Mở mang dân trí : Đạo Đức Học Đường**

Ngày còn làm Hội Đồng Quản Hạt, Ngài đã ưu tư mở trường Nữ học. Khi Thánh Tượng dời về chùa mới, năm sau Ngài cho khai giảng trường Đạo Đức Học Đường ngay trong nội ô Toà

Thánh trên đường Cao Thượng Phẩm. Đọc câu liễn của trường ta thấy rõ mục đích khai hoá mở mang dân trí là để giúp dân giúp nước.

ĐẠO ĐỨC truyền lưu hậu tấn hiếu trung phò xã tắc,  
HỌC ĐƯỜNG giáo hoá thơ sanh nhân nghĩa lập giang san.

Nhân ngày lễ phát thưởng năm đầu tiên cho học sinh Đạo Đức Học Đường vào ngày 14-7-Kỷ Ty ( 18-8-1929), Ngài Thượng Đầy Sư đến dự lễ để khích lệ thầy cô giáo và các em học sinh. Ngài nói :

“ Bông thiền quang nhật thức, ngày tháng hạn qua. Mậu Thìn bước sang Kỷ Ty, nay trót ba năm dư, lần tay tính lễ Trung Nguyên đây là lễ Trung Nguyên lần thứ ba...

Nay Thầy chấn chỉnh nền Đạo, kêu chức sắc Hiệp Thiên và Cửu Trùng có trách nhiệm lớn lao về Toà Thánh vun trồng cây đức. Ba tháng nay nhờ thiêng liêng giúp sức, cùng anh em xây lương đâu cất lo chấn hưng nền Chơn Đạo trở nên thanh hành.... Vậy rón nhớ các việc hồi năm Mậu Thìn kiêng dè chữa lỗi, nên mấy vị giáo viên, mấy em học sinh, cùng nhi nữ trong mấy năm qua Đạo nghèo, mấy em chịu phần hui hút, còn mấy anh đây lại bị kẻ thúc người đè, nên không săn sóc mấy em trẻ dại, để mấy em chịu chút như gà mất mẹ.

Xét cổ suy kim mới biết rằng tôn giáo nào cũng nhờ học thức mà gìn mối đạo, truyền chánh đạo mới dựng tròn câu phổ độ. Đạo nghèo đồng tiền eo hẹp . Thầy giáo không một đồng lương, lại thêm ngày ngày dạy dỗ ấu nhi, phải làm công quả vui thân cùng sanh chúng. Học sinh, đồng nhi nam nữ tập viết bằng lá buông<sup>62</sup>, chỗ ngủ lấy ván sạp làm giường. Bê ăn uống tương rau hẩm hút. Ba năm dư mới rảnh chút thời giờ, mấy anh đây mới lập trường mà phát thưởng. Lễ đơn sơ để dạ yêu thương, giục

---

62-Lá buông cắt đem về, rọc bỏ phần sống lá. Thân lá được cắt từng đoạn dài đều 20cm, rồi đem phơi khô để lá buông từ màu xanh chuyển sang màu vàng nhạt. Sau đó xếp lá chồng lên nhau dùng tấm ván ép cho bằng phẳng, rồi dùng nước cỏ mực viết.

mấy cháu biết lòng lo đạo đức”.<sup>63</sup>

Hình ảnh mà Ngài Thượng Đầy Sư nêu trên thật thấm thương và cảm động. Đạo tuy nghèo mà nuôi cả lưu học sinh. Ngủ trên ván xẻ chưa kịp bào, ăn cơm gạo lức với rau tàu bay rừng, nhất là giấy viết bằng lá buông. Cái học “Trần Minh khổ chuối” như vậy mà “hiếu trung phò xã tắc” là tấm lòng thiết thạch đối với quê hương, còn gì bằng !

Báo cáo trước Hội Nhơn Sanh năm 1931 có đoạn viết :  
“Trong Toà Thánh có lập một Đạo Đức Học Đường để dạy trẻ em, có 8 lớp học, 6 lớp con trai trình độ lớp nhì, 1 lớp con gái Việt, 1 lớp con nít Tà Mun. tất cả 274 trò. Các thầy dạy đều có bằng cấp Sơ học, làm công quả, không lấy tiền. Học trò cũng không đóng học phí”.

Báo cáo của Hội Nhơn Sanh năm 1932 xác nhận có nhiều tiến bộ : “Trường Đạo Đức Học Đường năm nay có mở thêm được ba lớp học nam nữa. Một lớp nhì ( Cours 2 è Année) và hai lớp Đồng Ấu (Cours Enfantin), cộng chung là 11 lớp. Số học trò được 417, trong đó 312 trò nam và 105 trò nữ, thêm được 143 trò, nhiều hơn năm ngoái. Kỳ thi Tiểu học vừa rồi, nhà trường có 26 trò đi thi đều đậu hết. Có 21 trò đậu luôn phần Pháp văn (mention francaise). Mấy cô giáo và thầy giáo dạy nơi trường đều siêng năng lo lắng dạy dỗ. Không người nào ăn lương bổng hết”.

Lấy năm 1952 làm mốc để nhớ ơn tiên bối, để thấy sự phát sinh, phát triển của Đạo Đức Học Đường chưa đâu bằng. Năm đó trường có 60 lớp lợp bằng tranh, xây gạch đất không nung, chỉ có dãy lớp bằng ngói ở phía trước. Có 10 lớp Cao Đẳng đi thi Tiểu Học với 5.393 thí sinh tại Tỉnh lỵ, chỉ rớt 1 trò vì bị bệnh bất thường. Đó là một kỷ lục vô song đền đáp công ơn thầy trò dạy và học đêm luôn, làm rạng danh đạo thời ấy.

Chính năm 1952, ngôi trường phổ thông ở trên đường Hoàng Tông Hường, ngoài cửa số 7 ngoại ô được trùng tu và cất thêm hai dãy để nhận số học sinh vừa mới thi đỗ Tiểu Học. Nhà

---

63-Ban Đạo Sử : Tài liệu lưu trữ.



trường mở 12 lớp Đệ Thất vì phải nhận thêm hai lớp cho học sinh ngoài tỉnh lỵ.

Ngày khai giảng, Đức Phạm Hộ Pháp đến dự và đổi tên trường phổ thông thành trường NGHĨA THỰC LÊ VĂN TRUNG để nhớ ơn Ngài Thượng Đầu Sư, người có công đặt viên gạch đầu tiên khai hoá nhân sanh tại vùng Thánh Địa.

Con cháu nối bước. Năm 1961, giáo sư Trần Văn Rạng dạy trường Trung học Tây Ninh đưa đơn xin phép lập “Hội Ái Hữu Cựu Sinh Đạo Đức và Lê Văn Trung”, được Bộ Nội Vụ cấp phép hoạt động số 128-NĐ ngày 20-10-1961, kết hợp hai trường làm một là để nhớ ơn Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung.<sup>64</sup>

#### 4. Tờ bố cáo gửi chư Đạo hữu

Nền đạo trong những ngày đầu năm Kỷ Tỵ (1929) gây nhiều phấn khởi trong giáo dân. Số người nhập môn càng ngày càng tăng, chứng tỏ Đạo mới hợp lòng nhân dân. Đạo mừng nhưng Đời lo. Chính quyền Pháp không thể ngăn chặn bắt với những người theo Đạo một cách công khai mà chỉ cho lính kín theo dõi trà trộn vào hàng ngũ trong Đạo. Việc xây dựng Toà Thánh lôi kéo nhiều người có quốc tịch khác nhau khiến một tờ báo phải lên tiếng “Một Jérusalem mới” (Une Jérusalem nouvelle)<sup>65</sup> có hại cho việc trị an.

Nhưng không thể nào khủng bố Hội Đồng Lê Văn Trung, các đốc phủ Lê Bá Trang, Nguyễn Ngọc Tương nên chính quyền chĩa mũi nhọn vào dân đạo ở nông thôn.

Đức Chí Tôn giảng cơ dạy về việc này như sau :

“Thầy tưởng các con đã hiểu vì cớ nào chính phủ Lang Sa nghi ngờ như vậy. Vì các con chẳng tỏ ra rõ ràng rằng Đạo là Đạo, còn chính trị là chính trị. Các con chỉ vì Đạo là phận sự. Các con chỉ biết đạo mà thôi. Các con cũng nên bạo gan mà nói trước mặt vạn quốc cùng chính phủ rằng các con là người đạo, chỉ

64- Soạn giả gọi chức danh phẩm tước theo thứ tự thời gian.

65-J. CENDRIEUX, *Une Jérusalem Nouvelle, Extrême Asie (R1) số 25 (7-1928)*.

biết giúp đỡ nhưn sanh, dạy dỗ nhưn sanh chớ chẳng biết chính trị là gì. Trong Đạo duy có một điều làm cho chính phủ không vừa lòng là mỗi nước họ muốn phân lìa nhau mà Đạo lại hiệp. Các con nói với người Lang Sa rằng nhờ Đạo mà các sắc dân đặng yêu mến nhau, phải lấy sự yêu mến mà buộc tình người thì quyền hành kia mới vững. Cười ...

“ Trung, con phải tức tốc đến thuyết đạo với người Lang Sa Blanchard de la Brosse nghe. Nói một phen nữa. Thẳng như họ chẳng nghĩ tình thì phải đánh giầy thếp cho chính phủ bên Tây mà kêu nài”.

Vâng Thánh chỉ, Ngài Thượng Đầu Sư đến gặp Thống Đốc Nam Kỳ Blanchard de la Brosse để xin cứu xét về việc bắt bớ và khủng bố giáo dân. Ngài cho ban hành Tờ bố cáo cùng chư đạo hữu như sau :

“ Nay là buổi Thiên Địa tuần hườn, hoằng khai Đại Đạo, đức Ngọc Hoàng Thượng Đế vì thương nhân loại, rộng mở Đạo Trời, để diu dắt sanh linh vào trường đạo đức, hầu hưởng phước về sau . Nay Đại Đạo lập thành, Tân luật đã ban ra, chúng ta cứ theo đó mà hành đạo.

Về phần Thiên Đạo phải hết lòng thành kính Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, phải trau dồi đức hạnh, dưỡng tánh tu tâm mà hồi minh khứ ám.

Còn về phần nhưn Đạo, ta phải tuân theo phép nước, giữ phận làm thần dân , làm lành lánh dữ. Mỗi mỗi phải do luật pháp mà cư xử, sùu lo thuế đóng, kính trọng quan viên, giúp nạn kẻ khó.

Về phần tin tưởng tự do, tôi tỏ cho chư đạo hữu hay rằng không ai đặng phép ngăn cản chúng ta trong việc thờ Trời Phật. Ta tin tưởng Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, ta sùng bái Ngài, không một ai phạm đến quyền tự do ấy của ta được. Chớ nghe đồn huyễn rằng chính phủ bắt Đạo mà sợ, rồi dẹp Thiên Bàn cuốn Thánh Tượng, ấy là điều đại tội cùng Trời Phật đó.

Nếu Chính phủ muốn ngăn cấm điều chi thì dán yết thị khắp nơi cho nhân dân rõ biết, đâu đó phân minh. Còn nếu không có châu tri cùng yết thị thì xin chư đạo hữu chớ vội tin mà lầm

mưu kế nghịch đạo.

Trong chư đạo hữu, thẳng như có ai bị cưỡng quyền áp chế về việc phụng thờ Thượng Đế, xin mau gửi thơ cho tôi. Tôi sẽ dụng hết công tâm kêu nài cùng chính phủ để làm cho kẻ ấy biết trọng quyền TIN TƯỞNG TỰ DO của chúng ta”<sup>66</sup>

Trong hai năm 1928-1929, công việc ở Tòa Thánh do Đức Cao Thượng Phẩm và Ngài Phối sư Thái Bính Thanh coi sóc việc xây cất Tòa Thánh tạm. Còn Ngài Lê Văn Trung đi phổ độ Lục Tỉnh, Đức Phạm Hộ Pháp mở Hội Thánh Ngoại Giáo ở Kiêm Biên, Ngài Ngọc Đầu Sư đi lập 72 Tịnh thất rồi trở về Vĩnh Nguyên Tự.

Việc xây cất Tòa Thánh của Đức Cao Thượng Phẩm bị ngưng lại vì sự hiểu lầm của Chưởng Nghiêm Pháp Quân Nguyễn Phát Trước. Đức Ngài bỏ về Thảo Xá Hiền Cung và mất tại đó như viết ở trước.

Đêm 15-4-1928, Đức Lý giảng cơ dạy :

“ Hộ Pháp, hiền hữu xin nghe !

Chẳng phải Lão bệnh vực Cửu Trùng Đài của Lão. Hiền hữu kiểm sẽ thấy tội nơn về bên Hiệp Thiên Đài. Vậy quyền hành của hiền hữu thế nào mà trách Lão. Chức sắc của Lão vì ám muội mà nghe lời đó vậy thôi.

“Thái Bính Thanh,

Hiền hữu nói lại với Thượng Trung Nhật rằng Lão nhượng trọn quyền Giáo Tông lại cho người, cho đến ngày Hiệp Thiên Đài nhìn Cửu Trùng Đài rồi Lão sẽ hành chánh, nghe à”.

Vậy từ ngày đó (26-2-Mậu Thìn) Ngài Thượng Đầu Sư chính thức Chưởng quản Tòa Thánh Tây Ninh.

Xin mượn lời thuyết đạo của Ngài Thượng Đầu Sư đọc nhân ngày lễ kỷ niệm Khai Đạo (14-10-Kỷ Ty) làm câu kết :

“ Người trong vòng Trời Đất chẳng nên cãi quá lòng trời vì Tạo Hoá rất công bằng, lòng Trời vô tận. Tôi xin nhắc lại lời Thánh giáo của Malherbe : “Vouloir ce que Dieu c'est le seule

*66-Ban Đạo Sử : Tài liệu lưu trữ.*

science qui nous methe en repos”. Lời ông hiền triết này như lời của Thánh trong sách nho : “Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong”.

Bốn năm dư ( 1926-1929) chuông Thánh truy hồn, thuyền Bát Nhã đổ bến mê tân rước khách trần, hầu độ kẻ vô phần không phước. Phần nhiều vì mất thịt, trí phàm không thấu đạo Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà chưa trọn hiểu. Tánh vẫn còn mơ hồ kết thêm tội lỗi, vào đường tu mà chưa đổi tánh, phần còn tranh tranh, lẩn lẩn chức quyền mọn trong Đạo.

Đã lánh chốn phồn hoa dựa cửa thiền, mất ngơ, tai diếc diệt phàm tâm trau dồi hạnh đức ! Cầu khẩn Đức Từ Bi rưới giọt nhàn dương, hằng ngày lo tụng kinh cầu sám chuộc tội tiền khiên nên danh hiền triết.

Mong thay ! Mong thay”<sup>67</sup>

## CHƯƠNG IV ANH CẢ TOÀN ĐẠO (1930-1932)

- 1-Cãi án Cao Đài.
- 2-Thống nhất nghi tiết và kinh lễ.
- 3-Ngài Thượng Đầu Sư được ban phẩm Qu. Giáo Tông.
- 4-Thành lập Cửu Viện.
- 5-Bộ Nội luật Tòa Thánh.
- 6-Đạo ra ngoại quốc.
- 7-Quyền Chí Tôn nơi Giáo Tông và Hộ Pháp.
- 8-Ba Hội lập quyền Vạn Linh.
- 9-An dưỡng và tịnh luyện.

### 1. Cãi án Cao Đài

Khởi đầu năm 1930, một điều tệ hại đã xảy ra. Ông Đ.N.T nhận tiền của Hội Thánh Cao Đài dịch kinh. Sau đó, nghe lời kẻ xấu, có bàn tay của Sở Mật thám Pháp, ông Đ.N.T bội ước hợp đồng. Ông đã có một số vốn hiểu biết về Cao Đài trong

*67-Ban Đạo Sử : Tài liệu lưu trữ.*

một thời gian dịch thuật nên viết tập sách nhỏ “ Cái Án Cao Đài” để moi móc chỉ trích Đạo này nọ. Ông Băng Thanh, một người ngoại đạo bất bình trước việc làm thiếu trung thực của ông Đ.N.T nên viết tập “ Cái Án Cao Đài” để biện hộ cho Đạo, chỉ ra chỗ sai lầm và hiểu biết nông cạn về đạo của ông Đ.N.T. Trên báo Phụ Nữ Tân Văn số 204 ra ngày 15-6-1933 ông Lê Hoàng trả lời bài kết luận cuộc điều tra của Ông Huấn Minh. Đến Phụ Nữ Tân Văn số 205, Ông Huấn Minh đặt vấn đề “Thảo luận cùng nhà lý thuyết Cao Đài” từ trang 9 đến trang 13. Lúc ấy cũng có nhiều người viết bênh vực chủ trương tổng hợp tôn giáo của Đạo Cao Đài .

Trước tình hình đó, nhân danh Chưởng quản Tòa Thánh Ngài Thượng Đầu Sư ban hành thông bạch ngày 2-8-1930 :

“ Kính cùng chư đạo hữu lưỡng phái,

Buổi này là lúc thử thách, cho nên xảy ra nhiều trở ngại trên bước đường Đạo và tai nạn cho chư đạo hữu.

Vậy chư đạo hữu hãy gìn giữ lòng gan dạ sắt của Thầy ung đức bấy lâu mà chống với những cơ thử thách đó thì sẽ đi cùng bước đạo.

Có nhiều đạo hữu chẳng quản khó nhọc mà đi khuyên nhủ chư đạo hữu choặng tâm thành đức vẹn. Ấy là sự công quả rất lớn lao”.

Để chấn chỉnh lại nền Đạo, Ngài Thượng Đầu Sư thông báo tới các đạo hữu nhập môn, đổi giấy răng cửa (Certificat de baptême) bằng tờ SẮC PHÁI và buộc người được cấp giấy phải thờ Thiên Bàn và sám hối ăn năn mỗi khi lầm lỗi.

Trong Châu Tri số 61 ban hành ngày 27-11-1930, Ngài Thượng Đầu Sư viết như sau :

“...Hồi ban sơ, chúng ta muốn phổ thông đạo cho mau vì Đạo khai trể một ngày thì hại cho hơn sanh một ngày, nên ai cầu Đạo thì phát giấy răng cửa liền, không chờ cho họ thờ phụng và biết sám hối ăn năn mới phát giấy. Nhiều người giả dối nhập môn đôi ba chỗ rồi xin giấy răng cửa ở mỗi chỗ, về không thờ phụng, không tu hành chữa lỗi, để giấy răng cửa trong mình đi

nơi này chốn kia gặt gẫm đạo hữu thật thà hơn mình...

Việc phát giấy thông hành cho người đạoặng ngăn ngừa những kẻ dối trộm lịnh cướp quyền thì nhiều nơi chưa thi hành chi hết, nên có nhiều người in thiệp (carte visite) ở dưới tên mình đề “ Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh”, rồi đi nơi này chốn kia khoe nói đi phổ thông đạo, đi truyền đạo, dạy luyện đạo, bày nhiều việc mơ hồ mông mị.

Than ôi ! Đời Hạ nguơn cuối cùng, mưu tà quá rất nhiều, ngăn ngừa không xiết, cũng bởi trong Đạo đố kỵ, ganh hiềm ghét ngố, không lập thế lo truyền trọn lời phủ ỷ”.

## 2. Thống nhất nghi tiết và kinh lễ

Nhằm chấn chỉnh và thống nhất lễ nghi trong Đạo, Hội Thánh có ban hành LỄ NGHI TIẾT ĐẠI ĐÀN và TIỂU ĐÀN gửi cho các Thánh Thất. Trong thông tư ngày 27-9-Canh Ngọ (17-11-1930) Ngài Thượng Đầu Sư có nhắc nhở :

“...Tôi xin nhắc : Đạo một gốc, hành lễ phải y như nhau một thể lệ. Vì việc Lễ nhạc, đọc kinh các nơi không rập nhau một thể lệ nên năm ngoái tôi có lập ban hội, mỗi Thánh Thất đều có người thay mặt ban hội ấy sắp đặt một cuốn ĐẠI ĐÀN TIỂU ĐÀN dâng lên Tòa Thánh. Ngày Đại lễ Đấng Chí Tôn, Hội Thánh cử một ban xem xét cuốn nghi tiết ấy. Lại nữa trong ban hội này có chức sắc thay mặt Cửu Trùng Đài, có chức sắc thay mặt Hiệp Thiên Đài hiệp nhau xem xét hết lễ rồi do phân đây mới ban hành cuốn NGHI TIẾT ngày nay đã in ra đó...”. Còn chính Ngài Thượng Đầu Sư cũng soạn kinh “ Tứ Thời Nhật tụng” cùng ban hành năm đó.

Để thống nhất Kinh lễ và tránh lợi dụng sách Đạo nhằm mưu lợi riêng, ngày 28-12-1930. Ngài Thượng Đầu Sư ra châu tri :

“ Từ cổ chí kim trong tôn giáo nào cũng phải có trật tự lễ nghĩa. Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã có định :

1. Trách nhiệm của mỗi chức sắc,
2. Kinh sách, Châu tri, tờ giấy chi chi cũng do nơi Tòa Thánh ban hành cho Đầu Quận, Đầu Họ và chư vị Chư Thánh Thất do

theo đó mà bố cáo cho đạo hữu thông hiểu.

Mới đây nhiều chức sắc không có quyền ban hành việc chi cho chư hiền hữu, lại tự do không tuân luật Đạo, in kinh sách lấy danh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để trên bìa sách mà gởi cho chư hiền hữu. Ấy là một việc làm rối loạn trong nền Đạo.

Vậy từ đây giấy tờ, kinh sách chi chi không phải tôi hay ba vị Chánh Phối Sư ký tên và đóng dấu của mỗi Phái (Ngọc, Thượng, Thái) do Đấng Chí Tôn định, và tờ Châu Tri của bà Chánh Phối Sư Nữ Phái Hương Thanh thì bà ký tên và con dấu của bà. Không phải mấy vị trên đây ký tên và con dấu ấn tích thì đừng tuân theo và đừng nhìn là tờ giấy của chức sắc Đạo.

Xin chư hiền hữu lưu ý phát Châu Tri này cho Chánh, Phó Trị Sự và Thông Sự, bố cáo cho chư đạo hữu lưỡng phái biết ngăn ngừa những người vì ganh hiềm ghét ngỗ mà phân chia con cái của Thầy”.

Vào tháng 2 năm Tân Mùi (1931), Ngài Thượng Đầu Sư gởi Châu Tri nhắc nhở :

“ Ngày nay Đại Đạo đã ban hành Pháp Chánh truyền chú giải thì Tân pháp đã đạt đặng. Việc hành chánh đạo thì có Nghị định của Đức Lý Giáo Tông ( Bát Đạo Nghị Định) phân quyền rành rẽ cho chức sắc Thiên phong.

Xin chư vị Thiên phong rán lo sắp đặt Chánh, Phó Trị Sự và Thông Sự cho có quyền đặc biệt.

Mỗi làng cử một Chánh Trị Sự. Mỗi xóm có một Phó Trị Sự và một Thông Sự dìu dắt mấy chục đạo hữu, phải biên tên họ vào trong sổ.

Chánh, Phó Trị Sự và Thông Sự khuyên đạo hữu làm lành lánh dữ, đừng dục vô cuộc loạn ly hay việc chi trái đường đạo đức. An phận tùy duyên, lo làm ăn, khi rảnh thì sùng bái Trời Phật. Thường ngày được vậy thì khoẻ khoắn tinh thần yên lòng mình, lại thuận lý Trời, xưa nay thung dung tự tại, an nhàn vui vẻ mà ngâm thi của Thánh Hiền đã dạy”.

Dù Pháp Chánh Truyền chú giải có thêm Ban Trị Sự để giúp

việc kiểm soát đôn đốc thi hành giáo luật và nghi lễ đạo, nhưng việc tự ý chuyên quyền của một số chức sắc vẫn diễn tiến. Thế nên, Ngài Thượng Đầu Sư ban hành Châu Tri ngày 30-2-Tân Mùi (18-4-1931) nhấn mạnh :

“ Từ hồi Đại Đạo Tam Kỳ hoàng khai tới giờ, trong đạo có lắm điều trặc trở là vì không giữ trật tự, không hoà thuận với nhau. Nhiều khi Đấng Chí Tôn hỏi : “ Các con thấy trong càn khôn thế giới, nội trong vạn vật Thầy hoá sanh ra có giống nào mà không trật tự, đẳng cấp chăng ?”.

Hồi năm Mậu Thìn, Đức Lý Giáo Tông giao cho ông Phối Sư Thái Ca Thanh lập chương trình Hiến Pháp. Ngày 4-7-Mậu Thìn (28-8-1928) lễ Thượng Ngươn nhóm Hội Thánh có lập vi bằng. Tôi xin lục rút tờ vi bằng ấy ra sau đây :

“ Ông Phối Sư Thái Ca Thanh đọc chương trình Hiến Pháp : Trích đoạn chương V và các điều 22,23 và 24

### Chương V

**Điều thứ 22 :** Nghiêm cấm trong Đạo không ai đặng lấy danh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà dùng THIÊN AN, THIÊN NHÂN mà đề vào kinh sách, bố cáo . .v. . . hay in Thánh Tượng, kinh sách; nếu kinh sách và Thánh Tượng ấy không có trình ban kiểm duyệt xem xét trước.

**Điều thứ 23 :** Ai phạm hai điều trên đây thì các kinh sách, tượng ấy phải đem nộp cho Tổng lý ( tức Thượng Thống) hủy bỏ. Người có lỗi sẽ giao về Bình Viện ( tức Hoà Viện) phân đoán.

Thẳng như người ngoại Đạo mà phạm nhằm điều lệ 22 quản lý Nội Viện chạy tờ Châu Tri cho chư đạo hữu các nơi biết, mà không dùng đến kinh sách, tượng in sai phép ấy.

**Điều thứ 24 :** Kể từ ngày ban hành “ Chương trình Hiến Pháp” duy chỉ có một mình Hội Thánh Cửu Trùng Đài được quyền in kinh sách, tượng để hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ”  
(Ban Đạo Sử : Tài liệu lưu trữ)

Cũng trong Châu Tri này, đoạn dưới Ngài Đầu Sư viết :

“ Ngày nay nhiều chức sắc Thiên phong tự tôn, tự đại chấp bút cầu cơ rồi in Thánh Ngôn, kinh sách, không do Hội Thánh. Như các quyển : Tu Chơn Thiệp Quyết, Thánh Giáo Chơn truyền, Chánh lý yếu tà (Thánh thất Bạc Liêu, Rạch Giá, Mỹ Tho) cũng lấy danh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để ngoài bìa, làm cho đạo hữu và nhơn sanh tin tưởng lầm của Đại Đạo Tam Kỳ làm ra.

Nhiều vị cũng chấp bút, cầu cơ, phong giáo sư, giáo hữu, lễ sanh rồi sấm sắc phục và đi các nơi cho đạo hữu biết tước phẩm của mình và khoe khoang chỉ cho người khác luyện Đạo.

Nên từ đây :

Chư chức sắc Thiên phong, Đầu Họ, Đầu Quận Đạo đi phổ thông thì có tờ tuyển bổ của Tòa Thánh ban quyền.

Bất luận Thiên phong, chức sắc hay đạo hữu đi truyền đạo hay nói chuyện chi mà không có trình giấy tờ thì là người giả dối, mạo quyền đi phá rối trong đạo.

Xin lưu ý :

Tòa Thánh không nhìn nhận mấy quyển: Tu Chơn Thiệp Quyết, Thánh Giáo Chơn Truyền, Thánh Ngôn của Thánh Thất Bạc Liêu, Rạch Giá, Mỹ Tho”.

### **3. Ngài Thượng Đầu Sư được ban phẩm Quyền Giáo Tông.**

Vào ngày mồng 3-10-Canh Ngọ (12-1-1930) một đàn cơ do Đức Hộ Pháp cầu tại Hiệp Thiên Đài Tòa Thánh, Đức Lý giáng cơ ban phẩm Quyền Giáo Tông ĐĐTKPĐ cho ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt thế danh Lê Văn Trung.

Đạo Nghị Định thứ nhì (trong Bát Đạo Nghị Định), điều thứ nhứt ban hành ngày 15-10-Canh Ngọ, Đức Lý phán rằng :

“ Ban quyền hành cho Thượng Đầu Sư thay mặt cho Lão mà thi hành các phận sự Giáo Tông về phần xác, còn phần thiêng liêng đã có Lão”. Như vậy Đức Lý và Đức Quyền Giáo Tông hợp lại đúng với lời Đức Chí Tôn định “ Thiên nhơn hiệp nhứt”.

Một đàn cơ khác ( ngày 1-8-1931), Đức Lý lại dạy:

“ Ngày nay Lão đã nhượng nửa quyền hành cho đó là có ý để mắt coi hiền hữu đúng phận cùng chăng ? Lão hạ mình bỏ quyền Nhứt trấn lãnh việc Giáo Tông mà lập vị cho đàn em bước tới. Lão đã lắm phen thấy nhiều khó khăn của phần ấy, nên ra tay giục loạn để phân rõ chánh tà hầu giúp phương cho Hội Thánh trừ khử.

Lão mừng hiền hữu đó. Lão vì Chí Tôn đã hứa mà lập vị cho đáng giá. Vậy hiền hữu cũng phải tận tâm chung lo với Lão mới phải.

Ngày nay hành chánh thì cũng nên lập vững cho đủ tư cách của một người cầm sanh mạng của nhân sanh. Chưa có ngôi vị Đế Vương nào mà sánh với phẩm vị Thiêng Liêng đặng. Khá phân biệt trượng kính mà giữ gìn kẻo bị tà tâm rối loạn”.

Tại Tháp Đức Quyền Giáo Tông vào ngày 30-10-Đinh Hợi (1947), Đức Hộ Pháp đánh giá việc Đức Lý ban nửa phẩm Quyền Giáo Tông cho Đầu Sư Thượng Trung Nhựt như sau :

“ Bản Đạo quả quyết nói với bằng chứng hiển nhiên là bạn đồng thuyền Bản Đạo biết rõ giá trị của Thượng Trung Nhựt là dường nào.

Ngôi vị Giáo Tông Đạo Cao Đài do Đức Lý cầm quyền, giữ gìn Thánh Thất nửa phàm mà tạo ngôi vị tại thế là Thượng Trung Nhựt đó. Ấy vậy Thượng Trung Nhựt tạo ngôi vị Giáo Tông cho Đạo Cao Đài như Thánh Saint Pierre tạo ngôi Thánh Hoàng cho Pha Pha tại Rome vậy.

Chí Tôn đến một cách đột ngột tình cờ, trong thế kỷ XX này. Ngài xưng tên làm cho cả thấy ngạc nhiên nhứt là chúng ta đang đi trong đường thế tục tối tăm. Ngày ấy người niên kỷ cao hơn hết là Thượng Trung Nhựt chúng tôi có hỏi người : Est-ce possible ? (có thể vậy không ?). Chúng tôi chẳng khác chi ở trong địa huyệt đang tìm con đường sáng. Chúng tôi còn tăm tối. May thay ! Người có duyên tiền định đến dìu dắt chúng tôi ra khỏi chốn địa huyệt âm u, nhờ hai con mắt sáng của người làm dẫn đạo. (Đức Chí Tôn khai sáng mắt cho Ngài Lê Văn Trung như đã viết ở trước)

Khi chúng tôi hỏi : Est-ce possible ? Người trả lời : C'est bien possible? (Có thể vậy lắm?), bởi thiên hạ đang thảm khổ nên Người ấy đến không phải là lạ. Người quả quyết rằng : Đáng ấy đến buổi này thật là Chí Tôn đó vậy”.

Vì thành tâm nguyện vọng của người cảm xúc cõi hư linh làm cho Chí Tôn và cả Đức Thần Thánh Tiên Phật đều động lòng. May thay ! Chí Tôn đến lập nền Quốc Đạo cho chúng ta tại nước Việt Nam thì không có gì vinh diệu cho nòi giống chúng ta hơn.

Bần Đạo quả quyết rằng trót một đời người, tìm cho ra một mặt biết thương nòi giống, với một tâm lý nồng nàn như Thượng Trung Nhựt, Bần Đạo chưa thấy được hai người. Nếu chẳng vì tình ưu ái vô hạn thì người chẳng hề hủy thân danh tạo nên hình thể Đạo để lại cho quốc dân. Cái đại nghiệp tinh thần ấy sâu xa chừng nào thì càng quý hóa thêm nữa. Thiên hạ sẽ rõ tấm lòng yêu ái của Thượng Trung Nhựt biến ra một quốc hồn kiên cố. Cả thủy quốc dân đều phải cúi đầu vâng theo ý chí cao thượng ấy, không có một lưỡi gươm nào tiêu diệt được sự nghiệp của người “<sup>68</sup>

Dù Đức Lý Thái Bạch nhượng quyền Giáo Tông về phân xác cho Thượng Đâu Sư nhưng Ngài chưa hành xử quyền đó và chưa dự định đăng điện phẩm vị cao quý này) .

#### 4. Thành lập Cửu Viện

Sau khi nhận Quyền Giáo Tông do Đức Lý ban, ngài Lê Văn Trung bắt đầu chấn chỉnh lại guồng máy hành chánh cho có hiệu lực. Đức ngài tư vấn cho ba vị Chánh Phối Sư lập thành cửu viện. Châu Tri số 9 ngày 16-3-1931 gửi cho các Thánh Thất có định rõ.

Theo Đạo Nghị Định thứ tư: Thượng Chánh Phối Sư được quyền xem xét các nơi chăm nom đạo hữu, giáo dục nhơn sanh, thay mặt cho toàn Đạo mà giao thông cùng chính phủ và cả tín đồ, chủ toạ Hội Nhơn Sanh, cai quản :

<sup>68</sup>-Lời thuyết đạo của Đức Phạm HP, quyển 2, Tây Ninh, 1973.

1- Nội viện ( sau đổi ra Nông viện)

2- Học viện

3- Y viện

Thái Chánh Phối Sư đặng quyền điều hành, đi phổ độ cầu xin và điều độ chức sắc hành Đạo tha phương, làm chủ toạ Hội Thánh và chủ tài liệu Đạo, lo về tài chánh và định lương hưởng cho chức sắc Thiên phong, cai quản :

1- Hộ viện

2- Công viện

3- Lương viện

Ngọc Chánh Phối Sư đặng quyền sửa trị cả Chức sắc tín đồ về phần Đạo và phần đời, coi sóc chơn truyền Hội Thánh, buộc chức sắc làm y phận sự và cầm quyền tạm dụng, cai quản :

1- Lại viện

2- Lễ viện

3- Hoà viện

Đứng đầu mỗi viện là một Phối sư, chức danh là Quản lý, Phó Quản lý về sau cải danh là Thượng Thống và Phụ Thống.

#### 5. Bộ Nội Luật Tòa Thánh

Để có trật tự và lễ giáo trong nội ô Tòa Thánh, Đức Quyền Giáo Tông cho soạn Bộ Nội Luật, được thông qua Ban Nội Luật ngày 19-11-1931, Hội Nhơn sanh ngày 24-11-1931, Hội Thánh ngày 24 đến ngày 26 tháng 12 năm 1931 và Thượng Hội từ ngày 4 đến ngày 6 tháng giêng năm 1932, mãi đến ngày 20-2-1932 (15-1-Nhâm Thân) mới ban hành.

Bộ Nội Luật này có bảy chương, lời mở đầu ghi : Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ khai đã 6 năm rồi, Tòa Thánh là nguồn Đạo phải có Nội luật nghiêm trang. Vậy từ đây ai ở Tòa Thánh nam nữ cũng vậy và chư Đạo hữu lương phái về Tòa Thánh cũng phải tùng theo Nội Luật.

**Chương thứ nhất:** Quy định về đại lễ cúng tứ thời, tụng kinh tại Bửu Điện, lễ cầu siêu cầu nguyện cho lành bệnh, lễ hôn phối, lễ nhập môn...

**Chương thứ nhì:** Bản phận người hiến thân tại Tòa Thánh và thiên phong, chức sắc cùng Đạo Hữu lương phái về Tòa Thánh phải thông thạo kinh sách, học Đạo và luật Đạo.

**Chương thứ ba:** Phòng trừ và nhà khói phải giữ vệ sinh và thứ tự theo điều luật của quản lý nội viện và lương viện sắp đặt. Đông lang thì chức sắc nam phái. Tây lang thì chức sắc nữ phái.

**Chương thứ tư:** Phòng văn, nhà giảng Đạo, nhà ngủ, nhà thương, các trường, giờ mở cửa làm việc :

- Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều từ 2 giờ 30 phút đến 5 giờ 30 phút.

**Chương thứ năm:** Luật lệ chung về cách giao thiệp với nhau : Chức sắc đối với Đạo hữu phải giữ khiêm cung, tỏ lòng đạo đức, nhớ lời dạy:

Nghiêu chẳng dùng PHÁP LUẬT

Thuấn chẳng lập LUẬT ĐIỀU

Thang không dùng HÌNH PHẠT

Văn Vương không lập NGỤC THẮT

**Chương thứ sáu:** Chức sắc và đạo hữu về Tòa Thánh thì phải tín ngưỡng mấy điều sau :

- Sùng bái Đấng Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng cũng như về nhà ông cha yêu dấu chung.

- Ai cũng có lòng về Tòa Thánh học hỏi việc đạo và lập công bồi đức, làm công quả có ích cho Đạo là lo chung cho nhơn sanh.

**Chương thứ bảy:** Định phần thưởng phạt phân minh, quy định rõ ban kỷ luật.

## 6. Đạo Cao Đài ra ngoại quốc

Đạo Cao Đài mỗi ngày phát triển. Báo chí nước Pháp và nước Đức đăng nhiều bài nghiên cứu có giá trị. Do đó vào đầu năm 1931, nhiều du khách Đức đến viếng thăm Tòa Thánh Tây Ninh, nghiên cứu và chụp ảnh tư liệu, sau đó trên báo BERLINER ILLUSTRIERTE ZEITUNG ra ngày 21-6-1931 có một bài viết nhan đề “Giáo phái mới lạ nhất của thế giới” (La

plus étrangère secte du monde) kèm theo nhiều hình ảnh của Tòa Thánh Tây Ninh. Nhờ đó, một giáo phái ở Đức có chủ trương giống Đạo Cao Đài xin tài liệu về Đạo nhà, được Đức Quyền Giáo Tông gửi cho họ một quyển sách viết về “Phật Giáo Chấn Hưng” ( Le Bouddhisme rénové) và đã được Đức Thánh Cha của Giáo Hội Eglise Gnostique của nước Đức phúc thư như sau :

P. Futlingen, ngày 13 tháng 11 năm 1931.

Kính thưa Đức Ngài,

Cao cả quyền năng và thánh thiện

Thưa Đức Ngài,

Bức thông điệp của Đức Ngài đã tới vùng Trung Âu chúng tôi, Tổng giáo hội Eglise Gnostique Đức Quốc mà tôi là Trưởng Lão quyết định chuẩn bị liên hợp với Đạo Cao Đài.

Tôi lãnh nhiệm vụ báo tin cho Đức Ngài biết về sự quyết định này và kính xin Đức Ngài thông truyền cho chúng tôi về lịch sử, hiến chương, giáo lý và những nghi lễ của nền Đại Đạo bằng tiếng Pháp, tiếng Anh hoặc tiếng Hà Lan . Nhờ đó, chúng tôi có thể tổ chức các giáo hội Cao Đài ở các quốc gia như Đức, Áo, Thụy Sĩ, Hà Lan, Bỉ, Lithuanie, Esthonie, Latvie.

Để vững tin vào sự thực hiện điều mong ước đó, xin Đức Ngài coi tôi như cấp dưới khiêm nhường.

Ký tên : H.GOD WIN

Đức Thánh Cha và Trưởng Lão

Giáo hội Eglise Gnostique Đức quốc

Nhằm phổ độ đạo ra nước ngoài và đồng thời hỗ trợ cho Đức Thánh cha H.God Win, ngày 1-12-1931 Đức Quyền Giáo Tông gửi một lượt hai văn thư: Một cho nghiệp đoàn báo chí thế giới và một cho các vị nguyên thủ quốc gia trên thế giới.

Văn thư gửi cho các Chủ tịch nghiệp đoàn báo chí thế giới như sau:

Kính gửi quý vị Chủ tịch,

Chúng tôi rất hân hạnh và kính cẩn yêu cầu quý vị thông báo

cho tất cả các chủ bút các nhật báo, các tạp chí định kỳ, dành cho chúng tôi một trang để kêu gọi sự thống nhất đức tin như bản văn kèm theo đây.

Đó là một đặc ân mà báo chí dành cho toàn thể nhân loại. Bởi vì nếu sự thống nhất đức tin được thực hiện, các dân tộc sẽ xem nhau như anh em và hoà bình thế giới sẽ hiển hiện.

Thế giới sẽ thoát khỏi cơn ác mộng ghê gớm về một trận thế chiến sắp xảy ra mà sức tàn phá sẽ mười lần dữ hơn trận thế chiến 1914-1918.

Mong quý vị Chủ tịch nhận nơi đây những cảm tình trân trọng và biết ơn của chúng tôi.

### THƯỢNG TRUNG NHỰT Q. GIÁO TÔNG ĐÓTKPĐ

Và văn bản cùng ngày 1-12-1931 gửi cho các vị nguyên thủ các nước như sau :

Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 1 tháng 12 năm 1931.

Kính gửi :

Các Hoàng Đế, Các Quốc Vương.

Các vị Lãnh đạo các tôn giáo.

Kính thưa quý Ngài,

Chúng tôi trân trọng và thành kính thông báo đến quý ngài: Đấng Tối Cao tức Đấng Thượng Đế Toàn Năng mà cũng là Đại Từ Phụ của tất cả nhân loại, đã giáng trần ở một vùng của nước Việt Nam, thuộc tỉnh Tây Ninh, một nền Tân Tôn Giáo. Nền Tân Tôn Giáo này có thể canh tân toàn thế giới bằng một lý tưởng cao quý: Đó là tình thương yêu vạn loại. Do sự chuyển vận của Tạo Hoá, các sắc dân tộc sẽ đồng tâm hợp lực, kết tình anh em với nhau và chừng ấy nền hoà bình thế giới sẽ phát hiện.

Chiến tranh! Cuộc chiến tội lỗi giữa huynh đệ chém giết lẫn nhau một cách gớm ghiếc, sự kinh tởm của thế kỷ XX được mệnh danh là tiến bộ văn minh, vẫn có thể tránh được.

Sở dĩ chúng tôi nói đến TỘI HUYNH ĐỆ GIẾT NHAU là vì

dầu cho chủng tộc nào có phân chia nòi giống, nhưng tất cả đang sống trên quả địa cầu này đều là con cái cùng tuý thuộc dưới quyền năng tự trị của Đấng cha chung là Thượng Đế, hay nói rõ hơn là Đấng Chúa Tể cầm vận mạng của họ. Một khi các dân tộc gây chiến tranh với nhau, điều đó có khác chi anh em một cha đã tự diệt nhau đó vậy.

Nhận lãnh nơi Thượng Đế, bậc Từ Phụ của toàn nhân loại, chúng tôi có cái sứ mạng truyền bá nền chánh giáo của Người đến khắp toàn cầu.

Chúng tôi có đủ bằng chứng về sự giáng trần của Người nhiều phép lạ đã xảy ra giống như thời xưa Chúa Jesus đến ban phép lành ở Lourdes và các nơi khác.

Tin tưởng mãnh liệt vào hiệu năng của nền Tân Tôn Giáo này và hoàn toàn vững tin nơi thiện ý của mình, chúng tôi đã gửi đến chính quyền thuộc địa Pháp một bản minh thư viết tay (kèm theo đây) mà nội dung chúng tôi cam kết với lời hứa chịu tử hình: chỉ chăm lo về mặt Đạo chớ không mảy may nào làm rối an ninh trật tự. Ngược lại, chúng tôi yêu cầu được sự giúp đỡ và hỗ trợ của nước Pháp để thi hành sứ mạng truyền bá của nền Tân Tôn Giáo này khắp hoàn cầu.

Đối với sự kính trọng của chúng tôi, tiếc thay, các vị thay mặt nhà cầm quyền thuộc địa Pháp vẫn không hảo ý đáp ứng. Một số ít chứng tỏ thông cảm, khoan dung. Một số khác lại áp dụng đủ mọi cách để ngăn chặn sự truyền bá này.

Đức Thượng Đế đã giáng dạy chúng tôi hoằng hóa Thánh giáo của Người đến khắp hoàn cầu. Chúng tôi quả quyết không có gì lằm lằm trong sứ mạng ấy. Đặt mình với nhiệm vụ, chúng tôi khẩn thiết yêu cầu quý ngài thông truyền cho toàn thể nhân loại trên thế giới hiểu biết việc làm của chúng tôi để mọi người hiểu rằng: giờ Đại Xá của Đức Thượng Đế đã điểm và sự thống hợp con cái của Đấng Hoá Công là để phụng sự cho hoà bình hơn là tìm kiếm phương kế thống trị thế giới.

Muốn được vậy, chỉ cần sao cho tất cả người đời biết thương yêu đồng chủng giữ gìn hạnh đức đúng theo con đường mà Đức



Chí Tôn đã vạch.

Chúng tôi tin chắc rằng hơn ai hết, quý vị Đế Vương, Quốc Vương, Quốc Trưởng, Giáo Chủ ..v...v.. đều muốn cho thần dân và thuộc hạ đang sống dưới quyền của quý vị đều được sống mà không bị ám ảnh bởi một sự sợ hãi triền miên về một trận thế chiến sắp xảy ra. Các vũ khí tối tân sẽ tạo những tàn phá, những sự kinh tởm không xiết. Hơn nữa, quý vị mong họ được sống một đời an bình, hạnh phúc và vĩnh viễn thoát khỏi cơn ác mộng của một trận chiến gần kề. Chúng tôi thỉnh cầu quý Ngài sớm phái đến chúng tôi một số người để họ hiểu rõ hơn những gì mà chúng tôi đã xây dựng nên.

ĐỨC THƯỢNG ĐẾ phán dạy chúng tôi như vậy : “Các con! Mối Đạo của Thầy, nếu các con phát triển một ngày, mỗi ngày qua sẽ là dịp để cho hàng trăm ngàn linh hồn bị đoạ lạc nơi chốn trầm luân”.

Giờ đây, lời kêu gọi đã được truyền ra khắp chốn, chúng tôi nghĩ rằng mình đã làm tròn phận sự, tuy nhiên khi nào có đủ phương tiện, chúng tôi sẽ đi khắp hoàn cầu để truyền đến mỗi dân tộc lời Thánh giáo mới lạ này.

Kính mong quý vị chiếu cố và nhận nơi đây lòng tôn kính sâu xa của chúng tôi,

THƯỢNG TRUNG NHỰT  
Qu. GIÁO TÔNG ĐĐTKPĐ

Văn thư gửi cho các nghiệp đoàn báo chí thế giới và thông điệp gửi cho các nguyên thủ quốc gia và các hàng giáo lãnh các nước đã gióng tiếng chuông lớn : ĐẠO CAO ĐÀI RA NGOẠI QUỐC.

### 7. Quyền Chí Tôn nơi Hộ Pháp và Giáo Tông.

Để đối phó lại tình hình đang diễn biến bên ngoài nước cũng như bên trong nước, Đức Chí Tôn giáng cơ ngày 23-12-1931 nơi Thảo Xá Hiền Cung (tỉnh lỵ Tây Ninh) ban quyền Chí Tôn nơi Hộ Pháp và Giáo Tông.

“ Các con hãy nhớ rằng toàn thế giới cần khôn có hai quyền: quyền hành Chí Tôn của Thầy, dưới là quyền của chúng sanh. Thầy đã lập hình thể hữu vi của Thầy là Hội Thánh của Đại Đạo, rồi Thầy cũng phải ban quyền hành trọn vẹn của Thầy cho hình thể ấy, đặng đủ phương tiện tận độ chúng sanh, dưới quyền hành chuyển thế của đời; nghĩa là toàn thể nhân loại đồng quyền cùng Thầy, mà Tạo Hoá, Vạn linh vốn con cái của Thầy. Vậy Vạn linh cũng có thể đạt vị Thần, Thánh, Tiên, Phật đặng.

Thầy nói rõ: quyền Chí Tôn là Thầy, quyền Vạn linh là chúng sanh. Ngày nào quyền lực Chí Tôn đặng hiệp cùng Vạn linh thì Đạo mới ra thiệt tướng. Thầy đã ban quyền hành Chí Tôn của thầy cho hai đứa làm đầu Hội Thánh là Giáo Tông và Hộ Pháp. Vậy quyền hành Chí Tôn của Thầy đặng trọn vẹn khi Giáo Tông cùng Hộ Pháp hiệp một. Quyền hành Chí Tôn của Thầy duy chỉ có quyền hành Vạn linh đối phó mà thôi”.

Xem như thế, từ đây Đức Quyền Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp thống nhất ý chí tạo luật là quyền Chí Tôn tại thế. Nhất nhất tít đồ phải nghe theo. Duy chỉ có quyền Vạn linh mới nại lý không tuân, mà quyền Vạn linh là phối hợp của ba hội: Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh và Thượng Hội. Như thế cũng khó mà bác bỏ một đạo luật do nhị vị đặt ra <sup>69</sup> .

### 8. Ba Hội lập quyền Vạn linh

Nội luật này được ban hành ngày 22 tháng giêng năm Nhâm Thân (17-2-1932) do Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Quyền Giáo Tông ký. Ba Hội là: Thượng Hội, Hội Thánh và Hội Nhơn Sanh, gồm đủ cả ba Hội mới lập được quyền Vạn linh.

Xin tóm lược ba Hội như sau:

#### 1- Thượng Hội: gồm có

Giáo Tông:	Hội trưởng
Hộ Pháp:	Phó Hội Trưởng
Thượng Phẩm :	Nghị Viên
Thượng Sanh:	Nghị Viên

69-Đại Đạo Sử Cương, quyển 2, trang 10 - 11)

Ba vị Chưởng Pháp: Nghị Viên  
Ba vị Đầu Sư nam phái: Nghị Viên  
Bà Đầu Sư nữ phái: Nghị Viên

Mục đích của Thượng Hội là xem xét và phê chuẩn :

-Các điều của Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh ; trừ ra các điều nào Hội Nhơn Sanh mà Hội Thánh đánh đổ thì không được phép đem vào Thượng Hội, nếu không có đơn của hai ông chủ hội kêu nài .

Thượng Hội bàn luận và định đoạt các việc cần gấp hoặc yếu trọng phải ban hành trong Đạo .

## 2. Hội Thánh : gồm có

Thái Chánh Phối Sư : Chủ Trưởng  
Từ Giáo hữu đến Phối Sư : Hội viên

Hội Thánh có quyền xem xét các việc của Hội Nhơn Sanh dâng lên và các việc hành chánh trong đạo, rồi đệ lên Thượng Hội. Thường ngày, Hội Thánh đại diện quyền của Đại Đạo hành khiển mọi việc.

## 3. Hội Nhơn Sanh gồm có :

- Thượng Chánh Phối Sư : Nghị Trưởng  
- Nữ Chánh Phối Sư : Phó Nghị Trưởng  
- Lễ sanh, Chánh Phó Trị sự,  
Thông sự : Nghị viên

Mục đích của Hội Nhơn Sanh là trừ tính các việc :

- + Giáo hoá nhơn sanh
- + Lo liệu phương hay cho đời, Đạo khỏi điều phản trắc và nâng cao tinh thần trí thức của nhơn sanh.
- + Phổ độ nhơn sanh vào đường Đạo, điu dắt tín đồ cho khỏi trái bước, trọn dâng theo các luật lệ của Đạo.
- + Xin sửa cải thêm bớt hay hủy bỏ những luật lệ của Đạo không còn phù hợp với trí thức và tinh thần của nhơn sanh.
- + Lo cho nền Đạo được trong ấm ngoài êm và đủ mọi phương tiện đặng phổ thông nền chơn giáo.
- + Xem xét công nhận về phương diện chánh trị Đạo, quan sát

sổ sách phân xuất tài sản và nghị số.

## 9. An dưỡng và tịnh luyện .

Thuở ban đầu , Đức Qu. Giáo Tông vào Đạo chưa được bao lâu, Đức Lý Thái Bạch giảng đàn vào đêm 27-1-1926 dạy Ngài như sau :

Có công phải biết gắng nên công (Phu)  
Tu tánh cho xong, rán luyện lòng (Tâm)  
Kinh sách đầy đầu chưa thoát tục,  
Đơn tâm khó (Thiền) định lấy chi mong.

Chỉ có bốn câu mà Đức Lý đã dạy rõ Tân pháp tu luyện của Đạo Cao Đài là Tâm Pháp. Mỗi đạo hữu hằng cảm tức an cư để thúc liễm thân tâm, trau dồi giới hạnh. Trong đường tu, việc kiểm soát thân tương đối dễ hơn tâm. Điều khiển tâm mình theo đường thiện, tránh ác ý với mọi người không đơn giản chút nào. Thế nên Đức Qu. Giáo Tông đã chọn mùa hè từ tháng 3 đến tháng tháng 6 năm 1932 để an cư kiết hạ. Ở tại Giáo Tông Đường an dưỡng vào mùa hè là tốt nhất. Vì mùa hạ, cây cối nảy mầm, côn trùng sinh nở, nếu đi lại nhiều có thể dẫm đạp làm hại chúng sanh hạ đẳng. Cho nên Đức Ngài nói :

“ Từ ba tháng nay, tôi an nghỉ không gần gũi với chư hiền hữu, chư hiền muội. Trong lúc an nghỉ, tôi có suy xét ba phương diện

- 1- Theo căn số của tôi năm nay phải nạn to mà nhờ tu luyện nên trời độ qua khỏi nạn.
- 2- Tôi có tội với Thần Thánh Tiên Phật vì cầm mối Đạo không vững nên phải đau ba tháng.
- 3- Cơ thử thách coi tôi có ngã lòng đổi chí chẳng ? Nền Đạo có thương tâm bác ái chẳng ?”

Rồi Đức Ngài giải thích về chữ tu như sau :

“ Tu là trau dồi tánh hạnh. Tu không phải từ mới tới chiều tụng kinh. Tu có nhiều bậc: bậc Thượng thừa phải ép mình hành xác, phải nâu sồng khổ hạnh, lo làm âm chất, lo công quả. Chừng quả mãn tìm chỗ u nhàn mà luyện đạo. Nếu trong thế gian mỗi người đều phế công việc mà tìm chỗ u nhàn, như vậy thì thế sự

này phải ấm lạnh, còn ai đâu mà lo như đạo. Người hành đạo mà bỏ như đạo, không lo như đạo cho hoàn toàn thì hành đạo vô ích”.

Trong vài câu ngắn ngủi, Đức Ngài cho biết Tân pháp của Đạo Cao Đài: “Tiên Phật nơi mình chẳng ở xa”. Làm việc cứ làm việc, tu cứ tu (lúc rảnh). Đó là lối tu đơn theo truyền thống Đạo Cao Đài. Tứ đại oai nghi: đi đứng nằm ngồi đều tu, không phải đến chùa, trước Trời Phật mới gọi là tu. Hành giả bậc thượng thừa tu bất cứ đâu, tâm an tịnh, giữ lòng trong sạch theo luật mà Đức Hộ Pháp đã ban hành “ Phép trị tâm”.

Tóm lại, việc Đạo trong năm 1932 được Chánh Phối Sư Thượng Tướng Thanh trình bày tại Đại Hội Nhơn Sanh lần thứ nhì (lần nhất 24-11-1931) vào ngày 15-10- Nhâm Thân ( 12-11-1932) như sau :

“ Nhờ Ôn Trên ban bố, nơi Tòa Thánh năm đầu được bình yên, số người hành hương hay viếng được 7673 người, trong số có 56 người Lang sa, số người đến làm công quả được 5036 người. Mỗi kỳ lễ đều được quan chức cho phép cúng đại đàn...

Tình trạng nền Đạo trong năm đã chinh nghiêng vì hạnh đức của một phần chức sắc còn thiếu kém...

Nơi Hậu Giang, Phối Sư Ca tách ra kích bác mấy vị Đại Thiên phong ở Tòa Thánh. Ông dùng cơ bút riêng đi khắp Lục tỉnh mà phổ độ như sanh”<sup>70</sup>.

Mầm chia rẽ lập chi phái bắt đầu manh nha. Điều đáng lưu ý, những vị tách rời Tòa Thánh Tây Ninh về lập chi phái riêng đều tự thăng chức như phái Tiên Thiên, Giáo Hữu Chín thăng lên Ngọc Chưởng Pháp, Phối sư Nguyễn Bửu Tài lên Giáo Tông; Ban Chính Đạo Qu. Đầu sư Lê Bá Trang thăng lên Chưởng Pháp v.v.. Những điều đó nói lên cái gì? Ngay trong ngày Khai Đạo vì ham chức phẩm đã xảy ra việc tà quái và Đức Chí Tôn cho đó là “Thiên cơ” mà người chịu lao đao về việc giành tranh ngôi vị là Đức Qu. Giáo Tông Thượng Trung Nhứt.

<sup>70</sup>- Ban Đạo Sử : Tài liệu lưu trữ.

## **CHƯƠNG V** **NHỮNG TRỞ NGẠI TRÊN ĐƯỜNG HÀNH ĐẠO** **(1933-1934)**

- 1-Cơn khảo duyệt lần thứ nhất.
- 2-Con khảo duyệt lần thứ hai.
- 3-Những khó khăn đối với Pháp.
- 4-Kết quả việc phổ độ dưới thời Qu. Giáo Tông.

Ngay trong ngày khai đạo đã xảy ra biến cố tà quái hàm ý tham vọng chức phẩm. Việc đó đeo đẳng suốt đời hành đạo của Đức Qu. Giáo Tông. Thêm vào đó, tính tình khảng khái, thẳng thắn và cương quyết của Ngài trong lúc hành đạo đã chạm đến nhiều vị chức sắc, khiến họ không bằng lòng. Nhưng nếu không có sự kiên quyết xây dựng nền Đạo của Đức Ngài thì chẳng có “Tờ Khai Tịch Đạo” (23-8-Bính Dần ) và cũng chẳng có “Ngày Khai Đại Đạo” tại Gò Kén (15-10-Bính Dần). Mặt khác, nếu Đức Ngài không quyết tâm xây dựng Tòa Thánh bằng vật liệu nặng thì đâu có Tòa Thánh Tây Ninh hiện nay, dù Ngài chỉ cho đào móng đặt viên đá đầu tiên xây nền Bát Quái Đài.

Đức Ngài sợ lỗi vì lời hứa với Ôn Trên nên quyết tâm làm nền đạo ra thiệt tướng mà đụng chạm đến nhiều chức sắc.

Không ai có thể trách Đức Ngài mở Tòa Tam Giáo lần thứ nhất vào mồng 1-12-Canh Ngọ (1930) do chính Ngài ngồi ghế chánh toà đã xử tội các chức sắc phạm pháp theo Thập Hình của Đức Lý Giáo Tông trong đó có Phối Sư Thái Ca Thanh, một số Thời Quân và các chức sắc ở Thánh Thất Cầu Kho.

Ngày 15-7-Tân Tỵ (28-8-1931), Tòa Tam Giáo lần thứ hai mở ra xử vị Chưởng Pháp Trần Đạo Quang, Phối Sư Thái Ca Thanh và nhiều chức sắc khác. Đó là cái mầm oán hờn đã gieo xuống, chờ ngày lãnh hậu quả của nó. (Xem Phụ chú 6).

### **1- Cơn khảo duyệt lần thứ nhất (1933)**

Cái “mầm oán hờn” đủ lớn khi Đức Qu. Giáo Tông và Đức Hộ Pháp đồng ký tên ban hành Châu Tri số 1 vào ngày 5-3-Quý

Dậu (1-4-1933) (Xem Phụ Chú 7).

Qu. Ngọc Đầu Sư phản ứng triệu tập một phiên họp gọi là Thượng Hội. Ông tuyên bố lý do buổi họp là để xét lại hành động của Đức Qu. Giáo Tông.

Ông Lê Bá Trang soạn sẵn vi bằng xét về hành động của Đức Qu. Giáo Tông qua 9 điểm. Tờ vi bằng có 26 trang đánh máy khổ 21x27 độ 16000 chữ với câu kết là :

“ Chư hội viên Hội Vạn Linh đồng quyết định đệ lên cho Tòa Tam Giáo Thiên Liêng định”.

Hội nghị vừa tan, một đạo hữu đứng bên ngoài đọc to lên:

Ánh vàng Trung Nhật tỏa hào quang,  
Đại Đạo phổ truyền khắp thế gian.  
Trang Bá móc moi trời tối sẫm,  
Phan Long trớ tráo đất phai tàn.  
Nhơn sanh ngơ ngác tan đôi nẻo,  
Chức sắc âu lo sợ lạc đàng.  
Hội Vạn linh này sai luật pháp,  
Tranh quyền bia miệng đến ngàn năm.

Họ lo tranh thủ về Sài Gòn, ai đâu để ý bài thơ thâm thúy đầy ý nhị ấy.

Trước đó ( 14-8-1931) Đức Qu. Giáo Tông ban hành Châu Tri có đoạn viết rất khiêm tốn và chính xác. . . Nhưng người ta cố ý hiểu ngược lại. Mọi việc do Qu. Ngọc Đầu Sư bày ra. Ông đem nội bộ kiện ra tòa đời, rồi khuyến khích Giáo Hữu Thượng Bộ Thanh và một số đạo hữu mở Đại Hội Nhơn Sanh bất thường ngày 26-11-1933, để yêu sách Đức Qu. Giáo Tông này nọ.

Sợ đạo loạn sanh ra biến đổi khó lường, ngày 26-12-1933 bà Chánh Phối Sư Lâm Hương Thanh đứng trung gian mời Đức Qu. Giáo Tông và Ngài Ngọc Trang Thanh họp mặt tại Nữ Chánh Phối sư đường. Hôm sau, Ngọc Trang Thanh vào Giáo Tông Đường thảo tờ Hoà Hợp. Liền đó, Đức Qu. Giáo Tông vì nền đạo trên hết ký tờ Bối Cáo số 150.

Tờ Bối Cáo của Đức Qu. Giáo Tông là hành động cao thượng

nhường bước cho đàn em gánh vác việc Đạo. Thế nên, ngày 14-1-1934, Đức Chí Tôn tỏ lòng mừng giảng dạy :

“ Thầy đến chứng kiến lòng thành thật của các con chức sắc Hiệp Thiên Đài.

Hộ Pháp, nói với Trung rằng Thầy đã biết tình cảnh đạo ra sao và bởi đâu. Nó nên an tâm tin tưởng nơi hành động của mấy em nó. Thầy sẽ làm cho rõ cơ huyền diệu của Đạo. Thầy chỉ khuyên các con nên giữ mình về một mối thử thách kề cận đây nữa”.

Đức Chí Tôn đã tiên tri một thử thách nữa kề cận. Để phòng xa mọi bất trắc, Đức Qu. Giáo Tông ban hành tờ PHỔ CÁO CHÚNG SANH.

## 2. - Côn khảo vượt lần hai (1934)

Xin nhắc lại trong vi bằng Hội Vạn Linh do Ngài Ngọc Trang Thanh triệu tập, trong lời bế mạc, ông Nghị Trưởng mặc đồ tây Nguyễn Phan Long tỏ bày như sau :

“ Tôi xin lập lại một lần nữa (nghĩa là đã có nhiều lần) cho chư đạo hữu nhớ rằng trong chín khoản buộc tội (Thượng Trung Nhật) chỉ có khoản thứ sáu là hệ trọng hơn hết (tức khoản tiền bạc)”.

Thực vậy, người ta xúi giục đạo hữu Nguyễn Ngọc Lịch và một ít người nữa kiện Đức Qu. Giáo Tông ra tòa đời. Thật buồn cười, Sở Tuần Cảnh Tây Ninh đem án phạt vào Giáo Tông Đường mời Đức Ngài ra Tây Ninh chịu ngồi khám vào ngày 20-2-1934 vì tội 34 đạo hữu thiếu thuế và hai người đạo hữu đánh xe bò của Hội Thánh về tội đi xe bò không đốt đèn và bò lại thiếu sợi dây buộc ách. Đức Qu. Giáo Tông chỉ bị an trí tại Toà 24 giờ mà thôi vì hôm sau có vía Đức Phật Thích Ca, chính quyền Pháp sợ giáo dân biểu tình đòi thả Đức Qu. Giáo Tông. Dân bàn với nhau : Đức Phật độ Ngài.

Tại lễ vía, Đức Q. Giáo Tông thuyết giáo rằng :

“ Một mảnh thân phàm cô thân bạc nhược này, yếu ớt hèn mọn này, có đủ tài đức chi mà Đại Từ Phụ lại tin giao một cái giang

san sự nghiệp của toàn nhơn loại hoàn cầu đặng cho gánh vác?

Đời có thanh có suy  
Đạo động tịnh chuyển xây  
Lửa thử vàng, gian nan thử Đạo.

Ngày nay, bão tố đã qua rồi, Tệ huynh nhìn thấy mấy em đã bị bao phen khảo đảo thảm khổ vô cùng, mà mấy em cũng ngồi vững trong Thuyền Bát Nhã của Thầy. Tệ huynh hết sức vui mừng nên nguyện rằng sẽ đem hết dạ yêu thương mà dìu dắt mấy em về cùng Thầy”.

Đó là Đức Qu. Giáo Tông phản tỉnh về cơn khảo vừa qua mà đời hành đạo coi như trên đường đi gặp nhiều quỷ vương thử thách. Còn đối với nhà cầm quyền Pháp, Đức Ngài đã từng đối mặt, từ chức Hội đồng để chống thuế “Lục Hạng điền”, dám đưa Tờ Khai Tịch Đạo mà không đợi nhà cầm quyền Pháp cho phép, vẫn hành đạo.

Chủ Tỉnh vài nơi ra lệnh triệt hạ Thánh Tượng. Đức Ngài phản đối quyết liệt, đòi tự do tín ngưỡng mà chính phủ thuộc địa đã ban cho xứ bảo hộ. Bấy giờ, Ngài không muốn nói chuyện với Chủ Tỉnh Tây Ninh vì Ngài cho Tỉnh và Toà án thoả thuận ngầm để Ngài bị câu lưu 24 giờ nhằm xoa dịu phe đối lập với Đức Ngài. Đức Ngài gửi thơ thẳng qua nước Pháp cho Thủ Tướng nước Cộng hoà Pháp trả Bắc Đẩu Bội Tinh với lời lẽ :

“... Vừa qua, ngày 22-2 có 34 đạo hữu của tôi thiếu thuế mà chính phủ lại bắt tôi bỏ tù. Ông già 60 tuổi có Bắc Đẩu Bội Tinh vô cớ bị ngồi tù hơn hai ngày tại khám Tây Ninh với Médaille điều và giấy chứng nhận của Viện Bửu Tinh.

Vậy cái Médaille cao quý kia có giá trị gì ? Lỗi ấy do chính phủ Pháp không biết chọn người xứng đáng. Kể từ đây tôi không nhận cái danh dự ấy nữa, dẫu có cao trọng thế nào ...”

### 3. - Những khó khăn đối với Pháp

Cao Đài khai Đạo dưới thời Toàn quyền A. Varenne (1925-1928). Ông này chủ trương Pháp Việt đề huề, nên thỉnh thoảng ta nghe Đức Qu. Giáo Tông nhắc tới hai tiêu ngữ này. Sau đó

Pháp thay đổi chánh sách, P. Pasquier (1928-1934) sang Việt Nam. Ông này dùng chánh sách cai trị đàn áp khắc khe đối với các đảng phái và tôn giáo.

Ngày 3-9-1931 tờ La Griffe số 36 và các số kế tiếp bêu xấu thái độ của viên Khâm sứ Pháp ở Cao Miên đe dọa ông Lê Văn Bảy (không có vấn đề đối xử hoà bình với người đạo Cao Đài) và thẳng tay lên án các viên chức thuộc địa.

Tờ báo này đả kích việc thành lập tổ chức “Kiêm Biên Phật giáo nghiên cứu viện” do nghị định ngày 25-1-1930 của toàn quyền P. Pasquier có mục đích phổ biến Phật Giáo tiểu thừa khắp Đông Dương.

Báo này tố cáo ngay ông P. Pasquier có tham vọng làm giáo chủ Phật giáo để chống lại Giáo Tông Lê Văn Trung, người đang nắm quyền đạo Cao Đài.

Toàn quyền P. Pasquier nghiên cứu rất kỹ về giáo lý Cao Đài, biết Đức Thượng Đế đã dạy ông Lê Văn Trung “ sống chết do nơi Thầy”. Thế nên, ông làm sẵn bom nổ chậm ép trong đôi bạch lạp, chế làm sao vừa dứt bài Ngọc Hoàng kinh là bom nổ bùm cho ông Lê Văn Trung bị chết vì Thượng Đế muốn rước về chớ không phải mật thám Pháp giết.

Đức Thượng Đế đâu để P. Pasquier lộng hành như vậy.

Khi nhận đôi bạch lạp, nhiều vị chức sắc khuyên Đức Qu. Giáo Tông không nên đốt vì Đức Qu. Giáo Tông quỳ chứng đàn gân kê đôi đèn sáp. Đức Qu. Giáo Tông cũng nhắc lại lời Đức Chí Tôn dạy “ sống do nơi Thầy” nên nhất định đốt trong ngày lễ Vía Đức Chí Tôn và chính Ngài quỳ chứng lễ. Đôi đèn cháy sáng đều, sắp dứt bài Ngọc Hoàng Kinh thì nghe tiếng xì lớn khói phủ đại điện. Đức Qu. Giáo Tông ra lệnh cho cuộc lễ vẫn tiếp tục như không có điều gì xảy ra.

Thua keo này bày keo khác, P. Pasquier dùng thủ đoạn mua chuộc một số tay viết bán rẻ lương tâm, chạy theo danh lợi, không ngần ngại viết sách báo vu khống, nói xấu Đạo Cao Đài như quyển “Cái án Cao Đài” chẳng hạn. Họ cố ý chụp mũ một số chức sắc Cao Đài làm chánh trị bằng cách gom góp một số

tài liệu rồi phóng đại lên hồ sơ hội kín. Số hồ sơ này được P. Pasquier đem về trình với chánh phủ Pháp. Chẳng may chiếc phi cơ chở vợ chồng P. Pasquier gần tới phi trường thì bị cháy trên không. Các tài liệu vu khống cũng cháy luôn. Ngày xưa, Đức Thanh Sơn đã tiên tri :

“ Lửa đâu mà cháy tám gà trên mây”

Tám gà dịch sang chữ Hán là bát kê tức Pasquier.

Sau khi Pasquier chết thì Robin (1934-1936) sang thay làm Toàn quyền tiếp tục đường lối cai trị của Pasquier để củng cố chế độ thuộc địa. Tuy nhiên, để xoa dịu Đức Qu. Giáo Tông, Robin tổ chức cuộc gặp Đức Ngài để điều đình việc “tự do tín ngưỡng” của Đạo Cao Đài. Không khí lắng dịu cho đến lúc Đức Ngài qua đời.

Đức Qu. Giáo Tông còn chịu sự giám sát trực tiếp của các Thống Đốc Nam Kỳ. Lúc khai tịch đạo là Thống đốc Le Fol , kế B. Brosse.

Thánh giáo giáng ngày 8-3-1927, Đức Cao Đài dạy ông Lê Văn Trung phải bày tỏ với ông này là đạo chỉ thờ kính Trời Phật chứ không có làm chính trị. Nhưng mật thám Pháp vẫn đàn áp tín đồ, buộc phải dẹp Thánh Tượng. Đức Qu. Giáo Tông phải ra bố cáo để trấn an các đạo hữu là không nên nghe lời đồn huyễn hoặc Pháp bắt buộc đạo dẹp Thiên Bàn : “Nếu có ai bị cưỡng quyền áp chế về việc phụng thờ Thượng Đế” hãy báo cáo ngay cho Ngài can thiệp.

Nhà cầm quyền Pháp coi đó là hành động khinh thường và xúi giục dân chúng chống lại lệnh của chính phủ Pháp. Thế nên, L. Perrier, Bộ trưởng Bộ Thuộc Địa làm báo cáo số 485 gửi về Tổng thống Pháp ngày 4-10-1927 xin sửa lại điều 91 của hình luật đã được áp dụng từ ngày 6-3-1877 tại Đông Dương.

Léon Perrier cho rằng điều 91 của luật bản xứ đã dự phòng tội mưu sát, tội mưu mô và tội gây loạn mà không đề cập đến những hành động có tính cách gây hận thù với chính quyền thuộc địa và kích bác dân chúng phạm luật lệ.

Johan Cendrieux trong tờ La Pêche Colonial ra ngày 15-5-1933

đã cho rằng Đạo Cao Đài đã trở thành một phong trào cứu rỗi mãnh liệt của dân chúng vì người Pháp quá tin tưởng vào việc Tây Phương hoá của họ bằng cách cho người Việt Nam quên cội nguồn cổ truyền, nhưng người dân đã tìm ra sự bù trừ khác là say mê cơ bút, giúp cho Cao Đài trở thành tôn giáo thứ tư<sup>71</sup>.

Năm 1932-1933 Lalaurette Thanh tra Chính trị sự vụ hành chánh Nam Kỳ và Vilmont Chánh Tham biện, Chủ tỉnh Tây Ninh đã theo dõi Đức Qu. Giáo Tông và Hộ Pháp rất gắt gao và được đúc kết trong tập phúc trình LE CAODAISME.

La Laurette cho rằng người ta (Cao Đài) đã lợi dụng chữ Pháp, các phương thức, các xử thế, những tiến bộ, cùng các tổ chức xã hội và kinh tế của người Pháp không để Pháp hoá xứ Nam Kỳ mà để cho người Nam Kỳ chống lại Pháp. Còn Vilmont thì thấy không thể dung túng ông Lê Văn Trung nên dựa vào việc nhỏ nhặt của tín đồ làm công quả mà phạt tù ông.

- Nhà cầm quyền thực dân đàn áp Đạo Cao Đài , ta có thể nêu lên 3 lý do sau đây :

1- Đạo mới khai, chưa đầy năm mà số tín đồ lên tới triệu người. Đặc biệt là người Khơmer, đồng bào Thượng, Stiêng ở Hớn Quản, từ lâu người Pháp không thuyết phục được, nay lại đi bộ về Toà Thánh hành hương rồi định cư luôn.

2- Đạo Cao Đài bảo vệ nền văn hiến và văn hoá truyền thống dân tộc Việt Nam chống nền văn hoá ngoại lai mà Pháp đề cao là “Cité jaune”.

3- Hình thức tổ chức giáo hội Đạo Cao Đài giống như một chính phủ, nên Pháp tố cáo Đạo Cao Đài lập một quốc gia trong một quốc gia ( Un État dans un État).

Bên cạnh những người Pháp cầm quyền nghiêm khắc, còn những người Pháp có thái độ rộng rãi đối với Đạo Cao Đài như nghị sĩ E. Outrey. Từ trước, do sự ghi nhận không chín chắn của báo chí mà E. Outrey hiểu lầm về Đạo Cao Đài. Đến ngày 2-2-1933 từ Paris, E. Outrey gửi cho Đức Q. Giáo Tông một bức

71- ( *J.CENDRIEUX, Une Jérusalem Nouvelle. Extrême Asie (R 1) số 25 (7-1928)*)

thư bày tỏ thiện cảm với Đạo Cao Đài và hứa sẽ tận lực xin với chính phủ Pháp cho Đạo Cao Đài được nhiều tự do.

Ngoài quyết tâm giúp đỡ của nghị sĩ E.Outrey, Đức Qu. Giáo Tông còn được sự yểm trợ của các trạng sư Lortat Jacob, Eugène Tozza, Roger Lascaux hết sức biện hộ mà không nhận tiền thù lao, cho Đạo Cao Đài trước Toà án để được truyền đạo tự do.

Riêng bà Tozza tổ chức thuyết trình tại Hội Thông Thiên học Pháp nói về giáo lý huyền nhiệm của Cao Đài Giáo. Bà cũng đã diễn thuyết tại Hội Nhân Quyền và Dân Quyền về sự tự do tín ngưỡng ở Đông Dương. Một ít quân nhân và công chức Pháp đã theo Đạo Cao Đài và thọ phong chức sắc như Lapatie (Giáo hữu), A. Lestrec (Giáo hữu). Riêng ông Bellan, nguyên Khâm sứ Pháp ở Cao Miên đã nhập môn theo Đạo và trường trai như hàng chức sắc.

Đáng kể nhất là nhà văn G. Gobron đã nghiên cứu giáo lý Đạo Cao Đài và viết quyển “ Histoire et Philosophie du Caodaïsme”, dưới sự bảo trợ của Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh. Ông đã thọ phong Tiếp Dẫn Đạo Nhơn để truyền Đạo một nước và đại diện cho Đạo Cao Đài dự nhiều Hội nghị Thông linh học quốc tế.

Ông còn can thiệp vào chánh phủ Pháp để Đạo Cao Đài được hành đạo tự do. Theo đề nghị của ông Hội Thông linh học quốc tế nhóm lần thứ năm tại Barcelone ( từ 1 đến 10-9-1934) yêu cầu chánh phủ Pháp căn cứ vào những lời đã hứa vào tháng 3-1933 tại Quốc hội Pháp do ông A. Sarraut, Bộ trưởng Thuộc địa, thiết lập cho Đạo Cao Đài một qui chế rộng rãi như những người Việt Nam theo Thiên Chúa Giáo hay những tông phái Phật giáo trong khắp xứ Đông Dương.

Ngoài ra, còn có những nhân vật đã góp phần can thiệp cho tự do tín ngưỡng của Đạo Cao Đài tại Đông Dương như H. Regnault, H.Guerrut ( Nghị sĩ Quốc hội Pháp), E.Kahn ( Tổng thư ký Hội nhân quyền) . . . v . . và nhiều báo chí bào chữa, tường thuật đầy đủ mọi sự áp chế Đạo Cao Đài như La Libre Opinion, La Griffe, Le Progrès Civique .... đều phát hành ở Pháp.

#### 4. Kết quả việc phổ độ dưới thời Quyền Giáo Tông

Để qua một bên những tranh chấp nội bộ, trong thời gian 9 năm (1926-1934) thời Đức Q. Giáo Tông cầm quyền mối Đạo, Đạo Cao Đài có trên triệu tín đồ, quá đông so với quá trình truyền giáo của các tôn giáo khác. Sở dĩ phát triển nhanh như vậy là nhờ sự **hợp thời, hợp tình và hợp cảnh**.

**Hợp thời** vì dân Việt Nam trong thời đại khoa học này đòi hỏi một tôn giáo mới, có tính cách rộng rãi, đại đồng và dân chủ. “Giới trí thức hiểu rằng phải thay thế Nho giáo bằng một ý thức tiến bộ”<sup>72</sup> Nhưng ý thức hệ dân tộc không phải là một ý thức hệ hoàn toàn vay mượn của ngoại lai. Nó càng không thể do sự khải cứu sách vở để kết tinh được, mà cốt yếu, trước hết vẫn phải nhờ ở mình sẵn có nền móng truyền thống làm nền tảng cho sự thâm hoá, rồi bồi bổ thêm phần phong phú. Dù sao cái ý thức hệ dân tộc phải tìm lại trong ý thức tập thể, trong cái tiềm thức truyền thống của dân tộc, phải cảm thông với cái hồn chung trong hiện tại cũng như trong quá khứ<sup>73</sup>.

**Hợp tình** vì sinh môi Việt Nam thích hợp với bất cứ tôn giáo nào, chưa kể đến những tín ngưỡng nhân gian. Bởi lẽ truyền thống dân tộc Việt Nam, nhất là miền Nam khí hậu điều hoà, đất đai phì nhiêu, việc mưu sinh dễ dàng nên nhân gian được nhàn hạ. Họ có nhiều thì giờ suy tưởng những hiện tượng mầu nhiệm của Tạo Hoá và suy nghĩ về lẽ huyền vi của vũ trụ mà thâm nhiễm Đạo giáo.

**Hợp cảnh** vì sinh cảnh Việt Nam từ lâu ung đúc học thuyết Tam giáo đồng nguyên làm chủ đạo cho tinh thần dân tộc. Kịp đến khi Thiên Chúa giáo truyền sang nước ta, tất cả đã dung hoà và biến thái thành hỗn tính chung của dân tộc. Đến nỗi trong mỗi con người Việt Nam, người ta không còn có thể phân biệt đâu là cá tính Khổng giáo, đâu là cá tính Phật giáo.

72- Nguyễn Thế Anh, Việt Nam dưới thời Pháp đô hộ, Sài gòn 1970, trang 285.

73- Nguyễn Đăng Thực, “ Giáo lý Cao Đài với ý thức hệ dân tộc” Sài gòn Tuần báo Nhân Sinh (4-7-1964), tr. 3.

Thuyền Đạo đã lướt trên phong ba bão tố, phải tránh những tảng đá ngầm và những ghềnh thác. Các nhà tiên khai Đại Đạo đã lao tâm lao lực và nhận cả oan khiên vào mình rồi nằm xuống để thuyền Đạo vượt lên. Những gương hy sinh cao cả của chức sắc và chư đạo hữu không ngần nào đếm hết.

Về giáo lý vẫn còn trong tình trạng hồng mông. Vì thế mỗi người giải thích theo hiểu biết riêng mình nên xảy ra lăm điều rắc rối. Đức Chí Tôn ban cho sắc dân thuộc địa mào áo thiên phục quá rộng so với tài năng của họ. Là người phạm bổn nhiên cơ bút phong cho họ làm ông Thánh, ông Tiên.... trong khi họ chưa kịp trau giồi để trở thành các bậc Thánh thiện đó. Thế nên sự tranh giành đố kỵ xảy ra là việc đương nhiên vì họ không xuất thân từ dòng tu nào. Song mọi việc đâu qua luật Thiên điều. Mọi hành động của con người đều có sức mạnh của Thiêng Liêng lèo lái bên trong để tiến gần chân thiện mỹ. Nhờ đó nền Đạo sống còn và hoằng khai.

Tôn chỉ giáo điều hiện lên trước mắt mọi người. Khi bước vào Đền thánh thấy ngay bức họa Tam Thánh Ký đệ tam hòa ước : Thiên Thượng, Thiên Hạ ( Dieu et Huma nité ) mà nội dung là Bác Ái, Công Bình ( Amour et Justice ) thực hiện được hoà ước đó thì Đại Đồng Nhân Loại.<sup>74</sup>

Ba vị thánh ba sắc dân : Nguyễn Bình Khiêm ( Việt Nam ), Victor Hugo (Pháp), Tôn Dật Tiên (Trung Hoa) cùng hợp sức nhau xây dựng chánh giáo chứng tỏ Đạo Cao Đài không kỳ thị chủng tộc vì coi mọi sắc dân đều có đấng cha chung là Đức Chí Tôn.

Ba vị Thánh ba tôn giáo : Thanh Sơn Đạo sĩ (Tiên giáo), Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Thánh giáo) và Tôn Trung Sơn (Phật giáo) tượng trưng cho vạn giáo điều đó chứng tỏ Đạo Cao Đài rộng mở, không kỳ thị tôn giáo.<sup>75</sup> Nước ta trong thời đại Lý Trần thì

*74-Tiểu sử Đức Quyền Giáo Tông, Tây Ninh 1973, trang 96. PH DEVILLERS. Histoire du Việt nam Paris 1952 tr 68 ; Nguyễn Trần Huân sđd tr.211, cho rằng năm 1936 Cao Đài có 300 ngàn tín đồ.*

*75-NGUYỄN VỸ, Tuần chàng trai nước Việt (quyển II), Sài gòn 1969, tr.364.*

Tam giáo là Quốc Đạo mà Đạo Cao Đài qui Tam giáo.

Vậy Đạo Cao Đài quốc Đạo là một lý đương nhiên. Đức Chí Tôn đã dạy :

Nam Bắc cùng rồi ra ngoại quốc

Chủ quyền Chơn Đạo một mình ta.

Đạo Cao Đài với sự cứu rỗi miên viễn và vĩnh hằng, nên những cơn khảo đạo chẳng qua là những tảng đá ngầm phải vượt qua. Người đời dù nghi ngờ sự qui nhứt của Đạo Cao Đài. Họ bảo không thể nào đem các vị giáo chủ khác nhau ngồi trên cùng thiên bàn. Họ đọc kinh sách đạo Cao Đài cho là những mảnh vụn ghép lại<sup>76</sup> nghi ngờ để đạt chân lý ấy ai sẽ tìm? Đạo của Thiên Thượng thì Thiên Hạ phải tìm ! Tín hữu Cao Đài cũng chỉ là một người. Trong phút giây nào đó , họ cảm nhận sự huyền nhiệm của Đấng cao cả mà theo đạo dù họ chưa nắm vững triết lý sâu xa của nền đạo mới.

Tam Tạng kinh điển của Phật giáo, thật ra trải qua một thời gian rất dài người ta mới hệ thống hoá được . Khởi đầu chỉ có Kinh tạng, Luật tạng và 400 năm sau Đức Phật Tổ viên tịch mới có Luận tạng.

Đạo Cao Đài khai sanh, chưa tròn giáp. Ngay buổi đầu đạo cũng có Kinh tạng, Luật tạng đủ cho những tín hữu tu theo trung hạ thừa. Còn Luật tạng, triết lý sâu xa chưa hệ thống hoá đang chờ những bậc hiền triết thông kim bác cổ lý giải vì hiện Đạo Cao Đài còn trong vòng sàng sãi của luật Tọa Đoan. Nhưng tôn chỉ, mục đích giáo thuyết đã ban ra, người tín đồ nào cũng có đức tín mãnh liệt là đạo sẽ miên trường tới “thất ức niên” .

Đạo Cao Đài thọ truyền tới “ thất ức niên” không phải là lời nói khoa trương, ngược lại là lời nói khiêm nhường, bởi vì Đạo Cao Đài phát xuất từ Kinh Dịch. Khi đề tựa cho Dịch Kinh Tân Khảo, Đức Hộ Pháp đã viết:

“ Bản Đạo cảm thấy Kinh Dịch là cả một triết học Á Đông độc nhất vô nhị, chính là bí pháp cổ truyền của Đạo Cao Đài.”

Đức Chí Tôn cũng đã dạy:

*76-Kim Định, Căn bản triết lý văn hoá VN. Sài gòn 1967, trang 70 .*



“Thầy phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sanh ra Tứ Tượng, Tứ Tượng sanh ra Bát Quái mà biến hóa vô cùng<sup>77</sup>.”

Đồng đạo ai cũng hiểu như vậy, nhưng vì Kinh Dịch khó đọc lại khó hiểu. Khó đọc vì lời văn quá cổ. Khó hiểu vì ý nghĩa quá thâm sâu. Thế nên nhiều người muốn nghiên cứu, khi gặp 2 trở ngại này đành bỏ cuộc. Và dù khó khăn đến đâu trong Đạo vẫn có người dốc công nghiên cứu vì Quả Càn Khôn, Bát Quái Cao Đài nằm trong đó, không được thì không am tường nền Đại Đạo.

Lại nữa, Kinh Dịch theo Raymond de Becker là một cuốn Kinh Thánh ngang hàng với Kinh Loran của Hội Giáo, Kinh Thánh (Bible) của Thiên Chúa Giáo. Will Durant thì cho rằng Kinh Dịch là cuốn Kinh tân kỳ nhất không những khai thủy lịch sử tư tưởng Trung Quốc mà còn khởi nguyên cho các nước khác nữa, Lễ đương nhiên trong đó có Đạo Cao Đài.

## CHƯƠNG VI

### ĐỨC QUYỀN GIÁO TÔNG ĐẲNG TIÊN

- 1- Từ một tiền đề
- 2- Châu tri báo tang của Hội Thánh
- 3- Tường thuật lễ tang của các báo
- 4- Kết luận về một đời người

#### 1. Từ một tiền đề

Người đệ tử Đức Cao Đài đầu tiên là Ngài Ngô Văn Chiêu đạo hiệu là Minh Chiêu. Trong đàn cơ 14-10-1926, Đức Chí Tôn dự kiến phong cho Ngài làm Giáo Tông nên dạy rằng :

“Trung, Cư, Tắc ba con lập tức lên Chiêu, biểu nó sắm liền một bộ Thiên phục màu trắng, có các quẻ của bát quái y theo Thầy vẽ, thêu bằng chữ vàng. Dặn nó mua thứ hàng thiết tốt, mào

<sup>77</sup>- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q2, tr.62.

cũng vậy”.

Vốn là “Chiêu minh linh giác” (ngộ đạo thấy rõ), Ngài biết Đức Cao Đài thử lòng đệ tử vì áo Giáo Tông chỉ vẽ là áo tiểu phục dành cho Ngài Lê Văn Trung sau này. Đến khi ban hành Pháp Chánh Truyền, toàn đạo mới biết : “Bộ đại phục Giáo Tông thì toàn trắng, có thêu bông sen vàng từ trên tới dưới, hai bên cổ áo, mỗi phía có ba cổ pháp là Long Tu phiến, Thư Hùng kiếm và Phát Chủ. Đầu đội mào vàng năm từng bát quái<sup>78</sup>”

Như vậy, Ngài Ngô kiên định lập trường CHỜN TRUYỀN VÔ VI mà Đức Cao Đài đã dạy. Thế mà có người truy phong Ngài Ngô là đệ nhất Giáo Tông, Ngài Lê Văn Trung là đệ nhị Giáo Tông, kế đến Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương, Nguyễn Bửu Tài và Cao Triều Phát.

Đức Hộ Pháp đã thuyết đạo (1948) rằng : “Mỗi vị tín đồ đều có cái mào Giáo Tông và Hộ Pháp, không lấy được là lỗi ở mấy em, chẳng lẽ đạo chỉ có một người cầm đầu mà người đó chết thì diệt tiêu nền đạo”.

Nhưng phải lên ngôi Giáo Tông, Hộ Pháp thế nào cho phù hợp với luật lệ đạo. Khi Ngài Ngô không tới thọ phong tại nhà Ngài Lê Văn Trung, mãi đến ngày 29-10-1926 Đức Chí Tôn mới giao “quyền thưởng phạt đã vào tay Lý Thái Bạch”. Sau đó Đức Lý thấy không thể giải quyết mọi việc phàm trần nhanh chóng nên “ban quyền cho Thượng Đẩu Sư thay mặt cho Lão mà thi hành các phận sự Q. Giáo Tông về phần xác, còn về phần Thiêng Liêng có Lão”<sup>79</sup>

Hãy lưu ý mấy chữ “Qu. Giáo Tông về phần xác”, tức là Ngài Lê chỉ được nửa Giáo Tông. Thế nên, Ngài Lê không bao giờ mặc áo đại phục Giáo Tông. Thiên phục mà Đức Q. Giáo Tông được tạc tượng trước lầu chuông Tòa Thánh cũng chỉ là tiểu phục. Do đó, Ngài Lê không phải là đệ nhị Giáo Tông. Nếu có đời Giáo Tông khác thì tịch đạo THANH HƯỚNG phải đổi ra ĐẠO TÂM.

<sup>78</sup>- Ban Đạo Sử : Tài liệu lưu trữ.

<sup>79</sup>- Ban Đạo Sử : Tài liệu lưu trữ .

## 2. Châu tri báo tang của Hội Thánh

Vùng đất xây cất Toà Thánh vốn là rừng cấm nhiều chướng khí, nước rất độc. Đức Q. Giáo Tông bị chói nước mang bệnh sốt rét rừng phải nằm nhà thương. Vừa thuyên giảm đôi phần, vì đạo sự phồn tạp, Đức Ngài rời bệnh viện về Toà Thánh để xử lý. Chẳng ngờ bệnh trở nặng, nóng nhiều, uống thuốc vô ích ra hết, không ăn mà qui tiên.

Toà Thánh báo tin như sau :

“ Kính chư hiền huynh, hiền tỷ.

Hội Thánh ĐĐTKPD rất đau đớn mà cho chư hiền huynh, hiền tỷ hay tin buồn : Đức Q. Giáo Tông đã qui tiên tại Giáo Tông Đường ngày 13-10-Giáp Tuất (19-11-1934) hồi 3 giờ chiều hưởng thọ 59 tuổi.

Lễ tống chung định ngày 26-10-Giáp Tuất đúng 9 giờ sớm mai”.

## 3. Tường thuật lễ tang của các báo

Tờ Gringoire ở Paris ra ngày 6-12-1934 đăng bài viết của phóng viên J. Dorsenne có đoạn như sau :

“ Những đoàn người từ các nơi xa gần, đi bằng xe hơi, xe cam nhông, xe bò. Nào là ghe thuyền chở đầy tín đồ, đàn ông, đàn bà . . . Tất cả đều quyết đi nhanh về Toà Thánh dâng thọ tang, có người đã bịt khăn trắng trước khi thọ lễ.

Suốt ngày đêm, mọi người gồm cả nam phụ lão ấu lập thành hàng ngũ chỉnh tề đến trước liên đài.

Cuộc lễ ban đêm được Bộ Lễ sắp đặt có trật tự. Chức sắc, chức việc và đạo hữu đứng có hàng ngũ chỉnh tề. Trước liên đài hàng hàng lớp lớp quì giữa sân van vái thì thầm...

Sau lễ, người người lần lượt tan hàng. Bây giờ chỉ có 36 vị chức sắc phái Thượng hầu xung quanh liên đài.

Đến ngày thứ 12 là lễ an táng chánh thức. Số tín đồ đã đông lại càng đông hơn. Mọi người đều mặc y phục trắng, đầu bịt khăn trắng để tang, xen lẫn với những chức sắc mặc áo màu xanh đỏ vàng.

Sau đây là bài tường thuật của tạp chí Niết Bàn:

“Có trên năm ngàn tín đồ theo hộ tống Long mã kỵ liên đài đi khắp trong nội ô Toà Thánh. Ông Hộ Pháp Phạm Công Tắc đứng lên đọc diếu văn lời lẽ rất bi ai cảm động. Kế đó là Nữ Chánh Phối sư Lâm Hương Thanh, Ông Chánh Phối Sư Trần Duy Nghĩa và ông Cao Đức Trọng, chủ trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo. Mỗi người đều đọc một bài ai diếu dài”.

## 4. Kết luận về một đời người

Sự nghiệp đối với đời, công nghiệp đối với đạo của Đức Q. Giáo Tông như sông dài biển rộng, người viết không sống đồng thời nên không thể đánh giá hết công lao của Đức Ngài đối với đạo, nên tạm mượn lời của trạng sư Diệp Văn Kỳ (viết ngày 28-11-1934).

“ Nói đến thân thế sự nghiệp của ông Lê Văn Trung tất nhiên là phải bàn đến đạo Cao Đài. Vì ông là một người sáng lập, lại là ông giáo chủ. Đạo Cao Đài mà phải thì ông là công thủ. Đạo Cao Đài mà quấy thì ông lại là tội.

Song tôi còn nhớ Chương Thái Viêm, một nhà bác học Trung Hoa mỗi khi thảo luận đến các vấn đề tôn giáo đều có nói: “ Thiên trung diếu tích hoạ giả giai nan : dấu chân của con chim bay trên không, thợ vẽ nào cũng phải chịu là khó”

Thật thế người ta muốn tìm ra cội rễ của tôn giáo thời chẳng khác nào chú thợ vẽ muốn vẽ dấu chân chim bay trên không.

Hướng chi, Đạo Cao Đài mới xuất hiện ở Nam Kỳ chưa đầy 9 năm. Bao nhiêu lý thuyết hình thức của đạo hiện đương ở thời kỳ phôi thai và do cơ bút mà có thì chẳng thể chi nghị luận cho xác đáng.

Sự hoạt động của Đạo Cao Đài từ khi sáng lập đến nay không phải mỗi mỗi đều tận thiện tận mỹ . Song nếu xét thật công bình, Đạo Cao Đài chưa hề làm điều chi có hại đến nhân quần xã hội. Trái lại , Đạo Cao Đài truyền bá giáo, tổ chức hay mà gây nên tình thân ái, đoàn kết hơn một triệu dân Nam Kỳ là một việc đáng làm, ai ai cũng nên kính phục”.

Mộ đạo nhưt tâm kiên, ma bất lãn, niết bất truy, thiên giả sanh chi, sanh bất quý.

Tích đức vạn cổ trọng, sử do truyền, kinh do lục, nhưn thù vồ tử, tử do vinh.

(Yêu đạo bên một lòng, mài không mòn, nhuộm không đen, Trời sanh ra, sanh không hổ, hổ mà an.

Mến đức để muôn đời, sử còn trọng, sách còn truyền, lời không phục, ai người không chết, chết còn vinh).

Ông Diệp Văn Kỳ đã thấy rõ chân dung của Đức Q. Giáo Tông với chủ trương của nền đạo mới là đại đồng, không kỳ thị chủng tộc, tôn giáo và xã hội. Nhất là chống lại chính quyền Pháp hà khắc không cho nhân dân ta bảo vệ thuần phong mỹ tục, nên Đạo Cao Đài nêu cao “Nam phong thử nhưt biến nhưn phong”. Năm 1908, Trần Quý Cáp vì loạn “đầu bào” mà bị xử chém ngang lưng. Nhưng trong Tân Luật của Đạo Cao Đài, điều thứ 15 viết: “buộc chức sắc phải để râu tóc”, là nhằm chống lại việc Pháp hoá dân tộc Việt Nam. Ông Kỳ coi đó như một cuộc cách mạng chống lại chế độ hà khắc của thực dân Pháp.

Đó là những lời ca ngợi tổng quát của một người ngoại Đạo. Nếu nghiên cứu thâm sâu về đời hành đạo của Ngài Lê Văn Trung, chúng ta thấy Ngài xứng đáng danh vị Giáo Tông Cao Đài, gốc đa gốc đề của nền tôn giáo: “ Mọi việc chi chi cũng do ở Tòa Thánh Tây Ninh mà thôi.”

Một bước ngoặt lớn là từ khi Đức Cao Đài giao quyền Chí Tôn tại thế cho Đức Qu. Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp, những Thánh Lịnh, Đạo Lịnh ban hành có giá trị vĩnh cửu. Chi phái nào muốn tổ chức Hội Thánh trước tiên phải tuân thủ Tân Luật Pháp Chánh Truyền (do Cư Tắc ngôi cơ) và còn phải triệt để tuân hành Ba Hội lập quyền Vạn Linh, Cửu Viện . . . do Đức Qu. Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp ban hành.

Cặp Thiên sứ Lê Phạm rất khắng khít và tâm đầu ý hợp tạo nên thời Chánh Pháp trong nền Đạo. Nhị vị đã để lại những công trình đồ sộ vật thể và phi vật thể. Nhị vị đã xây dựng và kiến trúc Tòa Thánh theo Thánh Ngôn chỉ dạy trên nền Dịch lý.

## I- Tạo dựng Tòa Thánh.

Công trình xây dựng bằng ngôn ngữ và lý số của Kinh Dịch. Đền Thánh định vị theo trục Đông Tây tức thuộc quẻ Đoài, trục Bắc Nam thuộc quẻ Ly- Khảm, khác hẳn với Thiên Lâm (sai pháp). Đó là Thiên cơ. Đức Chí Tôn đã dạy:

“ Quả Càn Khôn đặt trên Bát Quái Cao Đài hay Trung Thiên Bát Quái. Bát Quái Cao Đài gồm Càn Khảm Cấn Chấn Tồn Ly Khôn Đoài quay theo chiều dương ( ngược kim đồng hồ) khác với Bát Quái Tiên Thiên và Bát Quái Hậu Thiên. Đó là điều đặc thù của tôn giáo Cao Đài.

## II- Sắc Cửu Thọ - Cửu Trùng

A- Ngũ hoành lộ (đường ngang) trong nội Ô.

1-Âm lộ trước Tây Khán Đài (Tây Đài thuộc âm).

2-Dương lộ trước Đông Khán Đài (Đông Chấn thuộc dương).

3-Đường nữ Đầu sư bên hông Nữ Đầu sư Đường.

4-Đường Thượng Trung Nhưt bên hông Giáo Tông Đường.

Phối hợp 2 đường (3) và (4) là Càn Khôn Nhưn.. Vậy đã đủ ba ngôi: Càn Khôn Thiên, Càn Khôn Địa, Càn Khôn Nhưn giúp Đạo hanh thông hãnh tiến.

5-Đường Oai Linh Tiên bên hông Nam Đầu sư Đường, cầm giềng mối Đạo.

Đó là 5 đường ngang (ngũ hoành) trong Sắc Cửu Thọ.

B- Tứ Tung lộ (đường dọc) trong Nội Ô.

1-Lộ Ca Bảo Đạo (làm đường mới sát rào)

2-Lộ Cao Thượng Phẩm từ cửa số 2 đến cửa số 6.

3-Đại lộ Phạm hộ Pháp từ cửa số 1 đến cửa số 7 Nội Ô.

4-Lộ Cao Thượng Sanh từ cửa số 12 đến cửa số 8.

Tứ Tung, Ngũ Hoành là Sắc Cửu Thọ. Nhị vị Thiên sứ yếm đặt để Đền Thánh vĩnh cửu trường tồn, trong có Cửu Trùng Thiên để người tu giải thoát.

## III- Khai Tịch Đạo

Đạy là văn bản đầu tiên mà toàn đạo thông báo với chánh

quyền thuộc địa chớ không phải giấy xin phép đề ngày 7-10-1926 do toàn Đạo viết, Ngài Lê Văn Trung dịch ra Pháp văn. Người ta coi văn bản này là cơ sở chính thức tôn giáo Cao Đài mở Đạo và truyền Đạo.

#### **IV- Ngày Khai Đạo (15-10 Bính Dần).**

Có tình cách pháp lý nơi thờ khai tịch Đạo rồi, các vị tiền khai đứng đầu là Ngài Lê Văn Trung mới làm Đại Lễ Khai Đạo với các Đấng. Đức Chí Tôn đã ban cho câu liên để đời:

“ Cao thượng Chí Tôn Đại Đạo hòa bình dân chủ mục,  
Đài tiền sùng bái Tam Kỳ cộng hưởng tự do quyền.”

và lập Pháp Chánh Truyền, Tân Luật.

Pháp Chánh Truyền được coi là Hiến Pháp cương tính của Đạo Cao Đài, chi phái nào cũng phải theo.

#### **V- Trường Đạo Đức Học Đường**

Năm 1927 Đạo dời về chùa mới, năm sau Ngài Thượng Trung Nhựt cho khai giảng trường Đạo Đức Học Đường.

Nhân ngày lễ phát thưởng 18-8-1929, Ngài đến chủ tọa và khích lệ: “ Đạo nghèo, đồng tiền eo hẹp, thầy giáo không lương. học sinh nam nữ tập viết bằng lá buong, chỗ ngủ lấy ván sạp làm giường”.

Năm 1952, Đức Phạm Hộ Pháp cho chuyển trường phổ thông ở đường Hoàng Tông Hưởng thành Nghĩa thực Lê Văn Trung để nhớ công giáo hóa.

#### **VI- Thống nhất nghi tiết**

Tháng 11-1920 Ngài Thượng Đẩu sư ban hành “ Nghi Tiết Đại Đàn và Tiểu Đàn” nhằm chấn chỉnh và thống nhất lễ nghi trong Đạo. Cũng năm này Ngài cho tái bản quyển “ Tứ Thời kinh Nhật Tụng” mà toàn Đạo tụng niệm đến ngày nay.

#### **VII- Cửu Viện.**

Tháng 3-1931 Ngài tư vấn cho 3 vị Chánh Phối sư lập thành Cửu viện theo Đạo Nghị Định thứ tư:

Phái Thượng coi : Nội viện (đổi Nông viện), Học viện và Y

Viện.

Phái Thái coi: Hộ viện, Công viện, Lương Viện.

Phái Ngọc coi: Lại Viện, Lễ Viện, Hòa Viện.

Trở trêu thay chi phái chống Bát Đạo Nghị Định nhưng vẫn phải thành lập Cửu viện, vì đó là đặc điểm của Đạo Cao Đài.

#### **VIII- Ba Hội lập quyền Vạn Linh.**

Ngày 17-2-1932 nhân danh quyền Chí Tôn tại thế Đức Qu. Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp ban hành Nội luật Ba Hội lập quyền Vạn Linh.

Ba Hội là Thượng Hội, Hội Thánh và Hội Nhơn Sanh, gồm đủ cả 3 Hội mới lập được quyền Vạn Linh.

Trở trêu thay các chi phái chống quyền Chí Tôn tại thế nhưng vẫn phải thành lập đủ ba Hội, nếu không làm sao có Hội Thánh.

#### **IX- Truyền Đạo ra ngoại quốc.**

Sau khi truyền đạo ra Trung, Bắc Việt Nam , Đức Qu. Giáo Tông gửi thư đi khắp hoàn cầu cho các Hoàng Đế, các Quốc Vương, các vị Lãnh Đạo các tôn giáo . . . Trong thư có câu:

“ Đức Thượng Đế đã giảng dạy chúng tôi hồng hóa Thánh giáo của Người đến khắp hoàn cầu.”

Ông H. Godwin, Đức Thánh Cha và Trưởng Lão Giáo hội Église Gnostique Đức Quốc trả lời trước tiên. Nhất là ở Pháp, Nhật nhiều người theo Đạo như Giáo sư Lapatie (Pháp), Lễ Sanh Gafuchi (Nhật). Đặc biệt hơn cả là Đức Qu. Giáo tông và Đức Phạm Hộ Pháp lấy quyền Chí Tôn tại thế phong cho nhà văn Pháp Gabriel Gobron phẩm Tiếp Dẫn Đạo Nhơn (Instructeur) làm nòng cốt cho Hội Thánh Ngoại Giáo (La Mission Étrangère) sau này.

#### **X- Kết quả việc phổ độ dưới thời Đức Qu. Giáo Tông.**

Trong 8 năm (1926-1934) cầm quyền mới Đạo, Đức Qu. Giáo tông phổ độ trên một triệu tín đồ, quá đông đảo so với quá trình truyền giáo của các tôn giáo khác.

Bà Werner trong chuyên khảo “Peasant politics and religious sectarianism: Peasant and Priest in the Cao Dai in viet Nam” đã viết: “ Đạo Cao Đài là phong trào quần chúng rộng lớn xuất

hiện đầu tiên ở Nam Kỳ. . . Vào năm 1930 có đến một triệu nông dân theo Đạo, trong lúc tổng số dân Nam Kỳ là 4 triệu rưỡi (trang 5 - trang 15.)

### **XI- Đức Qu. Giáo Tông đứng đầu Bát Tiên Cao Đài**

Kể từ ngày Khai Đạo 15-10 Bính Dần đến ngày Đức Qu. Giáo tông đăng Tiên 13-10 Giáp Tuất thì vừa đúng 8 năm tròn. Nguyên căn của Ngài là Đại Tiên Lý Thiết quả tức Lý Ngưng Dương đứng đầu Bát Tiên Cao Đài. Trong “ Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống” Đức Phạm hộ Pháp thuật lại Đức Lý Ngưng Dương đánh đuổi Kim Quang Sứ hóa hào quang bay mất mà bảo vệ toàn Đạo.

Mỗi khi có chơn linh đắc đạo, hễ Tiên Ông thì ra mắt với Đông Vương Công, còn Tiên Cô thì ra mắt Tây Vương Mẫu. Đến ngày mừng thọ Đức Phật Mẫu, Bát Tiên đăng vân qua cung Đâu Suất yết kiến Đức Lão Quân xin văn chúc và nhờ Chức Nữ làm trục bằng gấm thêu chữ sáng như sao, đến hội Bàn đào chúc thọ Tây Vương Mẫu. Bà khen văn rất hay. Lam thể hòa phấn chí lấy cặp sanh vừa gõ nhịp vừa ca được Đức Phật Mẫu thưởng đào tiên và rượu bồ đào.

Tiệc xong, Bát Tiên từ tạ Đức Phật Mẫu truyền lệnh đưa Bát Tiên đến chơn mây. Bát Tiên thấy sóng Đông Hải cao ngất. Lữ Đồng Tân đề nghị các Tiên không đăng vân mà dùng bửu bối cõi sóng qua biển.

Khởi đầu Lý Thiết Quả quăng gậy xuống biển, rồi nhảy xuống đứng một chân trên gậy thật nhẹ nhàng.

Hơn Chung Ly tự Vân Phòng ném Phất Chủ xuống biển và nhảy xuống đứng lên trên Phất Chủ bênh bồng.

Lữ Đồng Tân thả ống tiêu, Trương Quả Lão thả Lừa giấy, Lam Thể Hòa thả Ngọc Bản, Hà Tiên cô thả Bông Sen, Hàn Trương Tử thả giỏ Hoa Lam, Tào Quốc Cựu thả Thủ quyển.

Tất cả Bát Tiên đều đứng trên bửu bối của mình và vượt qua Đông Hải, giống như đi trên thuyền vậy.

Khi đức Chí Tôn chủ trì Bạch Ngọc Kinh, lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thì Bát Tiên lãnh Đức Chí tôn giáng trần làm tướng

soái cho Đức Chí Tôn khai Đạo Cao Đài (1925). Đức Chí Tôn truyền lệnh đem bàn cờ huyền bí ra để Bát Tiên định vị mới của mỗi người ở phạm gian. Tào Quốc Cựu và Lữ Đồng Tân xin thủ cờ, còn các Tiên khác giám sát (xem hình) đứng chung quanh. Nguyên gốc bàn cờ Huyền bí của Trần Đoàn Lão Tổ ở Hoa Sơn. Khi Triệu Khuôn Dã lên ngôi vua giúp sức trị an thiên hạ. Trần đoàn tặng vua bàn cờ soái quan để nhà vua điều binh khiển tướng mà chăm lo việc nước.

Khi lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí tôn ra lệnh Ngự Mã Thiên quân chinh lại bàn cờ có 10 quân cờ kích thước lớn nhỏ khác nhau và phân làm hai đài.

-Hiệp Thiên Đài có 7 vị: Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh, Bảo Pháp, Hiến Pháp, Khai Pháp và Tiếp Pháp.

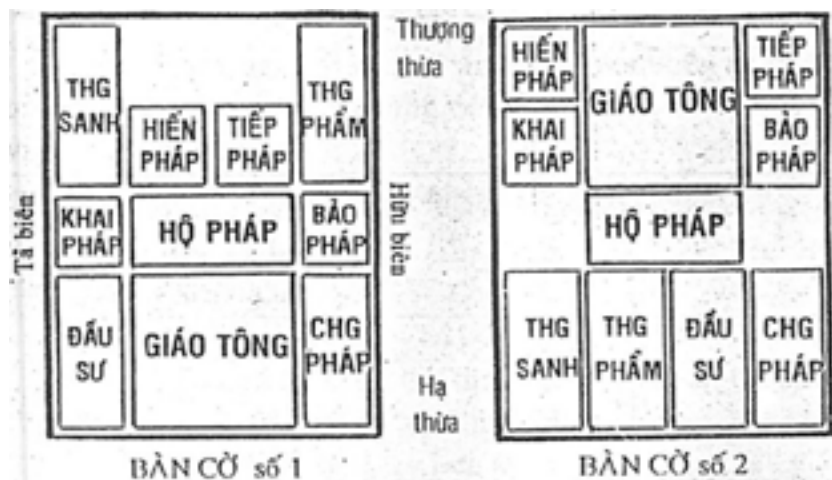
-Cửu Trùng Đài có 3 vị: Giáo Tông, Chương Pháp, Đầu Sư..

Mục đích của bàn cờ Huyền Bí là giúp các chức sắc nhập định tham thiền, công phu tịnh luyện mà thành lập Đạo Tiên ở Kỳ Ba, chuyển loạn pháp thành chánh pháp, huân nguyên.

Để tiên liệu địa vị ở cõi Trần, bàn cờ huyền bí được xếp ra: Thượng Sanh Cao Hoài Sang ngồi bên phải bàn cờ, tôn giả Ngô Văn Chiêu ngồi bên trái bàn cờ (xem hình). Các Tiên còn lại đứng từ trái sang phải gồm có: Nự giáo sư Hương Hồ (ngươn linh Hà Tiên Cô), Đầu sư Thượng Trung Nhật (ngươn linh Lý Thiết quả), Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư (ngươn linh hơn Chung Ly), Giáo sư Vương Quan Kỳ (ngươn linh Hàn Trương Tử), Bảo Đạo Ca Minh Chương (ngươn linh Trương Quả Lão), Thượng Sanh Cao hoài Sanh (ngươn linh Lữ Đồng Tân) và Giáo Sư Thái Bính Thanh (ngươn linh Lam Thể Hoà).

Trên bàn cờ ta thấy Tôn giả NVC, ngón tay trở bên mặt chỉ chức Giáo Tông ngược đầu, biểu trưng biến cố lớn trong Đạo “phản tiên vi hậu” còn Đức Cao Thượng Sanh ngồi điểm nhiên tọa thị mà thẳng cờ.

Mãi đến năm 1947 Đức hộ Pháp mới đưa bàn cờ huyền bí ra để toàn đạo thấy sự mầu nhiệm của Thiêng Liêng. Đến năm Tân Hợi (1971) Phạm môn mới ấn hành. Năm 1972 tậ phẩm gom góp tài liệu rồi in ra tập sách nhỏ



### Sự khác nhau giữa Bát Tiên Trung Hoa và Bát Tiên Cao Đài

Nơi Bát Quái Đài Đền Thánh, tám diềm bên nữ phái có đắp tượng Bát Tiên Trung hoa, hàng trên 4 vị cõi thú bay và hàng dưới 4 vị cõi thú chạy.

TT	Bát Tiên	Xa Tiên	Thủ Bối
1	Lý Thiết Quả	Con dơi	Gậy sắt
2	Hồn Chung Ly	Tứ bất tượng	Phất chủ
3	Lữ Đồng Tân	Chim Hạc	Ống tiêu
4	Lam Thế Hòa	Chim trĩ	Ngọc bản
5	Trương Quả Lão	Lừa ngược	Lừa giấy
6	Hà Tiên Cô	Chim Phụng	Bông sen
7	Hàn Trương Tử	Chim Công	Giỏ hoa lam
8	Tào Quốc Cự	Mai Hoa Lộc	Ngọc Thủ Quyền

Hai dàn Bát Bửu, hai bên trước Bát Quái Đài tượng trưng Bát Tiên Cao Đài làm tướng soái cho Đức Chí Tôn khai đạo nên thiết đặt gần như sanh, đồng thời án ngữ chống tà quái từ trong ra.

TT	Bát Tiên	Xa Tiên	Bát Bửu
1	Qu. Giáo Tông Lê Văn Trung	Lộc Nai	Hồ Lô
2	Cao Thượng Phẩm	Linh điều	Quạt, Phất chủ
3	Cao Thượng Sanh	Chim	Gươm, Phất chủ
4	Tôn giả Ngô Văn Chiêu	Nai	Giỏ Hoa Lam
5	Giáo sư Vương Quan Kỳ	Phụng	Ống Tiêu ngọc
6	Giáo sư Hương Hồ	Linh Qui	Hoa Sen
7	Bảo Đạo Ca Minh Chương	Cá chép	Cây gậy
8	Giáo sư Thái Bính Thanh	Công	Cặp ngọc bản

### Công nghiệp hàng đầu của Bát Tiên Cao Đài.

- 1- Đức Qu. Giáo Tông Lê Văn Trung có công lớn trong việc lập Tờ Khai Đạo với chính quyền Pháp.
- 2- Đức Cao Thượng Phẩm là cơ Phong Thánh đầu tiên của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
- 3- Đức Cao Thượng Sanh đứng đầu trong nhạc lễ và giác thế khuyến tu.
- 4- Đức Ngô Minh Chiêu đệ tử thứ nhất họa Thiên Nhân thờ Đức Cao Đài.
- 5- Giáo sư Thượng Kỳ Thanh có công thỉnh Kinh Nhứt Tụng bên Minh Lý.
- 6- Nữ Giáo Sư Hương Hồ chung góp tiền của xây dựng tòa Thánh Tây Ninh.
- 7- Bảo Đạo Ca Minh Chương công đầu trong chuyển dịch kinh Hán Tự.
- 8- Giáo sư Thái Bính Thanh công đầu làm quả càn khôn và dự đàn vẽ họa đồ xây Đền Thánh.

Tám Tiên tiêu biểu cho tám công trình thành lập Đạo Cao Đài.

## **XII- Đức Quyền Giáo Tông giảng cơ.**

Nhân ngày kỷ niệm Đức Qu. Giáo Tông, Đức Phạm Hộ Pháp xướng thi và được Đức Ngài giảng cơ họa lại:

### **Nhấn bạn Quyền Giáo Tông**

(Bài xướng của Đức Phạm Hộ Pháp ngày 11-9 Bính Tuất)

Hồ lô ai để ở nơi đâu,  
Ái quốc Việt Nam nhét bể bầu  
Cứu thế hồng ân chưa rải khắp,  
Nâng thuyền lòng nước vốn còn sâu.  
Nhân tài nẩy nở tuy trăm bụng,  
Dân trí biến sanh bởi ruột đầu.  
Ví nhương mắt Tiên xem rõ trận,  
Cuộc cơ thắng bại tận phao câu.

Đức Quyền Giáo Tông giảng cơ ngày 19-9- Bính Tuất 1946

### **Họa**

Tách trần tính lại đã là đâu?  
Thế giới vân du chỉ ruột bầu.  
Nguồn đạo bấy chừ bao sức lớn,  
Tinh thần từ trước đã gần sâu.  
Nhân tâm gây khối đều nên mật,  
Tinh thể trau nên kiếu vỡ đầu.  
Lừa lọc nên hư do phép Tạo,  
Hưng suy chỉ định bởi đôi câu.

Đến ngày 28-4 Mậu Tý 1948 Đức Quyền Giáo Tông lại họa tiếp

Đường trần hạnh phúc đã là đâu,  
Chi bằng càn khôn quảng một bầu.  
Đủ hiểu tâm phàm lòng lạt lẽo,  
Dư xem bước tục chí cao sâu.  
Thiên quân ví chẳng ra tiền đạo,

Tướng soái khó toan chiếm địa đầu.  
Vạn pháp đem khoe tài Hộ Pháp,  
Cũng như đực rửa sánh kim câu.

Nhân ngày Thánh Đản Đức Quyền Giáo Tông 13-10- Canh Dần 1950, Đức Ngài lại họa đảo vận bài trên.

### **Họa đảo vận**

Gây sự bởi ai tại buổi đầu.  
Lưỡi liềm chi dễ sánh kim câu,  
Đông hải minh mông còn phải cạn,  
Tây Hồ chật hẹp độ bao sâu?  
Tài ba Đông bích bao nhiêu sức,  
Quyền pháp côn Lôn sẵn mấy bầu.  
Quyết đoán cuộc cờ ai thắng bại,  
Chỉ xem tiên Phật hưởng về đầu.

Sau đây là bài thài dâng lễ vía hằng năm của Đức Qu. Giáo Tông:

Càn khôn quen thú phước linh tiêu,  
Thấy khổ trần gian nghịch Thánh điều.  
Mượn xác phàm riêu cây phát chủ  
Nương cơ tạo xử phước tiêu diêu.  
Bầu linh khổ ải đưa thiêu cạn,  
Gậy sắt nhưn sanh chóng đất diu  
Muôn dặm cửa Tiên chờ bước tục,  
Cõi lau trở gót ruột trăm chiều.

## PHẦN PHỤ CHÚ

- 1- Nội dung tờ khai đạo
- 2- Thư gửi nghiệp đoàn báo chí
- 3- Thư gửi các vị hoàng đế
- 4- Thư của Đức thánh cha nước Đức
- 5- Thư gửi Tổng thống cộng hoà Pháp
- 6- Toà Tam giáo lần thứ nhì
- 7- Châu tri số 1
- 8- Chương trình hành đạo
- 9- Bài diển văn của Đức Q.Giáo Tông
- 10- Thư gửi ông E.Outrey

### PHỤ CHÚ 1

#### 1- Nội dung tờ khai đạo

Văn kiện chính thức được Ông Lê Văn Trung gửi cho Thống đốc Nam Kỳ Le Fol, ghi ngày 07-10-1926 nguyên văn bằng tiếng Pháp như sau.<sup>80</sup>

Saigon, le 7 Octobre 1926

Monsieur le Gouverneur,

Les soussignés,

Ont l'honneur de venir respectueusement vous faire connaitre ce qui suit:

Il existait en Indochine trois Religions (Bouddhisme, Taoisme, Confucianisme). Nos ancêtres pratiquaient religieusement ces trois doctrines et vivaient heureux en suivant strictement les beaux préceptes dictés par les Créateurs de ces religions.

On était, pendant cet ancien temps, tellement insoucieux qu'on pouvait dormir sans fermer les portes et qu'on dédaignait même de ramasser les objets tombés dans la rue (Gia vô bẻ hộ, lộ bất thập di, tel est l'adage inscrit dans nos annales).

Hélas ! ce beau temps n'existe plus pour les raisons suivantes:

<sup>80</sup>- Pierre Bernardini, *Le Caodaisme au Cambodge, Université de Paris VII, 1974, pp.282-284.*

1. Les pratiquants de ces religions ont cherché à se diviser tandis que le but de toutes les religions est le même: faire le bien et éviter le mal, adorer pieusement le Créateur.

2. Ils ont dénaturé complètement la signification de ces saintes et précieuses doctrines.

3. La course au confort, à l'honneur, l'ambition des gens, sont aussi des causes principales des divergences d'opinions actuelles. Les Annamites de nos jours ont complètement abandonné les bonnes moeurs et traditions de l'ancien temps. Ecoeurés de cet état de choses, un groupe d'Annamites, fervents traditionalistes et religieux ont étudié la refonte de toutes ces religions, pour n'en former qu'une seule et unique appelée CAODAISME ou ĐẠI ĐẠO.

Le nom "ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ", qui signifie la troisième Amnistie générale, est donné par l'Esprit Suprême qui est venu aider les soussignés à fonder cette nouvelle religion.

L'Esprit Suprême est venu sous le nom de NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ dit CAO ĐÀI ou "Le Très Haut, DIEU TOUT PUISSANT".

Par l'intermédiaire de médiums écrivant, NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ transmet aux soussignés des enseignements divins ayant pour but de concentrer et d'enseigner les beaux préceptes de ces trois anciennes Religions.

La Nouvelle Doctrine enseignera aux peuples :

1. la haute morale de Confucius;
2. les vertus dictées dans les religions bouddhique et taoique. Ces vertus consistant à faire le bien et éviter le mal, aimer l'humanité, pratiquer la concorde, éviter totalement la dissension et la guerre.

Les soussignés ont l'honneur de vous soumettre :

1. quelques extraits du recueil des "Saintes - paroles" de NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ, paroles estimées plus précieuses que tout ce qui existe ici-bas.



2. la traduction de quelques passages du livre de prières que NGOC HOÀNG THUỖNG ĐỂ nous a enseignées.

Le but poursuivi par les soussignés est de ramener les peuples à l'ancien temps de paix et de concorde.

On sera ainsi dirigé vers une époque nouvelle tellement heureuse qu'il est difficile de la décrire.

Au nom de très nombreux Annamites qui ont entièrement approuvé ces études et dont la liste est ci-jointe, les soussignés ont l'honneur de venir respectueusement vous déclarer qu'ils vont propager à l'humanité entière cette Sainte Doctrine.

Persuadés d'avance que cette nouvelle religion apportera à nous tous la Paix et la concorde, les soussignés vous prient de recevoir officiellement leur déclaration.

Les soussignés vous prient d' agréer, Monsieur le Gouverneur, l'assurance de leurs sentiments respectueux et dévoués".

## PHỤ CHÚ 2

### Thơ gửi nghiệp đoàn báo chí

TÂY NINH, le 1er Décembre 1934

À Messieurs les Présidents des Syndicats  
de la Presse du Monde Entier,

Messieurs les Presidents,

Nous avons l'honneur de venir respectueusement vous prier de bien vouloir solliciter de tous les Directeurs des Journaux, Revues Periodiques, une large hospitalité à notre Appel à l'Unité de Foi ci-joint.

Ce sera un grand bienfait que la Presse readra à l'Humanité toute entière, car, si l' Unité de Foi se réactualise, les races se fraterniseront et la Paix Universelle règnera.

Le Monde sera délivré de l'horrible cauchemar d'une prochaine guerre mondiale dix fois plus dévastatrice que celle de 1914-1918.

Veillez agréer, Messieurs les Présidents, l'assurance de nos sentiments respectueux et reconnaissants.

THUỖNG TRUNG NHỰT

Monsieur Lê Văn Trung,

Annamite -Sujet Français,

Chevalier de la Légion d'Honneur,

Ancien, Conseiller Colonial de Cochinchine,

Ancien Membre du Conseil de Gouvernement de l'Indochine.

Chef de la Religion "ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ"

"3ème Amnistie de DIEU en Orient"

CAODAISME ou BOUDDHISME Rénové.

à TÂY NINH. COCHINCHINE FRANÇAISE.

## PHỤ CHÚ 3

### Thơ gửi các vị hoàng đế

TÂY NINH , le 1 er Décembre 1931

À Leurs Majestés les Empereurs et Rois, leurs Excellences les Chefs d' États, les Ministres de toutes les Religions  
du MONDE ENTIER

Sires, Excellences.

Nous avons l'honneur de porter respectueusement à votre haute connaissance que l'Être Suprême, DIEU tout Puissant, notre Père Miséricordieux à tous, est venu sur un coin de la terre d'Annam (à Tây ninh- Cochinchine - Indochine Française) pour

créer une nouvelle Foi capable de rénover le monde entier par un noble Idéal : “ L’amour des créatures”. De par la volonté divine, les races se frater-hiseront et la Paix Universelle règnera.

La guerre, l’horrible guerre fratricide, horreurs du Xxè siècle, siècle soi - disant de Progrès, de Civilisation pourra bien être évitée. Nous disons “Fratricide” car, quelle que soit la race dont ils font partie, tous les Enfants de cette terre descendent l’un même Père, c’est DIEU qui préside à leurs destinées. Ainsi lorsque les peuples se font la guerre, c’est exactement comme des frères qui s’entre - tuent.

Nous avons reçu de DIEU, Notre Père Miséricordieux à tous, la Mission de propager sa sainte Doctrine à travers le Monde.

Nous avons eu de multiples preuves de sa venue sur cette terre : de nombreux miracles se sont produits comme au cemps de la venue du Christ, comme ceux de Lourdes et d’ailleurs. Fermement convaincus de l’efficacité de la nouvelle Doctrine et forts de la pureté de nos intentions nous avons présenté à l’Administration Coloniale Française un serment écrit dont ci-inclus un exemplaire par lequel nous nous engageons, sous peine de mort, à ne nous occuper que des questions religieuses et à ne pas troubler en aucune façon l’ordre établi. En revanche, nous demandons de travailler, avec l’aide et la protection de la France à la propagande de la Nouvelle Foi dans le Monde entier.

Les représentants de l’Administration Coloniale ne se sont pas montrés toujours bienveillants à notre égard, quel-ques-uns ont été tolérants mais d’autres ont fait leur possible pour empêcher cette propagande.

DIEU est venu nous dire de répandre sa sainte Doctrine à travers le Monde; nous ne saurons donc pas faillir à notre Mission. Aussi nous nous faisons un impérieux devoir de venir respectueusement, Sires, Excellences, porter ce fait à la connaissance de l’Humanité entière, afin que tout le monde

sache que l’heure de l’Amnistie divine approche, que le rassemblement des enfants du Créateur doivent se faire pour que la Paix tant recherchée règne dans tout l’Univers.

Il suffira pour cela que hommes savent aimer leurs semblables et pratiquer la vertu dans le chemin tracé par DIEU .

Nous sommes certains que, plus que quiconque, Sires, Excellences, vous voulez que vos sujets dont la destinée est entre vos mains, ne vivent plus dans la crainte perpétuelle d’une guerre future, avec les horreurs, les ravages que cause- ront d’engins meurtriers de tout dernier perfectionnement toute de vertus, et qu’ils soient délivrés à jamais du terrible cauchemar qu’est la guerre moderne.

Nous vous demandons d’envoyer le plus tôt possible vers nous un certain nombre d’entr eux pourqu’ils puissent se rendre compte de ce que nous avons avancé.

DIEU a dit ceci : “ Mes Enfants, si vous tardez à ré-pandre ma sainte Doctrine, chaque jour de retard occasion-nera la perte de centaines de milliers d’ames.

Le cri d’appel étant lancé, nous pensons avoir fait notre devoir. Dès que nos moyens nous le permettront, nous parcou-rerons le Monde, apportant à chaque Peuple la Nouvelle Evangile.

Daignez agréer, Sires, Excellences, l’hommage de notre profond respect.

THƯỢNG TRUNG NHỰT

Monsieur Lê Văn Trung,

Annamite -Sujet Français,

Chevalier de la Légion d’Honneur,

Ancien, Conseiller Colonial de Cochinchine,

Ancien Membre du Conseil de Gouvernement de l’Indochine.

Chef de la Religion “ĐẠI ĐẠO en Orient”,

CAODAISME ou BOUDDHISME Rénové. à TÂY NINH.-  
COCHINCHINE - FRANCAISE

## PHỤ CHÚ 4

### Thơ của Đức Thánh Cha nước Đức

Lời tường thuật của Báo chí và  
Thư của Đức Thánh Cha Nhà thờ GNOSTIQUE  
ALLEMAGNE en ALLEMAGNE,

Au cours de l'année 1931, dans les premiers mois plusieurs voyageurs allemands ont visité le phalanstère de Tây Ninh, se sont intéressés à la Secte, ont pris des notes et des photos, et sont repartis par le bateau qui avait escalé trois jours à Saigon. On ne les a plus revus, mais le numéro du 21 Juin 1931 du Berliner Illustrierte Zeitung parvenait au Saint-Siège. II contenait un article avec photographies de Tây Ninh, signé W. BOSSARD sur "la plus étrange secte du monde".

Enfin, en Novembre 1931, nouveau document d'Allemagne (ci-après), en réponse à l'envoi d'une brochure le Bouddhisme rénové fait par LE VAN TRUNG.

### ÉGLISE GNOSTIQUE D'ALLEMAGNE

P. Futlingen, den 13 Novembre 1931

Altesse éminentissime !

Très grand , très puissant et très excellent prince

Sérénissime Seigneur !

Très Saint-père !

Votre message a atteint l'Europe Centrale ! Le Synode Général de l'Église Gnostique d'Allemagne dont je suis le patriarche, a résolu de préparer son union avec le Caodaisme...

On m'a chargé de vous faire savoir cette résolution et de vous prier pour des informations sur l'histoire, la constitution, la doctrine et les rites de votre religion Universelle en Français,

Anglais ou Hollandais, afin que le message du Caodaisme puisse se servir de notre, organisation ecclésiastique dans les pays des Allemands, Autrichiens, Suisses, Hollandais, Belges, Lithuaniens, Lettons et Esthoniens.

En comptant sur la réalisation de ce désir je suis  
Votre très humble serviteur.

m.p.

Signé : GODWIN

30 330 960

Souverain -pontife et patriarche de l'Église Gnostique d'Allemagne Grand Maître de l'Ordre des Chevaliers de la rose mystique.

Adr : H.GODWIN stuermer, Tuets (Grenzmard) ALLEMAGNE

### VỚI ĐỨC QUỐC.

Vào những tháng đầu năm 1931, nhiều du khách người Đức đến viếng Tòa Thánh Tây Ninh, lưu tâm đến giáo phái này, đã ghi chép chụp nhiều hình ảnh; rồi quay về hải thuyền, cập bến Saigon ba hôm. Người ta không còn gặp lại họ nữa; nhưng số báo BERLINER ILLUS-TRIERTE ZEITUNG ra ngày 21-6-1931 đã được gửi đến Hội Thánh. Trong đó, có một bài mang nhan đề "Giáo Phái Mới Lạ Nhất Của Thế Giới" do W. BOSSARD viết, kèm theo nhiều hình ảnh của Tây Ninh.

Sau cùng, đến tháng 11 năm 1931 là văn kiện mới, từ Đức gửi sang (kèm sau đây) để đáp lại một quyển sách nói về "Phật Giáo Chấn Hưng" do ông Lê Văn Trung gửi cho họ.

## PHỤ CHÚ 5

### Thơ gửi Tổng Thống Cộng Hoà Pháp

Tây Ninh, le 4 Mars 1934

A Monsieur le Président  
de la République Française, PARIS.

Monsieur le le Président de la République,

J'ai l'honneur de venir très respectueusement remettre entre vos mains la Décoration de Chevalier de l'honneur que ma conférée la République Française par Décret du 18 Mai 1912. Fonctionnaire apprécié et estimé pendant douze ans Conseiller Colonial ensuite pendant huit ans, enfin membre du conseil du Gouvernement de l'Indochine pendant douze ans, telles sont les trente-deux années de vie mises loyalement au service de la France, qui m'ont valu cette haute récompense de la République.

Après ma vie publique, je m'apprêtais à finir mes vieux jours dans un coin oublié de terre en Cochinchine, quand soudain (1926) je fus appelé par l'invisible à reprendre ma tâche pour l'unification de toutes religions existantes pour " semer parmi les peuples l'amour du bien et des créatures de Dieu, la pratique de la vertu, apprendre à aimer la justice et la résignation : révéler aux humains les conséquences posthumes de leurs actes, tout en assainissant leur âme".

Depuis huit ans je me consacre entièrement à cette oeuvre de fraternisation des races, convaincu que la nouvelle religion constitue un des puissants facteurs indispensables à la réalisation d'une collaboration loyale et sincère de tous les peuples, d'une paix mondiale durable.

Le Caodaisme comprend aujourd'hui plus d'un million de fidèles composé d'Annamites en très grande partie et de Français, Cambodgiens, Laotiens, Moïs et Chinois.

Nous ne sommes pas compris peut-être par le gouvernement

Colonial?

Toujours est-il que le Caodaisme est sans cesse injustement frappé.

À nos doléances et à nos réclamations, on répond par des acies arbitraires et des persécutions religieuses.

À l'heure qu'il est en fait tout pour atteindre le promoteur de cette nouvelle église dans son honneur.

Dans de nombreux documents, je me permets d'extraire les passages édifiants ci-après d'une lettre que j'ai écrite récemment à Monsieur l'Administrateur Vilmont, chef de la Province de Tây ninh Cochinchine.

" En ce qui concerne vos récentes instructions, je vous serais très obligé de bien vouloir me faire connaître jusqu'à quand est applicable cette nouvelle réglementation des cultes.

"Quant aux événements dont vous avez fait allusion dans votre lettre, je me permets de vous faire remarquer que si vous aviez bien voulu tenir compte de mes requêtes et de mes droits sinon de chef du Sacerdoce Caodaisme, du moins de chef du Temple de Long Thanh (Tây Ninh) ces "désordres" n'auraient jamais au lieu. Mieux que tout autre vous saviez que les désordres que vous signalez aujourd'hui ne venaient pas de nous.

"Le réunion du 24 Novembre dernier, autorisée par vous à se tenir dans mon Temple, à des personnes tout à fait étrangères à la religion et malgré ma lettre No394 du 22 Novembre 1933, est un véritable défi, sinon une insulte, jeté sans motif à la face qu'un vieux et loyal serviteur de la France double d'un décoré de la Légion d'honneur.

"Il m'est vraiment pénible de constater ces choses à l'heure où tous mes efforts et tout mon dévouement sont mis sincèrement au service de la cause commune des deux peuples c'est -à -dire à l'entente cordiale et sincère les deux races appelées par la volonté du tout puissant à vivre en communauté de vie et d'intérêts".

Naturellement ces doléances sont restées sans réponse par contre les persécutions se sont de plus belle.

La dernière en date fut mon emprisonnement, le 22 Février dernier, pour dette due au fisc par trente quatre de mes coreligionnaires, prétexte tout à fait falacieux.

Le Chevalier de Légion d'Honneur, à l'aurore de sa soixantième d'année, fut jeté en prison sans qu'aucune formalité prescrite par, la loi ne fut observée.

J'ai séjourné deux jours et demi dans une cellule de la prison de Tây Ninh avec mon ruban arboré et la carte de Chevalier sur moi.

Ainsi aux yeux du Gouvernement Colonial, la Légion d'honneur ne signifie rien, l'infâmie peut atteindre.

Tout le tort revient-il à République qui ne devait pas conférer cet insigne honneur à un pauvre indigène ?

J'accomplis mon geste avec d'amers regrets, mais je préfère ne plus porter une très haute distinction à laquelle le Gouvernement Colonial n'a aucun égard et qui ne peut même plus devenir un éclatant témoignage de mon attachement à la France.

Cependant, confiant en la justice de cette France douce et généreuse que j'ai toujours aimée, je poursuivrai jusqu'au bout ma tâche sans passion et sans haine, espérant qu'on voudra bien un jour se rendre compte des erreurs commises et rendre justice à une religion qui n'a d'autre prétention que celle d'apporter au monde la paix et la concorde.

Veuillez agréer, Monsieur le Président de la République, expression de mon plus profond respect.

LÊ VĂN TRUNG

LÊ VĂN TRUNG Pape Intérimaire

Du Bouddhisme rénové ou Caodaise,

Ancien Conseiller Colonial,

Ancien Membre du Conseil de Gouvernement de l'Indochine.

Long Thành Tây Ninh ( Cochinchine).

Pièce jointe : Un certificat de Monsieur le Grand Chancelier de l'ordre National de la Légion d'Honneur.

## PHỤ CHÚ 6

Toà Tam giáo lần thứ nhì

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

( Đệ lục niên)

Sao lục án Toà Tam Giáo xử ngày 28 tháng 8 năm 1931.

Tuân y theo Thánh Giáo đức Lý Giáo Tông, Nghị Định ngày mồng 3 tháng 10 năm Canh Ngọ,

Chiếu theo Đạo Nghị định của Hộ Pháp và lời phê chuẩn của Giáo Tông ngày 3 tháng 10 năm Canh Ngọ, thiết lập Tam Giáo Toà.

“ TAM GIÁO TOÀ CỨU TRỪNG ĐÀI

( Kỳ nhì)

“ Tại Toà Thánh Tây Ninh ngày rằm tháng bảy Tân Mùi  
( 28 Aout 1931)

xử các vụ và kết án như sau đây :

1- TÊN HỌ: Trần Đạo Quang

CHỨC : Ngọc Chưởng Pháp

ĐỊNH ÁN : Chiếu theo hình phạt thứ 9. Phải ăn năn sám hối thọ tội cùng chúng sinh.

2 - TÊN HỌ: Nguyễn Trung Hậu

CHỨC : Bảo Pháp HTĐ

ĐỊNH ÁN : Tha bổng, song buộc phải lo về Toà Thánh cho thường đặng gần đức Lý Giáo Tông và Hộ Pháp điu dắt trong đường đạo

3 - TÊN HỌ: Trương Hữu Đức

CHỨC : Hiến Pháp HTĐ

ĐỊNH ÁN : Tha bổng, song buộc phải lo về Toà Thánh cho thường đặng gần đức Lý Giáo Tông và Hộ Pháp điu dắt trong đường đạo

- 4 - TÊN HỌ: Trương Văn Tràng  
 CHỨC : Tiếp Pháp HTĐ  
 ĐỊNH ÁN : Tha bổng, song buộc phải lo về Toà Thánh cho thường đặng gần đức Lý Giáo Tông và Hộ Pháp diu dắt trong đường đạo
- 5 - TÊN HỌ: Phạm Văn Tươi  
 CHỨC : Hiến Đạo HTĐ  
 ĐỊNH ÁN : Tha bổng, song buộc phải lo về Toà Thánh cho thường đặng gần đức Lý Giáo Tông và Hộ Pháp diu dắt trong đường đạo
- 6 - TÊN HỌ: Lê Thiện Phước  
 CHỨC : Bảo Thế HTĐ  
 ĐỊNH ÁN : Tha bổng, song buộc phải lo về Toà Thánh cho thường đặng gần đức Lý Giáo Tông và Hộ Pháp diu dắt trong đường đạo
- 7 - TÊN HỌ: Thái Văn Thâu  
 CHỨC : Khai Thế HTĐ  
 ĐỊNH ÁN : Tha bổng, song buộc phải lo về Toà Thánh cho thường đặng gần đức Lý Giáo Tông và Hộ Pháp diu dắt trong đường đạo
- 8 - TÊN HỌ: Thái Ca Thanh  
 CHỨC : Phối Sư  
 ĐỊNH ÁN : (Chiếu hình phạt thứ 5) Ngưng chức một năm, nếu biết ăn năn sám hối thì cho phục chức như cũ
- 9 - TÊN HỌ: Thượng Bàn Thanh  
 CHỨC : Giáo Sư  
 ĐỊNH ÁN : Ngưng chức 1 năm, nếu biết ăn năn sám hối thì cho phục chức như cũ
- 10 - TÊN HỌ: Ngọc Minh Thanh  
 CHỨC : Giáo Hữu  
 ĐỊNH ÁN : Ngưng chức 1 năm, nếu biết ăn năn sám hối thì cho phục chức như cũ
- 11 - TÊN HỌ: Thượng Sanh Thanh  
 CHỨC : Giáo Hữu  
 ĐỊNH ÁN : Ngưng chức 1 năm, nếu biết ăn năn sám hối

- thì cho phục chức như cũ
- 12 - TÊN HỌ: Thượng Tương Thanh  
 CHỨC : Giáo Hữu  
 ĐỊNH ÁN : Tha bổng
- 13 - TÊN HỌ: Ngọc Khai Thanh  
 CHỨC : Giáo Hữu  
 ĐỊNH ÁN : Tha bổng
- 14 - TÊN HỌ: Thượng Lai Thanh  
 CHỨC : Giáo Hữu  
 ĐỊNH ÁN : Tha bổng
- 15 - TÊN HỌ: Thái Minh Thanh  
 CHỨC : Giáo Hữu  
 ĐỊNH ÁN : Tha bổng
- 16 - TÊN HỌ: Thái Kiên Thanh  
 CHỨC : Giáo Hữu  
 ĐỊNH ÁN : Tha bổng
- 17 - TÊN HỌ: Ngọc Sơ Thanh  
 CHỨC : Giáo Hữu  
 ĐỊNH ÁN : (Chiếu hình phạt thứ 5) ngưng chức một năm.
- 18 - TÊN HỌ: Thái Hiến Thanh  
 CHỨC : Giáo Hữu  
 ĐỊNH ÁN : (Chiếu hình phạt thứ 5) ngưng chức một năm.
- 19 - TÊN HỌ: Thượng Diêu Thanh  
 CHỨC : Giáo Hữu  
 ĐỊNH ÁN : (Chiếu hình phạt thứ 5) ngưng chức một năm.
- 20 - TÊN HỌ: Thượng Ngự Thanh  
 CHỨC : Giáo Hữu  
 ĐỊNH ÁN : (Chiếu hình phạt thứ 5) ngưng chức một năm
- 21 - TÊN HỌ: Thượng Hồng Thanh  
 CHỨC : Giáo Hữu  
 ĐỊNH ÁN : Tha bổng
- 22 - TÊN HỌ: Thượng Trò Thanh  
 CHỨC : Giáo Hữu  
 ĐỊNH ÁN : Tha bổng
- 23 - TÊN HỌ: Thái Quyến Thanh

- CHỨC : Giáo Hữu  
 ĐỊNH ÁN : Tha bổng
- 24 - TÊN HỌ: Thượng Thanh Thanh  
 CHỨC : Giáo Hữu  
 ĐỊNH ÁN : Tha bổng
- 25 - TÊN HỌ: Thượng Giới Thanh  
 CHỨC : Giáo Hữu  
 ĐỊNH ÁN : Tha bổng
- 26 - TÊN HỌ: Thượng Kỳ Thanh  
 CHỨC : Giáo Hữu  
 ĐỊNH ÁN : Tha bổng
- 27 - TÊN HỌ: Thượng Thanh Thanh  
 CHỨC : Lễ Sanh  
 ĐỊNH ÁN : Tha bổng
- 28 - TÊN HỌ: Ngọc Phụng Thanh  
 CHỨC : Lễ Sanh  
 ĐỊNH ÁN : Tha bổng.
- 29 - TÊN HỌ: Ngọc Lương Thanh  
 CHỨC : Lễ Sanh  
 ĐỊNH ÁN : Tha bổng
- 30 - TÊN HỌ: Ngọc Bội Thanh  
 CHỨC : Lễ Sanh  
 ĐỊNH ÁN : Tha bổng
- 31 - TÊN HỌ: Thái Ban Thanh  
 CHỨC : Lễ Sanh  
 ĐỊNH ÁN : Tha bổng
- 32 - TÊN HỌ: Thượng Đồng Thanh  
 CHỨC : Lễ Sanh  
 ĐỊNH ÁN : Tha bổng
- 33 - TÊN HỌ: Thượng Tân Thanh  
 CHỨC : Lễ Sanh  
 ĐỊNH ÁN : Tha bổng
- 34 - TÊN HỌ: Thượng Trúc Thanh  
 CHỨC : Giáo Hữu  
 ĐỊNH ÁN : (Chiếu theo hình phạt thứ 10) - Hầu kẻ hữu đức

- hạnh của Hội Thánh định đặng cầu học đạo.
- 35 - TÊN HỌ: Thượng Dung Thanh  
 CHỨC : Giáo Hữu  
 ĐỊNH ÁN : (Chiếu theo hình phạt thứ 8). Phải về Toà Thánh 3 tháng cho gần Thánh giáo mà học đạo.
- 36 - TÊN HỌ: Thái Chương Thanh  
 CHỨC : Giáo Hữu  
 ĐỊNH ÁN : (Chiếu theo hình phạt thứ 8). Phải về Toà Thánh 3 tháng cho gần Thánh giáo mà học đạo.
- 37 - TÊN HỌ: Thượng Lâm Thanh  
 CHỨC : Giáo Hữu  
 ĐỊNH ÁN : (Chiếu theo hình phạt thứ 8). Phải về Toà Thánh 3 tháng cho gần Thánh giáo mà học đạo.
- Toà Thánh, ngày Rằm tháng bảy năm Tân Mùi  
 Quyền Giáo Tông  
 Chánh Toà  
 THƯỢNG TRUNG NHỰT  
 Bảo Văn Pháp Quân  
 Quyền Lục sự  
 CAO QUỲNH ĐIỀU

Xin Đầu Họ lãnh thi hành cái án sao ra trên đây và dán vào bản tại mỗi Thánh Thất trong tỉnh. Các thi hành phải làm như sau đây :Đạo hữu nào có tên trong bản án mà ở trong tỉnh mình thì trích lục ra từng án mà giao lại cho đạo hữu ấy và phải lấy biên nhận. Đạo hữu nào không chịu lãnh án thì Đầu Họ phải lập vi bằng gửi về Toà Thánh. Ví dụ người thứ nhứt có tên trong bản án là đạo hữu Trần Đạo Quang có ở trong tỉnh mình thì sao lục án ra một tờ mà giao cho người :

\* \* \* \* \*

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ  
 (Đệ lục niên)

Sao lục Toà Tam Giáo xử ngày Rằm tháng 7 năm Tân Mùi tại

Toà Thánh Tây Ninh, nhằm ngày 28 tháng 8 năm 1931.

Đạo hữu Trần Đạo Quang xử phải ăn năn sám hối tội cùng chúng sanh. Hạn một tháng, kể từ ngày giao án, phải về Toà Thánh. Nếu chẳng tuân y thì phạm tội bất tuân luật đạo, kỳ tòa tới phải bị án nặng hơn.

Vâng lệnh Ngọc Chánh phối sư quyền Ngọc Đầu Sư kiêm Chủ trưởng Chức sắc nam phái.

Đầu Họ Tỉnh

## PHỤ CHÚ 7

### Châu tri số 1

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ  
(Đệ bát niên)

### CHÂU TRI I

- 1- Cho chư Thiên phong
- 2- Chư vị Đầu Họ Đạo
- 3- Chư vị Chủ Thánh Thất
- 4- và chư vị đạo hữu lương phái

Chư Hiền huynh, Hiền tử, Hiền muội,

Chiếu theo Thánh giáo của Đức Chí Tôn ngày 14 Février 1933 chiếu theo Thánh giáo của Đức Lý Giáo Tông ngày 1er Janvier 1933 và ngày 10 Mars 1933, chiếu theo những điều của Thượng Hội quyết định ngày 25 Décembre 1932, việc chính trị của nền đạo đã sắp đặt lại từ 12 Mars 1933 (17 tháng hai Quý Dậu) như sau này :

Điều thứ nhất : Thượng Đầu Sư Thượng Trung Nhật còn cầm quyền Giáo Tông mà thôi.

Điều thứ nhì : Trong lúc Chưởng pháp chưa có chính vị thì hành quyền Chưởng pháp giao lại cho Hiệp Thiên Đài cầm. Ba vị Thời quân cầm quyền Chưởng pháp là vị Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, vị Bảo Thế Lê Thiệu Phước và vị Hiến đạo Phạm Văn Tươi.

Điều thứ ba : Ba vị Chánh phối sư Thái Thơ Thanh, Thượng Tương Thanh và Ngọc Trang Thanh còn cầm quyền Quyền Đầu Sư mà thôi.

Điều thứ tư : Trong lúc Chánh Phối sư chưa có chánh vị thì quyền hành giao cho Hiệp Thiên Đài cầm. Ba vị Thời quân cầm quyền Chánh phối sư là vị Khai pháp Trần Duy Nghĩa, vị Khai đạo Phạm Tấn Đãi và vị Khai thế Thái Văn Thâu.

Vị Khai pháp cầm quyền Ngọc Chánh phối sư.

Vị Khai đạo cầm quyền Thái Chánh phối sư.

Vị Khai thế cầm quyền Thượng Chánh phối sư.

Điều thứ năm : Ba vị Chánh phối sư tân được quyền lập Nội chánh để cầm quyền Cửu viện tại Toà Thánh.

Toà Nội Chánh chia ra như sau này :

### PHÁI THÁI

#### 1) Lương viện

- Quản lý : Ô. Phối sư Thượng Tông Thanh
- Phó quản lý : Giáo hữu Thượng Hộ Thanh

#### 2) Hộ viện

- Quản lý : Giáo hữu Thái Như Thanh
- Phó quản lý : Giáo hữu Thái Bộ Thanh
- Phó quản lý : Lễ sanh Thượng Chất Thanh

#### 3) Công viện

- Quản lý : Giáo hữu Thái Gấm Thanh
- Phó quản lý : Lễ sanh Thượng Quờn Thanh

### PHÁI THƯỢNG

#### 1) Nội viện

- Quản lý : Giáo sư Thượng Latapie Thanh
- Phó quản lý : Giáo hữu Thượng Trí Thanh

#### 2) Học viện

- Quản lý : Giáo sư Thượng Thành Thanh và Phước viện

- Phó quản lý : Giáo hữu Thượng Sáng Thanh

#### 3) Nông viện



- Quản lý: Giáo hữu Ngọc Bến Thanh
- Phó quản lý : Giáo hữu Thượng Đưa Thanh

## PHÁI NGỌC

### 1) Lại viện

- Quản lý: Giáo sư Thượng Bảy Thanh
- Phó quản lý : Giáo hữu Thượng Tuy Thanh
- Phó quản lý : Giáo hữu Thượng Thiện Thanh
- Phó quản lý ; Giáo hữu Thượng Àu Thanh

### 2) Lễ viện

- Quản lý : Giáo sư Ngọc Trọng Thanh
- Phó quản lý : Giáo hữu Thượng Mía Thanh
- Phó quản lý : Giáo hữu Thượng Lai Thanh

### 3) Hoà viện

- Quản lý : Giáo sư Thượng Liêng Thanh
- Phó quản lý : Giáo hữu Thượng Tại Thanh
- Phó quản lý : Lễ sanh Thượng Tài Thanh

Lễ đăng điện và ban quyền cho Quyền Giáo Tông, Quyền Đầu sư, Chánh phối sư và Nội chánh đã thiết hành ngày 12 mars 1933 tại Toà Thánh nhằm 17 tháng Hai Quý Dậu.

Ba vị Chánh phối sư và Nội chánh đã bắt đầu hành chánh kể từ ngày 26 Mars 1933 nhằm ngày 1 tháng 3 năm Quý Dậu là ngày ba vị Cựu Chánh Phối sư thăng lên Quyền Đầu Sư đã giao trách nhiệm trọng cho ba Chánh phối sư tân là ba vị Khai đạo, Khai pháp và Khai thế.

Chiếu theo Đạo Nghị Định thứ nhì, thứ ba và thứ tư của Đức Lý Giáo Tông thì mỗi việc chi thuộc về quyền chính trị đều giao cho Chánh Phối Sư như là quyền thay mặt cho toàn đạo mà giao thông cùng Chánh phủ và cả tín đồ, quyền giao dục như sanh, quyền xem xét các nơi, chăm nom đạo hữu, quyền trị Chức sắc phần Đạo và phần Đời, buộc chức sắc làm y phận sự, quyền tạp tụng, quyền điều hành sự phổ độ, tài liệu của Đạo, quyền chủ trưởng Hội Thánh và Hội Nhơn Sanh ..v..v..

Vậy chúng tôi xin khuyên chư Thiên phong phải hết lòng vì đạo

giúp cho ba vị và nội chánh có đủ sức thi hành cả chương trình hành đạo. Chương trình này có in theo sau đây cho chư chức sắc và chư đạo hữu lưỡng phái biết.

Từ đây các việc truyền bá trong đạo phải có tờ của ba vị Chánh Phối sư tân ký tên hay là bàn Nội Chánh mặt có ba vị ký. Ai không được lệnh của ba vị mà tự chuyên đi giao thông với chư chức sắc và chư Đạo hữu là người muốn sanh việc rối loạn làm hư nền đạo.

Hiện thời, Hội Thánh rất cần dùng việc hiến công quả, chư đạo hữu có tài nghệ chi cũng nên thừa lúc này đem ra hiến cho đạo nhờ vì nội năm nay phải lo cất Bát quái đài.

Năm rồi Thái và Ngọc Chánh phối sư có ra Châu Tri số 39 ngày 6-1-1932 xin chư vị Chức sắc Đầu Họ Đạo Chủ Thánh Thất cho trong đạo hữu hay ai có lòng bác ái hộ vật thực đến Toà Thánh hỉ cúng đặng đủ nuôi đạo hữu hiến thân làm công quả cho nền đạo.

Năm nay Toà Thánh phải tạo tác nhiều việc lớn lao nên cũng xin chư đạo hữu hết lòng lo việc hộ vật thực như vậy, như lúa gạo, nếp, bắp, khoai, muối ..v..v. cùng là vật dụng như nón lá, ky đệm, lá cần đóp, lá chằm, chiếu ..v...v..

Các vật thực và các vật dụng hộ về Toà Thánh đều có Chức sắc Thiên phong thu nạp và chứng kiến công ơn của chư đạo hữu hỷ cúng cho đạo.

Ngoài ra, năm nay, Hội Thánh còn phải lo việc phổ độ ngoại quốc, việc hiệp nhất trong năm Quý Dậu vì cả thế giới đều trông mong hai chữ Hoà bình.

Năm nay là năm lập thành đại công quả, xin chư Chức sắc và chư đạo hữu lưỡng phái tận tâm chung lo chấn hưng nền đạo cho hoàn tất, y theo Thánh giáo của Đức Chí Tôn hồi năm Bính Dần.

Toà Thánh (Tây Ninh) ngày 1 Avril 1933

( ngày 7 tháng 3 năm Quý Dậu)

Quyền Giáo Tông

## THƯỢNG TRUNG NHỰT

Hộ pháp  
PHẠM CÔNG TẮC

**LỜI PHỤ :** Sau khi giao quyền hành Chánh Phối sư cho Hiệp Thiên Đài, Quyền Giáo Tông có mời ba vị Chánh Phối sư và Nội Chánh hiệp về Tòa Thánh đặng lập chương trình hành đạo. Trong lúc hội đặng lập chương trình, Quyền Giáo Tông và Hộ Pháp có đến dự thính. Quyền Giáo Tông cũng có mời ba vị Quyền Đầu Sư hoặc đến dự kiến, hoặc chỉ vẽ điều chi giúp cho nên việc (thơ số 34 ngày 4 Mars 1933), Quyền Thượng Đầu sư Thượng Tương Thanh có đến dự hội một lần.

Chương trình hành đạo đã lập thành, lẽ thì phải đem ra cho Thượng Hội, Hội Thánh và Hội Nhơn Sanh phê chuẩn, nhưng vì các khoản nghị định trong chương trình đều không trái Pháp Chánh Truyền, Tân luật và Đạo Nghị định, và nhất là cần phải thi hành lập tức cho nên chúng tôi nhất định dụng quyền Chí Tôn giúp cho ba vị Chánh Phối Sư đủ quyền thi hành chương trình hành đạo ấy khỏi đem ra ba hội phê chuẩn.

Quyền Chí Tôn của Giáo Tông và Hộ Pháp do nơi Thánh ngôn của Đức Chí Tôn ngày 23 Dcembre 1931 ( có in theo đây) mà có.

Toà Thánh (Tây Ninh) ngày 1 Avril 1933

( ngày 5 tháng 3 năm Quý Dậu)

Quyền Giáo Tông

THƯỢNG TRUNG NHỰT

( ấn ký )

Hộ pháp

PHẠM CÔNG TẮC

(ấn ký)

## ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

( Đệ bát niên)

Kính cùng chư Huynh trưởng và chư Đạo tử Thiên phong chư Chức sắc và chư đạo hữu lưỡng phái.  
Chư Hiền Huynh, Chư Hiền Tử ;

Bốn Chương trình hành đạo in theo sau đây là của chúng tôi hiệp với Hội Thánh Cửu Trùng Đài đặng lập thành và đã có đức Quyền Giáo Tông và Đức Hộ Pháp phê chuẩn.

Trong lúc chúng tôi và Nội Chánh bắt đầu hành chánh thì mỗi việc chi trong đạo đều phải quan sát lại kỹ lưỡng hầu tìm phương nâng cao phẩm giá nền Chánh giáo của đức Từ Bi và giúp cho nhơn sanh dễ bề tu tiến.

Vậy chúng tôi có mấy lời Tâm huyết xin chư Huynh Trưởng, Đạo Tử và chư đạo hữu lưỡng phái biết và xin hết lòng vì đạo giúp cho chúng tôi được đủ thể sắp đặt các việc. Chúng tôi tưởng ai ai cũng bằng lòng và cũng cho các điều kể trong chương trình của chúng tôi hiến dâng cho thành tựu.

Toà Thánh, ngày 7 tháng 3 - Quý Dậu (1 Avril 1933)

Thái Chánh Phối Sư

PHAM TẤN ĐÃI

( ấn ký)

Thượng Chánh Phối Sư

THÁI VĂN THẦU

( ấn ký)

Ngọc Chánh Phối Sư

TRẦN DUY NGHĨA

( ấn ký)

NỘI CHÁNH

Phối sư Thượng Tông Thanh

Giáo sư Thượng Bảy Thanh

Giáo sư Thượng Thành Thanh

Giáo sư Thượng Latapie Thanh

Giáo sư Thượng Liêng Thanh  
Giáo sư Ngọc Trọng Thanh  
Giáo hữu Thái Gấm Thanh  
Giáo hữu Thái Như Thanh  
Giáo hữu Thái Bộ Thanh  
Giáo hữu Thượng Thiện Thanh  
Giáo hữu Thượng Tận Thanh  
Giáo hữu Thượng Hộ Thanh  
Giáo hữu Thượng Sáng Thanh  
Giáo hữu Thượng Trí Thanh  
Giáo hữu Thượng Tuy Thanh  
Giáo hữu Thượng Đứa Thanh  
Giáo hữu Thượng Mía Thanh  
Giáo hữu Thượng Lai Thanh  
Giáo hữu Thượng Áo Thanh  
Giáo hữu Ngọc Bến Thanh  
Giáo hữu Ngọc Nền Thanh  
Lễ sanh Thượng Tài Thanh  
Lễ sanh Thượng Quân Thanh  
Lễ sanh Thượng Chất Thanh

## PHỤ CHÚ 8

### Chương Trình Hành Đạo

#### PHÁI THÁI

##### 1- Lập Nội luật Hội Thánh.

Chú giải : Quyền Hành Chánh tuy giao cho ba vị Chánh phối sư chớ mọi việc chi thi hành đều phải do theo chương trình hành đạo của Thượng Hội, Hội Thánh và Hội Nhơn Sanh phê chuẩn. Quyền của ba hội là quyền Vạn Linh. Việc nào đã có quyền Vạn Linh định đoạt thì quyền Chí Tôn của quyền của Giáo Tông và Hộ Pháp hiệp một phải y theo. Quyền Chí Tôn lại quyết đoán khi nào có sự phản kháng trong quyền Vạn Linh nghĩa là khi nào ba hội không đồng ý kiến Chiếu theo Đạo

Nghị định thứ tư điều thứ ba thì Hội Thánh phải dưới quyền chủ trương của Thái Chánh phối sư và trách nhiệm là lo về sự phổ độ việc hành đạo tha phương, về tài liệu của đạo, lương hưởng cho chức sắc Thiên phong, về tài chánh và nền chánh trị của đạo.

Hội Thánh phải tìm phương hay đặng tu bổ và nâng nền lý tài của đạo, phải tìm phương sanh lợi cho đạo, tóm lại phải lo cho sự sinh hoạt của toàn đạo đặng vững chắc về mặt tài chánh tức là lo cho sự sinh hoạt của toàn đạo về mặt phổ độ cũng đặng mạnh mẽ. Hội Thánh đã có phương sanh lợi nghĩa là có bên thâu thì bên xuất cũng liệu phương giúp ích cho đạo, phải chăm lo quan sát không cho xa xỉ của đạo và phải giúp cho toàn đạo hưởng đặng các cơ sở của đạo về phần hữu hình.

2- Thâu nạp các của cải tài chánh làm một bồn nguyên về của đạo cả thủy.

**Chú giải :** Của cải, tài chánh của đạo như đất, ruộng, nhà, ghe, xe trâu bò ngựa .v...v.. đều phải đem vô bộ sổ rành rẽ, thâu làm một bồn nguyên của đạo. Các tàn sản ấy phải dưới quyền của ban Ủy viên thường vụ. Ban cai quản này phải biết phương dụng các của ấy tức là sanh lợi cho chúng sanh nhờ, chớ không nên thâu mà làm tiêu lụn của đạo. Phải nạp tờ phúc mỗi tháng, ba tháng và mỗi năm.

3- Chính đốn tu bổ các nhà cửa trong Thánh địa, cất Toà Thánh, lo cho Tiểu Thánh Thất các nơi phải y một kiểu.

4- Nền lý tài lập tư bản, phát lương hưởng cho các Chức sắc Thiên phong nam nữ.

Chú giải : Mỗi việc chỉ có thu xuất thì phải cử một ban Ủy viên lo lắng và quan sát sổ sách và nạp tờ phúc mỗi tháng, ba tháng và mỗi năm.

5- Liệu thế giúp sức cho Hội Thánh ngoại giao truyền bá Chơn đạo ra ngoại quốc.

Chú giải : Việc phổ độ tha phương chẳng phải nội vùng Đông

Pháp này là đủ mà là cả toàn cầu, đâu đâu Hội Thánh cũng phải đến gieo truyền mồi Đạo Trời, chủ nghĩa tối cao của Đại Đạo, chẳng những là hiệp ngũ chi, qui Tam giáo mà thôi mà phải làm thế nào cho dầu các bậc Đế Vương ngoài thế cũng phải bái phục, phải tùng đạo, phải đồ theo cả cơ thể của đạo, phải nhờ đạo mới mong trị thiên hạ đặng. Vậy mới gọi là Hiệp nhất, vậy mới kêu là Đại Đạo. Thánh ngôn của đức Lý Giáo Tông ngày 29-12-1932 lại nói rõ như vậy : “ Thiên ý đã định vậy, bất kỳ nơi nào hễ có dấu chân người Việt Nam đến thì đạo mới thành được”. Trong buổi Hội Thánh đang lo sắp đặt nội dung của Đạo thì Hội Thánh Ngoại giao đã khởi lập, hầu phổ hoá các sắc dân khác. Trên nhờ các đấng Thiêng Liêng chỉ giáo như đức Nguyệt Tâm chơn nhơn, Bát Nương và Lục Nương Diêu Trì Cung, dưới nhờ Chức sắc Hội Thánh ngoại giao hết lòng tuân y mạng lệnh, cho nên khắp toàn cầu đều nghe danh thể Đại Đạo Tam Kỳ. Hiện nay, ở kinh đô nước Pháp là Paris đã có người Pháp thọ Thiên sắc đặng lo phổ độ người Pháp và lập thành Thánh Thất. Rồi đây, Hội Thánh Ngoại giao phải liệu phương phổ độ lần qua các nước khác nữa.

#### **6- Cát học đường.**

7- Sắp đặt việc ăn ở và làm việc tại Thánh địa, việc ăn uống của phái nam và pháp nữ.p> 8- Không cho ở trong Thánh địa mà không có phận sự và không có giấy phép của Giáo Tông hay là người thay mặt cho ngài.

9- Không cho ở trong làng Đạo mà không có giấy phép của Giáo Tông hay là người thay mặt cho ngài.

10 - Không cho cất nhà cửa hay lập cái chi mà không có giấy phép của Giáo Tông hay là người thay cho ngài.

11- Rào ranh Thánh địa.

12- Cát giếng nước. Sắp đặt sở trực trực.

13- Công quả về việc moi sạn.

14- Lò gạch.

15- Cát nhà cho Thiên phng, Chức sắc.

#### **PHÁI THƯỢNG**

1- Xem xét Thánh ngôn những điều cần ích của Đại Từ Phụ và đức Lý Giáo Tông đã dạy từ thử mà chưa thi hành. Nếu như có những điều trọng hệ cần ích phải thi thố tức cấp thì Hiệp Thiên Đài làm tờ phúc đem ra ba hội đặng lập luận ban hành liền.

**Chú giải :** Phải cử một ban kiểm duyệt Thánh ngôn. Ban kiểm duyệt này sẽ dưới quyền chủ trưởng của một vị Chưởng pháp. Còn về thể lệ chấp cơ và ban hành Thánh ngôn thì sẽ thi hành y theo Châu Tri số 42 ngày 1-2-1931 của ông Cựu Chánh Phối sư Thượng Tướng Thanh nói về chương trình hành đạo của Hiệp Thiên Đài.

2- Bỏ bớt các Thánh Thất không hữu dụng và không có phép của Chánh phủ để làm nơi phước thiện hay là nơi tiểu tổ giúp lương.

3- Lo cho Tiểu Thánh Thất các nơi, cúng kiến y một kiểu và luật lệ cũng vậy.

**Chú giải :** Lễ nghi đã có phái Ngọc lập cho thì cứ do theo luật lệ ấy mà buộc các nơi hành lễ một kiểu.

4- Định trách nhiệm đặc biệt của Toà Thánh, các Thánh Thất và Hội Thánh Ngoại giao về việc tùng quyền hành đạo.

**Chú giải :** Toà Thánh thì có nội luật riêng. Còn các Thánh Thất thì phải tức tốc lập Nội luật phân quyền cho rành rứt là về quyền đặc biệt của ban Cai quản Chủ Thánh Thất và Đầu Họ đạo. Trước khi cho cất Thánh Thất phải quan sát buộc làm giấy tờ rành rẽ, hỏi làm thế nào có tiền cất ? rồi ai ở ? Chức sắc nào chịu ở ? Về sinh hoạt thế nào ? v..v... Đạo Nghị định thứ tư, điều thứ 7 có định để y như trước.

5-

- a) Lập báo chương đặng truyền bá tư tưởng đạo, lập Tầng thư viện.

- b) Lập ban kiểm duyệt kinh sách đạo, không có Chưởng pháp phê chuẩn.

- c) Cử ban Ủy viên cai quản nhà in.

6- Liệu phương giao thiệp cùng các Tôn giáo và các chi phái

ngịch đạo, điều hoà cho khỏi chình nghiêng nền đạo.

7- Giao thông cùng Chánh phủ, minh tỏ những điều chơn thật của Đạo.

8- Lập trách nhiệm cho ty giáo huấn, đầu đạo giáo hay là thế giáo cũng vậy.

9- Nuôi dưỡng học sinh.

10- Lập các sở vệ sinh.

11- Lập Nội luật Hội Nhơn Sanh.

**Chú giải :** Chiếu theo đạo nghị định thứ tư, điều 4 thì Hội Nhơn Sanh ở dưới quyền chủ trưởng của Thượng Chánh Phối sư và trách nhiệm là lo về phần giáo dục nhơn sanh tức là đời. Có đời mới có đạo mà có đạo mới nên đời thì phải liệu phương điều đình cho đời phải từng đạo, điu dắt cho đời thấy cả cơ thể tối cao tối trọng của đạo và biết giá trị của mình mà cầm quyền vận linh cho chắc. Phải nâng đỡ tri thức tinh thần của nhơn sanh lên cao đặng hiểu cho toàn chơn lý hầu đủ phương kiểm chế sự hành động của Hội Thánh. Lập thế điều độ chúng sanh vào cửa đạo và học phương kèm chế cho tìn đồ để bước trên đường đạo và tuân y được các luật đạo. Lại nữa, đời có chính trị của đời thì cũng phải xây chuyển cơ đời cho hiệp cùng chơn tướng của Đạo.

12- Khai phá Thánh địa.

## PHÁI NGỌC

1- Xin Quyền Giáo Tông giao các việc hành chánh từ thử đặng quan sát lại, nhất là luật lệnh của ngài ra mà chưa thi hành.

2- Chiếu theo các Đạo Nghị định, mời Chức sắc Thiên phong C.T.Đ và H.T.Đ phế đời hành đạo.

**Chú giải :** Vì chư chức sắc hiến thân trọn vẹn cho đạo sẽ được lương hưởng y theo Đạo Nghị định thứ tư của đức Lý Giáo Tông cho nên phải xem xét cho kỹ vị nào hữu dụng cho đạo mới về, nhưng nếu đã được lệnh mời về thì buộc phải lo phế đời hành đạo, bằng không làm thì không kể vào Hội Thánh, không được

dự vào chính trị của Đạo, y theo Đạo Nghị định thứ năm của đức Lý Giáo Tông. Mà hễ phế đời hành đạo rồi thì Hội Thánh phải châu cấp thế nhi. Số tiền châu cấp phải tùy theo bậc phẩm và nhất là phải tùy theo số vợ con.

3- Trừ bỏ những chức sắc tạm phong của Cửu Trùng Đài đã thuyên bố hành chánh các nơi.

**Chú giải :** Theo Tân luật, điều thứ ba thì phải chịu công cử như Giáo hữu muốn Giáo sư thì nhờ 3000 vị xúm nhau công cử. Nhưng hiện thời số chức sắc chưa đủ thì phải cầu phong cách này : đầu trong hàng chức sắc hay trong hàng tìn đồ cũng phải xem xét lại công cán và hạnh đức đem vào một bộ sổ cầu phong. Sổ ấy phải trình cho ba hội lựa và định bậc phẩm. Có ba hội chịu rồi thì Giáo Tông và Hộ Pháp mới ra đạo Nghị định phong chức. Ngoài ra, theo luật đạo thì chức sắc phải lựa theo đẳng cấp mới được, như Lễ sanh phải lựa trong hàng Chánh Trị sự .

4- Bỏ các ban Trị sự thế quyền chức sắc Thiên phong đặng cầm quyền đạo các nơi.

5- Định mỗi năm cả Chức sắc Thiên phong phải về Toà Thánh mấy lần cho bớt việc tổn phí.

**Chú giải :** Mỗi năm, Chức sắc Thiên phong phải về Toà Thánh hai lần là ngày Đại lễ Đức Chí Tôn và ngày Khai đạo là ngày Rằm tháng 10. muốn cho bớt việc tổn phí nữa cho nên sẽ định lại ngày đại hội của Hội Thánh và Hội Nhơn Sanh cho trùng với hai ngày trên đây.

6- Trừ bỏ những điều Chức sắc Thiên phong Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài đã thật hành ra mặt thế mà trái pháp luật.

7- Canh cải những sự hành động của C.T.Đ không phù hợp với Pháp Chánh Truyền và Tân luật.

8- Định trách nhiệm đặc biệt của C.T.Đ và H.T.Đ.

9- Định trách nhiệm đặc biệt của mỗi chức sắc C.T.Đ nam và nữ.

**Chú giải :** Việc hành chánh của Chức sắc các nơi phải lập

thành một luật. Trách nhiệm của các Hội Thánh ngoại giao cũng vậy. Luôn đây xin giải nghĩa sơ bốn chữ Hội Thánh Ngoại Giao. Phải đọc Hội Thánh Ngoại giao chứ không phải là ngoại giáo. Hội Thánh Ngoại giao là một cái hội của chư Thánh để giáo đạo ở ngoại quốc. Bậc phẩm và trách nhiệm tuy phải tuân theo luật Đại-Đạo Tam-Kỳ-Phổ-Độ, hành chánh tuy hiện thời phải tùng quyền của Quyền Thái-Đầu-sư, nhưng cũng có phần đặc biệt là phải tùy theo tánh cách của người bốn xứ, tài liệu và vật liệu của người bốn xứ v.v...

10-Chỉnh đốn các thức lễ cúng kiến.

Chú giải: Ngoài các thức lễ chỉnh đốn hành lễ phải cho y một kiểu mẫu, phải định thêm lễ nghi về quan hôn tang tế buộc các nơi phải tùng theo một luật lệ. Pháp giải oan, pháp Tắm thánh, v.v... cũng vậy. Về nhạc cũng phải chỉnh đốn nhất là giọng đọc kinh của đồng nhi, phải phân biệt ba giọng ai, giọng xuân và đảo ngũ cung. Nơi đọc kinh có ảnh hưởng nhiều về sự hòa bình êm tịnh và phát thanh của Thánh Thất sở tại. Cứ tụng một hơi ai oán thì không khác nào cầu sự khô não cho Thánh Thất mình. Đạo phục cũng phải y theo Pháp Chánh truyền. Đáng lẽ Toà Thánh hay là các Thánh Thất phải may đạo phục mà ban cho chức-sắc khi thiết lễ ban quyền. Hàng tín đồ không có đạo phục đặc biệt thì không được bận áo rộng tới bàn cúng. Khi hành lễ phải tuân theo đẳng cấp mà quy người trước người sau y theo Pháp-Chánh-Truyền.

11-Thảo Xá Hiền Cung.

Chú giải: Thảo Xá trước đã có lệnh dạy làm trường qui thiện cho phái nữ thì nay cũng sắp đặt đẳng có chỗ cho các đạo cô ở mà tu hành. Việc này sẽ bàn tính với bà Chánh Phối sư nữ phái và phải lập ban Cai Quản nữ phái dưới quyền kiểm soát của Toà Thánh.

12-Lập Nội luật Toà Thánh và Thánh địa.

Chú giải : Chẳng phải nội đền thờ đức Chí Tôn chư Thần Thánh Tiên Phật mà kêu là Toà Thánh. Cả khuôn viên của Toà Thánh là gồm hết Thánh địa, gồm cả thành đạo mà người làm chủ là

Giáo Tông hay là người thay mặt cho ngài. Nội luật của Toà Thánh phải cần có đẳng thi hành lập tức.

13- Kiểm soát các người giúp việc riêng cho các chức sắc tại Toà Thánh. Thuyên bổ người tuần phòng Thánh địa Toà Thánh và người giúp việc tại tư gia của chức sắc trong Thánh địa.

14- Kiểm soát các án tiết của Toà Tam giáo đăng xin đại ân xá.

15- Hội cả ba hội đăng cầu phong thêm chức sắc và thăng thưởng các chức sắc có công lao. Cầu phong cho cả Đầu sư nữ phái.

## THÁNH NGÔN

Thảo Xá Hiền Cung ngày 23 Décembre 1931

Phò loan : Hộ Pháp, Văn Pháp

Hầu đàn : Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt

Quyền Đầu Sư Thái Thơ Thanh

Quyền Đầu Sư Thượng Tương Thanh và mấy vị

Chức sắc Thiên phong có mặt tại Thảo Xá ngày ấy.

THẦY các con,

Thầy lấy làm vui đặng gặp các con đủ mặt ngày nay mà hầu Thầy.

Các con nghe lời Thầy dặn cần yếu này là phận các con cho vẹn vế cùng Thái Bạch. Các con phải nhớ rằng toàn thể giải Càn Khôn chính có hai quyền : trên là quyền hành Chí Tôn của Thầy , dưới là quyền hành của sanh chúng, Thầy đã lập hình thể hữu vi của Thầy nghĩa là Hội Thánh của Đại Đạo ngày nay rồi thì Thầy cũng phải ban quyền hành trọn vẹn của Thầy cho hình thể ấy đặng đủ phương độ tận chúng sanh. Còn các con cả thầy đều đứng vào hành sanh chúng dưới quyền hành chuyển thế của đời nghĩa là toàn nhân loại đồng quyền cùng Thầy, mà tạo hoá vạn linh vốn là con cái của Thầy. Vậy thì Vạn linh cũng có thưở đoạt vị vào hàng Thần Thánh Tiên Phật đặng.

Trong quyền hành ấy có nhiều đẳng cấp nên khởi phải chịu phẩm người, ấy vậy người là chủ quyền của vạn linh. Thầy nói rõ : quyền Chí Tôn là Thầy, quyền Vạn linh là sanh chúng,

ngày nào quyền lực Chí Tôn đặng hiệp một cùng Vạn linh thì đạo mới rõ thiết tướng. Thầy đã ban quyền hành Chí Tôn của Thầy cho hai đứa làm đầu Hội Thánh là Giáo Tông cùng Hộ Pháp. Vậy thì quyền hành Chí Tôn của Thầy đặng trọn vẹn khi Giáo Tông cùng Hộ Pháp hiệp một. Còn cả nhơn loại thì là quyền lực vạn linh. Quyền Chí Tôn của Thầy duy có quyền vạn linh đối phó mà thôi.

Thái Bạch hằng dạy các con rằng mọi điều chi nó đã hiệp đồng cùng Hộ Pháp mà ban hành thì các con lại khi lịnh xem ra rẻ rúng. Vậy thì từ đây hễ có mệnh lệnh chi đã đủ hai đứa nó hạ truyền thì các con phải hội đủ Nhơn sanh, Hội Thánh và Thượng Hội mà xét nét cho cặn kẽ phân minh đặng thi hành phận sự. Thái Bạch đã hứa cùng Thầy rằng qua ngày Tam giáo nữ phái rồi thì nó sẽ phong Thánh thêm nữa, các con rấn mà chiu theo lòng nó nghe !

Thầy ban ơn cho các con .  
Thăng.

Sao y bản chánh  
Hiệp Thiên Đài  
Tiếp Thế  
Lê Thế Vĩnh

## PHỤ CHÚ 9

### Bài diễn văn của Đức Q.Giáo Tông

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ  
(Đệ cửu niên)  
TOÀ THÁNH TÂY NINH  
\*\*\*\*\*

BÀI DIỄN VĂN  
của ĐỨC QUYỀN GIÁO TÔNG

Đọc tại Toà Thánh ngày mồng 8 tháng Tư năm Giáp Tuất (1934).

VÍA ĐỨC PHẬT THÍCH CA  
Về: Phương diện Chánh Thể Của Đạo.  
\*\*\*\*\*

Chư Đạo Hữu cùng Chư Đạo Muội,

Buổi chênh nghiêng Đạo đã hầu qua, tâm lý toàn con cái của Đại Từ Phụ dường như đặng chứng chàng an tịnh đủ để trọn trí thức tinh thần suy ngẫm, nên Tệ Huynh ngày nay toại chí lượm lặt những lời châu ngọc của Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng thuyết giáo đặng chỉ rõ Thánh ý nơi nào để cho Đạo chịu khổ đảo chừng ấy. Cái hữu ích của sự khổ đảo sẽ tỏ tường nơi bài thuyết pháp này, xin chư Hiền Hữu, chư Hiền Muội cố tâm kiếm hiểu.

Các Tôn giáo đã lập thành tại thế ngày nay đã đạt đặng một cái quyền hành hữu vi kiên cố, thì trước kia cũng phải chịu khổ hạnh nương lấy một quyền hành bạc nhược yếu ớt của tâm lý mà thôi.

Ôi ! Quyền hành tâm lý buổi nào thì cũng gặp sẵn một tay thù địch mạnh mẽ, cương thịnh, oai nghiêm là quyền đời hiện hữu ; sự xung đột của quyền đời và quyền Đạo từ cổ chí kim tự nhiên đều có, chúng ta đã chán biết rằng những quyền lực bành thế đều nương theo tinh thần mà sản xuất; trứng tinh thần nảy nở sanh quyền lực, vì cơ cho nên các quyền hành đã có đủ thế lực mạnh mẽ nắm thế trị vào tay, hễ vừa thấy tri thức tinh thần của nhơn sanh ướm mồi sản xuất một cái trứng quyền hành chi khác nữa, thì đã sợ lưu hại cho mình nên toan phương đạp đố. Cuộc kết quả sự phản kháng ấy, hoặc thành hoặc bại, óc ảnh hưởng của tương lai sinh hoạt quyền lực đương nhiên của họ, vì cơ mà sự xung đột hàng xem dữ dội.

Ấy là phương khảo thí tài lực của tri thức tinh thần hầu làm cho tri thức tinh thần sanh điều hay, bày điều dở; hay thì chánh, dở thì tà, chánh thì còn, tà thì dứt. Ấy vậy dầu cho sự xung đột của quyền Đạo với quyền Đời thoảng đã làm cho lao tâm tiêu tứ của những trang chấp Đạo quyền đi nữa, phương chước tô điểm

vẽ vời cho lịch xinh mặt Đạo. Phận sự bảo trọng lấy mình là dễ, còn phận sự bảo Đạo vốn khó vô cùng : đáng lẽ những khuyến khích cho Tệ Huynh bảo trọng lấy mình nên gọi là người ơn, còn những kẻ khuyên lớn bảo tồn nền Đạo nên cho ta kẻ nghịch mới phải. Tệ Huynh tưởng khi chẳng cần nói thì chư Hiền Hữu, chư Hiền Muội cũng đoán biết rằng chẳng lẽ Chí Tôn chọn lựa Tệ Huynh giao cầm giềng mối Đạo đặng bảo trọng lấy Tệ Huynh mà thôi, trái ngược thì lại phủ rằng : phải huỷ mình đặng bảo tồn sanh chúng. Chẳng lẽ chúng ta đành cho rằng trọng mình hơn trọng Đạo là chơn lý?

Ồi ! biết bao phen đêm khuya canh vắng Tệ Huynh nằm gác tay lên trán trầm hỏi lấy mình :

Một mảnh thân phàm này, còu thân bạc nhược này, yếu ớt hèn mọn này, có đủ tài đức chi mà Đại Từ Phụ lại tin giao một cái giang san sự nghiệp của toàn nhơn loại hoàn cầu đặng cho gánh vác ?

Càng nghĩ, càng lo, lo rồi lại sợ, sợ không kham trách nhiệm mạng linh trời; càng suy, càng tủi, tủi rồi lại khóc, khóc sợ không phương nâng đỡ nổi chơn truyền.

Đại Từ Phụ lại qui tụ con cái của Ngài gần trên một triệu sanh linh biểu bảo hộ nung niu dạy dỗ.

Anh thì nghèo, em thì khó, gia nghiệp không mà quyền thế cũng không, bị cưỡng bức ép để mang khổ hạnh.

Đã chín năm Tệ Huynh thấy ngờ ngờ trước mắt, nhiều thảm trạng khó khăn, tình những tiếng khóc than chẳng dứt : kẻ thì đói, người thì đau. Chức sắc thì hèn, Tín đồ thì dở, nỗi thương tâm chất chứa đầy lòng, giọt huyết lệ toàn đêm chẳng ngừng.

An đâu đặng mà tịnh, vui đâu đặng mà nhàn, chúng sanh thì khóc, Hội Thánh thì than mà chẳng thấy một ai lo trọn Đạo. Tệ Huynh xem lại những tay yếu trọng chấp chánh Đạo quyền thay vì chia đau sốt thảm, lo giải khổ cho chúng sanh, lại cố ý giựt giành quyền thế. Nhiều vị lại muốn cho Tệ Huynh ngồi đó điềm nhiên, những thảm khổ ngơ tai, bịt mắt lại buộc Tệ Huynh phải an tịnh đặng đắc Đạo thành Tiên đầu mối Đạo

chênh nghiêng đừng ngó đến.

Cái sở vọng của các người ấy, Tệ Huynh để cho chư hiền hữu, chư hiền muội kiếm hiểu coi bộ để tại nơi nào không cần can tỏ.

Vi Tệ Huynh biết đặng cái bí mật huyền vi ấy, nên không khờng nghe lời mới nảy sinh ra trường ác cảm.

Nào là lưỡng gạt nhơn sanh, nào là tranh giành quyền tước gieo nhục-nhã khắp nơi, lấy quyền đời chế Đạo. Một trường ngôn luận xáo ngược, đối-gian truyền cùng làng, khắp xóm, nhưng sự kết cuộc cũng không hại chi cho danh thể của Tệ Huynh, duy làm cho thiên hạ che khinh Chánh Giáo. Chẳng biết lương tâm của những kẻ phá Đạo ngày nay nó phải thế nào, lẽ tà chánh trọng khinh sao chẳng rõ.

Tệ Huynh ngồi nhớ lại đã cách mười năm nghĩa là ba tuần năm Sửu, Tệ Huynh còn làm Thượng Nghị Viện vào lâu ra các, trong thì bạn, ngoài thì quan, nẻo hoạn-lộ hèn sang, (?) , lẽ nhục vinh đã ngán với tuồng đời, mùi cay đắng đã từng quen với mặt thế, nào là mây trung, nào là mặt nịnh, đã trông nom mỗi mắt mòn hơi, nên mới biết (?)chê đời mền Đạo.

Nay lục tuần hầu đến, lẽ nên hư quyền-hiến dưng đã thừa: có chi hay phòng mền phòng ưa, có cho trọng phòng yêu phòng chuộng. Tệ Huynh hằng hỏi lấy mình, cái ngày của Đại Từ Phụ sai Hộ Pháp và Thượng Phẩm đem lệnh vào nhà mà dạy một đứa tội tình này phải dưng trọn xác hồn cho Ngài làm lợi khí mở chơn truyền, nên gọi lương y hữu duyên hay là ngày trả nợ? Nếu phải trả nợ thì Thầy lẽ nào đành giao một cái gia nghiệp vĩ đại của Nhơn sanh cho kẻ tham lam bạo ngược, còn như gọi rằng duyên thì chắc đủ lực quyền cầm vững Đạo. Đã 9 năm xông lướt trên con đường đi than lửa, bước chông gai mà cũng có thể bảo thủ chơn truyền của Thầy hoàn hảo, thì không phải là một tay giả mạo hay là một đứa tội nhơn mà làm cho thánh chất đặng thẳng hơn phàm tánh.

Bởi biết mình, bởi biết Thầy, biết người, biết Đạo, mới yên tri tịnh tâm giữ gìn Đạo Mạch.



Tệ Huynh duy có một sở vọng là ngày nào Đạo đắc thành, (?) đời đặng thật thái bình thì thối bước lui chơn liền, đặng vui chí du sơn, ngoạn thủy, cái vui cùng tận của Tệ Huynh ở tại nơi đó mà thôi, chớ chẳng phải tại mền đời ngồi chịu khổ.

Ngày nay là ngày Vía Đức Thích Ca mà Tệ Huynh không giải thích Đức Thích Ca vì chữ Hiền Hữu lưỡng phái càng hiểu rõ tích của Ngài và chữ Hiền Hữu cũng thông suốt Phật Đạo chút ít rồi.

Tệ Huynh chỉ để thì giờ quý báu đặng nhắc cho chữ Hiền Hữu lưỡng phái nhớ một hai tôn chỉ quý trọng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đương đời, như là phương diện chánh thể của Đạo.

Tuy Tệ Huynh không giảng Phật Đạo chớ Đại Đạo ngày nay cũng là Phật Đạo vì gồm hết Tam Giáo ( Nho, Thích, Đạo ) và Thích Ca cũng là Thầy, Thầy là Thích Ca.

Tệ Huynh hằng nhắc chữ Hiền Hữu, chữ Hiền muội rằng Đạo vẫn một, mà mỗi thời kỳ khai Đạo thì phương diện khác nhau, vì Đạo khai phải phù hợp với dân tri đương thời khai Đạo.

Khi Đức Thích Ca mở Phật Đạo thì như sanh buổi ấy còn thánh đức nhiều, cả cá nhân đều ngán sự khổ não truân chuyên ở thế, nên Thiên Đình phú cho Ngài lấy tôn chỉ tiêu cực diệt tứ khổ ( sanh, lão, bệnh, tử) mà độ chúng.

Ngài cũng bị lăm điều truân chuyên khổ não, lao thân tiêu tử với đời mà chừng thành Đạo cũng bị quỷ phá một hồi dữ dội rồi mới thành Đạo.

Đức Lão Tử khai Đạo Tiên thì dùng huyền diệu pháp làm tôn chỉ cao thượng vì đương buổi ấy thì như sanh tra huyền diệu phép tắc.

Ngài cũng bị như sanh cho là Lão già mê hoặc chúng Đệ tử của Ngài cũng lần lần xa Ngài cho đến đôi khi Ngài đi ngang qua Hàm Cốc Quan vô nha môn Doãn Hỉ đặng độ ông này là chơn linh Ngươn Thế thì Từ Giáp là học trò hầu cận Ngài vì mê sắc mà sa ngã rồi cũng xa Ngài.

Mà Đạo Tiên cũng thành tựu và cũng truyền bá tứ phương vậy. Khổng Phu Tử thọ lệnh Thiên Đình xuống khai Đạo Nho đặng

sửa như luân trong buổi Châu mạt, vì trong buổi ấy cang thường luân lý suy đồi nên như sanh thấy cái Đạo như luân của Ngài hay, sửa đời đặng thì khâm phục.

Ngài cũng làm công nhọc nhằn với đời, qua Tề bị Yến Anh, qua Yên bị phế, qua Triệu bị đuổi, kẻ bắt người buộc ăn vác nằm sương nhọc nhằn biết mấy. Đến nỗi nhà Tần tàn bạo không xiết kể, phân thì (?) khanh nho ( đốt sách, chôn học trò) mà Đạo Nho cũng loan truyền khắp hoàn cầu.

551 năm sau Khổng Phu Tử mới khai Đạo bên Thái Tây nên Thầy cho Đức Chúa Jésus Christ giảng sanh khai Đạo Thánh cho phù hợp với dân tri Âu Châu.

Đức Jésus cũng bị cường quyền Israel áp bức cho đến đôi hồi ban sơ thì có 12 vị Thánh Tông Đồ theo Ngài mà sau còn có một vị Thánh Pierre mà thôi. Nhưng người cũng phải chối Chúa ba phen đặng tránh cường quyền bắt buộc.

Chừng Đạo thành thì có Du Già bắt Ngài mà nạp cho Chánh Phủ hành hình, đóng đinh trên cây Thánh giá. Hành xác Ngài gồm ghiết như thế đặng cho Như sanh kinh khủng bỏ Đạo, mà Đạo Thánh cũng gieo truyền khắp cả hoàn cầu.

Lúc Đạo Gia Tô truyền qua Đông Pháp thì vua Annam cũng nhật cấm, bắt mấy người theo Đạo Gia Tô qua Thập Tự, ai không bước ngang qua thì bị tử hình.

Hình phạt gồm ghê như thế mà cũng có người Chí Thánh thọ tử mà thôi, chớ không chịu chối Đạo.

Xét kỹ lại, thiệt người xưa là Thánh Đức, ít ai bì kịp cứ giữ chánh tâm làm trọng, thì chung như nhất mà thôi.

Ngảnh lại ngày nay mà ngán cho đời !

Ôi ! trong 8 năm dư chuông thánh trụ hồn. Đạo Trời đem tin cứu thế mà hễ nghe phưởng phát lời đồn huyền hoặc chi của người toan phá Đạo thì mau mau cuốn Thánh tượng, dẹp Thiên bàn, lòng toan chối Đạo.

Biết bao nhiêu người nịnh quyền hiếp thế, xu phụ theo nịnh tà mong toan phá Đạo , rước rắn rùng vô căn gà nhà , nạp Chí

Thanh vô đề lao cho phỉ lòng oán hận.

Còn một cha, gà một ổ, mà làm cho đổ luy rơi châu, gieo thảm sâu cho làm người tâm thành tri vẹn phải dừng chơn thối bước!. Qua nuôi tu hú cũng còn biết thương, người đi một đường sao nữ hại nhau như thế?!?

Ai toan búng gốc phá chồi của nền Đạo thì để cho Thiêng Liêng quyết đoán, mình cứ nắm giữ luật lệ của Thầy và Đức Lý Giáo Tông đã thành lập từ buổi ban sơ thì thành Đạo và luật lệ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thể Thiên hành hóa là món binh khí diệt tà quyền

Đời có thanh có suy

Đạo động tịnh chuyển xây

Lửa thử vàng, gian nan thử Đạo.

Trong 8 năm qua rồi biết nao phen vệt mây ngút thấy trời xanh mà cũng lấm lức xem đất bằng sóng dậy.

Thầy đã nói tiên tri : chi chi qua Quý Dậu cũng phải cho thành Đạo mà trước khi Đạo thành thì Tam Thập Lục Động Quỷ về phá Toà Thánh dữ dội lắm mà trừ an nội loạn rồi mới thành Thiên cơ.

Ngày nay bão tố dữ dội đã qua rồi, Tệ Huynh nhận thấy mấy em đã bao phen khảo đảo thám khổ vô cùng mà mấy em cũng ngồi vững vãng trong thuyền Bát Nhã của Thầy độ rước, Tệ Huynh hết sức vui mừng nên nguyện rằng sẽ đem hết dạ yêu thương mà dìu dắt mấy em về cùng Thầy cho đến chốn.

Các Đấng Thiêng Liêng cũng có nói trước : “ Rồi đây nguyên nhân sẽ đến rần rần có lấm anh hào thành tâm giúp Đạo”.

Cơ trời mầu nhiệm cao sâu, người đâu thấy dựng.

Từ ngày ác khí nổi lên xung đột, bên bạo tàn trướng nanh múa vút thì bên Thánh Đức hiển lương có lấm anh hào đem hết tri thức tinh thần ra công giúp Đạo.

Tạo hoá vẫn xây chuyển thế,

Âm dương thiết khéo đầu cơ.

Khiến cho Tệ Huynh nhớ lời tiên tri của Bát Nương Diêu Trì

Cung hồi ban sơ có dặn :

“Hễ gặp người an bang tế thế,

“Nên quì mà nghênh, lấy lễ trọng người.

“ Cởi thân ra mảnh áo tôi,

“ Che mưa đỡ nắng cho đời nguy nan”

Tôn chỉ cao thượng của Đại Đạo Tam Kỳ là lập công quả cùng Thầy, lo độ rỗi nguyên nhân, truyền bá chơn đạo cho đời biết chữ nhân là quý, đức là trọng, đừng hết tranh tranh đấu đấu, lập quyền lấn thế nhau, bóng sáng nhau hai sanh chúng nguy nan đời đời kiếp kiếp.

Từ hai mươi năm nay, xem trong toàn cầu thiệt đâu đâu cũng là một cảnh sầu không toả ra cho cùng tận được biết bao người bị lượn sóng vô tình vật chất chụp đè trên biển khổ , ham hố sung sướng cho mảnh thi hài, bo bo vừa lòng tình dục. Ít ai ngó xuống thương đồng loại cực khổ biết bao ! kể không xiết số người thất nghiệp truân chuyên , cơm tẻ ngày hai không có mảnh tươi che cất chẳng lành. Tôi phẫn Chúa, người phá Đạo, trò nghịch Thầy, cha lìa con, vợ xa chồng, huynh đệ bất hoà, bằng hữu tranh nhau cũng vì mối nợ luân suy bại : chẳng còn thấy Chúa Thánh tôi hiền, phu tử tử hiếu, tông chỉ gặp tháng Thuần ngày Nghiêu nhà nhà lạc nghiệp thái bình âu ca.

Đấng hoá công là Đại Từ Phụ chung của cả nhơn sanh trông thấy hoàn cảnh như vậy cũng đổ luy rơi châu với bầy con đại biết bao thương xót lũ con hoang ra đường gây tội lỗi ; trong mấy muôn năm phải bị luân hồi trả vay mãi mãi như chóng vằn xây. Từ việc rất lớn lao tới việc tế vi mả mún, thanh suy bỉ thối cũng phải chuyển vần y như luật Trời đã định.

Đạo Trời đem tin cứu thế , thức tỉnh nhơn sanh phải tu tâm dưỡng tánh, theo lành lánh dữ cho khỏi nạn luân hồi vay trả, hàng ngày phải nhớ câu “Oan Gia Nghi Giải Bất Nghi Kiệt”.

Người phải thương nhau như con một cha, cả hoàn cầu là đại Chánh chung của nhơn loại, không hại lẫn nhau, lấy lễ phép mà giao thiệp, lấy công bình mà đối đãi cùng nhau.

Lo cho Đạo Hữu trong nền Đạo có cơ sở làm ăn, biết làm lành

là quý.

QUE L'HUMANITÉ SOIT UNE COMME RACE. UNE  
COMME RELIGION. UNE COMME PENSÉE.

Ấy là cuộc sửa đời lập Tân Thế Giới ( Ere Nouvelle) của Đại  
Tứ Phụ đã tuyên ngôn từ buổi khai Đạo.

## PHỤ CHÚ 10

THƯ CỦA ÔNG ERNEST OUTREY  
GỬI CHO ĐỨC QUYỀN GIÁO TÔNG

Paris, ngày 2 Février 1933

Kính thưa ông,

Sở dĩ tôi chậm hồi âm cho ông rõ : là vì bấy lâu tôi chưa quyết  
đoán mục đích của đạo CAO ĐÀI, nếu hứa ngay theo lời ông  
xin , tôi sợ e làm cho Đạo phát triển rồi có thể nguy khốn cho  
tới xứ Nam Kỳ.

Nay tôi công nhận rõ rệt Đạo Cao Đài không có điều chi như  
lời người ta phao vu, nên tôi viết thư trả lời cho ông. Như vì  
Đạo Cao Đài có cái mục đích chánh đáng như thế, tôi mới dám  
hứa chắc với các Đạo hữu của ông, tôi sẽ tận tâm xin cho Đạo  
Cao Đài được nhiều tự do, mà nước Đại Pháp đã mấy phen ban  
bố cho các tôn giáo.

Song le, ông để cho tôi khuyên các bốn đạo Cao Đài nên dùng  
cái thế lực của mình mà tuyên truyền một cách chơn thật, cái  
chánh sách Pháp -Việt đề huê, vì theo lời ông nói. Tôn chỉ của  
Cao Đài giáo là mưu cuộc hoà bình thế giới cho các dân tộc,  
nếu quả thật như vậy, thì ai là người biết điều mà còn dám  
đứng lên phản đối một cái lý thuyết tối cao như thế.

Này ông bạn, vả lại ông tin cậy vào tôi, ông đã phân trần với  
tôi mọi lẽ, vậy tôi xin ông nếu có hoàn cảnh thì cứ tuyên bố  
ngay rằng : cuộc giao hảo của hai nước Pháp Việt là điều cần  
thiết. Theo tôi thiết tưởng, điều đó là một phương pháp có thể  
đánh đổ các điều nghi kỵ, người ta vẫn còn đối với Đạo Cao

Đài là một tôn giáo mà ông đương tô điểm một cách nhiệt  
thành. Tôi suy xét biết ông là một bậc thượng trí, đủ công tâm  
chánh trực nên viết cho ông bức thư này gọi là đáp tấm lòng tín  
nhiệm của ông đối với tôi.

ERBEST OUTREY.

THƯ CỦA ĐỨC QUYỀN GIÁO TÔNG  
GỬI CHO ÔNG ERBEST OUTREY.

Toà Thánh, ngày 20 Mars 1933

Cùng ông Nghị Outrey ,

Tôi lấy làm hân hạnh tiếp đặng thư ông, đề ngày 2 tháng 2 năm  
1933. Nay lấy thư ra xem lại thì cặp mắt chan luy, bèn thầm nói  
một mình : thật là người thật tâm thương xứ Nam Kỳ và có lòng  
yêu mến người bốn xứ.

Đã hơn 40 năm , ông nhiệt thành lo khai hoá quê hương chúng  
tôi, ông dụng phương kế mưu hạnh phúc cho dân tộc Langsa và  
Annam, cả đời của ông là để thật hành chánh sách Pháp -Việt  
đề huê. Ông đối với dân tộc Việt Nam có ban nhiều ân huệ cho  
những người theo ông, nhưng ông là bậc Chí sĩ nên chẳng lưu  
tâm đến công lao của ông đối với kẻ thọ ân ông.

Riêng về phần tôi, tôi nói thiệt, tôi chẳng có ở vào cái hạng đó  
bao giờ, nếu ông thi ân cho tôi hoặc cho thân quyến của tôi thì  
tôi trách ông liền. Tôi giúp việc nhà nước đã lâu, ra gánh vác  
nhiệm vụ Hội đồng Quản hạt và có chân trong Ban Hội Đồng  
Thượng Phẩm ở Đông Dương. Tôi đây vẫn biết rằng thì giờ của  
ông rất quý báu, nhưng tôi đến bận lòng ông về vấn đề Cao Đài  
giáo là vì tôi vâng mạng lệnh của Thượng Đế và nguyện vọng  
của hơn muôn sanh linh, nào Langsa, nào Annam, nào Cao  
Miên, nào Trung Huê cả thấy ai ai cũng công nhận Đức Cao  
Đài là một con đường duy nhất để đạt đến chánh sách Pháp  
-Việt tương kết dân tộc bác ái hầu bu lên đại đồng chủ nghĩa.  
Bên Âu Châu nhiều sách tiên tri rằng : Trên một góc Trời kia  
sẽ phát hiện ra một đại Tôn giáo bao gồm tất cả các Tôn giáo

khác, tồn tại trên quả địa cầu, cốt gây ra một thời đại mới mẽ, chúng ta cũng thấy các tiêu ngôn ấy trong kinh Phật Annam và Cao Miên.

Nước Đại Pháp được thấy trên miếng đất của mình đã ra tâm khai hoá ngót trên 60 năm trời, ngày nay phát hiện một tôn giáo tối tân như thế, thì tấm lòng rất tự toại và hân hoan dường nào? Đối với bậc vĩ nhân thì điều đó là một cái thành công, mà nước Pháp chưa hề gây sáng bao giờ, là một cái kho vàng vô tận, quý hơn ngọc ngà châu báu muôn phần.

Than ôi ! nhiều nhà thống trị chễm chệnh trên ngai cao lấy cặp mắt thị đời khinh rẻ cái thiên chức của Thượng Đế phó thác cho hai dân tộc Tây, Nam để khuyến dụ nhưn sanh.

Kinh Thánh tiên tri rằng : nước Pháp ngày sau sẽ đứng lên truyền bá sự sáng suốt và cứu khổ cho nhưn loại đương mãi miệt chìm đắm trong khoa học, mục đích để tương tàn và tương diệt với nhau mà thôi.

Vậy thì nước Pháp sở dĩ qua chinh phục Đông Dương đây là cũng bởi tại thiên định, vì Thượng Đế muốn cho nước văn minh đầu dắt các tiểu bang lên con đường tấn bộ, cho ngang hàng hầu tạo lập ra cuộc hoà bình thế giới ngày sau, nhờ chúng tôi tin tưởng Thánh giáo, tin tưởng một cách quả quyết, nên đã 8 năm nay chúng tôi đủ tinh thần chịu hết các điều hành khắc của chánh phủ, chánh phủ dụng ác tâm mà hại Đạo, nhưng chúng tôi không sờn lòng, mòn dạ, cứ một lòng một dạ, cứ một lòng hạ phục cầu xin các bậc quyền tước kiểm soát chúng tôi. Trong khi chúng tôi lấy đường Đạo mà nâng trình độ tinh thần của đồng bào chúng tôi hầu này nên một đoàn thể bác ái sau này. Chúng tôi tin chắc rằng nhờ ơn điển Thượng Đế chúng tôi sẽ đoạt mục đích một cách dễ dàng, vì dân tộc Việt Nam khao khát một chánh giáo, vừa hạ phục với hoàn cảnh sanh hoạt vừa dung hợp các Tôn giáo hiện tại.

Có nhiều lúc chúng tôi tuyên bố rằng : Chúng tôi công nhận quyền thống trị của nước Pháp và giải thuyết rằng : chỉ có đường Đạo mới có thể làm cho Pháp - Việt được thoả hiệp mà thôi. Nhưng than ôi ! Cái thuyết của chúng tôi không ăn chung gì ? nên việc tàn khốc vẫn còn tăng thêm một cách thậm tệ, thành thử những việc bất hoà mỗi ngày thêm rộng thâm sâu cho hai nước. Tuy bị phao vu, tuy bị khổ khắc, chúng tôi cũng cứ lo

hành Đạo cho đến cùng. Chúng tôi biết Ngài là người để tâm đến dân tộc Việt Nam nên mới đến công luận với Ngài, nhờ Ngài lấy tài hùng biện giữa nghị trường đặng xin cho chúng tôi được tự do tín ngưỡng mong sau này nhân loại khỏi tai hoạ lớn là nạn chiến tranh.

Cái giờ mà tôi mượn cây bút để tiếp xúc với Ngài đây là cái giờ ưu liệt mà Đạo hữu Cao Đài phải khổ tâm lặn đận với cái chánh sách tàn khốc của Chánh phủ, nhưn sanh ôm áp cái bầu nhiệt huyết đối với Thượng Đế là Đấng Chí Tôn có quyền gây dựng ra Trời đất muôn vật mà còn bị nhưn sanh ràng thúc huỷ hoại thì còn chi là Thượng Đế.

Bởi vậy, chúng tôi có cái cảm động là thương và hằng ngày trông mong đến Pháp quốc giải khổ cho thiện nhưn chúng tôi. Chúng tôi có lòng mong mỏi đến Ngài và cầu xin Ngài dùng hết nghị lực mà làm cho xứ Đông Dương phát phối ngọn cờ tự do tín ngưỡng hầu bảo tồn tập tục thiên cổ của chúng tôi. Ngài mà xin được cho chúng tôi rồi, chẳng những bên Âu Châu hoan nghinh Ngài, mà chúng tôi rất ca tụng cái công đức của Ngài.

Chúng tôi thành tâm mong mỏi đến cái thời kỳ hoàn toàn hạnh phúc, và tiện đây chúng tôi xin Ngài cho các nhà thống trị biết nếu chúng tôi mà không được tự do cúng tế, hơn muôn sanh linh đồng đứng xin, thì chúng tôi sẽ cho toàn quốc hay rằng: tuy chúng tôi không có hân hạnh tham gia trong cái hội nghị hoà bình, nhưng chúng tôi cũng hết sức mong cho thế giới đặng điều hòa và ổn thỏa.

LÊ-VĂN-TRUNG

## Tài liệu tham khảo

**\*- Arschoth PH :**

Le Caodaisme. Message d'Extrême Orient, năm thứ hai 1972, số 6, tr, 419-430.

**\*- Bǎng Thanh:**

Cǎi án Cao Đài, Saigon 1931, 43 trang.

**\*- Bernadini P. :**

Le Caodaisme au Cambodge (Luận án tiến sĩ Đại học Paris 7, 1974.

**\*- Cendrieux J. :**

Une Jérusalem nouvelle, Extrême Asie (Revue Indochinoise), số 25 (7-1928).

**\*- Đổng Tân:**

Lịch sử Đạo Cao Đài, Quyển 2, Saigon 1972.

**\*- Goubron G.:**

Histoire et Philosophie du Caodaisme, Paris Dervy 1949..

**\*- Hoài Nhân:**

Bốn mươi năm lịch sử Cao đài (1926-1966), Biên Hòa 1966.

**\*- Hội Thánh Tây Ninh:**

Contitution religieuse du Caodaisme, Paris, Dervy 1953.

Tiểu sử Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật.

**Huấn Minh:**

Thảo luận cùng nhà lý thuyết Cao Đài, Phụ Nữ Tân Văn số 205, 1933.

**Laurette Vilmont:**

Le Caodaisme, Saigon 1933.

**Lê Văn Trung:**

Caodaisme ou Boudhisme renove1, Saigon 1931, Tứ

thời nhựt tụng, Chợ Lớn 1928.

**Meillon G.:**

Le Caodaisme (In trong Les Messages Spirites), Tây Ninh 1962.

**Minh Chơn Đạo :**

Lịch sử Qiuan Phủ Ngô Văn Chiêu. Saigon 1962.

**Nguyễn Đăng Thực:**

Cao Đài giáo với ý thức hệ dân tộc, nhân sinh, 1964.

**Nguyễn Thế Anh:**

Việt Nam dưới thời đô hộ, Saigon 1970.

**Nguyễn Thế Dương:**

Trạng sư Trịnh Đình Thảo bày tỏ tôn chỉ Đạo Cao Đài, Đại Đạo Nguyệt San số 1, 1945, tr.19-26.

**Hương Hiếu:**

Đạo sử I+II, Tây Ninh 1967.

**Nguyễn Trung Hậu:**

Đại Đạo căn nguyên, Saigon 1930.

**Trần Văn Quế:**

Lý do bành trướng mau lẹ của Đạo Cao Đài, Đại Đạo Nguyệt San số 3, 1964.

**Trần Văn Rạng:**

\*- Đại Đạo Sử Cương I năm 1970, II năm 1972, III năm 1974.

\*- Cao Đài Giáo trong quốc sử, Tiểu Luận Cao học Sử, Đại học Văn Khoa Saigon, 1974.





Đầu Sư  
Thượng Trung Nhật

# **Phương Châm Hành Đạo**

**Soạn giả: Thượng Đầu Sư Lê Văn Trung**

**Giấy xuất bản**

**Số 2909 BTT/BC3/XB ngày 12-10-1964**

**Tái bản năm Canh Tuất - 1970**

## **Lời Tựa**

Thiết tưởng, Đạo nào cũng dạy lánh dữ làm lành. Chủ-nghĩa mỗi Tôn-Giáo thấy đều cao thượng; nhưng nếu người hành đạo không noi theo một phương châm nào cho chánh đáng, tức nhiên Đạo cao thượng cũng hóa ra như hèn, rồi lâu đời mỗi Chánh Truyền phải mất.

Tôi vốn không từng viết văn, lẽ không nên làm sách, song nghĩ vì trách nhiệm nặng nề, sở dĩ phải lược lược quyển sách “Phương Châm Hành Đạo” này, mong rằng chư Đạo Hữu lưỡng phái nam nữ nhứt tâm hành sự theo qui tắc chuẩn thẳng, thì rất may mắn cho nền Đạo, mà lại cũng là một điều hân hạnh cho tôi lắm đó.

Mỗi lần thuyết Đạo, chư vị Thiên Phong cũng nên đem quyển sách này ra đọc cho chư Tín Đồ nghe, rồi giải rành thêm cho mọi người dễ hiểu.

Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 29 tháng 2 năm Mậu-Thìn

**Thượng Đầu-Sư**

**LÊ VĂN TRUNG**



## I.- GIỮ ĐẠO

Kỳ Hạ Ngươn này là buổi hiệp Tam Giáo làm một, hầu đem về căn bản cho hiệp lễ tuần hườn; Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế lại dùng huyền diệu Tiên Gia giáng cơ giáo Đạo; thế thì chúng ta lấy làm hữu duyên hữu phước mới sanh nhằm đời Đạo mở; muôn năm ngàn kiếp mới có một lần như vậy; nếu chẳng thành tâm tu niệm thì rất uổng cho cơ hội này lắm đó.

Nhập môn cầu Đạo là để làm lành lánh dữ, dưỡng tánh tu tâm, lập công bồi đức, cứu độ nhơn sanh; chớ không phải vào Đạo để lấy phần đông, rồi kết phe lập đảng mà ý chúng hiệp cô cùng là xui mưu làm loạn.

Kể vào Đạo chỉ mưu việc quấy như vậy là muốn gây rối cho nền Đạo, tức là kẻ nghịch Đạo đó. Muốn giữ Đạo cho trọn bản phận, người nhập môn rồi phải do theo “Tân Luật” lại cần phải “Làm lành lánh dữ” và “Trau dồi đức hạnh”.

### 1. Làm lành lánh dữ

Có người thuở nay không làm điều chi bất nhơn thất đức, cứ một lòng ở thật ăn ngay; như vậy có đủ gọi là làm lành lánh dữ không? Không đâu. Người ấy chỉ biết có lánh dữ mà thôi, nghĩa là chỉ có biết giữ mực công bình<sup>1</sup> của nhơn loại vậy thôi, chớ chưa có chi gọi là làm lành.

Muốn trọn hai chữ làm lành, phải cứu nhơn độ thế. Kinh Phật dạy cứu nhơn độ thế mà không giải rành là sao, thành ra nhiều vị tu hành không để ý đến, chỉ biết có một phép từ bi thanh tịnh là gốc.

Sao gọi là cứu nhơn độ thế?

Cứu nhơn độ thế là cứu cấp những người đương hồi khốn cùng, hoạn nạn; ai đói mình cho ăn, ai khát mình cho uống, ai đau

*1-Mực công bình chỉ gom vô câu này: “Việc chi mình không muốn, thì mình chẳng nên làm việc ấy cho ai”. Bao giờ mình lại muốn việc dữ đến cho mình; thế thì mình chẳng nên làm dữ với ai cả. Cho nên không làm dữ là giữ mực công bình vậy thôi, chớ chưa đủ gọi là lành đặng.*

mình giúp thuốc, ai thác mình thí hòm, ai lạc nẻo mình chỉ đường, ai buồn rầu mình an ủi, ai kiện thưa tranh đấu mình kiếm chước giải hòa; bắt câu bồi lộ cho hành khách tiện bề qua lại; in thí kinh điển, thiên thơ cho mọi người coi theo hầu cải tà qui chánh, vân vân... Vậy mới gọi là cứu nhơn độ thế, song chẳng nên bắt cập mà cũng đừng cho thái quá. Bắt cập là khi nào mình giúp người không trọn, có trước không sau, làm cho người sau rồi cũng phải khốn cùng, hoạn nạn như trước vậy. Thái quá là đặng ai giúp nấy, không xét coi kẻ ấy đáng giúp hay chẳng, vì ở đời lắm người giả dối, quanh năm chỉ ỷ lại nơi người nhơn thiện mà no cơm ấm áo. Giúp đỡ cho những kẻ ấy tức là giúp cho họ dễ bề làm biếng, tiện thế ở không, tức là chướng ác cho họ vậy. Vả lại, cứu nhơn độ thế phải tùy dơn tùy sức mới đặng; giàu cứu độ theo phận giàu, nghèo cứu độ theo phận nghèo; theo lời giải trước kia, cứu nhơn độ thế có nhiều cách; có cửa thí của, không cửa thí công; của công ví đặng thiệt lòng, cân lại cũng đồng âm chất.

### 2. Trau dồi đức hạnh

Người giữ Đạo không những làm lành lánh dữ là đủ, lại còn phải trau dồi đức hạnh thì nhơn cách mới hoàn toàn.

Đức hạnh là điều cần nhất của bậc tu hành. Thành Tiên, thành Phật cũng nhờ đức hạnh, vì thuở nay chưa từng nghe có Tiên Phật nào mà không hoàn toàn đức hạnh. Thái Thượng khuyên lập đức, Khổng Thánh dạy tu thân, lập đức tu thân là căn bản của tôn giáo.

Muốn vẹn bề đức hạnh, ngoài ra đạo Tam Cang Ngũ Thường<sup>2</sup> ta lại cần phải giữ sao cho đặng khiêm nhượng, nhẫn nại, thuận hòa, kiên tâm, thanh liêm, thì mới gọi là khắc kỷ<sup>3</sup>, mới gắm ghé đặng phẩm vị Thần Tiên vậy.

---

*2-Đạo Tam Cang Ngũ Thường đã có nhiều sách giải rồi, tưởng không cần luận ra đây cho choán giấy.*

*3-Khắc kỷ là thắng mình (la maitrise de soi) là đè ép được tánh tình chẳng tốt.*

### 3- Khiêm nhượng

Sao gọi là khiêm nhượng?

Khiêm nhượng là hạ mình để nhượng người, tặng người trên mình vậy. Đấng Chí-Tôn có dạy rằng: “Hạnh khiêm nhượng là hạnh yêu dấu của Thầy ... Các con phải cho khiêm nhượng mới độ rồi thiên hạ đặng”.

Kẻ tài sơ mà biết khiêm nhượng, người bác học mới vui dạ dặt dìu; người bác học mà biết khiêm nhượng, kẻ tài sơ mới đem lòng mến phục. Nên biết rằng đầu mình tài cao trí sáng đến bậc nào đi nữa, cũng có người khá giỏi hơn mình. Vả lại, nếu đem cái sức học hữu hạn của mình mà so sánh với biển Thánh minh mông, rừng nhu thăm thẳm thì có thấm tháp vào đâu mà mong tự đắc. Vì vậy mà Thánh Hiền xưa có nói: “Học chùng nào, càng thấy mình dốt chùng nấy”.

Thánh Hiền xưa thì vậy, con người đời nay, phần nhiều hễ mở miệng ra đà khoe mình giỏi, không đợi ai khen; cái tánh tự kiêu ấy làm cho lòng dạ tối tăm, có mắt mà không biết thấy, có trí mà không biết suy, vì vậy nên hễ việc chi của mình làm, lời chi của mình thốt đều cho là phải cả, rồi hui hui tự đắc, xem người như không có; ai nói cũng không nghe; ai khuyên cũng không nạp; ai trách lại không dung.

Kẻ tự kiêu là ngu xuẩn thì không quan hệ chi, vì đã là ngu xuẩn thì không ai thêm phục; cho nên kẻ ấy không làm hại đến ai, chỉ có làm trò cho thiên hạ cười chơi vậy thôi. Đến như kẻ tự kiêu mà tài giỏi thì rất nên nguy hiểm, vì kẻ ấy đủ tài lực chuyên chế cả hạng người tinh thần yếu ớt rồi một mình làm quấy kéo cả bọn quấy theo; một mình nghị sai hại cả một đoàn sai cả. Có câu rằng: “Thiên Đạo ố dinh nhi ích khiêm”. Nghĩa là : “Đạo Trời ghét đầy mà thêm với, nghĩa là ghét kẻ tự kiêu mà giúp cho người khiêm nhượng”. Quý hóa thay hạnh khiêm nhượng! Nguy hiểm thay tánh tự kiêu!

### 4- Nhẫn nại

Đức nhẫn nại là đức nhịn nhục. Người biết nhẫn nại không đua

tranh, cãi cọ với ai, cứ giữ thái độ ôn hòa, ai nhạo báng không hờn, ai chê bai chẳng giận.

Việc chi mà hai bên phải xung đột kịch liệt nhau, nếu một đằng biết nhẫn nại thì việc cũng hóa êm, tử như hai đầu dây, một bên thẳng, một bên dòn, thì chẳng hề dây đứt. Nên biết rằng, nhẫn nại là không phải xấu, chỉ muốn xuôi mọi việc mà thôi, cho nên phương ngôn có câu: “Một câu nhịn bằng chín câu lành”.

Đức nhẫn nại rất cần ích cho mọi người, như là cho người hành Đạo, vì người hành Đạo thường hay gặp điều khó khăn gay trở, nào là kẻ nầy vắn nạn, nào là người kia công kích, nếu không nhẫn nại cho qua buổi, chi cho khỏi sanh ra lăm cuộc dở dang bất hòa, mà hễ bất hòa thì còn mong chi độ người cho được.

Thuở trước có một người trong hàng đệ tử Đức Thích Ca xin đi truyền Đạo, Đức Phật hỏi rằng: “Nếu truyền giáo người ta không nghe, còn trở lại mắng nhiếc, thì hiền đồ liệu sao?”

Thưa: “Nếu ai mắng nhiếc, thì đệ tử chắc rằng người ấy là người tốt, vì họ không đánh đập”.

Hỏi: “Nếu họ đánh thì hiền đồ liệu sao?”

Thưa: “Đệ tử cũng cho họ là lành tốt, vì họ chỉ đánh đập chớ chưa hề đâm chém”.

Hỏi: “Nếu họ đâm chém thì hiền đồ liệu sao?”

Thưa: “Đệ tử cũng cho họ là lành tốt, vì họ không đành lòng chém đệ tử đến chết”.

Hỏi: “Nếu họ chém chết mới liệu sao?”

Thưa: “Đệ tử sẽ cho họ là người ơn, vì nhờ họ đệ tử khỏi đau đớn mà thoát được cái xác thịt thúy hôi tù túng nầy”.

Ấy là một gương nhẫn nại chúng ta nên noi theo trong mấy mún để đi truyền Đạo.

### 5- Thuận hòa

Sách có câu: “Địa lợi bất như nhơn hòa”. Nghĩa là: “Đất lợi chẳng bằng người hòa”. Cho nên gia đình nào mà chẳng thuận hòa thì gia đình ấy chẳng đặng yên ổn; chồng trách vợ, vợ hờn

chồng, gia đạo không thành, rồi ra lắm điều cắn đắng.

Thân tộc nào chẳng thuận hòa, tức là thân tộc ấy phải mất niềm tương hảo, rồi đối với nhau không những là không mật thiết, mà lại còn chống trả nhau, trách thiện nhau, nghịch lẫn nhau cho tương tàn cốt nhục.

Xã hội nào mà chẳng thuận hòa tức là xã hội ấy phải đảo điên rối rắm chẳng chi là trật tự, công bình, rồi mạnh đè yếu, trí hiếp ngu, lê thứ phân vân, dân tình ly loạn.

Tôn giáo cũng như một gia đình, một thân tộc, một xã hội vậy. Tôn chỉ Đạo đâu cao thượng đến đâu đi nữa, nếu người hành Đạo không được thuận hòa, nên Đạo tức phải vì đó mà nghiêng đổ. Nền Đạo tử như nhơn thân, mỗi người hành Đạo chẳng khác nào một phần trong thân ấy. Giác quan, tạng phủ thủy đều ăn chịu nhau, nương cậy nhau cả, thì người cùng chung một Đạo cũng phải ăn chịu nhau, nương cậy nhau mới được. Xét đến lẽ ấy rồi, người đồng Đạo phải biết thương nhau, cư xử cùng nhau cho hết dạ thuận hòa, trên dạy dưới tuân lời, dưới khuyên trên vui dạ, mỗi việc chi trong Đạo đều chung trí nhau tính bàn rồi mới nên cử sự thì bề thi thố đã không sơ sót, mà tình đồng Đạo càng thêm mật thiết; như vậy mới tránh khỏi “cái hại chia phe lập đảng” mới không lỗi câu “đồng Đạo tương phân”.

Tóm lại, đã gọi là đồng Đạo, phải bỏ hết những thù hiềm ngày trước mà liên lạc nhau, ý y nhau, đồng tâm hiệp lực vụ một chữ Hòa mà lo điều công ích cho nhơn sanh, thì Thiên Đạo mới chóng hoằng khai, sanh chúng sau này mới gọi nhuần ân huệ.

## 6- Kiên tâm

Có người thuở nay thường mang tiếng “làm chi không nên việc”. Bất câu việc gì, lúc ban đầu thì hô hào sốt sắng, rồi không bao lâu lại thối chí, ngã lòng thành ra cuộc bán đồ nhi phế<sup>4</sup>: Ấy là tại không hay chịu cực và chẳng biết kiên tâm (bền lòng). Việc thế mà còn vậy, hà huống là việc tu hành khổ

---

*4-Bán đồ nhi phế là giữa đường mà bỏ, nghĩa là làm không nên việc.*

hạnh? Cho nên bực tu hành cần phải biết kiên tâm trì chí hơn người ở thế mới nên cho; khó khăn phải rán, cực khổ phải cam, thì mới mong giữ tròn bổn phận.

Nghĩ coi, muốn làm quan cần phải xôi kinh nấu sủ khuya sớm nhọc nhằn từ mười năm sắp lên mới đặng, hà huống là muốn đạt phẩm vị Thần Tiên, thì bảo sao không phải cần lao khổ hạnh? Cho nên ngạn ngữ có câu: “Chí công mài sắt chầy ngày nên kim”.

Chư Đạo hữu cần phải nhắc nhở nhau về hạnh này cho lắm.

## 7- Thanh liêm

Thánh Nhơn có câu: “Lấy của trái lẽ thì mất đức thanh liêm”. Thế thì hai chữ thanh liêm không những chỉ về quan viên mà thôi, mà lại chỉ chung về cả dân tình cùng người tu niệm nữa.

Thanh liêm là gì? Là giữ mình cho trong sạch, không tham lam của ai. Làm quan thanh liêm, trị dân mới công bình, chánh trực; rồi dân sự mới khỏi vì thế lực kim tiền mà bị kẻ vô lương đè ép. Làm dân mà đặng thanh liêm trong xứ mới khỏi lo trộm cướp. Làm Đạo mà vẹn đức thanh liêm, thì lương tâm mới khỏi cắn rứt.

Tài chánh của Đạo vốn là của chung trong bốn đạo chớ không phải riêng ai; cho nên người hành đạo chẳng phép lấy của chung mà xài riêng cho mình đặng.

Người nào lợi dụng danh Đạo mà thủ lợi; hoặc cậy quyền thế ép buộc chư Tín Đồ tốn kém vì mình, hoặc là thâu đa nạp thiếu, thì mất hẳn đức thanh liêm. Hễ mất đức thanh liêm thì bao nhiêu công lao tu niệm của mình nơi Tiên thơ thủy đều bị bôi xóa. Cử chỉ người hành đạo cần phải cho mình chánh: Như phận sự mình hay về việc lý tài, thì xuất phát đâu đó cần phải phân minh; lại cũng chẳng nên tự chuyên lấy của chung mà làm việc chi tùy ý mình; giữ đặng vậy, trên chẳng hổ với Đấng Chí Tôn cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, dưới lại đặng lòng tin cậy của chư Đạo Hữu cùng tránh khỏi những việc hiềm nghi của chư vị hảo tâm thiện tín.

## II. NGƯỜI TRONG ĐẠO PHẢI ĐỐI ĐÃI NHAU THẾ NÀO?

Ở đời, người ta cần phải giao tiếp<sup>5</sup> với nhau; đối với chư Đạo Hữu, sự giao tiếp ta lại có cái tình liên lạc chí thành, cái nghĩa tương thân chí thiết. Giao tiếp mà chi? Là để điu dắt nhau, nâng đỡ nhau trong đường Đạo và đường Đời, anh lớn chỉ biểu cho em nhỏ, người rõ đạo bày vẽ cho kẻ chưa thông; người nầy làm lỗi kẻ kia chỉ giùm; dưới vui tuân lệnh trên dạy; trên không hổ cho dưới bày; lấy lẽ hòa nhau, trên khiêm dưới kính; vui vẻ chung nhau, buồn thảm sốt nhau, giao lưng đầu cật mà bồi đắp mối Đạo Trời cho rõ là con một cha, chung thờ một chủ nghĩa.

Đấng Chí Tôn có giảng cơ dạy như vậy:

Chẳng quản đồng tông mới một nhà,  
Cùng nhau một Đạo, tức cùng Cha.  
Nghĩa nhân đàn hình gửi thân trăm tuổi,  
Dạy lẫn cho nhau đặng chữ hòa.

Trong đường giao thiệp, ta cần phải lấy hết tấm lòng bác-ái<sup>6</sup>, đem hết tất dạ chí thành<sup>7</sup>, mà đối đãi nhau, thì đạo tâm ta mới biểu lộ ra cái gương chân chánh.

Đồng Đạo mà chẳng biết thương nhau, chẳng vãng lai thù tạc nhau, cứ nhà ai nấy ở, ai khôn đại mặc ai, ai hoạn nạn thân ai, bo bo cứ giữ câu “Độc thiện kỳ thân”<sup>8</sup> thì trái hẳn với chủ nghĩa Đại Đồng<sup>9</sup> của Đạo Trời lắm đó.

---

5-Giao tiếp là lân la lai vãng cùng nhau.

6-Lòng bác ái là lòng đại từ bi thương xót sanh linh hơn thân mình.

7-Chí thành là mỗi việc đều lấy lòng thành thật mà đối đãi nhau trong đường Đạo và đường đời.

8-Độc thiện kỳ thân là lo cho một mình mình lành mà thôi.

9-Đại đồng là cả thấy nhân loại đồng một thể với nhau (Grande Unité humaine).

### 1. Tín Đồ

Đứng vào hàng Tín Đồ, cần phải kính tuân chư chức sắc Thiên Phong, vì chư Thiên Phong là người đã thọ lãnh nơi Thượng Đế một cái thiên chức đặc biệt để thông truyền chánh giáo; người vẫn có cái quyền sai khiến chư Tín Đồ về việc phải trong Đạo. Dầu bậc Thiên Phong mà tài sơ tuổi nhỏ hơn mình đi nữa, hàng Tín Đồ cũng chẳng nên hổ mình từng sự, hoặc là vượt bậc khinh khi ganh gổ, vượt bậc khinh khi ganh gổ tức là buộc vào mình cái tội vi lệnh cùng Thượng Đế vậy.

Vả lại, chức sắc Thiên Phong chỉ có cái giới hạn trong khi hành sự mà thôi, ngoài ra toàn là người đồng đạo với nhau, tức là Đạo hữu với nhau vậy.

### 2. Chức sắc

Đối với hàng Tín Đồ, chư chức sắc Thiên Phong cần phải có cái hạnh khiêm cung từ nhượng; phải dùng lời dịu ngọt mà dạy dỗ kẻ dưới quyền mình; phải lấy nét ôn hòa mình điều độ nhau; phải chỗ khiến thì khiến; không phải việc sai chớ nên sai, đừng làm điều chi quá phận sự mà ra lẽ chuyên quyền. Chẳng nên tự cao, tự phụ; mình may nhờ tiền căn cựu phẩm hoặc là công cả quả dày nên mới được chức Thiên Phong, biết đâu trong hàng Tín Đồ lại không có lắm người tài cao đức trọng hơn mình?

Chư Chức sắc và chư Tín Đồ mà đối đãi nhau cho có thái độ ôn hòa thảo thuận thì trên không chinh, dưới không mịch, ấy là một lễ hiến cho Đấng Chí Tôn rất long trọng đó vậy.

## III. ĐỐI VỚI NGƯỜI NGOẠI GIÁO

### 1. Đối với Quan viên Chức sắc

Quan viên chức sắc là bậc thay quyền Chánh Phủ để điều đình việc chánh trị và hoà bảo cuộc an bình trong nước. Thế thì phận tôi dân ai lại không kính trọng quan viên, như là kẻ thành tâm tu niệm lại cần phải kính từng hơn nữa. Tại sao vậy? Vì người tu niệm, đối với bậc quan viên chức sắc, vẫn có hai phương diện: một là phương diện người giữ đạo đối với hàng

trưởng thượng; hai là phương diện bực thân dân đối với hàng quan lại. Người giữ đạo đối với hàng trưởng thượng phải giữ sao cho có lễ nghĩa, khiêm nhường; trên dạy điều phải đạo, dưới thành thật vâng theo; trên bày điều trái lẽ, dưới cung kính chối từ; chớ nên nói năng vô lễ, vượt bực loạn hàng. Giữ được vậy không những người trên thương mến, chúng bạn ngợi khen, lại còn làm cho rõ ràng danh Đạo thêm nữa.

Bực thân dân đối với hàng quan lại cũng không ngoài cái phạm vi lễ nghĩa, khiêm nhường. Quan viên chức sắc, trong khi hành sự, dạy điều chi kẻ dưới phải tuân theo, vì người thay quyền cho Chánh Phủ; vì lệnh người tức là vì lệnh Chánh Phủ, mà lệnh Chánh Phủ thì chẳng khi nào trái cái đặng. Nhưng quyền hành của quan viên chức sắc cũng không ngoài giới hạn của Luật định cho; dầu vậy mặc dầu, nếu quan viên nào chuyên quyền áp chế ta, ta chẳng nên chống chỏi lại liền, vì nếu chống chỏi lại liền, quấy phải gì sau sẽ hay, chớ trước hết ta đã chịu một phần lỗi trọng trong ấy. Thế nào cũng còn có kêu nài nơi quan trên nữa, vì luật pháp Chánh Phủ đặt ra, không những trừng trị kẻ thường dân mà thôi, mà lại cũng trừng trị đến chư chức sắc quan viên nào chuyên quyền, trái lẽ.

## 2. Đối với người khác Đạo

Một đôi người không thông đạo lý, hay tưởng rằng hễ vào Đạo rồi thì chỉ biết người trong bốn Đạo mà thôi, ngoài ra không chịu giao thiệp với người khác Đạo, thậm chí đến đôi khi thì không khứng làm ăn chung với người ta nữa.

Tưởng vậy rất lầm; Đạo gốc tại lòng bác ái; tôn chỉ Đạo là cứu nhưn độ thế, nghĩa là cứu vớt cả sanh linh, xót thương cả nhưn loại, chớ không phải riêng người trong Đạo mà thôi. Nhiều vị chưa vào Đạo là tại chưa rõ tôn chỉ Đạo Trời cao thượng thế nào, chớ biết đâu trong phần đó lại không có lắm bực nhưn từ đạo đức.

Vì vậy nên, khi thị người ngoại Đạo thì rất lầm, không giao thiệp với người ngoại Đạo là trái tôn chỉ đó.

## 3. Đối với người nghịch Đạo

Bất câu là Đạo nào, hễ mới khai ra tất phải gặp lắm điều gay trở. Khi Đức Thích Ca truyền Đạo, dân Bà-la-môn (Brahma) cho là Bàn Môn vì khác chánh giáo Phật Đạo buổi ấy; khi Đức Lão Tử truyền Đạo, kẻ đồng thời cho là phép mê hoặc; khi Đức Chúa Giê Giu truyền Đạo, nhà Israel gọi là cải chánh Đạo, đến đôi bắt giết đi, bảo sao ngày nay chúng ta lại không chịu lắm điều khó khăn gay trở?

Mặc tình ai bẻ bai nghịch Đạo, miễn không chuyên chế cùng không làm điều chi can danh phạm nghĩa đến ta, thì ta cũng nên giữ tròn thái độ ôn hòa lễ nghi, rốt cuộc rồi họ phải hổ mình mà tự hối.

Vả lại, mình vào Đạo là mình đã biết tôn chỉ tối cao của Đạo, người nghịch Đạo là người không hiểu đến, vì “lộ bất hành bất đáo”; thế thì người biết Đạo mà ra đua tranh, cãi cọ với kẻ không biết, đã chẳng bỏ ích vào đâu lại còn mất ngày giờ vô lối.

## IV. PHỔ THÔNG THIÊN ĐẠO

Chư Thiên phong là người đã thọ lãnh một trách nhiệm rất lớn lao để phổ thông Thiên Đạo. Người ngoài cho Đạo mình chơn chánh cùng chẳng là do nơi cử chỉ hành động của người làm đạo. Vì vậy nên người đi truyền Đạo cần nhất phải giữ cho tròn phận sự của mình, một là làm sao cho sáng Đạo Trời, hai nữa để làm gương cho đoàn em bắt chước.

Người đi truyền Đạo cần phải đủ tư cách tu hành thì nhưn tâm mới phục.

### 1. Thuyết Đạo

Mỗi lần thuyết Đạo, cứ theo chánh lý giải bày, chẳng nên tôn trọng Đạo mình thái quá mà mục hạ đến tôn giáo khác; chẳng đặng luận bàn quốc sự; chẳng đặng bày điều huyền hoặc làm cho náo động lòng người cùng mất cuộc trị bình trong nước; chẳng đặng dùng thói dỵ đoan mê tín mà mê hoặc lòng người. Trong khi thuyết Đạo, nếu ai kích bác mà

dùng lời khiêm từ tao nhã, mình cũng nên giữ lấy thái độ ôn hòa mà đối đáp, trừ ra kẻ nào vô lễ thì mình phải nhịn mà làm thinh, song chẳng nên hờn giận.

## 2. Khai Đàn

Khi đến khai đàn làm lễ thượng trang cho người mới vào Đạo, trước hết phải xem coi cuộc sắp đặt nơi Thiên bàn có nghi tiết và tinh tấn chăng?

Nghi tiết phải sắp đặt theo cách thờ phượng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ; chư Thiên Phong chứng đàn không đặng phép tự chuyên canh cải nghi tiết theo ý muốn của mình. Chẳng nên để cho đàn chủ tốn kém tiền chi vì mình hết. Chẳng đặng phép thâu góp tiền chi của ai cả; dầu ai muốn gởi tiền cúng về Thánh Thất hoặc là nhang đèn cũng chẳng đặng lãnh thế (ai hảo tâm đến Thánh Thất mà cúng); như vậy mới tránh khỏi hiềm nghi dị nghị. Chức sắc hành Đạo mà giữ đặng cử chỉ minh chánh như vậy, không những là chư Tín Đồ từng phục, mà người ngoại Đạo trông vào cũng chẳng lời chi bác bẻ.

Mỗi lần khai đàn, chẳng nên nhóm quá số hai mươi người, trừ ra khi nào có phép quan cho thì mới nên nhóm nhau đông đảo.

Hành Đạo mà giữ tròn phận sự, biết kiêng phép Nước, biết giữ luật hình, thì quyền tự do tín ngưỡng của mình mới không ai phạm đến.

## V. PHẢI NẶNG HẦU ĐÀN

Vào Đạo rồi, chớ nên lầm tưởng rằng nhà mình có lập vị thờ Thượng Đế, mỗi bữa cúng tứ thời là đủ; cần chi phải đến Thánh Thất hầu đàn vì đâu cũng Thầy vậy.

Nghĩ như thế rất sai. Thánh Thất là nhà thờ chung lập ra cho chư Đạo hữu tới ngày sóc vọng<sup>10</sup> tựu đến, trước là đứng đại lễ cúng Thầy cùng nghe thuyết Pháp, sau nữa là có dịp cho mình hội hiệp nhau để luận bàn đạo đức cùng xe chặt mối tương thân.

<sup>10</sup>Thánh-Thất một tháng tới hai kỳ đàn lệ.

Thánh Thất lại là nơi biểu hiện nền chơn Đạo của Đấng Chí Tôn. Do đó mà nhơn sanh mới biết cách hành đạo cùng cách sắp đặt đạo nghi nghiêm thức của mình ra thế nào; do đó mà Đạo mới dễ phổ thông. Cho nên ngày sóc vọng chư Đạo hữu nơi nào cần đến Thánh Thất nơi đó hầu đàn cho đông đảo, thì Đạo mới ra vẻ thanh hành. Nếu mỗi người cứ nói ở nhà cũng có Thầy, rồi nhà ai nấy cúng mãi, thì Thánh Thất tất phải bỏ không, ấy có phải là điều đại quan hệ cho nền Đạo lắm chăng?

Có người lại lầm tưởng rằng hễ nhập môn nơi Thánh Thất nào cứ hầu đàn nơi đó, còn mấy Thánh Thất khác không cần phải đến. Xin phải biết rằng Thánh Thất nào cũng thờ một Đấng Chí Tôn mà thôi; Thánh Thất nào cũng là Thánh Thất chung của Đạo, chớ không phải của riêng ai mà phòng nói Thánh Thất này Thánh Thất nọ. Giả sử như khi trước chỗ mình ở chưa lập Thánh Thất, mình phải nhập môn nơi khác. Nay chỗ mình có Thánh Thất rồi, mình nên hầu đàn chỗ mình cho tiện hơn, một là khỏi mất công đi xa, hai là khỏi tốn tiền lộ phí.

Còn các Thánh Thất khác ở xa, như mình có dịp đi đến, lễ cũng nên ghé vào, một là làm lễ Đấng Chí Tôn, hai nữa cho biết chư Đạo hữu nơi đó.

Tóm lại, vào Đạo rồi cần phải năng đến Thánh Thất hầu đàn trừ ra khi bận việc nhà, mới nên vắng mặt.

## VI. ĐIỀU LỆ HẦU ĐÀN

Cúng tế Trời Phật qui tại lòng thành kính. Chư Đạo hữu nam nữ, chư Nhu, chư Tín nữ đến hầu đàn phải cho tinh khiết nghiêm trang. Vậy thì:

Trước khi đến hầu đàn, phải dọn mình cho sạch sẽ, hết lòng thành kính mà khẩn nguyện cùng Trời Phật. Đến đàn rồi phải giữ lễ nghi cho thiệt nghiêm trang.

Trước khi chính đàn, không đặng ở trước Thiên bàn mà giỡn cợt hay là nói điều chi hoại sự cùng là khạc nhổ trong đàn.

Dầu chính đàn rồi, dầu chưa chính đàn cũng vậy, nam nữ phải cho phân biệt thứ tự hấn hồi; cứ trong ngó ra, thì nam tả, nữ

hữu, không được lộn xộn, không phép nói cười lả lơi, không đặng lời to tiếng nhỏ, không đặng phép đem chuyện người ngoài mà thuật lại, không đặng luận bàn quốc sự, không đặng đồn đãi điều chi huyền hoặc, không đặng nhắc chuyện bất bình buổi trước mà cãi lầy nhau, không đặng hơn thua rầy rà, không đặng nói chuyện của Đạo hữu vắng mặt, không đặng dùng lời quanh co xoi bói nhau, không đặng gìn ý nói chơi mà kỳ trung châm chích nhau, không đặng đem lên đàn những sách vở chi khác hơn là sách vở mà Hội Thánh đã phê chuẩn.

Khi nhập đàn phải khăn đen áo dài; môn đệ của Đấng Chí Tôn thì sắc phục cứ tuân theo Thánh ý, mỗi người ai phải lo phận nấy, giữ cho khỏi vô lễ với Đấng Chí Tôn cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Chỉnh đàn rồi, phải phân hàng đứng hầu lẳng lặng, khi cúng phải cho đại tịnh.

Ai mặc âu phục thì quần áo phải đoan trang theo phép Âu. Nhập đàn rồi, phải đi chơn không, không đặng hút thuốc, không đặng ăn trầu.

Những người uống rượu lỡ thì không nên nhập đàn. Hầu đàn thì thân thể phải cho tinh sạch, lòng dạ kính thành. Việc tinh khiết cùng chẳng tinh khiết trong mình, thì ai biết nấy, chớ người nào khác hơn mình thì không thể rõ đặng. Ai đến lỡ mà trong mình không tinh khiết thì chẳng khá nhập đàn, e mang lỗi cùng Trời Phật.

Trước khi cúng Đấng Chí Tôn, thường có thuyết Đạo, thì cả thầy phải lẳng lặng mà nghe. Ai có điều chi không hiểu hay là không vừa ý, thì chớ thuyết giả nói hết rồi mới hỏi lại, chẳng đặng cãi cộ giữa chừng. Còn xin hỏi, thì ai xin nấy hỏi, mấy Đạo hữu khác không đặng xen vào cãi lầy. Như ai có muốn cãi, muốn hỏi điều chi, thì phải xin phép thuyết giả, chớ không đặng người nầy nói, người kia cãi om sòm, thì là vô lễ lắm.

Khi cúng cùng là khi thuyết Đạo, Đạo hữu nào còn ở hậu đường cũng phải giữ cho êm tịnh, không đặng làm rầy rà, cùng đi đứng lộn xộn, khua guốc, khua giày lộp cộp, lạc cạc.

## VII. PHẢI XEM KINH SÁCH, LUẬT LỆ

Sách kinh luật lệ trong Đạo chẳng khác nào ngọn đèn để soi tỏ bước đường cho người giữ Đạo.

Người ít học cần năng đọc sách xem kinh, một là mở mang kiến thức cho mình, hai đặng rõ thông đạo lý. Luật Đạo là qui tắc dọn sẵn để mọi người do theo mà hành đạo cho có chuẩn thẳng, cho khỏi phạm điều giới cấm.

Có người nhập môn rồi mà không lo học hỏi theo kinh sách, giữ mình theo luật lệ; mỗi ngày miễn cúng tứ thời là gọi đủ, rồi than phiền rằng vào Đạo rồi mà không thấy ai chỉ bày tâm pháp đạo lý chi hết. Than phiền như vậy rất sai lầm, vì số bốn đạo vẫn hằng ức hằng triệu, ai hơi đâu chỉ biểu từng người. Thiên thơ sẵn, chơn kinh sẵn, tại mình không tỉnh mà xem để than phiền trái lẽ. Đó là phần người ít học.

Còn phần người trí thức, tuy mình tài cao trí rộng mặc dầu, chớ mới bước chơn vào cửa Đạo, không thể nào hiểu Đạo cho rành, mà dầu có hiểu thông đạo lý đi nữa, cũng nên xem kinh sách nào thuở nay mình chưa đọc đến, vì kinh sách ấy có lẽ cũng giúp thêm kiến thức cho mình nhiều ít.

Vả lại, tuy mình tài trí mặc dầu, chớ mới đầu cơ, thế nào hiểu thấu tôn chỉ cùng luật pháp đạo mầu cho rành rẽ. Ví dụ như một vị thông minh kia sang đến xứ lạ nọ, muốn biết đường sá nơi ấy, cần phải hỏi thăm người bản thổ, chớ có đâu tự phụ mình là người thông thái không cần chi phải hỏi han đến kẻ thường nhưn thiếu học.

Việc Đạo cũng vậy; mình giỏi là giỏi về phương diện khác mà thôi, chớ mới vào cửa Đạo, tức cần phải hỏi Đạo nơi người thông Đạo trước mình, hoặc là học cứu nơi kinh sách.

Đến khi rõ thông đạo lý rành rẽ rồi, nhờ trí thức của mình ra công nghiên cứu thêm nữa, có lẽ mình sẽ trở hơn người đã chỉ dẫn cho mình trước đó, rồi mình có thể trước tác ra nhiều sách vở có giá trị hơn sách vở mà mình đã xem trong buổi nhập môn cầu Đạo.

## VIII. PHẢI XEM KINH SÁCH THẾ NÀO?

Kinh sách vẫn do nơi các Ngài rõ thông đạo lý soạn ra, song các bực ấy vốn cũng người phạm như mình <sup>11</sup> nên cũng có chỗ sai lầm sơ sót; vì vậy mà kinh sách tự nơi mấy vị ấy soạn ra cũng có chỗ khuyết điểm sai lầm. Vả lại kinh sách làm ra phải hạn thời tùy thế. Có nhiều quyển kinh xưa sách cũ đối với đời trước thì rất hạn thời, mà đối với đời nay lại có lắm điều không hạn. (Tác giả không trưng bằng cứ ra đây là không muốn kích bác đến kinh sách nào cả).

Vậy nên, muốn đọc kinh sách nào cho được bổ ích, là cần biết suy nghĩ nghiên cứu, khoản nào chánh lý để lòng, đoạn nào mơ hồ chớ nên tin vội, chỗ nào hạn theo thời thế thì nghe, khoản nào nghịch với tôn chỉ mình thời bỏ. Chẳng nên quá tin nơi kinh sách, chớ nên tưởng rằng kinh sách của Thánh Hiền làm ra cả thấy, nên dạy sao phải nghe nấy; đọc sách như vậy thì nguy hiểm đó.

Kinh sách có chỗ đáng tin mà có chỗ cũng không nên tin vậy; nếu tin hết thì phải lầm lạc; đọc kinh sách mà không biết phân biệt điều nào hữu lý, điều nào phi lý, đọc kinh sách mà trí thức không biết mở mang, tư tưởng không biết dò lường thành ra đã tổn công vô ích lại còn làm nô lệ cho kinh sách nữa; như vậy thà là đừng đọc là hơn. Sách có câu: “Tận tín thư bất như vô thư”. Nghĩa là : “Tin hết sách chẳng bằng đọc được sách” <sup>12</sup>.

Thuở nay nhiều người quá tin nơi kinh sách điển xưa, cứ nhắm mắt tin theo từng chữ, nghe từng câu, rồi hiểu sai, tin lầm, khổ tâm luyện Đạo. Than ôi! Đã không ấn chứng, thì chớ lại còn hại đến tinh thần là khác. Ấy vậy, xem kinh sách để rõ thông đạo lý thì nên, chớ do theo đó mà luyện Đạo thì nguy lắm, vì

*11-Xin chớ lầm tưởng rằng kinh điển xưa vẫn là của Thánh Tiên làm ra hết; dầu cho thiệt của Thánh Tiên đi nữa, cho lúc soạn ra kinh điển ấy, các Ngài cũng vẫn còn phạm, thì tất phải còn lầm lạc.*

*12- Phụ ghi: Chúng tôi nghĩ câu trên có thể là “Tin hết sách chẳng bằng không đọc sách”.*

hể hiểu lầm một mảy thì cũng đủ hại cho châu thân.

Muốn luyện Đạo cho ấn chứng, trước hết ta cần phải tu âm chất và lập công bồi đức cho đủ đầy; đến khi công viên quả mãn rồi, một câu tâm pháp chơn truyền của Thầy ta là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế cũng đủ cho ta hiểu Đạo. Vả lại Đức Thượng-Đế có dạy rằng: “Kinh điển giúp đời siêu phạm nhập Thánh chẳng khác chi dưa ăn cơm. Chẳng có nó kẻ ăn cơm bốc tay cũng ăn đặng”. Ý Đấng Chí Tôn muốn nói như vậy: “Kinh điển tử như dưa, luyện Đạo tử như ăn cơm. Người đủ âm chất, đạo đức mà rõ thông kinh điển, thì luyện Đạo rất giản tiện, tử như người ăn cơm có dưa vậy. Còn người có đủ âm chất, đạo đức mà không rõ thông kinh điển đi nữa bất quá luyện Đạo khó một chút vậy thôi, thế nào luyện cũng thành đặng, tử như kẻ ăn cơm, dưa không dưa, bốc ăn cũng xong vậy”.

Tóm lại, vào cửa Đạo rồi bất kỳ kinh xưa sách nay, thấy đều nên xem cho biết, song cần phải xét suy chiêm nghiệm, phân biệt giả chơn thì đọc mới là bổ ích ./.

Soạn giả: Thượng Đầu Sư LÊ VĂN TRUNG



**DANH SÁCH**  
**Đông Đạo - Cơ Sở - Thân Hữu**  
**Yểm Trợ In Kinh Sách**  
**(Từ ngày 16-3-2012 đến ngày**

## SÁCH ĐÃ XUẤT BẢN



**1-Giáo Lý:** Soạn giả Tiếp Pháp Trương Văn Tràng, Ban Thế Đạo Hải Ngoại ấn hành năm Canh Thìn 2000.

**2-Thánh Ngôn Hiệp Tuyển:** Hội Thánh xuất bản năm 1964. Ban Thế Đạo Hải Ngoại tái bản năm Tân Ty 2001.

**3-Thiên Đạo:** Soạn giả Nguyễn Trung Hậu và Phan Trường Mạnh, nhà sách Minh Tâm phát hành năm 1963, Hội Thánh tái bản năm 1964, Ban Thế Đạo Hải Ngoại tái bản năm Tân Ty 2001.

**4-Chính Trị Đạo:** Soạn giả Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, Hội Thánh tái bản năm 1974, Ban Thế Đạo Hải Ngoại tái bản năm Quý Mùi 2003.

**5-Giới, Đường tới Thiên Đàng:** Soạn giả Hiền Tài Lê Văn Thêm, Ban Thế Đạo Hải Ngoại ấn hành năm 2009.

**6-Tu Thân:** Soạn giả Hiền Tài Lê Văn Thêm, Ban Thế Đạo Hải Ngoại ấn hành năm 2010.

**7-Luận Đạo Vấn Đáp:** Soạn giả Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu. Cơ quan Đại Diện Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh xuất bản, Ban Thế Đạo Hải Ngoại phát hành năm 2010.

**8-Chân Dung Hộ Pháp Phạm Công Tắc:** Soạn giả Hiền Tài Trần Văn Rạng, Hội Thánh xuất bản năm 1974, Ban Thế Đạo Hải Ngoại tái bản năm 2011.

**9-Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống + Bí Pháp + Phương Luyện Kỷ:** Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo, Ban Thế Đạo Hải Ngoại ấn hành năm 2012.

**10-Chân Dung Đức Qu. Giáo Tông Lê Văn Trung,** soạn giả HT. Trần Văn Rạng, **Phương Châm Hành Đạo,** soạn giả Thượng Đầu Sư Lê Văn Trung, Ban Thế Đạo Hải Ngoại ấn hành năm 2012 .

## SÁCH ĐÃ XUẤT BẢN (2011+ 2012)

### Chân Dung Đức Hộ Pháp (Soạn giả: HT. Trần Văn Rạng.)



\*-“Chân Dung Đức Hộ Pháp” do HT. Trần Văn Rạng biên soạn rất công phu, đã được Hội Thánh kiểm duyệt và được phát hành lần đầu tiên vào năm 1974 tại Việt Nam.

\*- Sách đã được soạn giả tu chỉnh thêm và được Ban Thế Đạo Hải Ngoại tái bản lần thứ nhất tại Hoa Kỳ.

\*- Sách dày 328 trang, in ấn đẹp đẽ, trang nhã, hình ảnh rõ ràng và đã được phát hành vào tháng 10-2011.

### \* Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống. \*Bí Pháp.

### \*Phương Luyện Kỷ dâng vào Con Đường Thứ Ba Đại Đạo (Đức Hộ Pháp thuyết giảng)



\*- Ba quyển Sách được in chung trong một quyển, dày 296 trang, in ấn đẹp đẽ, trang nhã do Ban Thế Đạo Hải Ngoại in ấn và phát hành tại Hoa Kỳ tháng 04-2012.



### \* Chân Dung Đức Qu. Giáo Tông Lê Văn Trung (Soạn giả: HT. Trần Văn Rạng)

### Phương Châm Hành Đạo (Soạn giả: Thượng Đầu Sư Lê Văn Trung)

\* Hai quyển sách được in chung trong một quyển, dày 152 trang, Ban Thế Đạo Hải Ngoại phát hành lần thứ nhất tại Hoa Kỳ tháng 10-2012.

\* **Chân Dung Qu. Giáo Tông Lê Văn Trung**  
(Soạn giả: HT. Trần Văn Rang)

\* **Phương Châm Hành Đạo**  
(Soạn giả: Thượng Đầu Sư Lê Văn Trung)

## **SÁCH BIỂU - KHÔNG BÁN**

### **Book Not For Sale**

Hình bìa: Bình Từ

Thực hiện  
**BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI**  
(Ấn hành tháng 10-2012 tại Hoa Kỳ)

\*- Muốn nhận sách xin quý đồng đạo, thân hữu, cơ sở vui lòng liên lạc:

**HT. Nguyễn Đăng Kích**  
**Điện thoại: 408-926-9186.**  
**Email: tn\_ndk@yahoo.com**

\*- Sách & Tập San Thế Đạo do Ban Thế Đạo Hải Ngoại in ấn và phát hành đều được **Biểu Không, Không Bán.**

**Ban Thế Đạo Hải Ngoại.**  
**Tháng 10-2012**